

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



KIẾN TẠO - CHUYÊN NGHIỆP - HỘI NHẬP
CONSTRUCTIVIST - PROFESSIONAL - INTEGRATED

📍 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp

☎ 0277 388 1518 🖨 0277 388 1713 🌐 www.dthu.edu.vn



WEBSITE



FANPAGE



ZALO OA



TIKTOK

CÔNG TÁC XÃ HỘI

2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Bachelor program specification)

(Ban hành theo Quyết định số 6241/QĐ-ĐHĐT, ngày 30/8/2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

TÊN TIẾNG ANH: SOCIAL WORK

MÃ NGÀNH: 7760101

KHỐI NGÀNH: DỊCH VỤ XÃ HỘI

KHOA QUẢN LÝ: VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY



Đồng Tháp, tháng 8/2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Bachelor program specification)**

*(Ban hành theo Quyết định số 6241/QĐ-ĐHDT, ngày 30/8/2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

TÊN TIẾNG ANH: SOCIAL WORK

MÃ NGÀNH: 7760101

KHỐI NGÀNH: DỊCH VỤ XÃ HỘI

KHOA QUẢN LÝ: VĂN HÓA – DU LỊCH VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Đồng Tháp, tháng 8/2024

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu chung về Chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung về CTĐT.....	1
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục.....	1
1.3.1. Sứ mạng.....	1
1.3.2. Tầm nhìn	1
1.3.3. Giá trị cốt lõi	1
1.3.4. Triết lý giáo dục.....	2
1.4. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau khi tốt nghiệp	2
1.4.1. Cơ hội việc làm.....	2
1.4.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	2
1.5. Thông tin tuyển sinh, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp.....	2
1.5.1. Đối tượng và phạm vi tuyển sinh	2
1.5.2. Phương thức tuyển sinh	2
1.5.3. Điều kiện nhập học.....	2
1.5.4. Điều kiện tốt nghiệp	2
PHẦN II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)	3
2.1.1. Mục tiêu chung	3
2.1.2. Mục tiêu cụ thể	3
2.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)	3
2.3. Ma trận quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	5
2.4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam ...	7
PHẦN III. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	8
3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo	8
3.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức.....	8
3.2.1. Khung chương trình đào tạo	8
3.2.2. Sơ đồ cây CTĐT.....	11
3.2.3. Kế hoạch đào tạo.....	12
3.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT (PLOs).....	15
3.4. Chiến lược giảng dạy và học tập	17
3.4.1. Chiến lược dạy học trực tiếp.....	17
3.4.2. Chiến lược dạy học gián tiếp	17
3.4.3. Dạy học trải nghiệm	17
3.4.4. Dạy học tương tác	17
3.4.5. Học tập độc lập	17
PHẦN IV. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, CÁCH THỨC VÀ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	18
4.1. Quy trình đào tạo.....	18
4.2. Cách thức và công cụ đánh giá.....	18
4.2.1. Đánh giá kết quả học tập.....	18
4.2.2. Đánh giá học phần.....	18

4.2.3. Phương pháp đánh giá học phần.....	18
4.2.4. Cách tính điểm học phần.....	19
PHẦN V. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	20
Học phần 1. Nhập môn ngành công tác xã hội.....	20
Học phần 2. Tâm lý học đại cương	24
Học phần 3. Xã hội học đại cương	28
Học phần 4. Nhập môn khoa học giao tiếp.....	33
Học phần 5. Công tác xã hội đại cương	37
Học phần 6. An sinh xã hội và những vấn đề xã hội.....	45
Học phần 7. Tâm lý học phát triển	51
Học phần 8. Chính sách xã hội	60
Học phần 9. Các lý thuyết trong công tác xã hội.....	67
Học phần 10. Hành vi con người và môi trường xã hội.....	71
Học phần 11. Đạo đức nghề công tác xã hội	77
Học phần 12. Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	81
Học phần 13. Gia đình học	85
Học phần 14. Khởi nghiệp	90
Học phần 15. Trợ giúp xã hội	97
Học phần 16. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	100
Học phần 17. Thống kê xã hội.....	104
Học phần 18. Tâm lý học xã hội.....	108
Học phần 19. Sức khỏe cộng đồng.....	114
Học phần 20. Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	119
Học phần 21. Giới và phát triển.....	123
Học phần 22. Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	128
Học phần 23. Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng.....	132
Học phần 24. Tham vấn trong công tác xã hội	136
Học phần 25. Phát triển cộng đồng	140
Học phần 26. Công tác xã hội với cá nhân	145
Học phần 27. Công tác xã hội với nhóm.....	149
Học phần 28. Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	153
Học phần 29. Công tác xã hội trong bệnh viện	157
Học phần 30. Quản trị trong công tác xã hội	164
Học phần 31. Công tác xã hội với người cao tuổi	171
Học phần 32. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần.....	175
Học phần 33. Truyền thông trong thực hành công tác xã hội.....	179
Học phần 34. Vận động nguồn lực trong công tác xã hội.....	183
Học phần 35. Quản lý trường hợp trong công tác xã hội.....	188
Học phần 36. Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực	193
Học phần 37. Quản lý dự án	198
Học phần 38. Công tác xã hội với người khuyết tật.....	202
Học phần 39. Công tác xã hội với người nghiện ma túy	210
Học phần 40. Công tác xã hội trong trường học.....	217

Học phần 41. Thực hành công tác xã hội trong trường học.....	224
Học phần 42. Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	230
Học phần 43. Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khoẻ tâm thần	237
Học phần 44. Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện	241
Học phần 45. Thực tế chuyên môn.....	245
Học phần 46. Thực hành phát triển cộng đồng.....	249
Học phần 47. Thực tập cơ sở	253
Học phần 48. Thực hành công tác xã hội với nhóm.....	258
Học phần 49. Thực tập tốt nghiệp	263
Học phần 50. Công tác xã hội với người nghèo	269
Học phần 51. Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ	275
Học phần 52. Công tác xã hội với cộng đồng LGBT	279
PHẦN VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	282
PHẦN VII. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	282
7.1. Cập nhật chương trình đào tạo	282
7.2. Đánh giá chương trình đào tạo	283
Phụ lục 1. BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	284
Phụ lục 2. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN	288
Phụ lục 3. CÁC RUBRIC (R) ĐÁNH GIÁ	292
Bảng 1. Thang đánh giá năng lực thực hành/thí nghiệm (R1).....	292
Bảng 2. Thang đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (R2)	294
Bảng 3. Thang đánh giá năng lực hợp tác (R3)	295
Bảng 4. Thang đánh giá năng lực học tập suốt đời (R4).....	297
Bảng 5. Thang đánh giá năng lực báo cáo/thuyết trình (R5)	298
Bảng 6. Thang đánh giá mức độ thực hiện bài tập về nhà (R6).	299
Bảng 7. Thang đánh giá năng lực khởi nghiệp (R7).....	300
Bảng 8. Thang đánh giá mức độ tham gia lớp học (R8)	301
Bảng 9. Thang đánh giá năng lực phản biện (R9)	301
Bảng 10. Thang đánh giá năng lực sáng tạo (R10).....	302
Bảng 11. Thang đánh giá khóa luận tốt nghiệp dành cho Giảng viên hướng dẫn (R11)	302
Bảng 12. Rubric đánh giá dành cho giảng viên phản biện và Hội đồng đánh giá (R12)	304
Bảng 13. Thang đánh giá thực tập tốt nghiệp của hội đồng (R13).....	306
Bảng 14. Thang đánh giá thực tập tốt nghiệp của Giảng viên hướng dẫn (R14)	307
Bảng 15. Thang đánh giá năng lực kiến thức (R15).....	309
Phụ lục 4. SỬ DỤNG THANG BLOOM TRONG VIỆC DẠY – HỌC VÀ KIỂM TRA	
ĐÁNH GIÁ PHỦ HỢP CHUẨN ĐẦU RA	310



**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5827/QĐ-ĐHĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Công tác xã hội
2	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Social work
3	Trình độ đào tạo:	Đại học
4	Mã ngành đào tạo:	7760101
5	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định hiện hành
6	Thời gian đào tạo:	4 năm
7	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8	Số tín chỉ yêu cầu:	120 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Ngoại ngữ)
9	Thang điểm:	4
10	Điều kiện tốt nghiệp:	Theo quy định hiện hành
11	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
12	Vị trí việc làm:	1. Chuyên viên làm việc độc lập tại các cơ quan, ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và Đoàn thể của Nhà nước như: MTTQ, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Chữ Thập Đỏ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ... 2. Chuyên viên, nghiên cứu viên trong các cơ quan của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội các cấp từ trung ương đến địa phương. 3. Giảng viên trợ giảng giảng dạy công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục đại học; giảng viên giảng dạy tại các cơ sở giáo dục cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở giáo dục tư nhân,... 4. Nghiên cứu viên công tác xã hội trong các viện nghiên cứu, học viện, trung tâm,... 5. Nhân viên công tác xã hội, kiểm huấn viên trong các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các nhóm đối tượng thân chủ khác nhau thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội,...



STT	TÊN	NỘI DUNG
		6. Nhân viên công tác xã hội, kiểm huấn viên, nghiên cứu viên, cán bộ dự án trong các tổ chức tư nhân, tổ chức phi chính phủ trong nước và ngoài nước.
13	Khả năng nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và ngoài nước.
14	Chương trình đào tạo tham khảo trong và ngoài nước:	1. Ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, Việt Nam. 2. Ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam. 3. Ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Đà Lạt, Việt Nam. 4. Ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Công nghệ Nam Kinh, Trung Quốc.

2. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của Chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và năng lực tự chủ; nắm vững hệ thống kiến thức giáo dục đại cương và chuyên ngành đào tạo; có tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu, phát hiện và trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng trong công tác phòng ngừa, can thiệp, phục hồi và phát triển các chức năng xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và công bằng xã hội; có kỹ năng, nghiệp vụ thành thạo để thực hành nghề công tác xã hội tại các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể quần chúng, các cơ sở xã hội của nhà nước và tư nhân, các cơ quan thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội, y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội,...; có ý thức và khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc đa dạng cũng như với sự phát triển không ngừng của khoa học và nghề nghiệp.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Nội dung
PO1:	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị chính trị, pháp luật, giáo dục quốc phòng, khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu khoa học, thống kê làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành công tác xã hội.
PO2:	Có khả năng thúc đẩy và biện hộ cho quyền con người, công bằng xã hội nhằm giúp cá nhân, nhóm và cộng đồng ổn định và phát triển bền vững.
PO3:	Có khả năng áp dụng các lý thuyết về sự phát triển tâm lý người, mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội vào việc phân tích các yếu tố tâm lý, xã hội của đối tượng can thiệp.
PO4:	Có khả năng thực hiện hoạt động công tác xã hội can thiệp, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng nâng cao năng lực giải quyết vấn đề.
PO5:	Có khả năng vận dụng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp.
PO6:	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tham gia phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp

2.2. Chuẩn đầu ra

Người học sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Đồng Tháp có khả năng:

CĐR	Nội dung
PLO1:	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh, pháp luật trong thực tiễn
	PI1.1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị trong thực tiễn.
	PI1.2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong thực tiễn.
	PI1.3: Vận dụng được kiến thức cơ bản về quốc phòng - an ninh trong thực tiễn.
	PI1.4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật trong thực tiễn.
PLO2:	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, thống kê, nghiên cứu khoa học để giải thích một vấn đề xã hội
	PI2.1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, thống kê để đánh giá các vấn đề của đối tượng can thiệp một cách khách quan, khoa học.
	PI2.2: Đề xuất được biện pháp, khuyến nghị để giải quyết vấn đề trong công tác xã hội và các lĩnh vực liên quan thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học.
PLO3:	Phân tích và đề xuất được các giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội thông qua việc thực thi pháp luật an sinh xã hội, chính sách xã hội và dịch vụ xã hội
	PI3.1: Phân tích được các vấn đề xã hội ở Việt Nam trong mối liên hệ với các vấn đề xã hội ở khu vực và thế giới.
	PI3.2: Phân tích được vai trò và sự tác động của chính sách xã hội thông qua hệ thống dịch vụ an sinh xã hội.
	PI3.3: Đề xuất được các nội dung cần điều chỉnh và thực thi chính sách ở các cấp khác nhau để bảo vệ quyền con người, công bằng xã hội, phúc lợi xã hội, dịch vụ xã hội của thân chủ và hệ thống thân chủ.
PLO4:	Phân tích được nhu cầu và vấn đề của đối tượng can thiệp dựa trên kiến thức về khoa học tâm lý và hành vi con người trong môi trường xã hội
	PI4.1: Phân tích được sự phát triển của con người ở các mặt sinh lý, nhận thức, cảm xúc, tâm lý và xã hội qua các giai đoạn.
	PI4.2: Phân tích được mối liên hệ mật thiết giữa hành vi con người và môi trường xã hội.
PLO5:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp của các phương pháp chuyên môn công tác xã hội để thực hiện nhiệm vụ, vai trò của nhân viên xã hội trong các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp
	PI5.1: Xác định được phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp.
	PI5.2: Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của thân chủ là cá nhân, nhóm, cộng đồng.
	PI5.3: Thiết kế được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.
	PI5.4: Tổ chức được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.

	PI5.5:	Lượng giá được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.
PLO6:	Có khả năng thực hiện được các kỹ năng chuyên môn phù hợp với bối cảnh của thân chủ và môi trường xã hội dựa trên giá trị, nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	
	PI6.1:	Có kỹ năng vận động nguồn lực trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.
	PI6.2:	Có kỹ năng tham vấn trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.
	PI6.3:	Có kỹ năng quản lý trường hợp trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.
PLO7:	Có khả năng tổ chức nhóm làm việc và giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng giao tiếp khác nhau	
	PI7.1:	Có khả năng thực hiện hoạt động công tác xã hội với nhóm.
	PI7.2:	Thực hiện được giao tiếp bằng văn bản.
	PI7.3:	Có kỹ năng truyền thông trong thực hành công tác xã hội.
	PI7.4:	Có khả năng thuyết trình hiệu quả.
PLO8:	Có khả năng sử dụng được kiến thức công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn	
	PI8.1:	Có khả năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng như MS Word, MS Excel, MS PowerPoint, phần mềm phân tích và xử lý số liệu thống kê SPSS, các công cụ tìm kiếm dữ liệu trên mạng Internet, đạt được chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
	PI8.2:	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp và công việc chuyên môn, đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PLO9:	Thể hiện được ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng, xã hội	
	PI9.1:	Thể hiện ý thức trách nhiệm vì cộng đồng, xã hội.
	PI9.2:	Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.
	PI9.3:	Thể hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy tắc đạo đức nghề công tác xã hội.
PLO10:	Thể hiện được tính tự chủ, tư duy phản biện, sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp	
	PI10.1:	Có khả năng làm việc độc lập và xây dựng được kế hoạch phát triển bản thân
	PI10.2:	Có khả năng phản biện lại các vấn đề của người khác nêu ra một cách thuyết phục.
	PI10.3:	Đề xuất được các ý tưởng mới để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
	PI10.4:	Xây dựng được dự án khởi nghiệp.



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Công tác xã hội

Trình độ đào tạo: Đại học

Khoá đào tạo: 2023

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5855 /QĐ-ĐHĐT ngày 14 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIỀN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			34						
I. Giáo dục quốc phòng			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		4
II. Giáo dục thể chất			3						
2.1. Học phần bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		2
2.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 01 tín chỉ)			1						
1	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn*	1		30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném*	1		30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ*	1		30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)*	1		30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu*	1		30		GE4306		3
III. Đại cương chung			20						
3.1. Học phần đại cương chung bắt buộc			14						
1	SO4500	Nhập môn ngành Công tác xã hội	1	15					1
2	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
3	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					1
4	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
5	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
7	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
3.2. Học phần đại cương chung tự chọn (chọn ít nhất 06 TC)			6						
1	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
2	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					1
3	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	30					1
4	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	25	10				1
5	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					2
6	GE4028	Lôgic học đại cương	2	30					2
7	GE4026P	Lịch sử văn minh Thế giới	2	30					2
8	VI4133N	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	2	30					3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			100						
I. Kiến thức cơ sở ngành			35						
1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			25						
1	SO4501	Công tác xã hội đại cương	2	30					1
2	SO4101	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	3	45					1
3	SO4108	Tâm lý học phát triển	2	30					2
4	SO4102	Chính sách xã hội	3	45					2
5	SO4013	Các lý thuyết trong công tác xã hội	2	30					3
6	SO4004N	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	30					3
7	SO4463	Đạo đức nghề công tác xã hội	2	30					3

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIỀN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
8	SO4008	Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	3	35	20				4
9	SO4002	Gia đình học	3	45					5
10	SO4444	Khởi nghiệp	3	25	40				7
1.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn ít nhất 10 TC)			10						
1	SO4461	Trợ giúp xã hội	2	30					2
2	SO4462	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	2	15	30				2
3	SO4046	Thống kê xã hội	2	20	20				2
4	SO4109	Tâm lý học xã hội	2	30					3
5	SO4011N	Sức khỏe cộng đồng	2	30					4
6	SO4460	Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	2	15	30				4
7	SO4003N	Giới và phát triển	2	30					5
8	SO4117	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	2	30					5
9	SO4464	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng	2	24	12				5
II. Kiến thức chuyên ngành			37						
2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			27						
1	SO452	Tham vấn trong công tác xã hội	3	45					3
2	SO4271M	Phát triển cộng đồng	3	42	6				4
3	SO4272	Công tác xã hội với cá nhân	3	45					5
4	SO4374N	Công tác xã hội với nhóm	3	45					5
5	SO4503	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	3	40	10				5
6	SO4113	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	42	6				6
7	SO4010	Quản trị trong công tác xã hội	3	40	10				6
8	SO4016P	Công tác xã hội với người cao tuổi	3	40	10				7
9	SO4107N	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	42	6				7
2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn ít nhất 10 tín chỉ)			10						
1	SO4466	Truyền thông trong thực hành công tác xã hội	2	20	20				3
2	SO4465	Vận động nguồn lực trong công tác xã hội	2	20	20				4
3	SO4468	Quản lý trường hợp trong công tác xã hội	2	30					4
4	SO4467	Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực	2	27	6				5
5	SO4106	Quản lý dự án	3	45					6
6	SO4000	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	30					6
7	SO4469	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	2	30					6
8	SO4115N	Công tác xã hội trong trường học	3	40	10				6
9	SO4472	Thực hành công tác xã hội trong trường học	2	10	40		SO4115N		6
10	SO4470	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	2	30					7
11	SO4471	Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần	2	30					7
12	SO4113TH	Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện	2	10	40		SO4113		7
III. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			22						
1	SO4473	Thực tế chuyên môn	2	10	40				4
2	SO4477	Thực hành phát triển cộng đồng	3	15	60		SO4271M		5
3	SO4491	Thực tập cơ sở	6	30	120		SO4272		6
4	SO4475	Thực hành công tác xã hội với nhóm	3	15	60		SO4374N		7
5	SO4404	Thực tập tốt nghiệp	8		240				8
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			6						
4.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
1	SO4298	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
4.2. Học phần thay thế khóa luận			6						
1	SO4478	Công tác xã hội với người nghèo	2	30					8
2	SO4123	Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ	2	30					8
3	SO4124	Công tác xã hội với cộng đồng LGBT	2	30					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			134	1877	1046				
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ tích lũy:			120						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			88						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			32						

Số: 6241 /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung
trình độ đại học hệ chính quy khoá 2023 (đợt 5)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29/3/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-ĐHĐT ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; trình độ cao đẳng Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 4056/QĐ-ĐHĐT ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy định xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần trình độ đại học, trình độ cao đẳng của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Kế hoạch số 3486/KH-ĐHĐT ngày 19/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc rà soát, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học khoá 2023;

Căn cứ Biên bản thẩm định Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy khoá 2023; Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trình độ đại học, hệ chính quy áp dụng cho các ngành đào tạo tuyển sinh khoá 2023 của Trường Đại học Đồng Tháp.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng và các PHT;
- Công văn nội bộ (D-Office);
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, ĐT, T.



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống



**DANH SÁCH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CẬP NHẬT, BỔ SUNG)
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY KHOẢ 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 6241 /QĐ-ĐHDT ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

TT	Tên ngành/Chuyên ngành	Mã số	Trình độ	Khoa quản lý
1	Chuyên ngành Biên - Phiên dịch Tiếng Anh	7220201	Đại học	Ngoại ngữ
2	Chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh	7220201	Đại học	Ngoại ngữ
3	Chuyên ngành Tiếng Anh du lịch	7220201	Đại học	Ngoại ngữ
4	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Đại học	Ngoại ngữ
5	Chuyên ngành Ngôn ngữ Trung - Anh	7220204	Đại học	Ngoại ngữ
6	Tâm lý học giáo dục	7310403	Đại học	Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm
7	Công tác xã hội	7760101	Đại học	Văn hoá – Du lịch và Công tác xã hội

Danh sách này có 07 (bảy) chương trình đào tạo./.

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung về Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Công tác xã hội được thiết kế nhằm đào tạo cử nhân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động can thiệp, trợ giúp chuyên môn công tác xã hội.

1.2. Thông tin chung về CTĐT

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Công tác xã hội
2	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Social Work
3	Trình độ đào tạo:	Đại học
4	Mã ngành đào tạo:	7760101
5	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định hiện hành
6	Thời gian đào tạo (dự kiến):	4 năm
7	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8	Tổng số tín chỉ của CTĐT:	120 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Ngoại ngữ)
9	Khoa quản lý:	Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội
10	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
11	Website:	www.dthu.edu.vn
12	Thang điểm đánh giá:	Thang điểm 4
13	Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
14	Chương trình đào tạo đối sánh:	1. Ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Mở TP. HCM, Việt Nam. 2. Ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Việt Nam. 3. Ngành Công tác xã hội, University of Pittsburgh (University of Botswana), USA.
15	Thời điểm cập nhật Chương trình đào tạo:	Ngày ... tháng 12 năm 2023

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-ĐHĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

1.3.1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

1.3.2. Tầm nhìn

Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

1.3.3. Giá trị cốt lõi

Chất lượng – Sáng tạo – Hợp tác – Trách nhiệm – Thân thiện

- **Chất lượng** là giá trị then chốt, Trường theo đuổi chiến lược hướng đến mục tiêu phát triển với chất lượng cao; tạo động lực cho các cá nhân, đơn vị cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động, nhất là trong quản trị đại học, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- **Sáng tạo** là động lực cho sự phát triển, là giá trị cơ bản, phải luôn được ghi nhận, nuôi dưỡng và thúc đẩy. Trường xây dựng văn hóa sáng tạo, khơi nguồn và phát huy khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động của từng cá nhân, đơn vị.

- **Hợp tác** là cùng chia sẻ trong nhận thức và hành động, trong trách nhiệm quyền lợi để tạo nên sức mạnh và tiền đề cho sự thành công. Trường luôn thúc đẩy hợp tác và coi hợp tác là điểm tựa tạo sự kết nối và hội nhập quốc tế.

- **Trách nhiệm** là một giá trị nền tảng, Trường đề cao trách nhiệm của từng cá nhân và từng đơn vị trong thực thi nhiệm vụ, hài hòa giữa lợi ích và trách nhiệm. Quyền tự chủ càng cao thì trách nhiệm càng lớn.

- **Thân thiện** là giá trị có vai trò góp phần thúc đẩy các giá trị khác trong hệ giá trị. Trường là cơ sở giáo dục đại học có môi trường văn hóa cởi mở, ứng xử và giao tiếp văn minh.

1.3.4. Triết lý giáo dục

Kiến tạo – Chuyên nghiệp – Hội nhập

- **Kiến tạo:** Chủ động thiết kế, tạo dựng môi trường giáo dục tích cực theo tinh thần đổi mới, sáng tạo và tiên phong. Cùng nhau tạo ra kiến thức mới và giá trị mới, trở thành trường đại học hiện đại, khai phóng và phát triển theo mô hình trường học hạnh phúc.

- **Chuyên nghiệp:** Đề cao sự chuẩn mực và hiệu quả trong hoạt động giáo dục và lao động, chú trọng các giá trị nhân văn. Tuân thủ các nguyên tắc chung, tôn trọng sự khác biệt, chủ động thích ứng với thế giới việc làm luôn thay đổi.

- **Hội nhập:** Hướng đến mục tiêu xây dựng hệ sinh thái giáo dục mở và tư duy công dân toàn cầu. Thúc đẩy hợp tác với tinh thần kết nối, đồng hành để cùng phát triển theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

1.4. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau khi tốt nghiệp

1.4.1. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT cử nhân Công tác xã hội có thể làm các công việc như: (1) Chuyên viên làm việc độc lập tại các cơ quan, ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và Đoàn thể của Nhà nước như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Chữ Thập Đỏ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,...; (2) Chuyên viên, nghiên cứu viên trong các cơ quan của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội các cấp từ trung ương đến địa phương; (3) Giảng viên trợ giảng giảng dạy công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục đại học; giảng viên giảng dạy tại các cơ sở giáo dục cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở giáo dục tư nhân,...; (4) Nghiên cứu viên công tác xã hội trong các viện nghiên cứu, học viện, trung tâm,...; (5) Nhân viên công tác xã hội, huấn luyện viên trong các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các nhóm đối tượng thân chủ khác nhau thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội,...; (6) Nhân viên công tác xã hội, huấn luyện viên, nghiên cứu viên, cán bộ dự án trong các tổ chức tư nhân, tổ chức phi chính phủ trong nước và ngoài nước.

1.4.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp có thể học cao lên các bậc thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.

1.5. Thông tin tuyển sinh, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

1.5.1. Đối tượng và phạm vi tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học, là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học. Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

- Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

- Phạm vi tuyển sinh: Cả nước.

1.5.2. Phương thức tuyển sinh

CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

- Đối tượng xét học bạ trung học phổ thông theo thứ tự từ cao xuống thấp.
- Kết quả xét tốt nghiệp THPT của thí sinh lấy điểm từ cao xuống thấp.
- Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực.
- Xét tuyển kết hợp với thi tuyển.
- Xét tuyển thẳng tuyển thẳng là học sinh trung học phổ thông đạt giải quốc gia, quốc tế.

1.5.3. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét, nếu đủ điều kiện nhập học, Phòng Bảo đảm chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của Trường.

1.5.4. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- e) Có chứng chỉ Ngoại ngữ và chứng chỉ Tin học theo quy định của Nhà trường;
- f) Phải tham gia ít nhất 08 ngày công tác xã hội;
- g) Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp;
- h) Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp và trao bằng tốt nghiệp theo Quy định hiện hành.

PHẦN II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và năng lực tự chủ; nắm vững hệ thống kiến thức giáo dục đại cương và chuyên ngành đào tạo; có tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu, phát hiện và trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng trong công tác phòng ngừa, can thiệp, phục hồi và phát triển các chức năng xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và công bằng xã hội; có kỹ năng, nghiệp vụ thành thạo để thực hành nghề công tác xã hội tại các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể quần chúng, các cơ sở xã hội của nhà nước và tư nhân, các cơ quan thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội, y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội,...; có ý thức và khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc đa dạng cũng như với sự phát triển không ngừng của khoa học và nghề nghiệp.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Nội dung
PO1	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị chính trị, pháp luật, giáo dục quốc phòng, khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu khoa học, thống kê làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành công tác xã hội.
PO2	Có khả năng thúc đẩy và biện hộ cho quyền con người, công bằng xã hội nhằm giúp cá nhân, nhóm và cộng đồng ổn định và phát triển bền vững.
PO3	Có khả năng áp dụng các lý thuyết về sự phát triển tâm lý người, mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội vào việc phân tích các yếu tố tâm lý, xã hội của đối tượng can thiệp.
PO4	Có khả năng thực hiện hoạt động công tác xã hội can thiệp, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng nâng cao năng lực giải quyết vấn đề.
PO5	Có khả năng vận dụng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp.
PO6	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tham gia phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

2.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành Công tác xã hội có khả năng:

Nội dung CDR của CTĐT (PLO)			Phân cấp theo bảng phân loại học tập (1)		
			Miền nhận thức (2)	Miền tâm lý (3)	Miền cảm xúc (3)
PLO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh, pháp luật trong thực tiễn.	PI1.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị trong thực tiễn.	3	3	3
	PI1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong thực tiễn.	3	3	3
	PI1.3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về quốc phòng - an ninh trong thực tiễn.	3	3	3
	PI1.4	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật trong thực tiễn.	3	3	3
PLO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, thống kê, nghiên cứu khoa học để giải thích một vấn đề xã hội.	PI2.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, thống kê để đánh giá các vấn đề của đối tượng can thiệp một cách khách quan, khoa học.	3	3	3
	PI2.2	Đề xuất được biện pháp, khuyến nghị để giải quyết vấn đề trong công tác xã hội và các lĩnh vực liên quan thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học.	3	3	3
PLO3. Phân tích và đề xuất được các giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội thông qua việc thực thi pháp luật an sinh xã hội, chính sách xã hội và dịch vụ xã hội.	PI3.1	Phân tích được các vấn đề xã hội ở Việt Nam trong mối liên hệ với các vấn đề xã hội ở khu vực và thế giới.	4	3	3
	PI3.2	Phân tích được vai trò và sự tác động của chính sách xã hội thông qua hệ thống dịch vụ an sinh xã hội.	4	3	3
	PI3.3	Đề xuất được các nội dung cần điều chỉnh và thực thi chính sách ở các cấp khác nhau để bảo vệ quyền con người, công bằng xã hội, phúc lợi xã hội, dịch vụ xã hội của thân chủ và hệ thống thân chủ.	4	3	3

Nội dung CDR của CTĐT (PLO)			Phân cấp theo bảng phân loại học tập (1)		
			Miền nhận thức (2)	Miền tâm lý (3)	Miền cảm xúc (3)
PLO4. Phân tích được nhu cầu và vấn đề của đối tượng can thiệp dựa trên kiến thức về khoa học tâm lý và hành vi con người trong môi trường xã hội.	PI4.1	Phân tích được sự phát triển của con người ở các mặt sinh lý, nhận thức, cảm xúc, tâm lý và xã hội qua các giai đoạn.	4	3	3
	PI4.2	Phân tích được mối liên hệ mật thiết giữa hành vi con người và môi trường xã hội.	4	3	3
PLO5. Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp của các phương pháp chuyên môn công tác xã hội để thực hiện nhiệm vụ, vai trò của nhân viên xã hội trong các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.	PI5.1	Xác định được phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp.	5	4	4
	PI5.2	Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của thân chủ là cá nhân, nhóm, cộng đồng.	6	5	5
	PI5.3	Thiết kế được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.	6	5	5
	PI5.4	Tổ chức được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.	6	5	5
	PI5.5	Lượng giá được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.	6	5	5
PLO6. Có khả năng thực hiện được các kỹ năng chuyên môn phù hợp với bối cảnh của thân chủ và môi trường xã hội dựa trên giá trị, nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.	PI6.1	Có kỹ năng vận động nguồn lực trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.	5	4	4
	PI6.2	Có kỹ năng tham vấn trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.	5	4	4
	PI6.3	Có kỹ năng quản lý trường hợp trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.	5	4	4
PLO7. Có khả năng tổ chức nhóm làm việc và giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng giao tiếp khác nhau.	PI7.1	Có khả năng thực hiện hoạt động công tác xã hội với nhóm.	5	4	4
	PI7.2	Thực hiện được giao tiếp bằng văn bản.	5	4	4
	PI7.3	Có kỹ năng truyền thông trong thực hành công tác xã hội.	5	4	4
	PI7.4	Có khả năng thuyết trình hiệu quả.	5	4	4
PLO8. Có khả năng sử dụng được kiến thức công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.	PI8.1	Có khả năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng như MS Word, MS Excel, MS PowerPoint, phần mềm phân tích và xử lý số liệu thống kê SPSS, các công cụ tìm kiếm dữ liệu trên mạng Internet, đạt được chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.	3	3	3
	PI8.2	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp và công việc chuyên môn, đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	3	3	3
PLO9. Thể hiện được ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng, xã hội.	PI9.1	Thể hiện ý thức trách nhiệm vì cộng đồng, xã hội.	5	4	4
	PI9.2	Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.	5	4	4
	PI9.3	Thể hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy tắc đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.	6	5	5
PLO10. Thể hiện được tính tự chủ,	PI10.1	Có khả năng làm việc độc lập và xây dựng được kế hoạch phát triển bản thân.	5	4	4

Ghi chú:

- (1) Sử dụng mức độ bảng phân loại Bloom để viết các chuẩn đầu ra.
- (2) Điền số từ 1 đến 6 theo cấp độ trong thang đo nhận thức Bloom: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Áp dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- (3) Điền từ 1 đến 5 theo cấp độ trong thang đo miền cảm xúc của Bloom: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng; 3-Hình thành giá trị; 4-Tổ chức; 5-Đặc trưng hóa các giá trị.
- (4) Điền từ 1 đến 5 theo cấp độ trong thang đo miền tâm lý của Bloom: 1-Bắt chước; 2-Thao tác; 3-Chuẩn hóa; 4-Phối hợp; 5-Tự nhiên hóa.

- PO: Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)
- PLO: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)
- Số lượng CTĐT được tham khảo: Tối thiểu 3 CTĐT, trong đó có 01 CTĐT nước ngoài
- Số lượng các PO được thiết kế không quá 6 PO
- Số lượng các PLO được thiết kế không quá 12 PLO

Mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT ở bảng dưới đây cho thấy rằng SV có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các CĐR của CTĐT.

[illegible]

Bảng 3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs, PIs

PO1. Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị chính trị, pháp luật, giáo dục quốc phòng, khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu khoa học, thống kê làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành công tác xã hội.	PLO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh, pháp luật trong thực tiễn.	PI1.1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị trong thực tiễn.
		PI1.2. Vận dụng được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong thực tiễn.
		PI1.3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về quốc phòng - an ninh trong thực tiễn.
		PI1.4. Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật trong thực tiễn.
PO2. Có khả năng thúc đẩy và biện hộ cho quyền con người, công bằng xã hội nhằm giúp cá nhân, nhóm và cộng đồng ổn định và phát triển bền vững.	PLO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, thống kê, nghiên cứu khoa học để giải thích một vấn đề xã hội.	PI2.1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, thống kê để đánh giá các vấn đề của đối tượng can thiệp một cách khách quan, khoa học.
		PI2.2. Đề xuất được biện pháp, khuyến nghị để giải quyết vấn đề trong công tác xã hội và các lĩnh vực liên quan thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học.
		PI3.1. Phân tích được các vấn đề xã hội ở Việt Nam trong mối liên hệ với các vấn đề xã hội ở khu vực và thế giới.
		PI3.2. Phân tích được vai trò và sự tác động của chính sách xã hội thông qua hệ thống dịch vụ an sinh xã hội.
PO3. Có khả năng áp dụng các lý thuyết về sự phát triển tâm lý người, mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người và môi trường xã hội vào việc phân tích các yếu tố tâm lý, xã hội của đối tượng can thiệp.	PLO3. Phân tích và đề xuất được các giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội thông qua việc thực thi pháp luật an sinh xã hội, chính sách xã hội và dịch vụ xã hội.	PI3.3. Đề xuất được các nội dung cần điều chỉnh và thực thi chính sách ở các cấp khác nhau để bảo vệ quyền con người, công bằng xã hội, phúc lợi xã hội, dịch vụ xã hội của thân chủ và hệ thống thân chủ.
		PI4.1. Phân tích được sự phát triển của con người ở các mặt sinh lý, nhận thức, cảm xúc, tâm lý và xã hội qua các giai đoạn.
		PI4.2. Phân tích được mối liên hệ mật thiết giữa hành vi con người và môi trường xã hội.
		PI5.1. Xác định được phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp.
PO4. Có khả năng thực hiện hoạt động công tác xã hội can thiệp, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng nâng cao năng lực giải quyết vấn đề.	PLO4. Phân tích được nhu cầu và vấn đề của đối tượng can thiệp dựa trên kiến thức về khoa học tâm lý và hành vi con người trong môi trường xã hội.	PI5.2. Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của thân chủ là cá nhân, nhóm, cộng đồng.
		PI5.3. Thiết kế được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.
		PI5.4. Tổ chức được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.
		PI5.5. Lượng giá được phương pháp can thiệp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng.
PO5. Có khả năng vận dụng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp.	PLO5. Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp của các phương pháp chuyên môn công tác xã hội để thực hiện nhiệm vụ, vai trò của nhân viên xã hội trong các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.	PI6.1. Có kỹ năng vận động nguồn lực trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.
		PI6.2. Có kỹ năng tham vấn trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.
		PI6.3. Có kỹ năng quản lý trường hợp trong thực hành chuyên môn công tác xã hội.
	PLO6. Có khả năng thực hiện được các kỹ năng chuyên môn phù hợp với bối cảnh của thân chủ và môi trường xã hội dựa trên giá trị, nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.	PI7.1. Có khả năng thực hiện hoạt động công tác xã hội với nhóm.
		PI7.2. Thực hiện được giao tiếp bằng văn bản.
		PI7.3. Có kỹ năng truyền thông trong thực hành công tác xã hội.
	PLO7. Có khả năng tổ chức nhóm làm việc và giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng giao tiếp khác nhau.	PI7.4. Có khả năng thuyết trình hiệu quả.
		PI8.1. Có khả năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng như MS Word, MS Excel, MS PowerPoint, phần mềm phân tích và xử lý số liệu thống kê SPSS, các công cụ tìm kiếm dữ liệu trên mạng Internet, đạt được chuẩn
PO5. Có khả năng vận dụng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp.	PLO8. Có khả năng sử dụng được kiến thức công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong	

	giao tiếp và công việc chuyên môn.	ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
		PI8.2. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp và công việc chuyên môn, đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PO6. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tham gia phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.	PLO9. Thể hiện được ý thức trách nhiệm đối với nghề nghiệp, cộng đồng, xã hội.	PI9.1. Thể hiện ý thức trách nhiệm vì cộng đồng, xã hội.
		PI9.2. Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.
		PI9.3. Thể hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy tắc đạo đức nghề công tác xã hội.
	PLO10. Thể hiện được tính tự chủ, tư duy phản biện, sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.	PI10.1. Có khả năng làm việc độc lập và xây dựng được kế hoạch phát triển bản thân.
		PI10.2. Có khả năng phản biện lại các vấn đề của người khác nêu ra một cách thuyết phục.
		PI10.3. Đề xuất được các ý tưởng mới để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
		PI10.4. Xây dựng được dự án khởi nghiệp.

2.4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 4. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

Kiến thức (KT)		Kỹ năng (KN)		Mức tự chủ và trách nhiệm (TCTN)	
1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.		
		6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.		

Bảng 5. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo Khung trình độ QG	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4
PLO1		x		x		x		x				x		x	
PLO2	x	x	x			x		x		x		x		x	

PLO3	x	x		x	x	x		x	x	x		x		x	x
PLO4	x	x		x	x	x		x	x	x		x		x	x
PLO5	x			x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
PLO6	x			x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
PLO7	x			x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
PLO8			x								x				
PLO9	x			x	x	x			x	x		x	x	x	
PLO10	x			x	x		x	x	x	x		x	x	x	x

PHẦN III. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được thể hiện trong Bảng 6.

Bảng 6. Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Tổng	LT	ThH
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương	34		
I	Giáo dục quốc phòng	11		
II	Giáo dục thể chất	03		
III	Đại cương chung	20		
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	100		
I	Khối kiến thức cơ sở ngành	35		
II	Khối kiến thức chuyên ngành	37		
III	Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp	22		
IV	Khóa luận tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế	06		
Tổng		134		

3.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

3.2.1. Khung chương trình đào tạo

Bảng 7. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIỀN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			32						
I. Giáo dục quốc phòng			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45	0				1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30	0		GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		4
II. Giáo dục thể chất			3						
2.1. Học phần bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		2
2.2. Học phần tự chọn			1						

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
1	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn*	1		30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném*	1		30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ*	1		30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)*	1		30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu*	1		30		GE4306		3
12	GE4346	Khiêu vũ*	1		30		GE4306		3
III. Đại cương chung			20						
3.1. Đại cương chung bắt buộc			14						
1	SO4500	Nhập môn ngành Công tác xã hội	1	15					1
2	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
3	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					1
4	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
5	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
7	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
3.2. Đại cương chung tự chọn			6						
1	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
2	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					1
3	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	30					1
4	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	25	10				1
5	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					2
6	GE4028	Lôgic học đại cương	2	30					2
7	GE4026P	Lịch sử văn minh Thế giới	2	30					2
8	VI4133N	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	2	30					3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			100						
I. Kiến thức cơ sở ngành			35						
1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			25						
1	SO4501	Công tác xã hội đại cương	2	30					1
2	SO4101	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	3	45					1
3	SO4108	Tâm lý học phát triển	2	30					2
4	SO4102	Chính sách xã hội	3	45					2
5	SO4013	Các lý thuyết trong công tác xã hội	2	30					3
6	SO4004N	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	30					3
7	SO4463	Đạo đức nghề công tác xã hội	2	30					3
8	SO4008	Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	3	35	20				4
9	SO4002	Gia đình học	3	45					5
10	SO4444	Khởi nghiệp	3	25	40				7
1.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			10						
1	SO4461	Trợ giúp xã hội	2	30					2
2	SO4462	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	2	15	30				2
3	SO4046	Thống kê xã hội	2	20	20				2

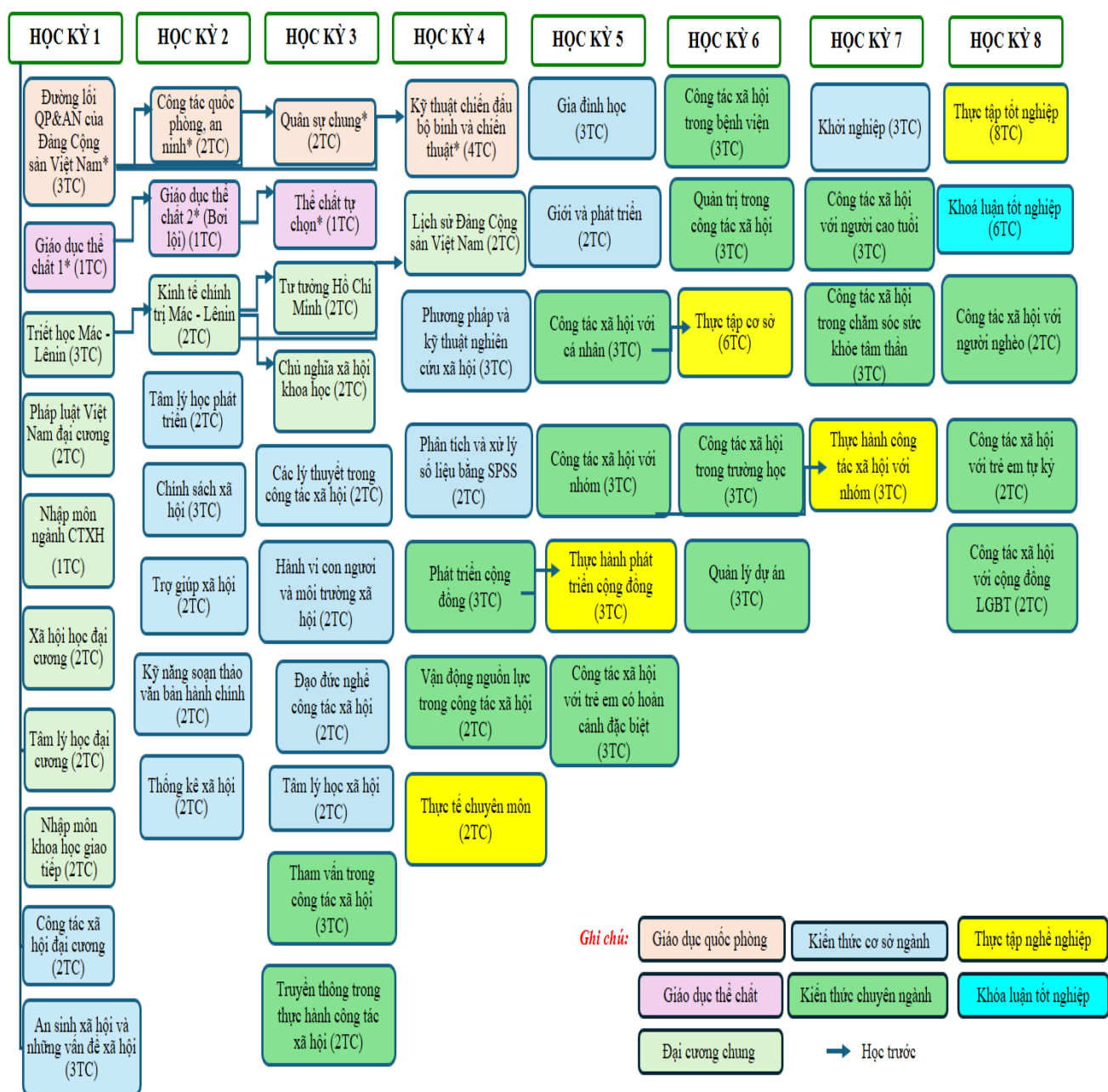
TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
4	SO4109	Tâm lý học xã hội	2	30					3
5	SO4011N	Sức khỏe cộng đồng	2	30					4
6	SO4460	Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	2	15	30				4
7	SO4003N	Giới và phát triển	2	30					5
8	SO4117	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	2	30					5
9	SO4464	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng	2	24	12				5
II. Kiến thức chuyên ngành			37						
2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			27						
1	SO4502	Tham vấn trong công tác xã hội	3	45					3
2	SO4271M	Phát triển cộng đồng	3	42	6				4
3	SO4272	Công tác xã hội với cá nhân	3	45					5
4	SO4374N	Công tác xã hội với nhóm	3	45					5
5	SO4503	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	3	40	10				5
6	SO4113	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	42	6				6
7	SO4010	Quản trị trong công tác xã hội	3	40	10				6
8	SO4016P	Công tác xã hội với người cao tuổi	3	40	10				7
9	SO4107N	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	42	6				7
2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			10						
1	SO4466	Truyền thông trong thực hành công tác xã hội	2	20	20				3
2	SO4465	Vận động nguồn lực trong công tác xã hội	2	20	20				4
3	SO4468	Quản lý trường hợp trong công tác xã hội	2	30					4
4	SO4467	Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực	2	27	6				5
5	SO4106	Quản lý dự án	3	45					6
6	SO4000	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	30					6
7	SO4469	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	2	30					6
8	SO4115N	Công tác xã hội trong trường học	3	40	10				6
9	SO4472	Thực hành công tác xã hội trong trường học	2	10	40		SO4115N		6
10	SO4470	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	2	30					7
11	SO4471	Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần	2	30					7
12	SO4113TH	Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện	2	10	40		SO4113		7
III. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			22						
1	SO4473	Thực tế chuyên môn	2	10	40				4
2	SO4477	Thực hành phát triển cộng đồng	3	15	60		SO4271M		5
3	SO4491	Thực tập cơ sở	6	30	120		SO4272		6
4	SO4475	Thực hành công tác xã hội với nhóm	3	15	60		SO4374N		7
5	SO4404	Thực tập tốt nghiệp	8		240				8
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			6						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp									
1	SO4298	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
5.2. Học phần thay thế khóa luận			6						
1	SO4478	Công tác xã hội với người nghèo	2	30					8

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
2	SO4123	Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ	2	30					8
3	SO4124	Công tác xã hội với cộng đồng LGBT	2	30					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			134	1877	1508				
		Tổng số tín chỉ điều kiện:	14						
		Tổng số tín chỉ tích lũy:	120						
		Tổng số tín chỉ bắt buộc:	88						
		Tổng số tín chỉ tự chọn:	32						

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Ngoại ngữ vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).

- Học phần có gắn dấu * (sao) không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy toàn khóa học.

3.2.2. Sơ đồ cây CTĐT

3.2.3. Kế hoạch đào tạo

Bảng 8. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			Khoa quản lý
				LT	TH	TQ	HT	SH	
I	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45	0				GDTC-SPNT
	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				
	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					GDCT
	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					Kinh tế-Luật
	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					SP. KHXH
	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	30					
	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	25	10				
	SO4500	Nhập môn ngành Công tác xã hội	1	15					VH-DL và CTXH
	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					
	SO4501	Công tác xã hội đại cương	2	30					
	SO4101	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	3	45					
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			23					
II	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30	0		GE4165		GDTC-SPNT
	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		
	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		GDCT
	GE4028	Lôgic học đại cương	2	30					SP. KHXH
	GE4026P	Lịch sử văn minh Thế giới	2	30					
	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					VH-DL và CTXH
	SO4108	Tâm lý học phát triển	2	30					
	SO4102	Chính sách xã hội	3	45					
	SO4461	Trợ giúp xã hội	2	30					
	SO4462	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	2	15	30				
	SO4046	Thống kê xã hội	2	20	20				
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			22					
III	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		GDTC-SPNT
	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		
	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		GDCT
	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		
	VI4133N	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	2	30					VH-DL và CTXH
	SO4013	Các lý thuyết trong công tác xã hội	2	30					
	SO4004N	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	30					
	SO4463	Đạo đức nghề công tác xã hội	2	30					
	SO4109	Tâm lý học xã hội	2	30					
	SO4502	Tham vấn trong công tác xã hội	3	45					

Học kỳ	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			Khoa quản lý
				LT	TH	TQ	HT	SH	
	SO4466	Truyền thông trong thực hành công tác xã hội	2	20	20				
Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			22						
IV	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56				GDTC-SPNT
	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30					GDCT
	SO4008	Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	3	35	20				VH-DL và CTXH
	SO4011N	Sức khỏe cộng đồng	2	30					
	SO4460	Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	2	15	30				
	SO4271M	Phát triển cộng đồng	3	42	6				
	SO4465	Vận động nguồn lực trong công tác xã hội	2	20	20				
	SO4468	Quản lý trường hợp trong công tác xã hội	2	30					
	SO4473	Thực tế chuyên môn	2	10	40				
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			22					
V	SO4002	Gia đình học	3	45					VH-DL và CTXH
	SO4003N	Giới và phát triển	2	30					
	SO4117	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	2	30					
	SO4464	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng	2	24	12				
	SO4272	Công tác xã hội với cá nhân	3	45					
	SO4374N	Công tác xã hội với nhóm	3	45					
	SO4503	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	3	40	10				
	SO4467	Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực	2	27	6				
	SO4477	Thực hành phát triển cộng đồng	3	15	60		SO4271M		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			23					
VI	SO4113	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	42	6				VH-DL và CTXH
	SO4010	Quản trị trong công tác xã hội	3	40	10				
	SO4106	Quản lý dự án	3	45					
	SO4469	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	2	30					
	SO4115N	Công tác xã hội trong trường học	3	40	10				
	SO4472	Thực hành công tác xã hội trong trường học	2	10	40		SO4115N		
	SO4491	Thực tập cơ sở	6	30	120		SO4272		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			24					
VII	SO4444	Khởi nghiệp	3	25	40				VH-DL và CTXH
	SO4016P	Công tác xã hội với người cao tuổi	3	40	10				
	SO4107N	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	42	6				

Học kỳ	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			Khoa quản lý	
				LT	TH	TQ	HT	SH		
	SO4470	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	2	30						
	SO4471	Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần	2	30						
	SO4113TH	Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện	2	10	40		SO4113			
	SO4475	Thực hành công tác xã hội với nhóm	3	15	60		SO4374N			
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ:		18							
VIII	SO4404	Thực tập tốt nghiệp	8		240				VH-DL và CTXH	
	SO4298	Khóa luận tốt nghiệp	6		180					
	SO4478	Công tác xã hội với người nghèo	2	30						
	SO4123	Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ	2	30						
	SO4124	Công tác xã hội với cộng đồng LGBT	2	30						
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ:		14							

3.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																																
				PLO1				PLO2		PLO3			PLO4		PLO5					PLO6			PLO7				PLO8		PLO9			PLO10				
				PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI7.4	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI9.3	PI10.1	PI10.2	PI10.3	PI10.4	
1	SO4500	Nhập môn ngành Công tác xã hội	1											I														I			I					
2	GE4045	Tâm lý học đại cương	2										I	I	I	I													I			I				
3	GE4061	Xã hội học đại cương	2					M	R														I	I					I			I				
4	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2																																	
5	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2					I																												
6	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					I																												
7	GE4028	Lógica học đại cương	2					I																												
8	GE4026P	Lịch sử văn minh Thế giới	2					I																												
9	VI4133N	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	2					I																												
10	SO4501	Công tác xã hội đại cương	2												R,A							R								M	M					
11	SO4101	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	3							R,A			M,A								R								R	R		R				
12	SO4108	Tâm lý học phát triển	2										R,A			R								I	I					I		I				
13	SO4102	Chính sách xã hội	3									M,A	R																							
14	SO4013	Các lý thuyết trong công tác xã hội	2												R	R						R									I					
15	SO4004N	Hành vi con người và môi trường xã hội	2											R,A		R								I	I						I		I			
16	SO4463	Đạo đức nghề công tác xã hội	2																									R,A	M,A	M,A						
17	SO4008	Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	3					R	M,A																				R							
18	SO4002	Gia đình học	3					M,A	R																											
19	SO4444	Khởi nghiệp	3																											R					M	M,A
20	SO4461	Trợ giúp xã hội	2							R			M,A					R											R	R		R				
21	SO4462	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	2																				M,A				R									
22	SO4046	Thống kê xã hội	2					M	M									R	R	R							R									
23	SO4109	Tâm lý học xã hội	2											R		R									M	M					R	M				
24	SO4011N	Sức khỏe cộng đồng	2					M						R																	R					
25	SO4460	Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	2					I																			R,A			I				R		
26	SO4003N	Giới và phát triển	2					M	R																											
27	SO4117	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	2					M					M	R																	R					
28	SO4464	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng	2																			R			R	R					R		R			
29	SO4502	Tham vấn trong công tác xã hội	3													I	R	M	M		M,A	R					R		I		R		R	R	R	
30	SO4271M	Phát triển cộng đồng	3													M,A	M,A	M	M				M		R			I	R			R		R		
31	SO4272	Công tác xã hội với cá nhân	3													M,A	M,A	M	M				M		R			I	R			R				
32	SO4374N	Công tác xã hội với nhóm	3													M,A	M,A	M	M				M,A		R			I	R			R				
33	SO4503	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	3													M	M	M	M	M	M	M						I		R	R	M	R	R		

Ghi chú:

* R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

* M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO/PI và ở mức thuần thục/thông hiểu.

* A (Assessment) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đánh giá mức đạt PLO/PI.

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội, Trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học, cụ thể như sau:

Đạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp thuyết trình, thực hành, trình diễn.

Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình, lớp học đảo ngược.

Đạy học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này bao gồm: Mô phỏng, trò chơi, tham quan, trải nghiệm thực tế, đóng vai, dạy học qua tình huống, khảo sát thực địa.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: Đóng vai, tranh luận, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, seminar, vấn đáp.

Tự học, dạy học dự án, nghiên cứu khoa học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp người học đạt được CĐR của CTĐT thể hiện trong bảng dưới đây:

[illegible]

PHẦN IV. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, CÁCH THỨC VÀ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

4.1. Quy trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Đồng Tháp. Thời gian đào tạo trong 4 năm. Mỗi năm học gồm 2 học kỳ chính (từ tháng 8 đến cuối tháng 6) và học kỳ hè (từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8). Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 4, các kiến thức chuyên ngành được học trong 4 học kỳ tiếp theo.

Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 120 tín chỉ với điểm trung bình tốt nghiệp theo thang điểm 4 là ≥ 2.0 (không tính các học phần về Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất và Ngoại ngữ).

4.2. Cách thức và công cụ đánh giá

4.2.1. Đánh giá kết quả học tập

Cuối mỗi học kỳ, Trường sử dụng 4 tiêu chí để đánh giá kết quả học tập của sinh viên: Khối lượng học tập đăng ký, điểm trung bình chung học kỳ, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy.

a) Khối lượng học tập đăng ký là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ, gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi.

b) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký trong học kỳ. Trọng số của mỗi học phần là số tín chỉ tương ứng của học phần đó.

c) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét.

d) Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy được tính từ đầu khóa học.

4.2.2. Đánh giá học phần

a) Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (*sau đây gọi tắt là điểm học phần*) được tính căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần; điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/ thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp, có trọng số là 50%. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, thực hành, hoặc kết hợp các hình thức này.

b) Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần khi xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên công bố đề cương chi tiết cho sinh viên. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

c) Kiểm tra giữa kỳ: Giảng viên phụ trách lớp học phần bố trí kiểm tra giữa kỳ trong buổi học của lớp học phần, theo kế hoạch đào tạo năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

d) Thi kết thúc học phần

- Sinh viên vắng quá 20% thời gian học của lớp học phần thì giảng viên dạy lớp học phần có thể xem xét quyết định không cho dự thi kết thúc học phần.

- Lịch thi kết thúc học phần do Phòng Bảo đảm chất lượng ban hành; phải đảm bảo thời gian ôn thi bình quân ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ.

- Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

4.2.3. Phương pháp đánh giá học phần

Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá dựa theo Rubrics được quy định trong đề cương của học phần đó và kết hợp với Rubrics chung của Trường (**Phụ lục 3**). Các học phần được đánh giá dựa theo một hoặc nhiều phương pháp sau:

- **Đánh giá chuyên cần:** Đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học (điểm danh sự có mặt của người học, ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài của người học trên lớp).

- **Đánh giá bài tập:** Đánh giá mức độ hoàn thành của người học đối với các bài tập được giảng viên giao liên quan đến bài học ở trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cho điểm trên cơ sở những tiêu chí đã được thông báo từ trước.

- **Nhóm phương pháp đánh giá kiểm tra viết:** Phương pháp đánh giá kiểm tra viết gồm đánh giá kiểm tra dạng tự luận và đánh giá kiểm tra dạng trắc nghiệm khách quan.

+ Đối với phương pháp đánh giá kiểm tra dạng tự luận, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của học phần, khóa học. Phương pháp đánh giá kiểm tra này được chia thành hai loại: Bài luận dài và Bài luận ngắn.

+ Đối với phương pháp đánh giá kiểm tra trắc nghiệm khách quan, sinh viên trả lời các loại hình câu hỏi hoặc bài tập mà các phương án trả lời đã có sẵn hoặc nếu sinh viên viết câu trả lời thì câu trả lời phải là câu ngắn và chỉ duy nhất có một cách viết đúng.

- **Đánh giá thí nghiệm/thực hành:** Sinh viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ thảo luận và chia sẻ; mức độ thực hiện đúng các thao tác, quy trình; kết quả thực hành/ thí nghiệm; Báo cáo thực hành/ thí nghiệm.

- **Thuyết trình:** Sinh viên được yêu cầu làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm và thuyết trình kết quả trước các sinh viên khác. Hoạt động này ngoài đánh giá mức độ đạt được của sinh viên về những kiến thức chuyên biệt còn đánh giá được mức độ phát triển các kỹ năng như giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Các học phần được xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoặc Rubrics tương ứng với các chuẩn đầu ra học phần.

- **Đánh giá vấn đáp:** Sinh viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số khóa học để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng giao tiếp, thuyết trình. Các học phần sử dụng các Rubrics vấn đáp để đánh giá nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng đối với người học.

- **Đánh giá làm việc nhóm:** Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Rubrics đánh giá đối với sản phẩm, khả năng thuyết trình của nhóm và Rubrics tự đánh giá làm việc nhóm cho các đối tượng thuộc nhóm tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng. Các Rubrics đánh giá được công bố trong cuốn chương trình đào tạo.

- **Đánh giá Tiểu luận/ Bài tập lớn:** Tiểu luận là viết báo cáo về một vấn đề của một môn học hay một vấn đề thực tiễn của một đơn vị nào đó nhằm đề xuất những kết luận, những đóng góp ý kiến, những đề xuất giải pháp để có thể thực hiện hay cải tiến được vấn đề đã nêu ra. Đánh giá tiểu luận bao gồm đánh giá về cấu trúc, nội dung, kết luận và hình thức trình bày.

- **Đánh giá sản phẩm:** Phương pháp đánh giá kết quả học tập thông qua các sản phẩm của người học đã thực hiện được, thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

- **Đánh giá Thực tập tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:** Kết quả thực tập tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp được đánh giá dựa trên các tiêu chí về chấp hành nội quy của đơn vị; thái độ làm việc; kiến thức, kỹ năng thu nhận và đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các Rubrics đánh giá.

- **Đánh giá Khóa luận/Luận văn tốt nghiệp:**

+ Đánh giá Khóa luận/Luận văn tốt nghiệp dựa trên các tiêu chí về hình thức báo cáo; chất lượng báo cáo; chất lượng bảo vệ. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các Rubrics đánh giá. Đánh giá Khóa luận/Luận văn tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng chấm Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập. Số thành viên của hội đồng là 03 hoặc 05 hoặc 07 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký.

+ Các phương pháp kiểm tra và đánh giá là công cụ để đánh giá mức độ đạt được CLO nói riêng cũng như PLO nói chung. Để đảm bảo việc đánh giá được tiến hành một cách khách quan, chính xác và đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được các PLO, các phương pháp kiểm tra và đánh giá khác nhau đã được thiết kế dưới dạng các ma trận (Rubric). Các Rubric bao gồm các mô tả nội dung năng lực và mức độ đánh giá tương ứng căn cứ vào thang đánh giá Bloom/Bloom cập nhật. Các Rubric đánh giá áp dụng đối với các HP trong CTDH được trình bày trong **Phụ lục 3** của chương trình.

4.2.4. Cách tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần gồm điểm đánh giá thường xuyên (điểm ĐGTX) và điểm kiểm tra học phần (điểm KTHP). Đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá (điểm KTHP và có trọng số 100%).

2. Đối với đánh giá trực tuyến được áp dụng trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác thì Hiệu trưởng có quy định riêng, đảm bảo trung thực, công bằng, khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 03 thành viên;
- Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;
- Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

3. Điểm đánh giá được tính theo thang điểm 10. Điểm học phần được tính tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp theo thang điểm quy định trong Quy chế đào tạo hiện hành của Nhà trường.

4. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần, điểm đánh giá giữa học phần, điểm tiểu luận, bài tập lớn và điểm đánh giá kết thúc học phần. Trong đó, điểm đánh giá kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số 50% hoặc 60%.

5. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

6. Người học vắng mặt trong buổi thi (buổi đánh giá) không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0, nếu có lý do chính đáng, được đơn vị chủ trì tổ chức thi duyệt hoàn thi thi được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

7. Người học sẽ không được dự thi, không được đánh giá kết thúc học phần nếu thiếu một trong các điều kiện sau: Số tiết tham gia học từ 80% trở lên so với số tiết lên lớp quy định của học phần, tham dự từ 50% số lần kiểm tra thường xuyên trở lên, thực hiện đầy đủ các các hoạt động học tập được quy định trong đề cương học phần, không nợ học phí học phần theo quy định. Những người học bị cấm thi sẽ bị điểm F của học phần đó.

8. Đối với Điểm thực tập cơ sở và thực tập tốt nghiệp được tính theo quy định hiện hành của Trường Đại học Đồng Tháp.

9. Đối với Khóa luận/đồ án tốt nghiệp được đánh giá theo quy định hiện hành của Trường Đại học Đồng Tháp.

PHẦN V. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần 1. Nhập môn ngành công tác xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Nhập môn ngành công tác xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Introduction Social Work
3	Mã học phần:	SO4500
4	Số tín chỉ:	1
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	15
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	30
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về Trường, Khoa Văn hóa - Du lịch và Công tác xã hội, ngành nghề Công tác xã hội đang theo học; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo hiện hành; quy chế đào tạo, rèn luyện; những tố chất, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên chuyên ngành công tác xã hội thích nghi với môi trường

đại học, qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề, từ đó có động lực phấn đấu nhằm đạt kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Trình bày được lịch sử, vị thế của Trường, Khoa Văn hóa – Du lịch và CTXH.

4.1.2. Khái quát được quá trình đào tạo chuyên ngành công tác xã hội tại trường, nhu cầu xã hội và triển vọng việc làm của ngành nghề trong xã hội.

4.1.3. Mô tả được chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo chuyên ngành công tác xã hội hiện hành của trường.

4.1.4. Diễn giải được quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện đối với sinh viên.

4.1.5. Thể hiện được tố chất, kỹ năng cốt yếu mà sinh viên chuyên ngành công tác xã hội cần có để theo học chuyên ngành.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Vận dụng tốt các quy chế liên quan trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.

4.2.2. Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân nhằm đạt hiệu quả cao.

4.2.3. Sử dụng thành thạo các quy trình, công đoạn trên hệ thống quản lý đào tạo của trường.

4.2.4. Tuân thủ nghiêm túc quy chế, quy trình đào tạo của trường.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của ngành học, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc tiếp cận kiến thức chuyên ngành tại trường.

4.3.2. Hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu và thích ứng với môi trường học tập đại học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Khái quát được quá trình đào tạo chuyên ngành công tác xã hội tại trường, nhu cầu xã hội và triển vọng việc làm của ngành nghề trong xã hội.
CLO2:	Mô tả được chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo chuyên ngành công tác xã hội hiện hành của trường.
CLO3:	Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân nhằm đạt hiệu quả cao.
CLO4:	Hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu và thích ứng với môi trường học tập đại học.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO5	PLO9	PLO10
	PI5.1	PI9.1	PI10.1
CLO1	I		
CLO2	I		
CLO3		I	
CLO4			I
Nhập môn ngành công tác xã hội	I	I	I

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG, KHOA VĂN HÓA - DU LỊCH VÀ CTXH VÀ CHUYÊN NGÀNH CTXH TẠI TRƯỜNG 1.1. Về Trường 1.2. Về Khoa	3	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho các nhóm.	Đọc tài liệu số 1, 2.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 2. VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG XÃ HỘI 2.1. Vị trí, vai trò 2.2. Đặc trưng 2.3. Vị trí việc làm	3	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	Đọc tài liệu số 2.	#HD1.2	CLO2
Chương 3. CHUẨN ĐẦU RA VÀ KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI (HỆ ĐÀO TẠO TỪ XA) 3.1. Chuẩn đầu ra 3.2. Khung chương trình đào tạo	3	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	Đọc tài liệu số 1.	#HD1.1	CLO3
Chương 4. QUY CHẾ ĐÀO TẠO VÀ QUY CHẾ CÔNG TÁC SINH VIÊN 4.1. Quy chế đào tạo đại học 4.2. Quy chế công tác sinh viên 4.3. Hệ thống thông tin điện tử và học trực tuyến của Trường 4.4. Phương pháp học tập ở trường đại học 4.5. Chiến lược giảng dạy và học tập	3	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	Đọc tài liệu số 1.	#HD1.1	CLO3
Chương 5. TỔ CHẤT ĐẶC THÙ VÀ MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN CẦN THIẾT CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH CTXH 5.1. Khái niệm nhân viên xã hội 5.2. Yêu cầu về đạo đức của nhân viên xã hội 5.3. Yêu cầu về kiến thức của nhân viên xã hội 5.4. Yêu cầu về kỹ năng của nhân viên xã hội 5.5. Vai trò của nhân viên xã hội 5.6. Trách nhiệm của nhân viên xã hội	3	- GV thuyết giảng. - SV thảo luận nhóm và báo cáo.	Đọc tài liệu số 2.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO4
Tổng	15				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trường Đại học Đồng Tháp	Sổ tay sinh viên	2024	ĐHĐT	https://ctsv.dthu.edu.vn/New.aspx?id=3319	x	
2	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HD1. Đánh giá	HD1.1. Báo cáo	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO3	50%	

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
quá trình	nhóm						
	HĐ1.2. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO2; CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric	100%	CLO1	50%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 2. Tâm lý học đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Tâm lý học đại cương
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Overview of Psychology
3	Mã học phần:	GE4045
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Ngọc Thắng
- Email: dinhngocthang2010@gmail.com
- Điện thoại: 0909196802

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học đại cương sẽ hệ thống hóa và trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng tổng quan về lĩnh vực khoa học tâm lý. Từ đó, làm cơ sở để sinh viên hình thành và phát triển năng lực chuyên môn - nghiệp vụ nhằm giải quyết những vấn đề, yêu cầu, nhiệm vụ trong quá trình đào tạo, trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

Cung cấp hệ thống các kiến thức về: Tổng quan khoa học tâm lý; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Nhân cách - Sự hình thành, phát triển Nhân cách.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Xác định được bản chất, phân loại, chức năng của tâm lý người.
- 4.2.2. Xác định được các điều kiện, yếu tố tác động đến sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức.
- 4.2.3. Xác định được các quá trình, các mức độ, các thuộc tính của hoạt động nhận thức, của tình cảm, của ý chí.
- 4.2.4. Xác định được cấu trúc nhân cách và các yếu tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- 4.3.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm hiệu quả trong quá trình tham gia môn học.
- 4.3.2. Sử dụng kết quả môn học một cách tích cực, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và pháp luật.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Áp dụng các kiến thức về: Tổng quan khoa học tâm lý; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Nhân cách - Sự hình thành, phát triển Nhân cách vào giải quyết các yêu cầu, bài tập, nhiệm vụ trong quá trình học tập, trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.
CLO2:	Chuẩn xác các điều kiện, yếu tố tác động đến sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức.
CLO3:	Chuẩn xác phân loại các hiện tượng tâm lý; các quá trình, các mức độ, các thuộc tính của hoạt động nhận thức, của tình cảm, của ý chí.
CLO4:	Chuẩn xác về cấu trúc ý thức, nhận thức, hành động ý chí, nhân cách và các yếu tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách.
CLO5:	Hình thành giá trị về các thành phần nhân cách của nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp, người công dân tốt.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI					
	PLO4		PLO5		PLO9	PLO10
	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI9.1	PI10.1
CLO1	I	I				
CLO2			I	I		
CLO3			I	I		
CLO4						I
CLO5						I
Tâm lý học đại cương	I	I	I	I	I	I

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, đặc điểm, vị trí và ý nghĩa của TLH 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1.1.3. Vị trí, ý nghĩa của TLH 1.2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý 1.2.1. Bản chất hiện tượng TL 1.2.2. Chức năng của TL 1.2.3. Phân loại hiện tượng TL 1.3. Phương pháp nghiên cứu của TLH 1.4. Các lĩnh vực của TLH	5	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trắc quan. - Nêu vấn đề. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, chương 1]; [2, chương I]; [3, chương 1]; [4, chương 1]. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ1.4	CLO1 CLO2
Chương 2. Ý THỨC – SỰ HÌNH THÀNH TÂM LÝ, Ý THỨC 2.1. Cơ sở hình thành tâm lý 2.1.1. Cơ sở tự nhiên 2.1.2. Cơ sở xã hội 2.2. Sự hình thành và phát triển tâm lý 2.2.1. Phương diện loài 2.2.2. Phương diện cá thể 2.3. Ý thức - Sự hình thành và phát triển ý thức 2.3.1. Khái niệm ý thức	5	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trắc quan. - Nêu vấn đề. - Thảo luận nhóm nhỏ phần 2.3.4. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, Chương: II]; [2, C: 2]; [3]; [4]. - Thảo luận nhóm nhỏ về: 1) Xác định các yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển ý thức; 2) Xác định các biện pháp phát triển ý thức. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ1.3 HĐ1.4	CLO1 CLO2

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.3.2. Cấu trúc ý thức 2.3.3. Các cấp độ ý thức 2.3.4. Sự hình thành và phát triển ý thức 2.4. Chú ý 2.4.1. Khái niệm chú ý 2.4.2. Phân loại chú ý 2.4.3. Các thuộc tính chú ý					
Chương 3. HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC 3.1. Khái quát về hoạt động nhận thức 3.1. Nhận thức cảm tính 3.1.1. Cảm giác 3.1.2. Tri giác 3.2. Nhận thức lý tính 3.2.1. Tư duy 3.2.2. Tưởng tượng 3.2.3. Trí nhớ 3.2.4. Ngôn ngữ	8	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trực quan. - Nêu vấn đề. - Thảo luận nhóm nhỏ phần 3.2.1. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, chương 3]; [2, C: IV, VI]; [3, C: 4]; [4, C: 3, 5, 6, 7, 8]. - Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ (05 nhóm nhỏ: 7-10 SV): 1) Chọn một đặc điểm của tư duy cho nhóm; 2) Phân tích các nội dung kiến thức của đặc điểm tư duy mà nhóm đã chọn; 3) Đề xuất các biện pháp để hình thành, phát triển tư duy từ đặc điểm ấy. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ1.3 HĐ1.4	CLO1 CLO3
Chương 4. TÌNH CẢM VÀ Ý CHÍ 4.1. Tình cảm 4.1.1. Khái quát về tình cảm 4.1.2. Các mức độ thể hiện của tình cảm 4.1.3. Các quy luật trong đời sống tình cảm 4.2. Ý chí và hành động ý chí 4.2.1. Ý chí 4.2.2. Hành động ý chí 4.2.3. Hành động tự động hóa	7	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trực quan. - Nêu vấn đề. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, chương 4]; [2, C: V]; [3, C: 5,6]; [4, C: 9]. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất. - Tiến hành bài Đánh giá giữa kỳ.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ1.3 HĐ1.4 HĐ2	CLO1 CLO3
Chương 5. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH 5.1. Khái niệm chung về nhân cách 5.1.1. Khái quát về nhân cách 5.1.2. Đặc điểm của nhân cách 5.2. Cấu trúc nhân cách 5.2.1. Các quan niệm về cấu trúc nhân cách 5.2.2. các thành phần của cấu trúc nhân cách 5.3. Sự hình thành và phát triển nhân cách 5.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển 5.3.2. Sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách 5.3.3. Những sai lệch trong sự phát triển nhân cách	5	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trực quan. - Nêu vấn đề. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, chương 5]; [2, C: VII]; [3, C: 7]. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ1.4	CLO1 CLO4 CLO5
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đinh Ngọc Thắng, Nguyễn Thị Xuân Đài	Bài giảng Tâm lý học đại cương	2023	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên)	Giáo trình Tâm lý học đại cương	2006	ĐHSP	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Hoàng Anh (chủ biên)	Hoạt động giao tiếp nhân cách	2016	ĐHSP	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Lê Thị Bùng (chủ biên)	Các thuộc tính tâm lí điển hình của nhân cách	2008	ĐHSP	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Chuyên cần	Quan sát	Rubric	10%	CLO1	30%	
	HĐ1.2. Phát biểu	Quan sát	Rubric	20%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5		
	HĐ1.4. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	40%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5		
	HĐ1.3. Bài tập tự học	Bài tập	Rubric	30%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5		
HĐ2. Đánh giá giữa kỳ	HĐ2.1. Kiểm tra	Tự luận	Rubric	100%	CLO3	20%	
HĐ3. Đánh giá cuối kỳ	HĐ3.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	50%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 3. Xã hội học đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Xã hội học đại cương
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Introduction to Sociology
3	Mã học phần:	GE4061
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành/Thí nghiệm:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dthu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dththao@dthu.edu.vn
- Số điện thoại: 0905712945

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Xã hội học, bao gồm: lịch sử và các cách tiếp cận xã hội học, mối quan hệ giữa các cá nhân, các nhóm xã hội và các thiết chế xã hội thông qua một số chủ đề về văn hóa và xã hội; xã hội hóa; cơ cấu xã hội; sự lệch chuẩn và kiểm soát xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội; hành vi tập thể và phong trào xã hội; biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu những đóng góp của các nhà Xã hội học tiêu biểu và các trường phái lý thuyết chính cũng như các phương pháp nghiên cứu xã hội học.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học diễn giải được về đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành của xã hội học; phân tích được các mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và thiết chế xã hội thông qua: văn hóa và xã hội, xã hội hóa, cơ cấu xã hội, phong trào xã hội và biến chuyển xã hội; phân tích được các vấn đề xã hội như sự lệch chuẩn và kiểm soát xã hội, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sử dụng được các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong xã hội học vào trong nghiên cứu các vấn đề xã hội; vận dụng các lý thuyết xã hội học giải thích các sự kiện và hiện tượng xã hội.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Diễn giải về đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành của Xã hội học.
CLO2:	Sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong xã hội học vào trong nghiên cứu các vấn đề xã hội.
CLO3:	Phân tích các mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và thiết chế xã hội thông qua: văn hóa và xã hội, xã hội hóa, cơ cấu xã hội, phong trào xã hội và biến chuyển xã hội.
CLO4:	Phân tích các vấn đề xã hội như sự lệch chuẩn và kiểm soát xã hội, bất bình đẳng và phân tầng xã hội.
CLO5:	Vận dụng các lý thuyết xã hội học để giải thích các sự kiện và hiện tượng xã hội.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI	
	PLO2	
	PI2.1	PI2.2
CLO1	I	
CLO2	I	I
CLO3	M	R
CLO4	M	R
CLO5	R	R
Xã hội học đại cương	M	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Xã hội học là gì? 1.1. Xã hội học : một bộ môn khoa học xã hội 1.2. Từ tư tưởng xã hội đến khoa học xã hội 1.3. Xã hội học đương đại và các lý thuyết của nó 1.4. Các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học.	6	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Xã hội học là gì ? Phân tích đối tượng nghiên cứu của xã hội học. 2. Nhân quan xã hội học là gì ? Nêu lợi ích của nhân quan xã hội học. Cho ví dụ. 3. Phân tích những tiền đề và điều kiện ra đời của xã hội học. 4. Phân tích sự đóng góp của E. Durkheim, A. Comte, M. Weber vào việc sáng lập ra môn xã hội học 5. Nêu ngắn gọn các mô hình lý thuyết tương tác biểu tượng, lý thuyết cơ cấu chức năng, lý thuyết mâu thuẫn.	HĐ2.1	CLO1
Chương 2. Tổng quan về các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học 2.1. Các bước đi để thực hiện một nghiên cứu khoa học 2.2. Thâu thập dữ kiện & Kiểm chứng giả thiết 2.3. Các phương pháp, kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu xã hội học 2.4. Phân tích thứ cấp	2	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: Các nhóm thảo luận về các phương pháp và cách áp dụng các phương pháp để thu thập thông tin. - Thảo luận và trả lời câu hỏi.	HĐ2.1	CLO2

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 3. Xã hội và văn hóa 3.1. Xã hội 3.1.1. Xã hội là gì? 3.1.2. Các loại hình xã hội 3.1.3. Những thành tố của xã hội 3.2. Văn hóa 3.2.1. Ý nghĩa của văn hóa 3.2.2. Thái độ đối với các nền văn hóa khác nhau. 3.2.3. Tiếp xúc văn hóa và biến chuyển văn hóa. 3.2.4. Các lý thuyết nghiên cứu và giải thích về văn hóa.	4	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Nêu ý nghĩa của văn hóa, các thái độ đối với văn hóa và các khả năng khi hai nền văn hóa tiếp xúc nhau. Cho ví dụ minh họa. 2. Nêu các thành phần của văn hóa và phân tích tính đa dạng của văn hóa. Cho ví dụ minh họa. 3. Khi văn hoá Việt Nam gặp nền văn hoá phương Tây nói chung, lĩnh vực nào trong văn hoá Việt Nam có sự giao lưu, lĩnh vực nào bị đồng hoá và lĩnh vực nào có sự thích nghi văn hoá (tinh thần tương đối)?	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO3 CLO5
Chương 4. Quá trình xã hội hóa. Vị trí và vai trò xã hội 4.1. Quá trình xã hội hóa 4.1.1. Định nghĩa 4.1.2. Con người với tư cách là một sinh vật xã hội 4.1.3. Các lý thuyết về sự phát triển nhân cách và quá trình xã hội hóa. 4.1.4. Các giai đoạn và môi trường của quá trình xã hội hóa 4.2. Khuôn mẫu hành vi, vị trí và vai trò xã hội 4.2.1. Khuôn mẫu hành vi 4.2.2. Vị trí xã hội, vai trò xã hội.	4	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Trình bày sự hiểu biết của mình về vị trí xã hội và vai trò xã hội. 2. Khuôn mẫu hành vi là gì? Nêu các tiêu chuẩn của khuôn mẫu hành vi. 3. Phân tích các khái niệm vị trí xã hội, vị thế xã hội, địa vị xã hội và vai trò xã hội.	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO3 CLO5
Chương 5. Tổ chức xã hội 5.1. Nhóm xã hội 5.2. Các lý thuyết về nhóm 5.3. Năng động nhóm 5.4. Các loại hình tổ chức quy mô lớn 5.5. Tổ chức chính thức và quan hệ sơ cấp trong xã hội hiện đại.	2	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Định nghĩa nhóm xã hội, phân loại nhóm xã hội. Nêu vai trò của nhóm xã hội. Trong xã hội ta hiện nay loại nhóm xã hội nào quan trọng hơn? Vì sao? 2. Phân tích các loại hình tổ chức xã hội.	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO3 CLO5
Chương 6. Phân tầng xã hội và di động xã hội 6.1. Một số khái niệm 6.2. Mối tương quan giữa phân tầng xã hội và chính trị, văn hóa, kinh tế. 6.3. Di động xã hội trong xã hội hiện đại 6.4. Các lý thuyết giải thích về phân tầng xã hội 6.5. Biến chuyển của phân tầng xã hội	4	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích bất bình đẳng xã hội. Bất bình đẳng xã hội liên quan như thế nào đến phân tầng xã hội? 2. Phân tích sự phân tầng xã hội. 3. Phân tích “Di động xã hội”. Di động xã hội hiện nay được biểu hiện như thế nào? Phân tích vai trò của chính sách Nhà nước đối với di động xã hội. 4. Tục ngữ Việt Nam có câu: "Bàn cùng sinh đạo tặc". Bạn hãy dùng các lời tiếp cận xã hội học để giải thích và nhận định câu tục ngữ trên. Có tương quan nào giữa sự phân tầng xã hội, sự	HĐ1.2 HĐ2.1	CLO4 CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			nghèo đói và các hành vi lệch lạc trong xã hội không? 5. Hãy trình bày các yếu tố tác động đến sự phân tầng xã hội của những cá nhân và những hệ luận của phân tầng xã hội lên đời sống của họ.		
Chương 7. Định chế xã hội 7.1. Phân tích định chế xã hội 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Một số nét đặc trưng của định chế xã hội 7.1.3. Kết cấu định chế 7.1.4. Chức năng định chế 7.1.5. Quan hệ giữa các định chế 7.1.6. Biến chuyển định chế 7.2. Định chế trong các xã hội hiện đại	2	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm định chế xã hội. 2. Phân tích đặc trưng, kết cấu và chức năng của định chế xã hội.	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO3 CLO5
Chương 8. Kiểm soát xã hội và lệch lạc xã hội 8.1. Khái niệm kiểm soát xã hội và lệch lạc xã hội 8.2. Các lý thuyết về sự lệch lạc xã hội	2	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: Phân tích khái niệm về kiểm soát xã hội và lệch lạc xã hội.	HĐ1.2 HĐ2.1	CLO4 CLO5
Chương 9. Hành vi tập thể và phong trào xã hội 9.1. Hành vi tập thể 9.2. Phong trào xã hội	2	--Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: Các nhóm SV mô tả và phân tích (hay diễn kịch) một phong trào xã hội tiêu biểu trên thế giới hay ở Việt Nam, tạo nên sự biến đổi xã hội.	HĐ2.1	CLO5
Chương 10. Biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa 10.1. Biến chuyển xã hội 10.2. Quá trình hiện đại hóa	2	-Thuyết giảng; -Pháp vấn; -Trực quan -Thảo luận và làm việc nhóm. -Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: Các nhóm SV mô tả và phân tích (hay diễn kịch) một phong trào xã hội tiêu biểu trên thế giới hay ở Việt Nam, tạo nên sự biến đổi xã hội.	HĐ2.1	CLO5
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Xuân Nghĩa	Xã hội học	2021	ĐHQG TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Dương Quốc Quân, Lê Thị Tuyết, Vương Thủy Hợp	Hỏi - đáp về xã hội học đại cương: Dùng cho sinh viên các trường đại học, học viện, cao đẳng	2015	Chính trị Quốc gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x

3	Tạ Minh	Giáo trình Xã hội học đại cương	2011	ĐHQG TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x
---	---------	---------------------------------	------	--------------	-----------------	--	---

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
 - Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
 - Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
 - Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Kiểm tra lần 1	Tự luận	Rubric	50%	CLO3	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra lần 2	Tự luận	Rubric	50%	CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Trắc nghiệm	Rubric	100%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 4. Nhập môn khoa học giao tiếp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Nhập môn khoa học giao tiếp
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Introduction to Communication Sciences
3	Mã học phần:	GE4112
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Tâm lý - Quản lý giáo dục
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Ngọc Thắng
- Email: dinhngocthang2010@gmail.com
- Điện thoại: 0909196802

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Nhập môn khoa học giao tiếp (GT) cung cấp cho sinh viên những kiến thức ban đầu và căn bản về quá trình GT. Trên cơ sở ấy, sinh viên sẽ hình thành các mức độ kỹ năng GT tương ứng, phù hợp và khoa học. Từ đó, sinh viên sẽ vận dụng để chủ động, tích cực thiết lập, duy trì, vận hành và phát triển các mối quan hệ GT tích cực và vững chắc trong cuộc sống, học tập và nghề nghiệp sau này.

4. Mục tiêu học phần

Sinh viên hiểu, phân tích, đánh giá được những kiến thức cơ bản của khoa học giao tiếp và hình thành được hệ thống kỹ năng giao tiếp tương ứng với các mức độ khác nhau. Từ đó, sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức, kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập, vào thực tiễn nghề nghiệp của bản thân.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Áp dụng các kiến thức về: Khái niệm; Phân loại, Vai trò; Chức năng; Cấu trúc của hành vi GT; nội dung GT; hình thức GT; các kỹ năng GT; Bản chất xã hội; Phương pháp tiến hành một cuộc GT hiệu quả; đặc điểm trong GT của người Việt và Giao tiếp công sở.
CLO2:	Chuẩn xác thiết lập cấu sơ đồ về trúc hành vi giao tiếp; hạn chế sự ảnh hưởng của nhiễu đối với GT; việc thiết lập các mối quan hệ trong GT.
CLO3:	Chuẩn xác sử dụng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và các phương tiện khác trong quá trình GT; Chuẩn xác tiến hành quá trình định hướng, quá trình định vị, quá trình điều khiển, điều chỉnh trong GT
CLO4:	Chuẩn xác tiến hành: GT phù hợp chuẩn mực văn hoá của người Việt; GT văn minh; GT hiệu quả nơi công sở.

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO5:	Hình thành giá trị về các thành phần nhân cách của người công dân tốt.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

	PLO và chỉ số PI			
	PLO7		PLO9	PLO10
CLO	PI7.3	PI7.4	PI9.1	PI10.1
CLO1	I	I		
CLO2	I	I		
CLO3	I	I		
CLO4			I	
CLO5				I
Nhập môn khoa học giao tiếp	I	I	I	I

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. KHOA HỌC GT VÀ HÀNH VI GT 1.1. Khái niệm GT 1.1.1. Khái niệm GT 1.1.2. Các loại GT 1.1.3. Vai trò và chức năng của GT 1.1.4. Các cách tiếp cận hiện tượng GT 1.2. Cấu trúc của hành vi GT 1.2.1. Hành vi GT 1.2.2. Mô hình GT 1.2.3. Các thành tố của hành vi GT 1.2.4. Các quan hệ trong hành vi GT	6	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trực quan. - Nêu vấn đề. - Thảo luận nhóm nhỏ mục 1.2. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, Chương I]; [2, Chương 1 và 2]. - Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ: 1) Trình bày các mô hình của hành vi GT; 2) Phân tích các nội dung của các mô hình và ứng dụng trong thực tiễn; 3) Phân tích các thành tố của hành vi GT và mối quan hệ giữa chúng; 4) Xác định các mối quan hệ và thiết lập mô hình về các mối quan hệ trong hành vi GT. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất.	#HD1.1 #HD1.2 #HD1.3 #HD1.4	CLO1 CLO2
Chương 2. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC GT 2.1. Nội dung GT 2.1.1. Nội dung GT 2.1.2. Nghĩa và truyền đạt nghĩa trong GT 2.1.3. GT trong xã hội phát triển. 2.1.4. Hàm ngôn trong GT – Phong cách lịch sự văn minh trong GT 2.1.5. Ngụy biện trong GT 2.2. Hình thức GT 2.2.1. GT bằng ngôn ngữ 2.2.2. GT phi ngôn ngữ và khoảng cách trong GT 2.2.3. Phong cách lịch sự, văn minh trong GT 2.3. Kỹ năng GT 2.3.1. Nhóm các kỹ năng định hướng 2.3.2. Nhóm kỹ năng định vị 2.3.3. Nhóm kỹ năng điều khiển	8	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trực quan. - Nêu vấn đề. - Thảo luận nhóm nhỏ phần 2.2.3. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, Chương II]; [2, Chương 3 và 4]; [3]; [4]. - Thảo luận nhóm nhỏ về: 1) Đánh giá về phong cách GT của SV; 2) Phân tích những nguyên nhân tạo ra các mặt tích cực và tiêu cực trong Gt của SV; 3) Đề xuất biện pháp để sinh viên GT lịch sự và văn minh. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất.	#HD1.1 #HD1.2 #HD1.3 #HD1.4	CLO1 CLO3 CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.3.4. Kỹ năng sử dụng các phương tiện GT					
Chương 3. BẢN CHẤT XÃ HỘI VÀ HIỆU QUẢ CỦA NGÔN NGỮ 3.1. Bản chất xã hội của GT 3.1.1. GT – một quá trình trao đổi thông tin 3.1.2. Sự tác động qua lại trong GT 3.1.3. Văn hóa GT và văn minh trong GT 3.1.4. Quy tắc trong văn hóa GT 3.2. Hiệu quả của GT 3.2.1. Một số điều kiện cần thiết trong GT 3.2.2. Nguyên tắc GT 3.2.3. Phong cách GT 3.2.4. Sự phản hồi 3.2.5. Sự lắng nghe 3.2.6. Nhiều trong GT	10	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trực quan. - Nêu vấn đề. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, Chương III]; [3]; [4]; [5]. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất. - Tiến hành Đánh giá giữa kỳ.	#HD1.1 #HD1.2 #HD2	CLO1 CLO3 CLO4
Chương 4. CÁC ĐẶC ĐIỂM TRONG GT CỦA NGƯỜI VIỆT 4.1. Cơ sở của việc tìm hiểu các đặc điểm GT của người Việt 4.2. Một vài đặc điểm trong GT của nhân dân ta 4.3. Một số gợi ý về phong cách GT xét từ góc độ lịch sử 4.4. GT nơi công sở	6	- Thuyết trình. - Đàm thoại. - Trực quan. - Nêu vấn đề. - Thảo luận nhóm nhỏ mục 4.4. - Tự học.	- Nghiên cứu tài liệu: [1, Chương IV]. - Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ về: 1) Phân tích nội hàm về GT công sở; 2) Phương tiện GT nơi công sở; 3) Các kỹ năng GT công sở; 4) Các nguyên tắc GT công sở; 5) Một số các tình huống GT công sở. - Tiến hành các bài tập tự học, yêu cầu học tập do giảng viên đề xuất.	#HD1.1 #HD1.2 #HD1.3 #HD1.4	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Sinh Huy, Trần Trọng Thủy	Nhập môn khoa học giao tiếp	2006	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Allan; Barbara Pease (Lê Huy Lâm - dịch)	Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể	2018	Nhân Trí Việt	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Phan Kế Bính	Việt Nam phong tục	2014	Văn học	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Trần Ngọc Thêm	Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam	1996	TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
5	Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Thị Tứ, Bùi Hồng Quân, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu	Tâm lý học giao tiếp	2018	ĐHSP TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
 - Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
 - Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
 - Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HD1. Đánh giá quá trình	HD1.1. Chuyên cần	Quan sát	Rubric	10%	CLO1	30%	
	HD1.2. Phát biểu	Quan sát	Rubric	20%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5		
	HD1.4. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	40%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5		
	HD1.3. Bài tập tự học	Bài tập	Rubric	30%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5		
HD2. Đánh giá giữa kỳ	HD2.1. Kiểm tra	Tự luận	Rubric	100%	CLO4	20%	
HD3. Đánh giá cuối kỳ	HD3.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5	50%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 5. Công tác xã hội đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội đại cương
2	Tên học phần (tiếng Anh):	General Social Work
3	Mã học phần:	SO4501
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của công tác xã hội cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Môn học cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng môn học mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mới, kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp công tác xã hội.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Trình bày được định nghĩa, sứ mạng, mục đích, chức năng, vai trò, giá trị đạo đức nghề nghiệp, nguyên tắc hành động cơ bản của công tác xã hội.

4.1.2. Khái quát được lịch sử phát triển của ngành công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam với tư cách vừa là một ngành khoa học và vừa là một nghề chuyên môn trong một xã hội phát triển.

4.1.3. Phân tích được các phương pháp và cách tiếp cận trong công tác xã hội.

4.1.4. Phân tích được phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp.

4.2. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*

4.2.1. Sử dụng được các kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá, lập kế hoạch, ra quyết định, giải quyết vấn đề trong công tác xã hội.

4.2.2. Thể hiện được kỹ năng tư duy, phân tích các chức năng xã hội của ngành nghề công tác xã hội, lựa chọn cách thức giải quyết một vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội.

4.2.3. Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc tiếp cận nội dung và phương pháp học tập môn học.

4.3.2. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Khái quát được lịch sử phát triển của ngành công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam với tư cách vừa là một ngành khoa học và vừa là một nghề chuyên môn trong một xã hội phát triển.
CLO2:	Phân tích được các phương pháp, cách tiếp cận, phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp.
CLO3:	Sử dụng được các kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá, lập kế hoạch, ra quyết định, giải quyết vấn đề trong công tác xã hội.
CLO4:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI			
	PLO5	PLO7	PLO9	
	PI5.1	PI7.1	PI9.2	PI9.3
CLO1	R			
CLO2	R,A			
CLO3		R		
CLO4			M	M
Công tác xã hội đại cương	R,A	R	M	M

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
CHƯƠNG 1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI 1.1. Khái niệm CTXH 1.2. Phân biệt CTXH chuyên nghiệp với công tác từ thiện 1.3. Mối quan hệ của CTXH với các khoa học và lĩnh vực khác 1.3.1. CTXH và Xã hội học 1.3.2. CTXH và Tâm lý học 1.3.3. CTXH và Nhân học 1.3.4. CTXH với lĩnh vực An sinh xã hội	5	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho các nhóm.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 9 – 21; tr. 33 – 48; tr. 50 - 61]; [2, tr. 7 - 20]; [3, tr. 5 – 15; tr. 18 - 26]; [4, tr. 11 – 18; tr. 42 – 66; tr. 70 - 89]; [5, tr. 6 - 7]; [6, tr. 5 - 21], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích các khái niệm về CTXH chuyên nghiệp. 2. Vì sao người ta lại nói công tác xã hội là một nghề chuyên nghiệp và trình bày vai trò của công tác xã hội trong hệ thống an sinh xã hội? 3. Anh/Chị đã làm công tác xã hội bao giờ chưa? Từ	#HD1.1 #HD2.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.4. CTXH với tư cách là một nghề trong xã hội 1.5. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội 1.5.1. Lịch sử công tác xã hội trên thế giới 1.5.2. Lịch sử công tác xã hội ở Việt Nam			trước tới nay, Anh/Chị hiểu thế nào là công tác xã hội? Hãy kể tên một số hoạt động đang diễn ra trong đời sống xã hội dưới góc độ công tác xã hội. 4. Trình bày mối quan hệ của CTXH với ASXH. So sánh điểm giống và khác nhau giữa CTXH với XHH và Tâm lý học. Phân biệt CTXH và từ thiện. 5. Tại sao nói CTXH có cơ sở và nguồn gốc từ hành động nhân đạo, từ thiện? 6. Nêu những nhận xét của bản thân về sự giúp đỡ người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bằng các hình thức nhân đạo, từ thiện, cứu trợ xã hội? 7. Những điều kiện dẫn tới sự ra đời và phát triển CTXH trên thế giới và ở VN. 8. Sưu tầm những câu tục ngữ, ca dao, những câu chuyện kể, truyền thuyết dân gian thể hiện tinh thần tương thân tương ái. 9. Tại sao nói CTXH góp phần thực hiện hoá mục đích của ASXH và tham gia xây dựng một xã hội phát triển ổn định, lành mạnh? Cho ví dụ và phân tích. 10. Trình bày các phạm trù, thuật ngữ thường dùng trong CTXH. <u>BÀI TẬP THỰC TẾ:</u> <i>Chia thành 2 nhóm, tiến hành phỏng vấn 5 đối tượng khác nhau trong cộng đồng về sự hiểu biết CTXH, mối liên hệ giữa CTXH và Từ thiện.</i>		
CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI 2.1. Mục đích của CTXH	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 23 - 29]; [2, tr. 41 - 46]; [3, tr. 16 - 17]; [4, tr. 19 - 23; tr. 96 - 108]; [5, tr.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO2

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.2. Chức năng của CTXH 2.3. Nhiệm vụ của CTXH 2.4. Sứ mạng của CTXH 2.5. Phạm vi hoạt động và các thành tố của CTXH 2.6. Một số phạm trù, thuật ngữ trong CTXH			21], trả lời các câu hỏi sau: 1. Phân tích mục đích, chức năng, nhiệm vụ, sứ mạng của CTXH. 2. Nhóm yếu thế (Nhóm bị thương tổn) là gì? Những đối tượng nào được liệt vào nhóm yếu thế?		
CHƯƠNG 3. QUY ĐIỀU ĐẠO ĐỨC TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI 3.1. Triết lý cơ bản của nghề công tác xã hội 3.2. Các giá trị của nghề công tác xã hội 3.3. Chuẩn mực đạo đức trong công tác xã hội 3.3.1. Quy điều đạo đức trong công tác xã hội là gì 3.3.2. Yêu cầu về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng của Nhân viên xã hội (NVXH) 3.4. Vai trò và trách nhiệm của NVXH	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 97 – 121]; [2, tr. 57 - 60]; [3, tr. 54 – 58]; [4, tr. 109 – 116]; [5, tr. 7 - 9], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích nền tảng triết lý cơ bản, giá trị và chuẩn mực đạo đức trong CTXH. 2. Thế nào là nhân viên xã hội chuyên nghiệp? Vai trò và trách nhiệm của nhân viên xã hội là gì? NVXH cần có những phẩm chất đạo đức và kiến thức kỹ năng chuyên môn gì để làm tốt những vai trò đó? Đưa ra một tình huống cụ thể về cùng tham gia giải quyết vấn đề của đối tượng cần giúp đỡ và chỉ ra nhiệm vụ cụ thể của NVXH trong tình huống đó. 3. Quan điểm nghề nghiệp có thay đổi theo thời gian không? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quan điểm nghề nghiệp? 4. Liệu một hành động không tốt về mặt đạo đức nghề nghiệp thì có thể tốt về mặt trị liệu không? Tại sao? 5. So sánh và chỉ ra sự giống và khác nhau giữa quy điều đạo đức CTXH của Mỹ và Philippine. Nêu ý kiến nhận xét của bản thân về phác thảo quy điều đạo đức nghề CTXH ở VN.	#HD1.2	CLO4
CHƯƠNG 4. NGUYÊN TẮC NGHỀ NGHIỆP,	5	- GV thuyết giảng.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 132 – 234]; [2, tr. 61 –	#HD1.2	CLO2;

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ TRONG THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI 4.1. Các nguyên tắc hành động trong CTXH 4.1.1. Một số nguyên tắc trong giải quyết vấn đề xã hội 4.1.2. Một số nguyên tắc trong mối quan hệ giúp đỡ 4.2. Các phương pháp trong CTXH 4.2.1. CTXH với cá nhân 4.2.2. CTXH với nhóm 4.2.3. CTXH với phát triển cộng đồng 4.2.4. Quản trị trong CTXH 4.2.5 Quản lý ca trong CTXH 4.3. Một số kỹ năng trong CTXH 4.4. Một số kỹ thuật trong CTXH		- GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	65; tr. 73 - 82; [3, tr. 64 – 80]; [4, tr. 118 – 121; tr. 220 - 250]; [5, tr. 10 – 14; tr. 18 – 20; tr. 27 - 48], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Anh/Chị hãy phân tích/trình bày/giải thích những nguyên tắc hành động (Hoặc Anh/Chị hãy phân tích/trình bày/giải thích nguyên tắc hành động.....) trong CTXH? Cho VD minh họa. Theo anh/chị nguyên tắc hành động nào là quan trọng nhất? Vì sao? 2. Các phương pháp trong CTXH. Mối tương quan giữa các phương pháp của CTXH. 3. CTXH cá nhân là gì? Phân tích các cách tiếp cận; thành tố; tiến trình trong CTXH cá nhân. 4. Vì sao người ta lại cho rằng CTXH cá nhân là phương pháp thực hành sớm nhất của các phương pháp trong CTXH? 5. Trình bày và phân tích các khái niệm CTXH nhóm. 6. Có mấy loại nhóm trong CTXH? Phân tích và cho ví dụ với từng loại hình nhóm đó? 7. Trình bày các bước trong tiến trình CTXH nhóm. 8. Hãy nêu một số định nghĩa về PTCĐ. Trình bày các nguyên lý PTCĐ. Đối với mỗi nguyên lý PTCĐ, lấy ví dụ và rút ra cho bản thân những bài học kinh nghiệm. 9. Phân tích vai trò và chức năng của quản lý ca. Cho ví dụ minh họa. 10. Trình bày tiến trình quản lý ca.	#HD2.1	CLO3 CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			11. Quản trị ngành CTXH là gì? Trình bày các cấp độ của quản trị.		
CHƯƠNG 5. MỘT SỐ LÝ THUYẾT TIẾP CẬN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI 5.1. Những giả định triết học về con người 5.2. Tiếp cận dựa trên thuyết về nhu cầu con người 5.3. Tiếp cận dựa trên thuyết về quyền con người 5.4. Thuyết thân chủ trọng tâm 5.5. Tiếp cận dựa trên thuyết hành vi và nhận thức hành vi 5.6. Tiếp cận dựa trên thuyết động năng tâm lý 5.7. Tiếp cận dựa trên thuyết hệ thống sinh thái	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 79 - 94]; [2, tr. 21 - 36]; [3, tr. 29 - 53]; [4, tr. 165 - 206]; [6, tr. 49 - 78], trả lời các câu hỏi sau: 1. Trình bày cách tiếp cận theo nhu cầu. Tìm ví dụ về dự án hỗ trợ một cá nhân/nhóm/cộng đồng tiếp cận theo nhu cầu. 2. Trình bày cách tiếp cận dựa trên quyền. Tìm ví dụ về dự án hỗ trợ một cá nhân/nhóm/cộng đồng tiếp cận dựa trên quyền. 3. Trình bày quan điểm nhân văn hiện sinh. Hãy liên hệ với những tình huống trong cuộc sống hàng ngày thực hiện theo quan điểm nhân văn hiện sinh. 4. Trình bày lý thuyết thân chủ trọng tâm. Hãy mô tả những tình huống/đoạn hội thoại thực hành theo thân chủ trọng tâm. 5. Sự khác biệt cơ bản giữa thuyết năng động tâm lý và thuyết nhận thức hành vi. Nêu những ưu nhược điểm của từng thuyết. 6. Hãy bình luận vấn đề thất nghiệp của cộng đồng dựa trên quan điểm sinh thái. 7. Trình bày thuyết hệ thống. Nêu các hệ thống xã hội có ảnh hưởng đến hành vi của con người.	#HD1.1	CLO1; CLO2
CHƯƠNG 6. TIỀN TRÌNH CAN THIỆP VÀ CÁC LĨNH VỰC ÁP DỤNG TRONG CTXH 6.1. Tiến trình trong công tác xã hội	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 238 - 298]; [2, tr. 66 - 70; tr. 89 - 128]; [3, tr. 82 - 114]; [4, tr. 128 - 143; tr. 255 - 344]; [6, tr. 201 - 221], trả lời các câu hỏi sau:	#HD1.1 #HD2.1	CLO2

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
6.2. Một số lĩnh vực hoạt động trong CTXH 6.2.1. CTXH với trẻ em 6.2.2. CTXH với gia đình 6.2.3. CTXH trong lĩnh vực y tế 6.2.4. CTXH với người nghèo 6.2.5. CTXH với người cao tuổi 6.2.6. CTXH với người khuyết tật 6.2.7. CTXH trong trường học			1. Tại sao người ta lại xem hoạt động thực hành CTXH như một tiến trình giải quyết vấn đề? 2. Thế nào là tiến trình CTXH? Trình bày các giai đoạn của tiến trình CTXH. Thực hiện một bài tập thực hành về tiến trình CTXH. 3. Anh/Chị hãy liệt kê/trình bày/phân tích/giải thích: Tiến trình giải quyết vấn đề trong CTXH? Anh/chị hãy phân tích bước:...trong tiến trình giải quyết vấn đề của CTXH? 4. Các lĩnh vực ứng dụng CTXH: Sinh viên làm việc nhóm và báo cáo trước lớp. Chia nhóm và tự chọn lĩnh vực sau: CTXH Trường học, CTXH gia đình, CTXH trẻ em, CTXH nông thôn.		
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình Công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Hằng Phương	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2022	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Mai Thị Kim Thanh	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2011	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Trung Hải	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2020	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Trần Đình Tuấn	Công tác xã hội – Lý thuyết và thực hành	2010	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.

- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO1; CLO2	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3; CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO2	60%	PI5.1

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 6. An sinh xã hội và những vấn đề xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Security and Social Issues
3	Mã học phần:	SO4101
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dththao@dthu.edu.vn
- Số điện thoại: 0905712945

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dthu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức những vấn đề lý luận cơ bản về ASXH và các vấn đề xã hội. Bao gồm hệ thống các khái niệm về an sinh xã hội, các vấn đề xã hội; sự cần thiết có một hệ thống an sinh xã hội ở một quốc gia. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ

thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển xã hội.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Khái quát hóa được lịch sử hình thành và phát triển của khoa học an sinh xã hội.

4.1.2. Phân tích được bản chất và các yếu tố ảnh hưởng cơ bản đến hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam.

4.1.3. Nhận biết được các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội hiện hành.

4.1.4. Phân tích được các vấn đề xã hội ở Việt Nam trong mối liên hệ với các vấn đề xã hội ở khu vực và thế giới như: mại dâm, nghiện ma túy, bệnh HIV/AIDS, người khuyết tật, người cao tuổi, bất bình đẳng giới đối với phụ nữ, trẻ em bị xâm hại, bạo hành,...

4.1.5. Xác định được việc điều chỉnh và thực thi chính sách ở các cấp khác nhau đều có liên quan và tác động đến các quyền con người, công bằng xã hội, phúc lợi xã hội, dịch vụ xã hội của thân chủ và hệ thống thân chủ.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Nhận diện một vấn đề xã hội cụ thể cần can thiệp của đối tượng thân chủ dưới góc độ đa chiều.

4.2.2. Có khả năng giải thích được một vấn đề xã hội cơ bản ở cấp độ vi mô: cá nhân, nhóm, cộng đồng và một chính sách xã hội cụ thể.

4.2.3. Đề xuất, tham gia xây dựng chính sách xã hội đối với các đối tượng yếu thế.

4.2.5. Có khả năng tham gia xây dựng và quản lý các dự án liên quan đến phát triển xã hội, bình đẳng giới, phát triển cộng đồng cũng như chương trình xóa đói giảm nghèo.

4.2.5. Có khả năng tham gia thực hiện các nghiên cứu về an sinh xã hội, chính sách xã hội và thực hành công tác xã hội trong đó bao gồm cả phát triển cộng đồng.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

4.3.2. Thể hiện tinh thần dân thân vì cộng đồng, thái độ sống tích cực.

4.3.3. Tôn trọng và phát huy hệ giá trị của xã hội Việt Nam cũng như các tinh hoa văn hoá của nhân loại.

4.3.4. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

4.3.5. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.

4.3.6. Biết yêu cầu thông tin, lắng nghe tích cực và đối thoại hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Nhận biết được các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội hiện hành.
CLO2:	Phân tích được các vấn đề xã hội ở Việt Nam trong mối liên hệ với các vấn đề xã hội ở khu vực và thế giới như: mại dâm, nghiện ma túy, bệnh HIV/AIDS, người khuyết tật, người cao tuổi, bất bình đẳng giới đối với phụ nữ, trẻ em bị xâm hại, bạo hành,...
CLO3:	Nhận diện một vấn đề xã hội cụ thể cần can thiệp của đối tượng thân chủ dưới góc độ đa chiều.
CLO4:	Có khả năng lập kế hoạch vận động, quản lý, kết nối, phân phối các nguồn lực trợ giúp, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI					
	PLO3		PLO6	PLO9		PLO10
	PI3.1	PI3.3	PI6.1	PI9.1	PI9.2	PI10.1
CLO1	I		I			
CLO2	R,A		I	I		
CLO3		M,A				R
CLO4		R	R	R	R	R
An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	R,A	M,A	R	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. An sinh xã hội - hệ thống thiết yếu trong hệ thống tổ chức nhà nước 1.1. Khái niệm về an sinh xã hội 1.2. Sự nảy sinh các vấn đề xã hội 1.3. Sự hình thành và chuyển biến của tổ chức ASXH trên thế giới 1.4. Cơ sở khoa học của an sinh xã hội 1.5. Bản chất của an sinh xã hội 1.6. Hệ thống An sinh xã hội 1.7. Một số nguyên tắc xây dựng ASXH 1.8. Cơ chế tài chính của hệ thống ASXH 1.9. Hệ thống tổ chức ASXH ở Việt Nam 1.10. Mối quan hệ giữa ASXH và công tác xã hội	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề cho các nhóm thảo luận	- SV nghiên cứu ĐCCTHP và ý kiến (nếu có). - SV chọn nhóm (mỗi nhóm từ 3-5 SV) và đăng ký với GV. SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;
Chương 2. Chính sách Bảo hiểm xã hội 2.1. Khái niệm về Bảo hiểm xã hội 2.2. Tính chất của Bảo hiểm xã hội 2.3. Chức năng của Bảo hiểm xã hội 2.4. Vị trí, vai trò của Bảo hiểm xã hội trong hệ thống An sinh xã hội 2.5. Các nguyên tắc Bảo hiểm xã hội 2.6. Các chế độ Bảo hiểm xã hội 2.7. Bảo hiểm thất nghiệp 2.7. Tài chính Bảo hiểm xã hội 2.8. Hồ sơ Bảo hiểm xã hội	6	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - Các nhóm SV chọn một số tình huống để giải quyết tình huống.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 3. Chính sách ưu đãi xã hội 3.1. Khái niệm về ưu đãi xã hội 3.2. Mục đích của chính sách ưu đãi xã hội 3.3. Đối tượng hưởng ưu đãi xã hội 3.4. Các hình thức ưu đãi xã hội 3.5. Các chế độ ưu đãi xã hội 3.6. Tài chính ưu đãi xã hội	4	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. Các nhóm SV chọn một số tình huống để giải quyết tình huống.	#HĐ1.1	CLO1; CLO3;
Chương 4. Tổng quan về vấn đề xã hội 4.1. Khái niệm 4.2. Một số vấn đề xã hội của Việt Nam hiện nay 4.3. Phương châm giải quyết vấn đề xã hội 4.4. Công tác xã hội và vấn đề xã hội	3	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. SV chuẩn bị trước các câu hỏi về vấn đề xã hội.	#HĐ1.1	CLO1; CLO3; CLO4
Chương 5. Vấn đề nghiện ma túy 5.1. Khái niệm ma túy, nghiện ma túy 5.2. Phân loại ma túy 5.3. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy	4	- GV thuyết giảng - GV đặt vấn đề/ tình huống thực tế tương tác với sinh viên	- SV nghiên cứu tài liệu [2] và các tài liệu tham khảo khác Các nhóm tự nghiên cứu các loại hình cai	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
5.4. Tác hại của nghiện ma túy đến cá nhân, gia đình và xã hội 5.5. Dấu hiệu nhận diện người nghiện ma túy 5.6. Các giai đoạn của quá trình cai nghiện 5.7. Tâm lý của người nghiện ma túy 5.8. Vai trò của NVXH trong việc hỗ trợ cai nghiện ma túy			nghiện và tìm hiểu cụ thể về người nghiện.		
Chương 6. Vấn đề mại dâm 6.1. Khái niệm Mại dâm 6.2. Nguyên nhân dẫn đến vấn đề Mại dâm 6.3. Các loại hình mại dâm 6.4. Tình hình mại dâm ở Việt Nam 6.5. Tâm lý người mại dâm 6.6. Giải quyết vấn đề mại dâm 6.6.1. Quan điểm giải quyết vấn đề mại dâm của Việt Nam 6.6.2. Biện pháp phòng chống mại dâm 6.6.3. Nguyên tắc phòng chống mại dâm 6.6.4. Các biện pháp ngăn chặn nạn mại dâm 6.7. Vận động liên kết các tổ chức quần chúng, lực lượng xã hội phòng chống mại dâm 7.8. Vai trò then chốt của nhân viên CTXH trong giải quyết vấn đề mại dâm	4	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn.	- SV nghiên cứu tài liệu [1], [2] và các tài liệu tham khảo khác Các nhóm tự nghiên cứu các loại hình hỗ trợ người mại dâm	#HĐ1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 7. Vấn đề nhiễm HIV/AIDS 7.1. Những kiến thức cơ bản về người có HIV/AIDS 7.2. Phương thức lây truyền HIV và cách phòng tránh 7.3. Thực trạng HIV trên thế giới và ở Việt Nam 7.4. Các thay đổi tâm lý đối với người nhiễm HIV/AIDS 7.5. Các nhu cầu của người nhiễm HIV 7.6. Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS	3	- GV thuyết giảng - GV đặt vấn đề/ tình huống thực tế tương tác với sinh viên	- SV nghiên cứu tài liệu [1], [2] và các tài liệu tham khảo khác. - Các nhóm tự nghiên cứu các loại hình hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 8. Bạo lực trong gia đình đối với phụ nữ 8.1. Gia đình với sự phát triển của xã hội 8.2. Thực trạng bạo lực gia đình 8.3. Một số vấn đề cơ bản về bạo lực gia đình 8.4. Nguyên nhân bạo lực gia đình 8.5. Hậu quả bạo lực gia đình	4	- GV thuyết giảng - GV đặt vấn đề/ tình huống thực tế tương tác với sinh viên	- SV nghiên cứu tài liệu [3] và các tài liệu tham khảo khác. - Các nhóm tự nghiên cứu các loại hình hỗ trợ người phụ nữ bị bạo lực gia đình	#HĐ1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
8.6. Những chính sách của Nhà nước và công tác phòng chống bạo lực gia đình					
Chương 9. Người khuyết tật 9.1. Khái niệm về khuyết tật 9.2. Phân biệt khuyết tật với tàn tật 9.3. Thực trạng vấn đề khuyết tật 9.4. Nguyên nhân khuyết tật 9.5. Những khó khăn và ảnh hưởng của người khuyết tật 9.6. Quan niệm và phản ứng của xã hội đối với người khuyết tật 9.7. Phục hồi xã hội cho người khuyết tật 9.8. Vai trò của xã hội trong việc phục hồi xã hội cho người khuyết tật	3	- GV thuyết giảng, đặt câu hỏi, đặt tình huống. - SV nghe trình bày, trả lời câu hỏi, xử lý tình huống. - Sinh viên các nhóm còn lại đặt câu hỏi. GV nhận xét và tổng hợp.	- SV nghiên cứu tài liệu [1], [2] và các tài liệu tham khảo khác. - Các nhóm tự nghiên cứu các loại hình hỗ trợ người khuyết tật	#HĐ1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 10. Người cao tuổi 10.1. Khái niệm người cao tuổi 10.2. Những vấn đề của người cao tuổi 10.3. Tình hình và các biện pháp chăm sóc người cao tuổi trên thế giới 10.4. Đặc điểm và tình hình người cao tuổi ở Việt Nam 10.5. CTXH với người cao tuổi	4	- GV thuyết giảng, đặt câu hỏi, đặt tình huống. - SV nghe trình bày, trả lời câu hỏi, xử lý tình huống. - Sinh viên đặt câu hỏi. GV nhận xét và tổng hợp.	- SV nghiên cứu tài liệu [4] và các tài liệu tham khảo khác. Các nhóm tự nghiên cứu các loại hình hỗ trợ người khuyết tật	#HĐ1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 11. Trẻ em lao động sớm 11.1 Định nghĩa trẻ lao động sớm 11.2. Thực trạng trẻ lao động sớm 11.3. Phân loại 11.4. Nguyên nhân trẻ lao động sớm 11.5. Các biện pháp nhằm hạn chế trẻ lao động sớm	4	- GV trình bày, đặt câu hỏi, đặt tình huống. - SV nghe trình bày, trả lời câu hỏi, xử lý tình huống. - GV chốt lại những vấn đề cơ bản khi lập kế hoạch tài chính của dự án. GV nhận xét cách thức lập kế hoạch tài chính dự án của các nhóm.	- SV nghiên cứu tài liệu [5] và các tài liệu tham khảo khác. - Trả lời câu hỏi gợi ý - Xử lý tình huống kinh doanh. Làm bài tập tình huống lập kế hoạch tài chính của dự án mà nhóm đã chọn. Sau đó nộp lại cho GV.	#HĐ1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Hoài Thu	Giáo trình Pháp Luật An sinh xã hội	2024	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Minh Đức	Cẩm nang pháp luật phòng, chống ma túy học đường	2020	CAND	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
3	Trần Văn Luận, Dương Văn Khánh	Bài giảng công tác xã hội với người cao tuổi	2020	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Đoàn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thái Lan, Đỗ Thị Thu Phương	Giáo trình công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2020	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Bài kiểm tra 1	Tự luận	Rubric	50%	CLO1; CLO2	40%	
	HĐ1.2. Bài kiểm tra 2	Tự luận	Rubric	50%	CLO1; CLO2		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO3; CLO4	60%	PI3.1 PI3.3

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 7. Tâm lý học phát triển

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Tâm lý học phát triển
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Developmental Psychology
3	Mã học phần:	SO4108
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Thị Minh Hiếu
- Email: minhhiu1234@gmail.com
- Điện thoại: 0918716313

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đinh Ngọc Thắng
- Email: dinhngocthang2010@gmail.com
- Điện thoại: 0909196802

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học phát triển là một trong nhiều khoa học nghiên cứu về con người, giúp sinh viên nắm bắt được những quy luật của sự nảy sinh, hình thành và phát triển về thể chất, tâm lý con người, nhận thức được cơ chế tác động tạo ra sự biến đổi tích cực của quá trình sống của con người. Trên cơ sở đó vận dụng kiến thức tâm lý một cách sáng tạo vào việc học tập, thực tiễn đời sống xã hội, xây dựng những định hướng tâm lý cá nhân, nhóm, xã hội qua các giai đoạn phát triển khác nhau một cách khoa học để rèn luyện nhân cách của mình được tốt hơn cũng như tham gia tốt phát triển cộng đồng.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Sinh viên hiểu được khái quát chung của tâm lý học phát triển: như đối tượng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa TLH phát triển và các khoa học khác, ý nghĩa, khái niệm, các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển.

4.1.2. Sinh viên vận dụng được nội dung cơ bản các học thuyết tâm lý học phát triển, giải thích cơ chế trưởng thành các nét tâm lý, hành vi của con người.

4.1.3. Sinh viên hiểu, phân tích được các lứa tuổi mầm non, tiểu học, trung học cơ sở mà chúng ta phải trải qua, đặc điểm và những kinh nghiệm quý báu rút ra được mỗi lứa tuổi này.

4.1.4. Sinh viên phân tích được lứa tuổi THPT, sinh viên đại học và vận dụng bản thân trong học tập, thực tiễn xã hội.

4.1.5. Sinh viên hiểu, phân tích được người trưởng thành về tâm lý học phát triển cũng như từng giai đoạn lứa tuổi trên của mỗi con người để họ có hành vi, thái độ đúng trong mối quan hệ với mọi người.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Sinh viên chuẩn xác được kiến thức tâm lý học phát triển để hiểu và giải thích sự hình thành tâm lý, rèn luyện tâm lý, ý thức của mình thông qua việc tích cực tham gia vào các hoạt động, giao tiếp để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong học tập, cuộc sống.

4.2.2. Sinh viên vận dụng những hiểu biết về các học thuyết vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý, hành vi của con người theo quan điểm khoa học.

4.2.3. Sinh viên ứng dụng được tâm lý lứa tuổi mầm non, tiểu học, THCS vào trong học tập, thực tiễn để giải thích các hiện tượng tâm lý cụ thể.

4.2.4. Sinh viên ứng dụng được tâm lý lứa tuổi THPT, sinh viên và người trưởng thành để phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý của bản thân và mọi người xung quanh để có thể hiểu được mình, người khác cũng như việc giải các bài tập thực hành, các tình huống giao tiếp trong cuộc sống.

4.2.5. Sinh viên có thái độ trân trọng kiến thức, công trình và kết quả nghiên cứu của học phần tâm lý học phát triển.

4.2.6. Sinh viên có những xúc cảm tích cực, tự giác, chủ động trong quá trình tiếp thu kiến thức và thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho.

4.2.7. Sinh viên có thái độ tin tưởng, lạc quan vào tính hữu ích của học phần tâm lý học phát triển mang lại cho bản thân, nghề nghiệp sau này.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Sinh viên làm việc độc lập, chủ động dưới sự hướng dẫn giảng giải, thuyết trình của GV nhằm tạo được sự say mê, hứng thú trong quá trình học tập.

4.3.2. Sinh viên phân tích và có thái độ đúng đắn trong việc tìm hiểu rõ các học thuyết về sự phát triển tâm lý, vận dụng chúng và giải thích mọi sự vật, hiện tượng trong học tập, cuộc sống.

4.3.3. Sinh viên có thái độ tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, hiểu việc phân tích, đánh giá tâm lý lứa tuổi mầm non, lứa tuổi học sinh nhỏ và vận dụng các đặc điểm, các quy luật của tâm lý vào cuộc sống và dạy học.

4.3.4. Sinh viên hiểu việc phân tích, đánh giá tâm lý lứa tuổi THPT, sinh viên, người trưởng thành và lập kế hoạch luyện tập, luyện tập theo nhóm về tâm lý lứa tuổi này và đánh giá được mức độ làm chủ bản thân cũng như biết vận dụng nó trong học tập, cuộc sống từ đó yêu thích môn học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích được tâm lý các lứa tuổi mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT, sinh viên đại học, người trưởng thành và vận dụng bản thân trong học tập, thực tiễn xã hội.
CLO2:	Vận dụng được các học thuyết tâm lý học phát triển vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý, hành vi của con người theo quan điểm khoa học.
CLO3:	Có khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng (ở các lứa tuổi) khác nhau và thái độ tin tưởng, lạc quan vào tính hữu ích của học phần tâm lý học phát triển mang lại cho bản thân, nghề nghiệp sau này.
CLO4:	Có khả năng đánh giá tâm lý ở các lứa tuổi và đánh giá được mức độ làm chủ bản thân và quản lý tốt các mối quan hệ xã hội với người khác trong quá trình học tập, công việc và thực tiễn xã hội.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI					
	PLO4	PLO5	PLO7		PLO9	PLO10
	PI4.1	PI5.2	PI7.3	PI7.4	PI9.3	PI10.2
CLO1	R,A					
CLO2		R				
CLO3			I	I		
CLO4					I	I
Tâm lý học phát triển	R,A	R	I	I	I	I

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC PHÁT TRIỂN 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học phát triển 1.1.1. Đối tượng của tâm lý học phát triển. 1.1.2. Nhiệm vụ của tâm lý học phát triển 1.1.3. Mối quan hệ của tâm lý học phát triển và các khoa học khác 1.1.4. Ý nghĩa của tâm lý học phát triển 1.2. Các khái niệm cơ bản của tâm lý học phát triển 1.2.1. Hình thành và phát triển tâm lý 1.2.2. Hoàn thiện tâm lý 1.2.3. Suy thoái tâm lý 1.3. Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển 1.3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận DV biện chứng 1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu của TLH phát triển 1.3.2.1. Các phương pháp tổ chức nghiên cứu. 1.3.2.2. Các phương pháp thu thập số liệu (quan sát, thực nghiệm, đàm thoại, điều tra, phân tích sản phẩm, tiểu sử cá nhân). 1.3.2.3. Các phương pháp xử lý số liệu.	5	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học SV trả lời những câu hỏi sau: 1. Đối tượng của TLHPT là gì? 2. Nêu nhiệm vụ của TLHPT. 3. Trình bày mối quan hệ của TLHPT với các khoa học khác. 4. Phân tích ý nghĩa của TLHPT. 5. Hãy phát biểu các khái niệm: hoàn thiện tâm lý, suy thoái tâm lý. 6. Hãy nêu các phương pháp nghiên cứu của TLHPT.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3
Chương 2. CÁC HỌC THUYẾT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ 2.1. Lý luận của tâm lý học hành vi về sự phát triển tâm lý 2.1.1. Quan điểm TLH của J. Watson (về sự học, cảm xúc, tư duy) 2.1.2. Quan điểm hành vi nhận thức của E.C.Tolman 2.1.3. Quan điểm hành vi tạo tác của Skinner.	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học SV trả lời những câu hỏi sau: 1. Nêu học thuyết hành vi của J.Watson. 2. Nêu quan điểm hành vi tạo tác của Skinner. 3. Hãy phân tích quan điểm hành vi xã hội và thuyết xã hội học tập. 4. Phân tích lý thuyết về hoạt động tâm lý của A.N. Leonchiev. 5. Phân tích lý thuyết hình thành hành động trí tuệ	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.1.4. Quan điểm hành vi xã hội và thuyết xã hội học tập. 2.2. Lý thuyết phát triển tâm lý của tâm lý học phân tâm 2.2.1. Quan điểm của Sigmund Freud. 2.2.2. Lý thuyết về phát triển tâm lý xã hội của Erik.Erickson 2.2.3. Tâm lý học phân tích của Karl Jung. 2.3. Lý luận sự phát triển tâm lý của tâm lý học nhận thức 2.3.1. Cơ sở xuất phát và các khái niệm công cụ của J. Piagie. 2.3. 2. Sự phát sinh thao tác trí tuệ. 2.3.2.1. Trí tuệ, sự phát triển trí tuệ, thao tác trí tuệ. 2.3.2.2. Sự hình thành cấu trúc nhận thức và cấu trúc thao tác trí tuệ. 2.3.2.3. Cơ chế của sự phát triển trí tuệ. 2.4. Lý luận phát triển tâm lý của tâm lý học hoạt động 2.4.1. L.X. Vurgotxki-Học thuyết lịch sử văn hóa phát triển tâm lý. 2.4.1.1. Quan điểm về cấu trúc và nguồn gốc các chức năng tâm lý. 2.4.1.2. Sự phát sinh, phát triển tư duy và ngôn ngữ ở trẻ. 2.4.1.3. Khái niệm khoa học và khái niệm thông thường. 2.4.2. Lý thuyết về hoạt động tâm lý của A.N. Leonchiev 2.4.2.1. Sự phát triển tâm lý trẻ em theo A.N. Leonchiev. 2.4.2.2. Hoạt động chủ đạo trong sự phát triển trẻ em. 2.4.3. P.Ia.Galperin - Lý thuyết hình thành hành động trí tuệ					
Chương 3. SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA	5	- GV thuyết giảng.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học. SV trả lời những câu hỏi	#HD1.1	CLO1; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
TRẺ TRONG TUỔI MẦM NON 3.1.1. Phân xạ không điều kiện và sự phát triển của chúng ở trẻ. 3.1.2. Đặc điểm phát triển giác quan của trẻ. 3.1.3. Nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng từ thế giới bên ngoài 3.1.4. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi. 3.2. Giai đoạn tuổi nhà trẻ (từ 1 đến 3 tuổi) 3.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi nhà trẻ 3.2.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý. 3.2.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội. 3.2.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi nhà trẻ 3.2.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ) 3.2.2.2. Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách. a. Sự phát triển xúc cảm, tình cảm. b. Xuất hiện ý thức về bản thân. c. Hình thành thế giới nội tâm. d. Nguyên vọng độc lập & khủng hoảng của trẻ lên 3. 3.3. Giai đoạn tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi) 3.3.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi mẫu giáo 3.3.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý. 3.3.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội. 3.3.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi mẫu giáo 3.3.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ) 3.3.2.2. Sự phát triển của một số hoạt động. a. Hoạt động học tập b. Hình thức sơ đẳng của hoạt động lao động. 3.3.2.3. Sự phát triển nhân cách		- GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	sau: 1. Hầu hết trẻ lên 3 đều xuất hiện hiện tượng: “nguyên vọng độc lập và khủng hoảng tuổi lên 3”, bạn hãy nêu các biểu hiện của hiện tượng này và phương hướng khắc phục khủng hoảng cho trẻ lên 3. 2. Hoạt động vui chơi là gì? Trình bày vai trò của hoạt động vui chơi đối với sự phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo. 3. Phân biệt sự phát triển đời sống tình cảm của trẻ mẫu giáo bé và mẫu giáo nhỡ và rút ra kết luận sự phạm của người giáo viên mầm non		

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
a. Sự phát triển tình cảm. b. Đặc điểm động cơ hành vi c. Sự hình thành ý thức bản thân. 3.3.2.4. Sự hình thành tâm lý sẵn sàng đi học.					
Chương 4. TÂM LÝ LÚA TUỔI HỌC SINH NHỎ 4.1. Học sinh tiểu học (từ 6 đến 11 tuổi) 4.1.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi nhi đồng 4.1.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý. 4.1.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội. 4.1.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi nhi đồng 4.1.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ, chú ý) 4.1.2.2. Đời sống tình cảm tuổi nhi đồng. 4.1.2.3. Đặc điểm phát triển nhân cách của học sinh tiểu học. a. Tính cách. b. Khả năng đánh giá và tự đánh giá. c. ý chí 4.2. Học sinh THCS 4.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi thiếu niên 4.2.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý. 4.2.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội. 4.2.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi thiếu niên 4.2.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, trí nhớ, chú ý, tư duy) 4.2.2.2. Đời sống tình cảm tuổi thiếu niên. 4.2.2.3. Khuyênh hướng muốn làm người lớn. 4.2.2.4. Sự khủng hoảng trong tâm lý tuổi thiếu niên. 4.2.3. Sự phát triển nhân cách tuổi thiếu niên 4.2.3.1. Sự hình thành tự ý thức.	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu, soạn đề cương tự học SV trả lời những câu hỏi sau: 1. Nêu đặc điểm tâm lý của HS tiểu học. Phân tích những tiền đề phát triển tâm lý của HSTH. 2. Trình bày đặc điểm phát triển nhân cách của HS tiểu học, HSTH có khả năng đánh giá và tự đánh giá không? Cho ví dụ. 3. Hãy kể các hoạt động của HS tiểu học, hoạt động nào đóng vai trò chủ đạo của HSTH, trình bày hoạt động đó. 4. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của HS tiểu học có đặc điểm gì? Từ đó rút ra kết luận cần thiết trong việc tổ chức học sinh học tập. 5. Phân tích sự tự ý thức của thiếu niên. Vì sao nói “Thiếu niên nhận xét mình bằng con mắt của người khác”.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
4.2.3.2. Sự hình thành đạo đức. 4.2.3.3. Ý chí.					
Chương 5. TÂM LÝ LÚA TUỔI HỌC SINH LỚN 5.1. Học sinh trung học phổ thông 5.1.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi đầu thanh niên 5.1.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý. 5.1.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội. 5.1.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi đầu thanh niên 5.1.2.1. Sự phát triển của các quá trình nhận thức (tri giác, trí nhớ, chú ý, tư duy, tưởng tượng) 5.1.2.2. Sự phát triển nhu cầu a. Nhu cầu giao tiếp. b. Nhu cầu xác định vị trí xã hội. 5.1.2.3. Đời sống tình cảm tuổi đầu thanh niên. 5.1.3. Sự phát triển nhân cách 5.1.3.1. Sự phát triển của tự ý thức. 5.1.3.2. Sự hình thành thế giới quan. 5.1.3.3. Nhận thức và xu hướng nghề. 5.2. Sinh viên đại học 5.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi thanh niên. 5.2.1.1. Sự phát triển về sinh lý. 5.2.1.2. Sự phát triển về xã hội. 5.2.1.3. Các hoạt động cơ bản. a. Hoạt động học tập. b. Nghiên cứu khoa học. c. Hoạt động chính trị xã hội. d. Hoạt động xã hội và giao lưu bạn bè. 5.2.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản tuổi sinh viên. 5.2.2.1. Sự thích nghi của SV với cuộc sống hoạt động mới. 5.2.2.2. Sự phát triển của các quá trình nhận thức, trí tuệ.	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	SV trả lời những câu hỏi sau: 1. Những điều kiện nào thúc đẩy sự phát triển ở tuổi đầu thanh niên? 2. Nêu những đặc điểm cơ bản trong sự phát triển trí tuệ của TN mới lớn, nguyên nhân của các đặc điểm đó. 3. Trình bày đặc điểm của sự phát triển tự ý thức của thanh niên. Ý nghĩa của nó với sự phát triển nhân cách của thanh niên mới lớn. 4. So sánh sự khác biệt tự ý thức giữa HSTHPT và HSTHCS. Rút ra kết luận sự phạm trong cách ứng xử của giáo viên với hai lứa tuổi 5. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của học sinh THPT có đặc điểm gì? Từ đó rút ra kết luận cần thiết trong việc tổ chức học sinh học tập. 6. Nêu điều kiện phát triển tâm lý tuổi thanh niên. 7. Trình bày sự thích nghi của SV với cuộc sống hoạt động mới. 8. Phân tích xu hướng nghề nghiệp của sinh viên.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
5.2.2.2. Sự phát triển của các quá trình nhận thức, trí tuệ. 5.2.2.3. Sự phát triển động cơ học tập của sinh viên 5.2.2.4. Đời sống xúc cảm - tình cảm của thanh niên. 5.2.3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu của tuổi sinh viên. 5.2.3.1. Xu hướng nhân cách. 5.2.3.2. Đặc điểm kiểu nhân cách sinh viên. 5.2.3.3. Đặc điểm nhân cách tuổi sinh viên.					
Chương 6. TÂM LÝ NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH 6.1. Giai đoạn đầu tuổi trưởng thành (từ 25 đến 40 tuổi) 6.1.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi trưởng thành. 6.1.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý. 6.1.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội. 6.1.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản của người trưởng thành. 6.1.2.1. Sự phát triển hoạt động nghề nghiệp. 6.1.2.2. Đời sống tình cảm và sinh hoạt gia đình. 6.2. Giai đoạn tuổi trung niên (từ 40 đến 60 tuổi) 6.2.1. Điều kiện phát triển tâm lý tuổi trung niên. 6.2.1.1. Sự phát triển về mặt sinh lý 6.2.1.2. Sự phát triển về mặt xã hội. 6.2.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản của người trung niên. 6.2.2.1. Sự phát triển trong hoạt động nghề nghiệp. 6.2.2.2. Trong sinh hoạt gia đình. 6.2.2.3. Sự “Khủng hoảng giữa đời người” 6.3. Giai đoạn tuổi già (60 tuổi trở lên)	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV trả lời những câu hỏi sau: 1. Nêu những điều kiện phát triển ở tuổi trưởng thành? 2. Phân tích những đặc điểm cơ bản của người trưởng thành. 3. Trình bày sự phát triển về mặt xã hội của tuổi trung niên. 4. Nêu sự phát triển về mặt xã hội của tuổi già. 5. Phân tích “Hội chứng về hưu” ở tuổi già. 6. Theo bạn cách nhìn nhận hiện nay về người già là như thế nào?	#HD1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
6.3.1. Những thay đổi về sinh lý. 6.3.2. Đặc điểm tâm lý cơ bản ở tuổi già. 6.3.2.1. Đời sống trí tuệ 6.3.2.2. Đời sống xã hội 6.3.2.3. Đời sống tình cảm. 6.3.2.4. “Hội chứng về hưu” ở tuổi già. 6.3.3. Cách nhìn nhận hiện nay về người già.					
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hà Thị Thu	Giáo trình Tâm lý học phát triển	2007	LĐ - XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Văn Đồng	Tâm lý học phát triển	2012	Chính trị Quốc gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Hương Nguyễn	Tâm lý học trong nháy mắt: Psychology Express - Tập 5: Tâm lý học phát triển	2017	Dân trí	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	40%	CLO3; CLO4	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	60%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1	60%	PI4.1

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 8. Chính sách xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Chính sách xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Policy
3	Mã học phần:	SO4102
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học/Cao đẳng
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dththao@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0905712945

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành chính sách xã hội ở Việt Nam, phương pháp luận về chính sách xã hội như đối tượng, nội dung, nhiệm vụ và các mối quan hệ của chính sách xã hội; những quan điểm trong việc hoạch định và thực thi các chính sách xã hội; một số chính sách xã hội cơ bản như chính sách dân số; chính sách lao động và việc làm, chính sách giáo dục và đào tạo; chính sách xã hội về phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường; chính sách xã hội đối với phụ nữ; chính sách văn hóa; chính sách dân tộc; chính sách phòng chống tệ nạn xã hội. Từ đó hướng đến việc kết nối các chính sách với các đối tượng thụ hưởng.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học diễn giải được về lịch sử hình thành chính sách xã hội, quá trình hoạch định chính sách xã hội, phân tích chính sách xã hội và tổ chức thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam. Phân tích được chính sách dân số, chính sách lao động và việc làm, chính sách giáo dục và đào tạo, chính sách xã hội về phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường, chính sách xã hội đối với phụ nữ, chính sách văn hóa, chính sách dân tộc và chính sách phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam. Phân tích được vai trò và sự tác động của chính sách xã hội thông qua hệ thống dịch vụ an sinh xã hội. Vận dụng được các chính sách xã hội hiện hành nhằm biện hộ bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng xã hội.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Diễn giải về lịch sử hình thành chính sách xã hội, quá trình hoạch định chính sách xã hội, phân tích chính sách xã hội và tổ chức thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam.
CLO2:	Phân tích chính sách dân số, chính sách lao động và việc làm, chính sách giáo dục và đào tạo, chính sách xã hội về phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường, chính sách xã hội đối với phụ nữ, chính sách văn hóa, chính sách dân tộc và chính sách phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam.
CLO3:	Phân tích được vai trò và sự tác động của chính sách xã hội thông qua hệ thống dịch vụ an sinh xã hội.
CLO4:	Vận dụng các chính sách xã hội hiện hành nhằm biện hộ bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng xã hội.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI	
	PLO3	
	PI3.2	PI3.3
CLO1	I	
CLO2	R	
CLO3	M,A	
CLO4		R
Chính sách xã hội	M,A	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI 1.1. Khái niệm 1.2. Chức năng của Chính sách xã hội 1.3. Yêu cầu đối với Chính sách xã hội 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành của hệ thống chính sách xã hội 1.5. Quy trình của chính sách xã hội 1.6. Các chính sách cấu thành hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam 1.7. Chính sách xã hội trong các mối quan hệ 1.8. Khái quát về quá trình phát triển chính sách xã hội trên thế giới và Việt Nam	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm “chính sách Nhà nước” và “chính sách xã hội”. 2. Phân tích chức năng của chính sách xã hội. 3. Phân tích các yêu cầu cần có của chính sách xã hội. 4. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành hệ thống chính sách xã hội. 5. Phân tích quy trình chính sách xã hội. 6. Phân tích các chính sách cấu thành hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam. 7. Phân tích quá trình phát triển chính sách xã hội ở Việt Nam. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD2.1	CLO1
Chương 2. HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	2	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2] và thực hiện các yêu cầu sau:	HD2.1	CLO1

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
2.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định chính sách xã hội 2.2. Cơ sở của hoạch định chính sách xã hội 2.3. Quy trình hoạch định chính sách xã hội		- Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	1. Phân tích khái niệm và vai trò của việc hoạch định chính sách xã hội. 2. Phân tích những cơ sở (căn cứ) trong hoạch định chính sách xã hội. 3. Phân tích quá trình hoạch định chính sách xã hội. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.		
Chương 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI 3.1. Khái niệm, vị trí của tổ chức thực hiện chính sách xã hội 3.2. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện chính sách xã hội 3.3. Các điều kiện cần thiết để thực hiện chính sách xã hội 3.4. Nội dung của tổ chức thực hiện chính sách xã hội 3.5. Các hình thức và phương pháp tổ chức thực hiện chính sách xã hội	2	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm, vị trí của tổ chức thực hiện chính sách xã hội. 2. Phân tích các yếu tố chính ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện CSXH. 3. Phân tích các điều kiện cần thiết để thực thi CSXH đạt hiệu quả. 4. Phân tích nội dung của tổ chức thực hiện CSXH. 5. Phân tích các hình thức và phương pháp tổ chức thực hiện CSXH. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD2.1	CLO1
Chương 4. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI 4.1. Khái niệm, sự cần thiết cho phân tích chính sách xã hội 4.2. Yêu cầu và nhiệm vụ của Phân tích chính sách xã hội 4.3. Các điều kiện cần thiết cho phân tích chính sách xã hội 4.4. Các bước phân tích chính sách xã hội 4.5. Một số công cụ phân tích chính sách xã hội 4.6. Thực hiện phân tích chính sách xã hội	2	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm và sự cần thiết của phân tích chính sách xã hội. 2. Phân tích các yêu cầu và nhiệm vụ của phân tích chính sách xã hội. 3. Phân tích các điều kiện cần thiết cho phân tích chính sách xã hội. 4. Phân tích các bước trong phân tích chính sách xã hội. 5. Trình bày một số công cụ phân tích chính sách xã hội. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD2.1	CLO1

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 5. CHÍNH SÁCH DÂN SỐ 5.1. Khái niệm, mục tiêu chính sách dân số 5.2. Các loại chính sách dân số 5.3. Các biện pháp đạt được mục tiêu chính sách dân số 5.4. Thực trạng thực hiện chính sách dân số ở nước ta 5.5. Nhiệm vụ cơ bản của quản lý Nhà nước về dân số-kế hoạch hóa gia đình	6	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm, mục tiêu của chính sách dân số. 2. Phân tích các loại chính sách dân số. 3. Phân tích các biện pháp để đạt mục tiêu của chính sách dân số. 4. Phân tích thực trạng thực hiện chính sách dân số ở Việt Nam. 5. Phân tích một số giải pháp cơ bản để hoàn thiện chính sách dân số ở Việt Nam. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.1 HD1.2 HD2.1	CLO2 CLO3 CLO4
Chương 6. CHÍNH SÁCH VIỆC LÀM 6.1. Khái niệm, vai trò của chính sách việc làm 6.2. Một số chính sách việc làm và thực hiện chính sách việc làm ở nước ta 6.3. Qua điểm và giải pháp hoàn thiện chính sách việc làm	6	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm, vai trò của chính sách việc làm. 2. Phân tích thực trạng việc làm ở nước ta hiện nay. 3. Phân tích những vấn đề đặt ra cho chính sách việc làm ở nước ta hiện nay. 4. Phân tích quan điểm, giải pháp hoàn thiện chính sách việc làm của Nhà nước. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.1 HD1.2 HD2.1	CLO2 CLO3 CLO4
Chương 7. CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 7.1. Khái niệm, vai trò của chính sách giáo dục và đào tạo 7.2. Một số chính sách giáo dục và đào tạo 7.3. Thực trạng thực hiện chính sách giáo dục, đào tạo 7.4. Quan điểm và phương hướng phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo ở nước ta	6	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm, vai trò của chính sách giáo dục và đào tạo. 2. Phân tích thực trạng thực hiện chính sách giáo dục và đào tạo. 3. Phân tích quan điểm đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo của nước ta. 4. Phân tích phương hướng hoàn thiện chính sách giáo dục và đào tạo ở nước ta.	HD1.1 HD1.2 HD2.1	CLO2 CLO3 CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
			- Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.		
Chương 8. CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VỀ PHÂN PHỐI THU NHẬP TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 8.1. Khái niệm, bản chất và phân loại chính sách xã hội về phân phối thu nhập 8.2. Vai trò của chính sách phân phối thu nhập 8.3. Thực trạng thực hiện chính sách phân phối thu nhập ở Việt Nam 8.4. Định hướng về hoàn thiện chính sách phân phối thu nhập.	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm, bản chất chính sách xã hội về phân phối thu nhập. 2. Phân loại chính sách phân phối thu nhập. 3. Phân tích vai trò của chính sách phân phối thu nhập. 4. Phân tích thực trạng thực hiện chính sách phân phối thu nhập ở nước ta hiện nay. 5. Phân tích định hướng hoàn thiện chính sách phân phối thu nhập của Nhà nước. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ2.1	CLO2 CLO3 CLO4
Chương 9. CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ 9.1. Khái niệm, vai trò của chính sách xã hội đối với phụ nữ 9.2. Một số chính sách xã hội đối với phụ nữ 9.3. Thực trạng thực hiện chính sách xã hội đối với phụ nữ 9.4. Quan điểm hoàn thiện chính sách xã hội đối với phụ nữ	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3], [6], [7] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm, vai trò của chính sách xã hội đối với phụ nữ. 2. Phân tích một số chính sách xã hội đối với phụ nữ ở nước ta. 3. Phân tích thực trạng thực hiện chính sách xã hội đối với phụ nữ ở nước ta. 4. Phân tích quan điểm hoàn thiện chính sách xã hội đối với phụ nữ của Đảng và Nhà nước ta. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ2.1	CLO2 CLO3 CLO4
Chương 10. CHÍNH SÁCH VĂN HÓA 10.1. Khái niệm, vai trò của chính sách Văn hóa 10.2. Tình hình thực hiện chính sách văn hóa 10.3. Định hướng hoàn thiện chính sách văn hóa trong nền kinh tế thị trường	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm văn hóa và chính sách văn hóa. 2. Phân tích vị trí, vai trò của chính sách văn hóa trong đời sống xã hội.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ2.1	CLO2 CLO3 CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
			3. Trình bày một số chính sách văn hóa ở Việt Nam. 4. Phân tích tình hình thực hiện chính sách văn hóa ở nước ta hiện nay. 5. Trình bày định hướng hoàn thiện chính sách văn hóa của Đảng, Nhà nước. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.		
Chương 11. CHÍNH SÁCH DÂN TỘC 11.1. Khái niệm, vai trò của chính sách Dân tộc 11.2. Một số đặc điểm cơ bản về các tộc người ở nước ta ảnh hưởng đến chính sách dân tộc 11.3. Một số chính sách dân tộc 11.4. Thực trạng thực hiện chính sách dân tộc 11.5. Định hướng hoàn thiện chính sách xã hội đối các dân tộc.	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm, vai trò của chính sách dân tộc. 2. Phân tích một số đặc điểm cơ bản về các tộc người ở nước ta ảnh hưởng đến chính sách dân tộc. 3. Trình bày một số chính sách dân tộc ở nước ta. 4. Phân tích thực trạng thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay. 5. Trình bày định hướng hoàn thiện chính sách xã hội đối với các dân tộc thiểu số trong thời gian tới của Đảng và Nhà nước. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.1 HD1.2 HD2.1	CLO2 CLO3 CLO4
Chương 12. CHÍNH SÁCH PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI 12.1. Khái niệm, phân loại chính sách 12.2. Một số chính sách phòng chống mại dâm, ma túy 12.3. Quản lý nhà nước về tệ nạn ma túy và mại dâm 12.4. Định hướng hoàn thiện chính sách xã hội về phòng chống tệ nạn xã hội, mại dâm và ma túy.	6	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy, tệ nạn mại dâm. 2. Trình bày một số chính sách phòng chống mại dâm và ma túy ở nước ta. 3. Phân tích thực trạng thực hiện chính sách phòng chống tệ nạn xã hội về ma túy và mại dâm. 4. Trình bày định hướng hoàn thiện chính sách xã hội về phòng, chống tệ nạn xã hội và ma túy, mại dâm của Đảng và Nhà nước. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.1 HD1.2 HD2.1	CLO2 CLO3 CLO4

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Tuấn Anh	Giáo trình Chính sách xã hội	2022	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Tiệp, Nguyễn Hồng Trang, Nguyễn Lê Trang	Giáo trình Chính sách xã hội	2019	LĐ – XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Mai Ngọc Cường	Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay	2013	Chính trị Quốc gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Bài tập nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO1; CLO4	40%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO2; CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO3	60%	PI3.2

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 9. Các lý thuyết trong công tác xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Các lý thuyết trong công tác xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work Theories
3	Mã học phần:	SO4013
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0983605208

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học này giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản về các lý thuyết được ứng dụng trong công tác xã hội, qua đó sinh viên biết cách áp dụng các lý thuyết công tác xã hội vào các trường hợp can thiệp cụ thể với các thân chủ, tác động với nhóm, cộng đồng. Đồng thời, qua việc xem xét đánh giá những lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội, sinh viên sẽ biết cách đưa ra những cách thức lý luận khác nhau, áp dụng các mô hình lý luận khác nhau về hoạt động thực hành của công tác xã hội.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Nhận biết được chức năng, vai trò của lý thuyết trong thực hành công tác xã hội và đối với nhân viên xã hội;
- 4.1.2. Phân tích được cấu trúc và bản chất của từng lý thuyết công tác xã hội.
- 4.1.3. Phác họa được các luận điểm lý luận khác nhau của công tác xã hội đối với hoạt động thực hành công tác xã hội.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Biết cách mô tả vai trò và chức năng của từng lý thuyết công tác xã hội.

4.2.2. Nhận biết được lý thuyết nào phù hợp với những đối tượng cần tác động.

4.2.3. Biết cách phân tích nội dung của từng lý thuyết để áp dụng vào những trường hợp cụ thể.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Có cách nhìn khách quan, khoa học về vai trò của lý luận trong thực hành, nghiên cứu, mối quan hệ giữa lý luận và thực hành nghiên cứu khoa học.

4.3.2. Hình thành được cách nhìn nhận, phân tích về mối quan hệ giữa lý luận và thực hành trong hoạt động công tác xã hội.

4.3.3. Khả năng tự học và tự nâng cao trình độ qua thực hành.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích được cấu trúc và bản chất của từng lý thuyết công tác xã hội.
CLO2:	Phác họa được các luận điểm lý luận khác nhau phù hợp với từng đối tượng can thiệp trong hoạt động thực hành công tác xã hội.
CLO3:	Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả.
CLO4:	Hình thành nhận thức khách quan, khoa học về vai trò của lý luận trong thực hành, nghiên cứu, mối quan hệ giữa lý luận và thực hành trong hoạt động chuyên môn.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI			
	PLO5		PLO7	PLO10
	PI5.1	PI5.2	PI7.1	PI10.1
CLO1	I	I		
CLO2	R	R		
CLO3			R	
CLO4				I
Các lý thuyết trong công tác xã hội	R	R	R	I

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÝ THUYẾT TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI 1.1. Khái niệm 1.2. Các trường phái của lý thuyết 1.3. Ba trụ cột của lý thuyết công tác xã hội 1.4. Chức năng của công tác xã hội 1.5. Vai trò của lý thuyết đối với nhân viên công tác xã hội 1.6. Mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành công tác xã hội 1.7. Một số quan điểm trong công tác xã hội 1.7.1. Quan điểm thân chủ trọng tâm 1.7.2. Quan điểm trao quyền 1.7.3. Quan điểm phục hồi	10	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho các nhóm.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 44–71]; [2, tr. 41–91]; [3, tr. 55–110]; [4, tr. 55–95]; [6, tr. 61–93], [7, tr. 79–91], [7, tr. 130–153], [7, tr. 164–215], [10, tr. 148–196].	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.7.4. Quan điểm khả năng thể mạnh					
Chương 2. MỘT SỐ LÝ THUYẾT VẬN DỤNG TRONG LÀM VIỆC VỚI CÁ NHÂN 2.1. Lý thuyết hệ thống 2.2. Lý thuyết sinh thái 2.3. Lý thuyết hành vi cổ điển 2.4. Lý thuyết nhận thức hành vi 2.5. Lý thuyết các giai đoạn thay đổi hành vi 2.6. Lý thuyết phân tâm 2.7. Thuyết trao đổi xã hội 2.8. Lý thuyết nhu cầu 2.9. Lý thuyết vai trò xã hội 2.10. Lý thuyết các giai đoạn phát triển tâm lý xã hội	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 72–180]; [2, tr. 41–91]; [3, tr. 55–110]; [4, tr. 55–95]; [6, tr. 61–93], [7, tr. 79–91], [7, tr. 130–153], [7, tr. 164–215], [10, tr. 148–196].	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO2; CLO3
Chương 3. MỘT SỐ LÝ THUYẾT VẬN DỤNG TRONG LÀM VIỆC VỚI NHÓM VÀ CỘNG ĐỒNG 3.1. Lý thuyết học tập xã hội 3.2. Thuyết thực nghiệm 3.3. Lý thuyết lãnh đạo 3.4. Lý thuyết xung đột 3.5. Lý thuyết mâu thuẫn 3.6. Lý thuyết huy động nguồn lực	6	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 183–226]; [2, tr. 41–91]; [3, tr. 55–110]; [4, tr. 55–95]; [6, tr. 61–93], [7, tr. 79–91], [7, tr. 130–153], [7, tr. 164–215], [10, tr. 148–196].	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO2; CLO3
Chương 4. MỘT SỐ LÝ THUYẾT VẬN DỤNG TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI 4.1. Các lý thuyết X, Y, Z 4.2. Thuyết hai yếu tố 4.3. Lý thuyết kỳ vọng	4	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 227–248]; [2, tr. 41–91]; [3, tr. 55–110]; [4, tr. 55–95]; [6, tr. 61–93], [7, tr. 79–91], [7, tr. 130–153], [7, tr. 164–215], [10, tr. 148–196].	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO2; CLO3
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Trung Hải	Giáo trình lý thuyết công tác xã hội	2019	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Đình Tuấn	Công tác xã hội – Lý thuyết và thực hành	2010	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Juliane Sagebiel, Ngân Nguyễn	Một số lý thuyết Công tác xã hội ở Việt Nam và Đức,	2012	Thanh niên	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Thị Thái Lan	Giáo trình công tác xã hội nhóm	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Thị Thái Lan Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình tham vấn	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
7	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình Công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
8	Nguyễn Trung Hải	Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội	2020	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
9	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
10	Doãn Thị Ngọc	Công tác xã hội nhập môn, Quan điểm và lý thuyết	2019	Hồng Đức	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HD1. Đánh giá quá trình	HD1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	70%	CLO3	40%	
	HD1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	30%	CLO4		
HD2. Đánh giá cuối kỳ	HD2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 10. Hành vi con người và môi trường xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Hành vi con người và môi trường xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Human Behavior and the Social Environment
3	Mã học phần:	SO4004N
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Đinh Ngọc Thắng
- Email: dinhngocthang2010@gmail.com
- Điện thoại: 0909196802

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức căn bản về hành vi của con người; Mối quan hệ và vai trò của môi trường xã hội với hành vi của con người; Các cơ sở cấu thành của hành vi con người; Các học thuyết về hành vi con người và Các giai đoạn phát triển của con người với hành vi của họ. Từ đó, giúp cho sinh viên có góc nhìn tổng quan, đa chiều về hành vi của con người và môi trường xã hội; góp phần hình thành và phát triển ở sinh viên hệ thống năng lực nghiệp vụ căn bản để giải quyết các nhiệm vụ trong quá trình học tập – đào tạo và nghề nghiệp sau này.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Sinh viên/học viên hiểu được các kiến thức tổng quan về hành vi con người, môi trường xã hội với lý thuyết về hệ sinh thái.

4.1.2. Sinh viên/học viên phân tích những cơ sở về đặc điểm của cá nhân và xã hội tác động đến hành vi cá nhân.

4.1.3. Sinh viên/học viên phân tích nội dung căn bản các học thuyết của các nhà khoa học, trường phái,... về hành vi con người và môi trường xã hội.

4.1.4. Sinh viên/học viên phân tích những kiến thức căn bản về các giai đoạn phát triển của con người, những đặc điểm điển hình của hành vi con người trong các giai đoạn phát triển ấy.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Sinh viên/học viên thành thạo việc phân tích – tổng hợp các nội dung – kiến thức hành vi con người và môi trường xã hội.

4.2.2. Sinh viên/học viên chuẩn xác việc phân loại để xác định các loại hành vi của con người, các loại môi trường xã hội, các cơ sở của hành vi và các giai đoạn phát triển khác nhau của con người.

4.2.3. Sinh viên/học viên chuẩn xác việc so sánh, nhận xét – đánh giá đối với những đóng góp của các học thuyết trong việc nghiên cứu, mô tả, giải thích bản chất, cơ chế, cấu trúc, các yếu tố tác động đến hành vi của con người, các giai đoạn phát triển khác nhau của con người.

4.2.4. Sinh viên/học viên thành thạo quá trình giao tiếp, làm việc nhóm để thực hiện các yêu cầu của giảng viên trong nội dung của “Chương 3 và 4”.

4.2.5. Sinh viên/học viên chuẩn xác việc tổng hợp hóa – khái quát hóa các nội dung, các kiến thức thông qua các biểu đồ, sơ đồ về các nội dung của học phần.

4.2.6. Sinh viên/học viên hồi đáp các thái độ trân trọng đối với các thông tin, kiến thức, các quan điểm của các nhà khoa học, các kết quả của các công trình nghiên cứu về hành vi con người và môi trường xã hội.

4.2.7. Sinh viên/học viên hồi đáp được xúc cảm và thái độ tích cực, hứng thú tham gia các nội dung môn học, tham gia các bài tập, nhiệm vụ, yêu cầu của giảng viên đề ra.

4.2.8. Sinh viên/học viên hồi đáp được sự lạc quan, tin tưởng vào lợi ích của môn học mang lại để cải thiện, phát triển bản thân và sử dụng chúng hiệu quả trong nghề nghiệp, trong cuộc sống.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Sinh viên/học viên hồi đáp được trách nhiệm nghiêm túc, tích cực thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ học tập của cá nhân và nhóm do giảng viên yêu cầu, đề xuất.

4.3.2. Sinh viên/học viên đánh giá được mức độ làm chủ bản thân, hòa nhập tốt với người khác, thích ứng nhanh với sự biến đổi của môi trường sống.

4.3.3. Sinh viên/học viên đánh giá được mức độ phát triển năng lực chuyên môn và chịu trách nhiệm với kết quả của năng lực ấy trước các tổ chức chuyên môn – nghề nghiệp và trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích được các kiến thức tổng quan về: hành vi con người, môi trường xã hội với lý thuyết về hệ sinh thái; những cơ sở về đặc điểm của cá nhân và xã hội tác động đến hành vi cá nhân; các học thuyết về hành vi con người và môi trường xã hội; các giai đoạn phát triển của con người, những đặc điểm điển hình của hành vi con người trong các giai đoạn phát triển ấy.
CLO2:	Chuẩn xác việc phân loại để xác định các loại hành vi của con người, các loại môi trường xã hội, các cơ sở của hành vi và các giai đoạn phát triển khác nhau của con người; Chuẩn xác việc phân loại các hành vi đặc trưng, điển hình với các giai đoạn phát triển của con người.
CLO3:	Chuẩn xác việc so sánh, nhận xét – đánh giá đối với những đóng góp của các học thuyết trong việc nghiên cứu, mô tả, giải thích bản chất, cơ chế, cấu trúc, các yếu tố tác động đến hành vi của con người, các giai đoạn phát triển khác nhau của con người.
CLO4:	Hồi đáp được trách nhiệm nghiêm túc, tích cực thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ học tập của cá nhân và nhóm do giảng viên yêu cầu, đề xuất.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI					
	PLO4	PLO5	PLO7		PLO9	PLO10
	PI4.2	PI5.2	PI7.3	PI7.4	PI9.3	PI10.2
CLO1	R,A					
CLO2		R				
CLO3			I	I		
CLO4					I	I
Hành vi con người và MTXH	R,A	R	I	I	I	I

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HÀNH VI CON NGƯỜI VÀ	6	- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng. - Đàm thoại – gợi mở.	- Nghiên cứu các tài liệu: [1; Chương 1]; [2; Chương 1]; [3].	#HĐ1 #HĐ3	CLO1, CLO2,

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI 1.1. Hành vi con người 1.1.1. Khái niệm hành vi con người 1.1.2. Đặc điểm của hành vi con người 1.1.3. Phân loại hành vi con người 1.2. Môi trường xã hội 1.2.1. Khái niệm về môi trường xã hội 1.2.2. Đặc điểm về môi trường xã hội 1.2.3. Phân loại môi trường xã hội 1.3. Hệ sinh thái 1.3.1. Lý thuyết hệ thống sinh thái 1.3.2. Một số đánh giá về lý thuyết hệ thống sinh thái		- Trực quan. - Tự học.			CLO4
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CỦA HÀNH VI CÁ NHÂN 2.1. Đặc điểm cá nhân và hành vi cá nhân 2.1.1. Sinh học – di truyền và hành vi cá nhân 2.1.2. Hệ thống thần kinh – não và hành vi cá nhân 2.1.3. Phản xạ và hành vi cá nhân 2.1.4. Thái độ – xúc cảm và hành vi cá nhân 2.1.5. Giới tính và hành vi cá nhân 2.2. Xã hội và hành vi cá nhân 2.2.1. Các yếu tố của nhóm ảnh hưởng đến hành vi cá nhân 2.2.2. Gia đình và hành vi cá nhân	10	- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng. - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Thảo luận và làm việc nhóm. - Tự học.	- Nghiên cứu các tài liệu: [1; Chương 2]; [2, Chương 1].	#HD1 #HD3	CLO1, CLO2 CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.2.3. Văn hóa và hành vi cá nhân 2.2.4. Khoa học – kỹ thuật – công nghệ và hành vi cá nhân 2.2.5. Giáo dục và hành vi cá nhân					
CHƯƠNG 3. NHỮNG LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU HÀNH VI CON NGƯỜI 3.1. Lý thuyết tâm lý học hành vi 3.1.1. Tâm lý học hành vi cổ điển 3.1.2. Tâm lý học hành vi mới 3.1.3. Đánh giá chung 3.2. Lý thuyết phân tâm học 3.2.1. Lý thuyết phân tâm học cổ điển 3.2.2. Lý thuyết phân tâm học mới 3.2.3. Đánh giá chung 3.3. Lý thuyết tâm lý học nhân văn 3.3.1. Quan điểm chung của các nhà tâm lý học nhân văn về hành vi 3.3.2. Lý thuyết nhu cầu của A. Maslow 3.3.3. Đánh giá chung 3.4. Lý thuyết nhận thức của J. Peaget 3.5. Lý thuyết nhận thức văn hóa xã hội của L. S. Vygotsky 3.6. Lý thuyết phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson	8	- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng. - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Thảo luận và làm việc nhóm. - Tự học.	- Nghiên cứu các tài liệu: [1, Chương 3]; [2, Chương 2]; [3]; [5]	#HĐ3	CLO1, CLO3, CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.7. Lý thuyết học tập xã hội của Albert Bandura 3.8. Lý thuyết tập tính học 3.9. Lý thuyết gắn bó của Jonh Bowlby 3.10. Lý thuyết hoạt động					
CHƯƠNG 4. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI - MỐI QUAN HỆ GIỮA HÀNH VI CỦA CON NGƯỜI VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI 4.1. Giai đoạn thai nhi 4.2. Giai đoạn sơ sinh 4.3. Giai đoạn hài nhi 4.4. Giai đoạn ấu nhi 4.5. Giai đoạn mầm non 4.6. Giai đoạn nhi đồng 4.7. Giai đoạn thiếu niên 4.8. Giai đoạn thanh niên 4.9. Giai đoạn trưởng thành 4.10. Giai đoạn già lão	6	- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng. - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Thảo luận và làm việc nhóm. - Tự học.	- Nghiên cứu các tài liệu: [1, Chương 4]; [2, Chương 3]; [4].	#HD1 #HD3	CLO1, CLO3, CLO4
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Hồi Loan, Trần Thu Hương	Giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội	2019	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Hồng Nga	Giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Nhóm Ezspychology	Tâm lý học trong nháy mắt (tập 2) – Tâm lý học xã hội	2018	Thanh niên	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
4	Nhóm Ezspsychology	Tâm lý học trong nháy mắt (tập 5) – Tâm lý học phát triển	2017	Thanh niên	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	B. R. Hergenhahn (Luu Văn Hy dịch)	Nhập môn lịch sử tâm lý học	2023	Thống kê	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần. - Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể

ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Chuyên cần	Quan sát	Rubric	30%	CLO4	40%	
	HĐ1.2. Bài tập cá nhân	Bài tập	Rubric	30%	CLO2; CLO3		
	HĐ1.3. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	40%	CLO2; CLO3		
HĐ2. Đánh giá giữa kỳ	HĐ2.1. Kiểm tra	Tự luận	Rubric	100%	CLO3		
HĐ3. Đánh giá cuối kỳ	HĐ3.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1	60%	PI4.2

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 11. Đạo đức nghề công tác xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Đạo đức nghề công tác xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Ethics in Social Work
3	Mã học phần:	SO4463
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

3. Mô tả tóm tắt học phần

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đạo đức nghề nghiệp của CTXH. Từ đó xác định rõ đạo đức nghề nghiệp cũng chính là cơ sở khoa học, là nền tảng giá trị của ngành nghề mang tính nhân văn này. Môn học cũng làm rõ sự hình thành các quy chuẩn đạo đức của nghề không tách rời các bối cảnh kinh tế, xã hội và các đặc trưng văn hoá vùng miền. Bằng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp môn học cũng làm rõ trách nhiệm của nhân viên CTXH đối với nghề nghiệp, cũng đồng thời định hướng hành động cho mỗi cá nhân, nhóm, cộng đồng trong mục đích vì sự công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.

Học phần được kết cấu gồm 4 chương. Chương 1 tập trung vào những vấn đề chung về đạo đức nghề CTXH. Chương này cung cấp các kiến thức như khái niệm, nguồn gốc, một số phạm trù cơ bản của đạo đức và đạo đức nghề công tác xã hội; giá trị và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội. Chương 2 có hai nội dung lớn là giới thiệu một số quy điều đạo đức nghề CTXH ở một số nước trên thế giới và Quy điều đạo đức nghề CTXH ở Việt Nam. Chương 3 bàn về trách nhiệm đạo đức của nhân viên CTXH. Chương này cung cấp cho sinh viên các kiến thức như trách nhiệm đạo đức của người làm CTXH trong mối quan hệ với thân chủ, đồng nghiệp, cơ quan tổ chức, đối với bản thân, đối với nghề nghiệp và đối với xã hội. Chương cuối cùng đi sâu thực hành phân tích đạo đức nghề CTXH với một số đối tượng thân chủ đặc thù.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Trình bày được những vấn đề chung về đạo đức và đạo đức nghề công tác xã hội.
- 4.1.2. Phân tích được quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.
- 4.1.3. Xác định được các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn, tư cách và quy điều đạo đức của người làm công tác xã hội.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.
- 4.2.2. Vận dụng được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- 4.3.1. Thể hiện tinh thần dân thân vì cộng đồng, thái độ sống tích cực.
- 4.3.2. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
- 4.4.3. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- 4.3.4. Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích được quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.
CLO2:	Xác định được các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn, tư cách và quy điều đạo đức của người làm công tác xã hội.
CLO3:	Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.
CLO4:	Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO9		
	PI9.1	PI9.2	PI9.3
CLO1	R		
CLO2		M,A	
CLO3			M,A
CLO4	R,A		
Đạo đức nghề công tác xã hội	R,A	M,A	M,A

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI 1.1. Đạo đức và đạo đức nghề CTXH 1.1.1. Những vấn đề chung về đạo đức 1.1.2. Đạo đức nghề công tác xã hội 1.1.3. Tầm quan trọng của đạo đức nghề CTXH 1.2. Mục tiêu, triết lý căn bản của nghề CTXH 1.3. Các giá trị và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong CTXH	9	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 116 - 147]; [2, tr. 97 – 121]; [3, tr. 54 – 58]; [4, tr. 109 – 116]; [6, tr. 62]; [7, tr. 59 – 61; tr. 115 - 125], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân biệt đạo đức và pháp luật. Cho VD minh họa. 2. Phân tích tầm quan trọng của đạo đức nghề CTXH. 3. Phân tích mục tiêu, triết lý và các giá trị nghề CTXH. Ứng dụng vào một số tình huống cụ thể trong thực hành CTXH. 4. Phân tích nguyên tắc đạo đức nghề CTXH.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 2. QUY ĐIỀU ĐẠO ĐỨC NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI 2.1. Quy điều đạo đức CTXH Mỹ 2.2. Quy điều đạo đức CTXH Úc 2.3. Quy điều đạo đức CTXH Philippine 2.4. Quy điều đạo đức nghề CTXH ở Việt Nam	6	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 116 - 147]; [2, tr. 97 - 121]; [3, tr. 54 - 58]; [4, tr. 109 - 116]; [6, tr. 62]; [7, tr. 59 - 61; tr. 115 - 125]; [8], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Quan điểm nghề nghiệp có thay đổi theo thời gian không? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quan điểm nghề nghiệp? 2. Liệu một hành động không tốt về mặt đạo đức nghề nghiệp thì có thể tốt về mặt trị liệu không? Tại sao? 3. So sánh và chỉ ra sự giống và khác nhau giữa quy điều đạo đức CTXH của Mỹ và Philippine. Nêu ý kiến nhận xét của bản thân về phác thảo quy điều đạo đức nghề CTXH ở VN.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3
CHƯƠNG 3. TRÁCH NHIỆM ĐẠO ĐỨC CỦA NHÂN VIÊN CTXH 3.1. Trách nhiệm đạo đức của NVXH trong mối quan hệ với thân chủ 3.2. Trách nhiệm đạo đức của NVXH trong mối quan hệ với đồng nghiệp 3.3. Trách nhiệm đạo đức của NVXH đối với cơ quan, tổ chức 3.4. Trách nhiệm đạo đức của NVXH với tư cách là những nhà CTXH chuyên nghiệp 3.5. Trách nhiệm đạo đức của NVXH đối với nghề CTXH 3.6. Trách nhiệm đạo đức của NVXH đối với xã hội	6	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 116 - 147]; [2, tr. 97 - 121]; [3, tr. 54 - 58]; [4, tr. 109 - 116]; [6, tr. 62]; [7, tr. 59 - 61; tr. 115 - 125], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Nghiên cứu tình huống làm rõ trách nhiệm đạo đức của NVXH đối với thân chủ. 2. Nghiên cứu tình huống làm rõ trách nhiệm đạo đức của NVXH đối với đồng nghiệp. 3. Nghiên cứu tình huống làm rõ trách nhiệm đạo đức của NVXH đối với cơ quan, tổ chức làm việc. 4. Phân tích trách nhiệm đạo đức của NVXH với tư cách là những nhà CTXH chuyên nghiệp	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3
CHƯƠNG 4. THỰC HÀNH PHÂN TÍCH ĐẠO ĐỨC NGHỀ CTXH ĐỐI VỚI MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG THÂN CHỦ ĐẶC THÙ 4.1. Thân chủ có vấn đề sức khỏe tâm thần 4.2. Thân chủ là người cao tuổi 4.3. Thân chủ là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn 4.4. Thân chủ là học sinh 4.5. Thân chủ là người nhiễm và ảnh hưởng HIV/AIDS	9	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 116 - 147]; [2, tr. 97 - 121]; [3, tr. 54 - 58]; [4, tr. 109 - 116]; [6, tr. 62]; [7, tr. 59 - 61; tr. 115 - 125], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Vận dụng vào những tình huống mà GV cung cấp.	#HD1.1	CLO3; CLO4
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Doãn Thị Ngọc	Công tác xã hội nhập môn, Quan điểm và lý thuyết	2019	Hồng Đức	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình Công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Mai Thị Kim Thanh	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2011	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Trần Đình Tuấn	Công tác xã hội – Lý thuyết và thực hành	2010	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Lê Văn Phú	Công tác xã hội	2004	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
7	Nguyễn Duy Nhiên	Nhập môn công tác xã hội	2015	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
8	Bộ LĐ-TB&XH	Quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề đối với người làm CTXH	2017		https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2017/04/01-bldtbxh.signed.pdf		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
 - Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
 - Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
 - Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
 - Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO1	20%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO4	20%	PI9.1
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO2; CLO3	60%	PI9.2 PI9.3

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 12. Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Methods and Techniques for Social Research
3	Mã học phần:	SO4008
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành/Thí nghiệm:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học/Cao đẳng
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức về các loại hình nghiên cứu xã hội, các bước đi trong nghiên cứu xã hội và các kỹ thuật chọn mẫu nghiên cứu, xây dựng bản câu hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát, nghiên cứu tư liệu. Thông qua đó người học thực hiện được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu các vấn đề xã hội mình quan tâm với các kỹ thuật thu thập và phân tích thông tin phù hợp.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học đề xuất được đề tài nghiên cứu khoa học và có khả năng khai thác các nguồn tư liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học; vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học; viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học; có thái độ kiên trì, linh hoạt và chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Đề xuất được đề tài nghiên cứu khoa học và có khả năng khai thác các nguồn tư liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO2:	Xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học.
CLO3:	Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học.
CLO4:	Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học.
CLO5:	Kiên trì, linh hoạt và chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO2		PLO9
	PI2.1	PI2.2	PI9.1
CLO1	R		
CLO2		M,A	
CLO3		R	
CLO4		R	
CLO5			R
Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	R	M,A	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Nghiên cứu xã hội: đặc điểm và loại hình 1.1. Tính chất và đặc điểm của nghiên cứu xã hội. 1.2. Các loại hình nghiên cứu. 1.3. Những khía cạnh thực tế và đạo đức của nghiên cứu xã hội	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2], [3], [4] và thực hiện yêu cầu sau: Lựa chọn loại hình nghiên cứu phù hợp với đề tài nghiên cứu của cá nhân và nhóm đã chọn.	HD2.1	CLO5
Chương 2. Các bước đi trong nghiên cứu xã hội 2.1.Khái quát về các bước đi trong một cuộc nghiên cứu xã hội 2.2.Giai đoạn chuẩn bị 2.2.1. Xây dựng đề cương nghiên cứu 2.2.2. Kế hoạch và tiến độ của cuộc nghiên cứu 2.2.3. Dự trù kinh phí 2.3.Giai đoạn tiến hành nghiên cứu 2.4.Xử lý, phân tích thông tin và công bố kết quả nghiên cứu.	12	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: Thiết kế đề cương nghiên cứu cho đề tài nghiên cứu của cá nhân và nhóm đã chọn.	HD2.1	CLO1 CLO2
Chương 3. Chọn mẫu 3.1. Một số thuật ngữ liên quan đến chọn mẫu 3.2. Các loại mẫu 3.3. Qui mô mẫu 3.4. Nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính với việc chọn mẫu	4	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: Tiến hành chọn mẫu cho một đề tài nghiên cứu nhóm và cá nhân đã chọn.	HD2.1	CLO2

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 4. Kỹ thuật xây dựng bản hỏi 4.1. Xác định biến số và thang đo 4.2. Chọn các loại hình bản hỏi thích hợp 4.3. Bố cục của bản hỏi 4.4. Các dạng câu hỏi 4.5. Những nguyên tắc cơ bản khi xây dựng bản hỏi 4.6. Những điểm cần lưu ý khi xây dựng bản hỏi 4.7. Hình thức của câu trả lời 4.8. Tiếp xúc với người trả lời	10	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề	Đọc [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: Thiết kế bản câu hỏi cho một đề tài nghiên cứu mà nhóm và cá nhân đã chọn	HD1.1 HD2.1	CLO2 CLO3
Chương 5. Phỏng vấn sâu 5.1. Phỏng vấn sâu là gì? 5.2. Các loại phỏng vấn sâu 5.3. Kỹ thuật phỏng vấn sâu 5.4. Phân tích kết quả	5	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề	Đọc [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: Thiết kế bản phỏng vấn sâu và tiến hành phỏng vấn sâu thử cho đề tài nghiên cứu mà nhóm và cá nhân đã chọn.	HD1.1 HD2.1	CLO2 CLO3
Chương 6. Phương pháp quan sát 6.1. Khái niệm 6.2. Các hình thức quan sát 6.2.1. Quan sát có tham gia 6.2.2. Quan sát phi cấu trúc 6.2.3. Quan sát có cấu trúc	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề	Đọc [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: Thiết kế kế hoạch quan sát với đề tài nghiên cứu nhóm và cá nhân đã chọn	HD1.1 HD2.1	CLO2 CLO3
Chương 7. Ưu điểm và hạn chế. So sánh phương pháp định tính và định lượng 7.1. Ưu điểm và hạn chế của phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. 7.2. So sánh phương pháp định tính và định lượng	2	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề	Đọc [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phù hợp với đề tài nghiên cứu mà nhóm và cá nhân đã chọn. 2. Viết báo cáo nghiên cứu cho đề tài nghiên cứu nhóm và cá nhân đã chọn	HD1.1 HD2.1	CLO2 CLO3
Chương 8. Trình bày kết quả nghiên cứu Nhóm sinh viên báo cáo kết quả nghiên cứu.	6	- Nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của nhóm và kết quả nghiên cứu.	Xử lý thông tin bằng phần mềm SPSS và viết báo cáo nghiên cứu	HD1.2 HD2.1	CLO4, CLO5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Võ Thị Thanh Lộc, Huỳnh Hữu Thọ	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương (Ứng dụng)	2016	ĐH Cần Thơ	TTHL Lê Vũ Hùng	x	

		trong lĩnh vực kinh tế - xã hội)					
2	Trần Minh Điền, Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải	Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong công tác xã hội	2022	Bách Khoa Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2012	LĐ – XH, Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Văn Tuấn	Đi vào nghiên cứu khoa học	2015	Tổng hợp, TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO1; CLO2; CLO5	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Bài thu hoạch	Rubric	100%	CLO4	50%	PI2.1

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 13. Gia đình học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Gia đình học
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Family Studies
3	Mã học phần:	SO4002
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành/Thí nghiệm:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dththao@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0905712945

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và có hệ thống về Gia đình học, bao gồm: các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu về Gia đình học; sự phát triển, biến đổi của gia đình theo đường đời; gia đình theo quan điểm giới và sự mật thiết trong đời sống lứa đôi; sự biến đổi của gia đình; các vấn đề của gia đình đương đại; nhận định về xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình và công tác xã hội với gia đình. Thông qua đó, người học có thể tư vấn, tham vấn các vấn đề liên của gia đình, nghiên cứu khoa học để phát triển và củng cố gia đình đương đại.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học đánh giá được các giai đoạn trong sự phát triển, biến đổi của gia đình theo đường đời; phân tích được các vấn đề gia đình theo quan điểm giới và sự mật thiết trong đời sống lứa đôi; sự biến đổi của gia đình; các vấn đề của gia đình đương đại và nhận định gia đình trong tương lai; vận dụng được các lý thuyết trong công tác xã hội với gia đình để giải thích và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến gia đình; đề xuất được các giải pháp nhằm củng cố và phát triển gia đình, thực hành can thiệp và trị liệu gia đình.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Đánh giá các giai đoạn trong sự phát triển, biến đổi của gia đình theo đường đời.
CLO2:	Phân tích các vấn đề gia đình theo quan điểm giới và sự mật thiết trong đời sống lứa đôi; sự biến đổi của gia đình; các vấn đề của gia đình đương đại và nhận định gia đình trong tương lai.
CLO3:	Vận dụng các lý thuyết trong công tác xã hội với gia đình để giải thích và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến gia đình.
CLO4:	Đề xuất các giải pháp nhằm củng cố và phát triển gia đình, thực hành can thiệp và trị liệu gia đình.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI	
	PLO2	
	PI2.1	PI2.2
CLO1	R	
CLO2	M,A	
CLO3		R
CLO4		R
Gia đình học	M,A	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Những vấn đề đại cương trong gia đình học 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.2. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của nghiên cứu gia đình. 1.3. Chức năng gia đình 1.4. Sự đa dạng của các hình thái gia đình 1.5. Cấu trúc gia đình 1.6. Tập tục gia đình 1.7. Các giai đoạn phát triển của gia đình	5	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích các khái niệm trong nghiên cứu gia đình. 2. Phân tích chức năng gia đình và đánh giá các giai đoạn phát triển của gia đình. - Giấy A0 - Bút lông - Báo cáo	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO1 CLO3
Chương 2. Sự phát triển, biến đổi của gia đình theo đường đời 2.1. Khái niệm “đường đời của gia đình” 2.2. Giai đoạn thành lập 2.3. Giai đoạn mở rộng 2.4. Giai đoạn chia tách 2.5. Giai đoạn tan rã	9	-Thuyết trình. - Trực quan. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích về tình yêu chân chính? 2. Phân tích các giai đoạn tìm hiểu dẫn đến tình yêu và hôn nhân. 3. Phân tích những nhu cầu của trẻ ở từng lứa tuổi và cách đáp ứng của cha mẹ. 4. Phân tích những đặc điểm của tuổi dậy thì và những thử thách trong gia đình. 5. Liên hệ thực tế địa phương, hãy nêu và phân tích các vấn đề xã hội của người cao tuổi, những yếu tố	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO1 CLO3

			ảnh hưởng và đề xuất hướng giải quyết. 6. Liên hệ thực tế ở địa phương, hãy nêu các hiện trạng trẻ thiếu chăm sóc và bị lạm dụng? Phân tích nguyên nhân và hướng khắc phục? - Giấy A0 - Bút lông - Báo cáo.		
Chương 3. Gia đình theo quan điểm giới và sự mật thiết trong đời sống lứa đôi 3.1. Vai trò giới trong gia đình 3.2. Sự mật thiết trong đời sống lứa đôi 3.3. Mâu thuẫn gia đình	6	-Thuyết trình. - Trực quan. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích định nghĩa và những đặc trưng cơ bản của giới và giới tính. 2. Phân tích một số lĩnh vực thường xuất hiện mâu thuẫn gia đình và các yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn gia đình ở Việt Nam. 3. Liên hệ thực tế địa phương, phân tích những mâu thuẫn xảy ra trong gia đình và đề xuất hướng giải quyết. 4. Theo quan niệm truyền thống, việc phân công vai trò giới trong gia đình thì người đàn ông đóng vai trò trụ cột về mặt kinh tế, hãy trình bày quan điểm của mình. 5. Liên hệ thực tế, phân tích sự chuyển biến vai trò giới trong gia đình và ngoài xã hội. - Giấy A0 - Bút lông - Báo cáo.	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO1 CLO3
Chương 4. Biến đổi gia đình 4.1. Sự biến đổi gia đình ở xã hội phương Tây 4.2. Biến đổi gia đình ở Việt Nam 4.3. Gia đình truyền thống Việt Nam và sự chuyển đổi để thích ứng với thời đại mới 4.4. Những vấn đề của gia đình Việt Nam đương đại	6	-Thuyết trình. - Trực quan. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích sự biến đổi gia đình ở một số xã hội phương Tây. 2. Phân tích sự biến đổi gia đình ở Việt Nam. 3. Liên hệ thực tế địa phương, nêu và phân tích những mặt tích cực và tiêu cực của sự biến đổi trong gia đình. - Giấy A0 - Bút lông - Báo cáo.	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO1 CLO3
Chương 5. Các vấn đề của gia đình 5.1. Giáo dục gia đình 5.2. Các vấn đề xã hội của trẻ vị thành niên 5.3. Ly hôn 5.4. Tái kết hôn 5.5. Gia đình đơn thân	9	-Thuyết trình. - Trực quan. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2], [5] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích vai trò và đặc điểm của giáo dục gia đình. 2. Phân tích các vấn đề xã hội nổi bật của trẻ mới lớn ở	HĐ1.1 HĐ2.1	CLO1 CLO3

5.6. Bạo lực gia đình			địa phương và đề xuất hướng giải quyết. 3. Phân tích các phương pháp giáo dục trẻ ở gia đình tại địa phương và đề xuất giải pháp. 4. Phân tích quá trình ly hôn ở Việt Nam. 5. Phân tích vấn đề bạo hành gia đình ở Việt Nam. 6. Liên hệ thực tế ở địa phương, hãy phân tích vấn đề ly hôn và đề xuất hướng khắc phục. 7. Liên hệ thực tế ở địa phương, hãy phân tích vấn đề bạo hành gia đình, đề xuất hướng khắc phục. - Giấy A0 - Bút lông - Báo cáo		
Chương 6. Nhận định về xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình: Định hướng củng cố, phát triển gia đình Việt Nam đương đại 6.1. Nhận định về xu hướng biến đổi hôn nhân và gia đình ở Việt Nam 6.2. Định hướng củng cố, phát triển gia đình Việt Nam đương đại	4	- Thuyết trình. - Trắc quan. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Nhận định về tuổi kết hôn và phương thức lấy vợ lấy chồng cũng như quan niệm sinh con và các kiểu sinh trong tương lai. 2. Phân tích cấu trúc và chức năng của gia đình trong tương lai. 3. Liên hệ thực tế, hãy nhận định và phân tích xu hướng biến đổi gia đình Việt Nam trong tương lai. - Giấy A0 - Bút lông. - Báo cáo.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ2.1	CLO2 CLO3 CLO4
Chương 7. Công tác xã hội với gia đình 7.1. Khái quát chung về công tác xã hội với gia đình 7.2. Một số kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội với gia đình 7.3. Một số lĩnh vực thực hành công tác xã hội với gia đình	6	-Thuyết trình. - Trắc quan. - Pháp vấn. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Đọc [1], [2] và thực hành xử lý các bài tập tình huống.	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ2.1	CLO2 CLO3 CLO4

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	TS. Nguyễn Thị Song Thương, ThS. Trần Kim Ngọc (Đồng chủ biên) ThS. Dương Văn Khánh, ThS. Nguyễn Thị Bích Hưng, ThS. Trần Văn Luận, ThS. Đỗ Thị Thảo	Gia đình học (Sách chuyên khảo)	2023	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

3	Nguyễn Thanh Bình, Vũ Thị Kim Dung [và những người khác]	Công tác xã hội với gia đình, cộng đồng và hệ thống nhà trường	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Trần Đình Tuấn	Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình	2018	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Luật Hôn nhân và gia đình (hiện hành)		2022	Chính trị Quốc gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO1; CLO3	40%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO2	60%	PI2.1

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

RƯỜNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 14. Khởi nghiệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Khởi nghiệp
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Startup
3	Mã học phần:	SO4444
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	25
	- Thực hành:	40
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Tùng
- Email: nttung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0907819852

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Hoàng Thị Doan
- Email: htdoan@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0973654787

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Thông qua học phần, người học sẽ nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xác định, đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập được kế hoạch marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, cũng như trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện việc tạo lập một doanh nghiệp,... từ đó hình thành nên năng lực khởi nghiệp kinh doanh.

4. Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc khởi nghiệp và nhận biết được những kỹ năng, tố chất cần có của một người khởi nghiệp; những kiến thức cơ bản về đăng ký doanh nghiệp; hiểu được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh; đồng thời biết cách phân tích thị trường, đánh giá thị trường, nhận dạng khách hàng; cách vận dụng công cụ marketing phù hợp với khách hàng mục tiêu; Vận dụng được các bước trong quá trình lập kế hoạch sản xuất; các bước trong tuyển chọn nhân sự và các chính sách thù lao cần có cho nhân sự, cách sử dụng các công cụ tài chính để phân tích tính khả thi của dự án.

Đồng thời, học phần cũng trang bị cho sinh viên một kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, dẫn dắt nhóm để hoàn thành công việc.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Đề xuất được ý tưởng kinh doanh phù hợp, có tính sáng tạo và có tính khả thi để triển khai các bước tiếp theo.
CLO2:	Phân tích được các cơ hội và đe dọa, điểm mạnh và điểm yếu đối với hoạt động khởi nghiệp đã lựa chọn
CLO3:	Thiết kế được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh cần có như kế hoạch về marketing, sản xuất, nhân sự... để chuẩn bị cho việc khởi nghiệp.
CLO4:	Thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm xã hội và ý thức xây dựng cộng đồng.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO9	PLO10	
	PI9.1	PI10.3	PI10.4
CLO1		M	
CLO2			M
CLO3		M	M,A
CLO4	R		
Khởi nghiệp	R	M	M,A

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. KÍCH HOẠT TINH THẦN KHỞI NGHIỆP 1.1. Tổng quan về khởi nghiệp 1.1.1. Khái niệm khởi nghiệp 1.1.2. Đối tượng khởi nghiệp 1.1.3. Tinh thần khởi nghiệp - động lực của sự phát triển 1.1.4. Xây dựng nhận thức về sự cần thiết khởi nghiệp 1.1.5. Tư duy “làm công” hay “làm chủ” 1.2. Các phương thức khởi nghiệp 1.2.1. Phân loại theo động cơ thúc đẩy khởi nghiệp 1.2.2. Phân loại theo mục đích khởi nghiệp 1.2.3. Phân loại theo phạm vi kinh doanh sau khởi nghiệp 1.2.4. Phân loại theo tính chất của sản phẩm/dịch vụ sẽ kinh doanh 1.2.5. Phân loại theo nguồn gốc người khởi sự 1.2.6. Phân loại theo phương thức tạo lập doanh nghiệp 1.3. Đánh giá năng lực bản thân 1.3.1 Định nghĩa năng lực 1.3.2 Mô hình năng lực	3	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho các nhóm.- GV giới thiệu các gương khởi nghiệp của thanh niên trẻ. - SV thực hiện khảo sát năng lực bản thân dưới sự hướng dẫn của GV và ghi kết quả khảo sát.	- SV nghiên cứu ĐCCTHP và ý kiến (nếu có). - SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - SV chọn nhóm (mỗi nhóm từ 2-3 SV) và đăng ký với GV. - Các nhóm chọn 01 ý tưởng kinh doanh để làm lập kế hoạch kinh doanh.	#HD1.1	CLO1; CLO4
Chương 2. HÌNH THÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP 2.1. Nghiên cứu thị trường	3	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - Các nhóm SV chọn một sản	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO4

2.1.1. Phân tích môi trường kinh doanh 2.1.2. Quy trình thực hiện nghiên cứu thị trường 2.1.3. Hình thành ý tưởng khởi nghiệp 2.2. Đánh giá và lựa chọn ý tưởng 2.2.1. Phân khúc thị trường 2.2.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu 2.2.3. Đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh		- Nhóm SV tự đề xuất ý tưởng kinh doanh cho một sản phẩm và GV tư vấn. - GV hướng dẫn SV các công cụ đánh giá và lựa chọn ý tưởng. - Nhóm SV tiến hành nghiên cứu ý tưởng và đánh giá ý tưởng đã đề xuất. - GV hướng dẫn SV mô tả về ý tưởng kinh doanh đã chọn.	phẩm để xây dựng kế hoạch kinh doanh cho sản phẩm đó. - Nhóm SV nghiên cứu môi trường kinh doanh cho đề án của nhóm.		
Thực hành: Chương 2. HÌNH THÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP 2.3. Phân tích SWOT 2.3.1. Đánh giá điểm mạnh – S 2.3.2. Đánh giá điểm yếu - W 2.3.3. Nhận diện cơ hội - O 2.3.4. Nhận diện nguy cơ - T	8	- GV hướng dẫn SV phân tích môi trường kinh doanh. - Các nhóm SV tiến hành thực hiện và báo cáo kết quả.	- Các nhóm SV chọn một sản phẩm/dự án. - Mỗi nhóm chuẩn bị 01 tờ giấy A0, 01 bút lông.	#HD1.1 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO4
Chương 3. TRIỂN KHAI VIỆC TẠO LẬP DOANH NGHIỆP 3.1. Các loại hình doanh nghiệp 3.1.1. Doanh nghiệp tư nhân 3.1.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn 3.1.3. Công ty cổ phần 3.1.4. Công ty hợp danh 3.1.5. Doanh nghiệp Nhà nước 3.2. Điều kiện thành lập DN 3.2.1. Chủ thể thành lập 3.2.2. Tên doanh nghiệp 3.2.3. Ngành nghề khi đăng ký 3.2.4. Địa điểm kinh doanh 3.2.5. Vốn điều lệ và vốn pháp định khi thành lập 3.2.6. Con dấu 3.3. Đăng ký kinh doanh 3.3.1. Quy trình đăng ký kinh doanh 3.3.2. Hồ sơ cần chuẩn bị trước khi làm thủ tục thành lập doanh nghiệp 3.3.3. Thủ tục đăng ký kinh doanh và khắc dấu doanh nghiệp 3.4. Xây dựng và thiết kế trụ sở	3	- GV giới thiệu kỹ thuật và nội dung cần làm khi thành lập doanh nghiệp. - GV đặt vấn đề. SV đóng góp xây dựng bài.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - SV chuẩn bị trước các câu hỏi về nội dung tạo lập doanh nghiệp.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO4
Chương 4. LẬP KẾ HOẠCH MARKETING 4.1. Quyết định liên quan đến sản phẩm 4.1.1. Kích thước sản phẩm 4.1.2. Chất lượng sản phẩm 4.1.3. Bao bì sản phẩm 4.1.4. Xây dựng nhãn hiệu 4.1.5. Quyết định chất lượng dịch vụ đi kèm 4.2. Định giá bán sản phẩm 4.2.1. Khái niệm về giá 4.2.2. Các phương pháp định giá cơ bản	3	- GV thuyết giảng - GV đặt vấn đề/ tình huống thực tế tương tác với sinh viên - GV cho SV nghiên cứu sản phẩm thực tế và sinh viên sẽ thảo luận, trình bày những ưu và nhược điểm của sản phẩm	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác - Các nhóm tự nghiên cứu môi trường và tìm hiểu cụ thể về khách hàng của mình	#HD1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

4.2.3. Chiến lược định giá cao - giá thấp					
Thực hành: Chương 4. LẬP KẾ HOẠCH MARKETING 4.3. Xúc tiến bán hàng 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Vai trò 4.3.3. Các công cụ xúc tiến 4.4. Thiết lập và quản trị kênh phân phối 4.4.1. Khái niệm và vai trò 4.4.2. Các đối tượng trong kênh phân phối 4.4.3. Các dạng cấu trúc kênh phân phối 4.4.4. Quyết định số lượng trung gian và đối tượng trung gian trong kênh phân phối	8	- Giảng viên cho sinh viên nghiên cứu sản phẩm thực tế và sinh viên sẽ thảo luận, trình bày những ưu và nhược điểm của sản phẩm.	- Mỗi nhóm chuẩn bị 01 tờ giấy A₀, 01 bút lông. - Mỗi nhóm chuẩn bị ít nhất 01 sản phẩm/dự án.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 5. LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, CUNG CẤP DỊCH VỤ 5.1. Dự báo nhu cầu sản phẩm, dịch vụ 5.1.1. Các cách tiếp cận dự báo 5.1.2. Các phương pháp dự báo 5.2. Thiết kế sản phẩm, dịch vụ 5.2.1. Căn cứ quan trọng để thiết kế sản phẩm 5.2.2. Quá trình thiết kế và phát triển sản phẩm mới 5.2.3. Vai trò của thiết kế sản phẩm 5.3. Lựa chọn nhà cung cấp 5.3.1. Chất lượng hàng hóa 5.3.2. Giá cả và phương thức thanh toán 5.3.3. Khả năng sẵn sàng cung cấp và giao hàng	3	- GV thuyết giảng - GV hướng dẫn SV dự báo nhu cầu cho SP. - GV giới thiệu các quy trình sản xuất của 1 sản phẩm thực tế - GV đưa một vài ví dụ thiết kế quy trình sản xuất sản phẩm, cách bố trí mặt bằng, ứng dụng cách thức lựa chọn địa điểm cho 1 DN kinh doanh 1 SP.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - SV chủ động tham khảo quy trình sản xuất các phẩm tương tự. - SV chủ động chọn địa điểm kinh doanh và xác định các yếu tố tác động.	#HD1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Thực hành: Chương 5. LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, CUNG CẤP DỊCH VỤ 5.4. Bố trí sản xuất 5.4.1. Lựa chọn địa điểm 5.4.2. Bố trí mặt bằng sản xuất	8	- SV các nhóm thảo luận và ứng dụng vào đề án kinh doanh của nhóm. - SV các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.	Mỗi nhóm SV chuẩn bị 2 tờ giấy A ₀ , 2-3 bút lông để vẽ quy trình sản xuất, bố trí mặt bằng sản xuất.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 6. LẬP KẾ HOẠCH NHÂN SỰ 6.1. Hoạch định nhân lực 6.1.1. Khái niệm và ý nghĩa 6.1.2. Các phương pháp dự báo nhu cầu nhân lực 6.1.3. Tính toán nhu cầu lao động 6.1.4. Lập các dự án cung cấp. 6.2. Phân tích công việc 6.2.1. Tổng quan về phân tích công việc 6.2.2. Các bước phân tích công việc 6.2.3. Thiết kế và thiết kế lại công việc. 6.3. Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực. 6.3.1. Tổng quan về tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực.	3	- GV thuyết giảng, đặt câu hỏi, đặt tình huống. - SV nghe trình bày, trả lời câu hỏi, xử lý tình huống. - Sinh viên các nhóm còn lại đặt câu hỏi. - GV nhận xét và tổng hợp.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - SV tìm hiểu chính sách lương của nhân viên, mức lương cơ bản, các khoản trích BHXH	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

6.3.2. Quy trình tuyển dụng. 6.3.3. Quyết định tuyển dụng 6.4. Đào tạo và phát triển nhân lực 6.4.1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của đào tạo và phát triển 6.4.2. Các phương pháp đào tạo 6.4.3. Quy trình đào tạo. 6.4.4. Chi phí và lợi ích từ việc đào tạo					
Thực hành: Chương 6. LẬP KẾ HOẠCH NHÂN SỰ 6.5. Tổ chức công tác tiền lương trong DN, tổ chức xã hội 6.5.1. Các khái niệm liên quan đến tiền lương. 6.5.2. Xây dựng chế độ tiền lương ở các doanh nghiệp. 6.5.3. Các hình thức trả lương, trả thưởng.	6	- Sinh viên xây dựng cơ cấu tiền lương cho dự án kinh doanh và báo cáo. - Sinh viên đặt câu hỏi. - GV nhận xét và tổng hợp.	Mỗi nhóm chuẩn bị 01 tờ giấy A ₀ , 01 bút lông	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 7. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN KINH DOANH 7.1. Mục đích, vai trò và yêu cầu của việc lập kế hoạch tài chính của dự án kinh doanh 7.1.1. Mục đích 7.1.2. Vai trò 7.1.3. Yêu cầu 7.2. Một số thông số cơ bản khi tiến hành lập kế hoạch tài chính của dự án 7.2.1. Khái quát về các loại nguồn vốn của dự án 7.2.2. Các hình thức mua sắm tài sản cố định và phương pháp trích khấu hao TSCĐ 7.2.3. Dự trù doanh thu 7.2.4. Dự trù chi phí liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh 7.2.5. Dự trù các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước 7.3. Dự tính tổng vốn đầu tư ban đầu của dự án 7.3.1. Các bước tiến hành lập 7.3.2. Tình huống, thảo luận 7.4. Dự tính nguồn vốn huy động cho dự án 7.4.1. Cơ sở của việc lập dự tính nguồn vốn huy động 7.4.2. Tính toán các khoản chi phí phát sinh từ việc lựa chọn nguồn vốn huy động 7.4.3. Ước lượng suất chiết khấu của dự án từ việc đã lựa chọn nguồn vốn cho dự án 7.4.4. Tình huống, thảo luận 7.5. Lập bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho dự án	7	- GV trình bày, đặt câu hỏi, đặt tình huống. - SV nghe trình bày, trả lời câu hỏi, xử lý tình huống. - GV chốt lại những vấn đề cơ bản khi lập kế hoạch tài chính của dự án. - GV nhận xét cách thức lập kế hoạch tài chính dự án của các nhóm.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - Trả lời câu hỏi gợi ý - Xử lý tình huống kinh doanh. - Làm bài tập tình huống lập kế hoạch tài chính của dự án mà nhóm đã chọn. Sau đó nộp lại cho GV.	#HD1.3 #HD2.1	CLO1; CLO4

7.5.1. Khái niệm và yêu cầu của việc lập bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7.5.2. Cách thức lập bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7.5.3. Tình huống, thảo luận 7.6. Lập bảng báo cáo dòng tiền cho dự án 7.6.1. Khái niệm và yêu cầu của việc lập bảng báo cáo dòng tiền 7.6.2. Các phương pháp lập bảng báo cáo dòng tiền 7.6.3. Xử lý một số biến cơ bản khi lập bảng báo cáo dòng tiền 7.6.4. Các quan điểm trong việc lập bảng báo cáo dòng tiền 7.6.5. Tình huống, thảo luận					
Thực hành: Chương 7. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN KINH DOANH 7.7. Phân tích tài chính của dự án 7.7.1. Các chỉ tiêu tiềm lực tài chính của doanh nghiệp khi khởi nghiệp 7.7.2. Các chỉ tiêu đánh giá tài chính của dự án 7.7.7. Đánh giá độ an toàn về mặt tài chính của dự án 7.8. Phân tích rủi ro của dự án 7.8.1. Sự cần thiết phải phân tích rủi ro của dự án 7.8.2. Các loại rủi ro của dự án 7.8.3. Các bước tiến hành phân tích 7.8.4. Các phương pháp phân tích 7.9. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án 7.9.1. Khái niệm 7.9.2. Sự cần thiết phải xem xét khía cạnh kinh tế - xã hội của dự án 7.9.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án	10	- GV chốt lại những vấn đề cơ bản khi lập kế hoạch tài chính của dự án. - GV nhận xét cách thức lập kế hoạch tài chính dự án của các nhóm.	Làm bài tập tình huống lập kế hoạch tài chính của dự án mà nhóm đã chọn. Sau đó nộp lại cho GV.	#HD1.3 #HD2.1	CLO1; CLO4
Tổng	65				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Ngọc Huyền	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	2020	Đại học Kinh tế Quốc dân	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Dan Senor & Saul Singer	Quốc gia khởi nghiệp	2018	Thế giới	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Eric Ries; Nguyễn Dương Hiếu, Trịnh Hoàng Kim Phụng,... (dịch)	Khởi nghiệp tinh gọn= The lean startup	2020	Tổng hợp TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Thu Hà, Dương Cẩm	101 ý tưởng khởi nghiệp	2015	Lao động xã hội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
5	Đỗ Mạnh Hùng (ch.b.); Bùi Thị Ngân	Làm thuê hay khởi nghiệp: Kỹ năng người khởi nghiệp	2020	Dân trí	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Ngô Kim Thanh	Giáo trình Quản trị chiến lược	2011	Đại học Kinh tế quốc dân	TTHL Lê Vũ Hùng		x
7	Nguyễn Hữu Thân	Quản trị nhân sự	2012	Lao động xã hội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- a. Nhiệm vụ của sinh viên phải chuẩn bị cho giờ học trên lớp**
- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
 - Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
 - Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
 - Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
 - Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- b. Làm việc nhóm**
- Lớp chia thành các nhóm (mỗi nhóm tối đa 3 SV).
 - Nhóm tự đề xuất ý tưởng kinh doanh cho một sản phẩm và được sự tư vấn của giảng viên, sau đó tiến hành xây dựng đề án kinh doanh cụ thể cho sản phẩm đó.
 - Nhóm tiến hành nghiên cứu các nội dung liên quan trong đề cương và thu thập số liệu cần thiết để phục vụ cho kế hoạch kinh doanh của nhóm.
 - Thực hiện thảo luận tình huống trên lớp, báo cáo nhóm theo hướng dẫn của GV.
 - Viết đề án kinh doanh hoàn chỉnh.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Chuyên cần	Mức độ tham gia lớp học	Rubric (R1)	40%	CLO1; CLO4	50%	
	HĐ1.2. Báo cáo	Thuyết trình	Rubric (R2)	60%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ3.1. Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R3, R4)	100%	CLO3	50%	PI10.4

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

Học phần 15. Trợ giúp xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Trợ giúp xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Assistance
3	Mã học phần:	SO4461
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dththao@dthu.edu.vn
- Số điện thoại: 0905712945

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dthu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên nhận thức đầy đủ về những vấn đề cơ bản về trợ giúp xã hội; hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và hệ thống tổ chức và quản lý các hoạt động trợ giúp xã hội. Giúp sinh viên hình thành tư chất nghề nghiệp của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho cá nhân, gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn không có hoặc chưa có đủ năng lực tự giúp chính mình và gia đình.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Nhận biết được trợ giúp xã hội là hoạt động xã hội mang tính tất yếu khách quan, đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển trong môi trường an toàn của con người.
- 4.1.2. Xác định được mối quan hệ mật thiết giữa trợ giúp xã hội với bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.
- 4.1.3. Xác định đúng đối tượng, hình thức, phương pháp, nguyên tắc của hoạt động trợ giúp xã hội.
- 4.1.4. Đánh giá được các vấn đề tâm lý xã hội của đối tượng bảo trợ xã hội.
- 4.1.5. Áp dụng tốt nguyên tắc, hình thức, phương pháp trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp xã hội cho các đối tượng thuộc phạm vi được trợ giúp.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Nhận diện một vấn đề xã hội cụ thể cần sự trợ giúp của đối tượng thân chủ dưới góc độ đa chiều.
- 4.2.2. Có khả năng giải thích được một vấn đề xã hội cơ bản ở cấp độ vi mô: cá nhân, nhóm, cộng đồng và một chính sách trợ giúp xã hội cụ thể.
- 4.2.3. Có khả năng tham gia xây dựng và quản lý các dự án liên quan đến hoạt động trợ giúp xã hội như chương trình phát triển cộng đồng, chương trình xóa đói giảm nghèo.
- 4.2.4. Vận dụng linh hoạt, hợp pháp các chính sách, pháp luật để đối tượng bảo trợ nhận được sự giúp đỡ kịp thời.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- 4.3.1. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
- 4.3.2. Thể hiện tinh thần dân thân vì cộng đồng, thái độ sống tích cực.
- 4.3.3. Thực hành được nghiệp vụ trợ giúp xã hội cấp cơ sở.
- 4.3.4. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- 4.3.5. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.
- 4.3.6. Biết yêu cầu thông tin, lắng nghe tích cực và đối thoại hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Nhận biết được các chính sách trợ giúp xã hội hiện hành.
CLO2:	Xác định được nguyên tắc, hình thức, phương pháp trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp xã hội cho các đối tượng thuộc phạm vi được trợ giúp.
CLO3:	Nhận diện một vấn đề xã hội cụ thể cần can thiệp của đối tượng thân chủ dưới góc độ đa chiều.
CLO4:	Có khả năng lập kế hoạch vận động, quản lý, kết nối, phân phối các nguồn lực trợ giúp, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI					
	PLO3		PLO6	PLO9		PLO10
	PI3.1	PI3.3	PI6.1	PI9.1	PI9.2	PI10.1
CLO1	I		I			
CLO2	R		I	I		
CLO3		M,A				R
CLO4		R	R	R	R	R
Trợ giúp xã hội	R	M,A	R	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI 1.1. Tính tất yếu khách quan của trợ giúp xã hội 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của trợ giúp xã hội ở Việt Nam 1.3. Khái niệm trợ giúp xã hội và các khái niệm liên quan 1.4. Đối tượng nghiên cứu của môn học trợ giúp xã hội 1.5. Chức năng, nhiệm vụ và phương pháp luận của môn học trợ giúp xã hội 1.6. Cách tiếp cận nghiên cứu hệ thống chính sách trợ giúp xã hội.	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. GV định hướng các chủ đề cho các nhóm thảo luận	- SV nghiên cứu tài liệu ĐCCTHP và ý kiến (nếu có). - SV chọn nhóm (mỗi nhóm từ 3-5 SV) và đăng ký với GV. SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO2
Chương 2. HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI	12	- GV thuyết giảng.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO2;

2.1. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoạt động trợ giúp xã hội 2.2. Các đối tượng và chính sách trợ giúp xã hội 2.3. Nghèo đói và chính sách trợ giúp xã hội		- GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	- Các nhóm SV chọn một số tình huống để giải quyết tình huống.	#HĐ2.1	CLO3
Chương 3. VAI TRÒ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI 3.1. Vai trò quản lý nhà nước trong hoạt động trợ giúp xã hội 3.2. Vai trò của cộng đồng, các tổ chức xã hội và cá nhân trong hoạt động trợ giúp xã hội 3.3. Hệ thống các chỉ tiêu giám sát và đánh giá hoạt động trợ giúp xã hội 3.4. Nguồn lực trợ giúp xã hội	12	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. Các nhóm SV chọn một số tình huống để giải quyết tình huống.	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Xuân Kỳ	Giáo trình Trợ giúp xã hội	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trung tâm hỗ trợ sáng kiến phát triển cộng đồng (SCDI)	Tài liệu nghiệp vụ chính sách trợ giúp xã hội	2019	LĐ-XH	https://scdi.org.vn/media/uploads/2019/08/15/scdi-tai-lieu-nghiep-vu-tro-giup-xa-hoi-2019.pdf		x
3	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2021/03/20.signed.pdf https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2025/3/30-11cp.signed.pdf https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2021/03/20.signed.pdf						x

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
 - Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
 - Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
 - Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Bài kiểm tra 1	Tự luận	Rubric	50%	CLO1; CLO4	40%	
	HĐ1.2. Bài kiểm tra 2	Tự luận	Rubric	50%	CLO2; CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO3; CLO4	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 16. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Drafting Administrative Documents Skills
3	Mã học phần:	SO4462
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	15
	- Thực hành:	30
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dtthao@dtthu.edu.vn
- Điện thoại: 0939212945

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về việc phân biệt các loại văn bản nói chung, văn bản hành chính nói riêng, việc vận dụng các văn bản như thế nào trong môi trường làm việc thực tế, bên cạnh đó rèn luyện kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính đúng với thể thức quy định. Thông qua đó, giúp cho sinh viên thuận lợi trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Giải thích được các vấn đề cơ bản về văn bản hành chính thông dụng.

4.1.2. Xác định được các loại văn bản và cách thức sử dụng loại văn bản hành chính thích hợp cho quá trình tương tác giữa các bộ phận trong tổ chức và giữa các cơ quan tổ chức trong hệ thống nhà nước.

4.1.3. Nắm vững và thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản trong soạn thảo văn bản, cấu trúc cơ bản của các loại văn bản hành chính.

4.1.4. Soạn thảo thành thạo một số loại văn bản hành chính được sử dụng nhiều trong lĩnh vực công tác xã hội.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Có khả năng khai thác được nguồn tư liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

4.2.2. Trình bày được kết quả nghiên cứu hay một kế hoạch can thiệp có tính khoa học.

4.2.3. Thực hiện giao tiếp bằng văn bản.

4.2.4. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng như MS Word, MS Excel, MS PowerPoint.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, vận dụng linh hoạt các tình huống thực tế.

4.3.2. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

4.4.3. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

4.3.4. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.

5. **Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)**

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân loại được các loại văn bản và cách thức sử dụng loại văn bản hành chính thích hợp cho quá trình tương tác giữa các bộ phận trong tổ chức và giữa các cơ quan tổ chức trong hệ thống nhà nước.
CLO2:	Soạn thảo thành thạo một số loại văn bản hành chính được sử dụng nhiều trong lĩnh vực công tác xã hội.
CLO3:	Thực hành được các kỹ thuật cơ bản trong soạn thảo văn bản, cấu trúc cơ bản của các loại văn bản hành chính.
CLO4:	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng như MS Word, MS Excel, MS PowerPoint.

6. **Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)**

CLO	PLO và chỉ số PI	
	PLO7	PLO8
	PI7.2	PI8.1
CLO1	I	
CLO2	M,A	
CLO3	M	
CLO4		R
Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	M,A	R

7. **Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Đại cương về văn bản quản lý hành chính nhà nước 1.1. Những khái niệm chung về văn bản 1.2. Chức năng của văn bản 1.3. Vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý nhà nước 1.4. Phân loại văn bản	3	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng.	- SV nghiên cứu ĐCCTHP và ý kiến (nếu có). - SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1
Chương 2. Những yêu cầu chung về nội dung và thể thức, văn phong, ngôn ngữ văn bản 2.1. Những yêu cầu về nội dung 2.2. Những yêu cầu về thể thức 2.3. Văn phong hành chính-công vụ 2.4. Ngôn ngữ văn bản	4	GV thuyết giảng.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1
Chương 3. Quy trình, kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính 3.1. Quy trình xây dựng và ban hành văn bản 3.2. Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính cá biệt	4	GV thuyết giảng.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1; CLO2
Chương 4. Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính 4.1. Công văn	4	GV thuyết giảng.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.2	CLO1; CLO2; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
4.2. Thông báo 4.3. Báo cáo 4.4. Biên bản 4.5. Kế hoạch 4.6. Tờ trình 4.7. Hợp đồng 4.8. Công điện 4.9. Các loại giấy 4.10. Các loại phiếu					
Thực hành: Chương 4. Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính 4.1. Công văn 4.2. Thông báo 4.3. Báo cáo 4.4. Biên bản 4.5. Kế hoạch 4.6. Tờ trình 4.7. Hợp đồng 4.8. Công điện 4.9. Các loại giấy 4.10. Các loại phiếu	30	Sử dụng phòng thực hành máy tính Sinh viên soạn thảo văn bản hành chính trên máy tính Giảng viên hướng dẫn	SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Thái Thị Tuyết Dung	Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản	2021	Hồng Đức	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Đoàn Thị Tố Uyên	Giáo trình kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2021	Tư pháp	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213327&classid=1&orggroupid=1						x

9. Quy định đối với sinh viên

a. Nhiệm vụ của sinh viên phải chuẩn bị cho giờ học trên lớp

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.

b. Làm việc nhóm

- Lớp chia thành các nhóm (mỗi nhóm tối đa 3 SV).
- Thực hiện soạn thảo văn bản trên lớp theo hướng dẫn của GV.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Chuyên cần	Mức độ tham gia lớp học	Rubric	40%	CLO1; CLO4	50%	
	HĐ1.2. Báo cáo	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO2		

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric	100%	CLO3	50%	PI7.2

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Học phần 17. Thống kê xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Thống kê xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Statistics
3	Mã học phần:	SO4046
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	20
	- Thực hành:	20
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Phan Hồng Khanh
- Email: phkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0915999658

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Văn Cảnh
- Email: nvcanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0336090890

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan về thống kê nói chung cũng như thống kê trong lĩnh vực xã hội nói riêng. Học phần giúp người học có được cho mình những công cụ về: chọn mẫu về đối tượng nghiên cứu, thu thập và tổng hợp số liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu, ... và các phương pháp cơ bản để phân tích những số liệu đó. Từ đó người học là cơ sở để người học có những phương pháp định lượng cũng như đưa ra những giải pháp mang tính logic, khoa học, đủ tính thuyết phục để giải quyết câu hỏi nghiên cứu của mình.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Các khái niệm cơ bản về thống kê cũng như thống kê xã hội.
- 4.1.2. Các hình thức chọn mẫu, điều tra chọn mẫu, thu thập và tổng hợp số liệu.
- 4.1.3. Các công cụ phân tích số liệu.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, thu thập số liệu
- 4.2.2. Tổng hợp và phân tích được các số liệu thống kê

4.2.3. Thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, làm việc trong tổ chức để có hiệu quả làm việc tốt nhất

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp.

4.3.2. Có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, làm việc với người khác, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.

4.3.3. Trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng các kiến thức thống kê vào phân tích các hiện tượng xã hội.
CLO2:	Vận dụng các phương pháp thống kê vào nghiên cứu định lượng và định tính vào các dự án, các đề tài nghiên cứu xã hội
CLO3:	Có khả năng định hướng, đưa ra các kết luận về hiện tượng xã hội.
CLO4:	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình và khả năng đọc hiểu các tài liệu liên quan.
CLO5:	Có khả năng tự học, tư duy logic, tinh thần trách nhiệm.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI					
	PLO2		PLO6			PLO8
	PI2.1	PI2.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI8.1
CLO1	M					
CLO2		M				
CLO3	M		R	R		R
CLO4					R	
CLO5		M				R
Thống kê xã hội	M	M	R	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỐNG KÊ HỌC 1.1. Khái niệm, đối tượng và vai trò của thống kê học 1.1.1. Khái niệm thống kê học 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê học 1.1.3. Vai trò của thống kê học 1.2. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê 1.2.1. Tổng thể thống kê 1.2.2. Tiêu thức thống kê 1.2.3. Chỉ tiêu thống kê 1.3. Các giai đoạn nghiên cứu thống kê 1.3.1. Điều tra thống kê 1.3.2. Tổng hợp thống kê 1.3.3. Phân tích và dự đoán thống kê	6	- Giới thiệu môn học, đề cương; - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu một số khái niệm mở đầu; - Khai thác những hiểu biết của sinh viên; - Chia nhóm, phân công nhóm	- Đọc và tìm hiểu trước tài liệu; - Thảo luận nhóm.	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ3.1	CLO1; CLO4; CLO5
Chương 2. THỐNG KÊ MÔ TẢ 2.1. Số tuyệt đối và số tương đối 2.1.1. Số tuyệt đối 2.1.2. Số tương đối 2.1.3. Điều kiện vận dụng số tuyệt đối và số tương đối 2.2. Số trung bình 2.2.1. Khái niệm, ý nghĩa số trung bình 2.2.2. Các loại số trung bình	8	- GV thuyết trình, gợi mở vấn đề. - GV tổ chức thảo luận nhóm đối với một số câu hỏi, ví dụ, bài tập.	- SV chuẩn bị nghiên cứu trước tài liệu chương 2 - SV trao đổi thắc mắc và thực hiện các yêu cầu, bài tập liên quan.	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ3.1	CLO2; CLO4; CLO5

2.2.3. Phương sai, độ lệch chuẩn 2.3. Dãy số thời gian 2.3.1. Khái niệm, phân loại dãy số thời gian 2.3.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian 2.4. Phương pháp chỉ số 2.4.1. Khái niệm, phân loại và tác dụng của chỉ số 2.4.2. Phương pháp tính chỉ số			- SV làm các yêu cầu, bài tập được GV dặn về nhà.		
Chương 3. THỐNG KÊ SUY LUẬN 3.1. Những vấn đề cơ bản về mẫu 3.1.1. Mẫu ngẫu nhiên 3.1.2. Mẫu phi ngẫu nhiên 3.2. Ước lượng tham số 3.3. Kiểm định giả thuyết thống kê 3.3.1. Kiểm định giả thuyết về giá trị trung bình của tổng thể 3.3.2. Kiểm định giả thuyết về giá trị tỷ lệ của tổng thể	6	- GV thuyết trình, gợi mở vấn đề. - GV tổ chức thảo luận nhóm đối với một số câu hỏi, ví dụ, bài tập.	- SV chuẩn bị nghiên cứu trước tài liệu chương 3 - SV trao đổi thắc mắc và thực hiện các yêu cầu, bài tập liên quan. - SV làm các yêu cầu, bài tập được GV dặn về nhà.	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO3; CLO4; CLO5
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ XÃ HỘI CHỦ YẾU 4.1. Cách tính một số chỉ tiêu thống kê về dân số 4.1.2. Phân bố dân số 4.1.3. Cơ cấu dân số 4.1.4. Biến động tự nhiên dân số 4.1.5. Di dân 4.2. Cách tính một số chỉ tiêu thống kê về giáo dục 4.2.1. Giáo viên 4.2.2. Học sinh 4.2.3. Số người đi học tính trên một vạn dân 4.2.4. Số học sinh bình quân trên một giáo viên của cấp học X 4.2.5. Tỷ lệ biết chữ của dân số từ 10 tuổi trở lên 4.2.6. Tỷ lệ đi học 4.2.7. Số học sinh bỏ học và tỷ lệ học sinh bỏ học 4.2.8. Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp của từng cấp học 4.2.9. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào đại học 4.3. Cách tính một số chỉ tiêu về y tế và sức khỏe 4.3.1. Số giường bệnh 4.3.2. Tỷ lệ nhân viên y tế, bác sĩ ang làm việc so với dân số 4.3.3. Thống kê tình hình phòng bệnh 4.3.4. Thống kê tình hình khám chữa bệnh 4.4. Cách tính một số chỉ tiêu thống kê về văn hóa thông tin 4.4.1. Tỷ lệ hộ gia đình có ti vi 4.4.2. Tỷ lệ hộ gia đình có máy vi tính nối mạng internet 4.4.3. Tỷ lệ hộ gia đình có đọc báo, tạp chí	20	- Phân công các nhóm thực hành các nội dung của chương và thuyết trình; - Nhận xét các báo cáo.	- SV chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hành; - SV thuyết trình báo cáo sản phẩm nghiên cứu của nhóm.	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ3.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO3

4.4.4. Số thư viện trên 10.000 dân (chia theo thành thị và nông thôn)					
4.4.5. Số nhà văn hoá, trung tâm văn hoá giải trí.					
Tổng	40				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đào Hữu Hồ	Giáo trình thống kê xã hội	2007	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Minh Tiến	Phương pháp thống kê trong nghiên cứu xã hội	2021	ĐHQG TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
 - Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
 - Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
 - Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO2; CLO3	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO2; CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi kết thúc học phần	Tự luận	Rubric	100%	CLO1	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG BỘ MÔN**

Học phần 18. Tâm lý học xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Tâm lý học xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Psychology
3	Mã học phần:	SO4109
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Ngọc Thắng
- Email: dinhngocthang2010@gmail.com
- Điện thoại: 0909196802

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đinh Thị Minh Hiếu
- Email: minhhiieu1234@gmail.com
- Điện thoại: 0918716313

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học xã hội hướng sinh viên vào xác định đối tượng, nhiệm vụ và chọn lựa phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội; cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nhóm (mà cá nhân là một thành viên, chịu sự ảnh hưởng của nhóm và có sự tác động trở lại để tạo ra sự tồn tại và phát triển của nhóm), các hiện tượng tâm lý xã hội đặc trưng, điển hình và sự hình thành, phát triển nhân cách của cá nhân thông qua các thành tố của xã hội, đặc biệt là vai trò của các mối quan hệ xã hội.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản để khẳng định rằng tâm lý học xã hội là một khoa học.
- 4.1.2. Sinh viên vận dụng được các kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội vào giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ học tập và vào nghiệp vụ chuyên môn của bản thân.
- 4.1.3. Sinh viên phân tích được các kiến thức cơ bản về nhóm trong tâm lý học xã hội.
- 4.1.4. Sinh viên phân tích được kiến thức cơ bản về các hiện tượng đặc trưng của tâm lý xã hội và các quy luật hình thành chúng.

4.1.5. Sinh viên hiểu được kiến thức về quan hệ xã hội, quan hệ liên nhân cách tới sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân trong nhóm, tổ chức, cộng đồng, nền văn hóa.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Sinh viên chuẩn xác trong việc xác định đối tượng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí, mối quan hệ của tâm lý học xã hội TLH trong chuyên ngành công tác xã hội và trong hệ thống các ngành khoa học.

4.2.2. Sinh viên chuẩn xác trong việc lựa chọn, sử dụng phương pháp nghiên cứu để bước đầu tìm hiểu, khám phá bản chất một số các hiện tượng tâm lý xã hội xung quanh.

4.2.3. Sinh viên chuẩn xác trong việc xem xét, xác định các loại nhóm, trạng thái - cấu trúc của nhóm, các quy luật vận động của nhóm và các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến nhóm.

4.2.4. Sinh viên chuẩn xác trong việc lựa chọn, sử dụng các biện pháp hiệu quả cao để duy trì và phát triển trạng thái tồn tại tích cực của nhóm.

4.2.5. Sinh viên chuẩn xác trong việc xác định, đánh giá sự hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội, các yếu tố tác động và các quy luật vận động của các hiện tượng tâm lý xã hội ấy.

4.2.6. Sinh viên chuẩn xác trong việc áp dụng các quy luật hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội vào học tập và đời sống xã hội.

4.2.7. Sinh viên chuẩn xác trong việc đánh giá chức năng, vai trò của các mối quan hệ xã hội đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách cá nhân.

4.2.8. Sinh viên chuẩn xác trong việc xây dựng và phát triển các mối quan hệ liên nhân cách để phát triển bản thân.

4.2.9. Sinh viên hồi đáp thái độ trân trọng các kiến thức, công trình và kết quả nghiên cứu của học phần tâm lý học xã hội.

4.2.10. Sinh viên hồi đáp xúc cảm tích cực, chủ động, hứng phấn trong quá trình tiếp thu kiến thức, thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho.

4.2.11. Sinh viên hồi đáp sự tin tưởng, lạc quan vào tính hữu ích của học phần tâm lý học xã hội mang lại cho bản thân, nghề nghiệp.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Sinh viên hồi đáp được tính độc lập, chủ động, tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu các nội dung của học phần.

4.3.2. Sinh viên đánh giá được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc áp dụng/sử dụng các kiến thức của tâm lý học xã hội vào quá trình học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.

4.3.3. Sinh viên đánh giá được mức độ làm chủ bản thân và quản lý tốt các mối quan hệ xã hội với người khác trong quá trình học tập, công việc và cuộc sống.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích các kiến thức cơ bản để khẳng định rằng tâm lý học xã hội là một khoa học; nhóm trong tâm lý học xã hội; các hiện tượng đặc trưng của tâm lý xã hội và các quy luật hình thành chúng; quan hệ liên nhân cách tới sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân trong nhóm, tổ chức, cộng đồng, nền văn hóa.
CLO2:	Chuẩn xác trong việc xem xét, xác định các loại nhóm, trạng thái - cấu trúc của nhóm, các quy luật vận động của nhóm và các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến nhóm.
CLO3:	Chuẩn xác trong việc xác định, đánh giá sự hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội, các yếu tố tác động và các quy luật vận động của các hiện tượng tâm lý xã hội ấy.
CLO4:	Chuẩn xác trong việc đánh giá chức năng, vai trò của các mối quan hệ xã hội đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách cá nhân.
CLO5:	Đánh giá được mức độ làm chủ bản thân và quản lý tốt các mối quan hệ xã hội với người khác trong quá trình học tập, công việc và cuộc sống.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI					
	PLO4	PLO5	PLO7		PLO9	PLO10
	PI4.2	PI5.2	PI7.3	PI7.4	PI9.3	PI10.1
CLO1	R					
CLO2		R				
CLO3	R	R	M	M		
CLO4			M	M	R	M
CLO5						M
Tâm lý học xã hội	R	R	M	M	R	M

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI LÀ MỘT KHOA HỌC 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLH xã hội 1.1.1. Đối tượng của TLH xã hội 1.1.2. Nhiệm vụ của TLH xã hội 1.2. Sơ lược lịch sử hình thành của TLH xã hội 1.3. TLH xã hội trong hệ thống các khoa học khác 1.4. Cấu trúc của TLH xã hội 1.5. Các học thuyết trong TLH xã hội	6	- Thuyết trình nêu vấn đề. - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - làm việc nhóm. - Tự học.	Nghiên cứu các tài liệu sau: [1; Chương 1].	#HD1 #HD3	CLO1 CLO5
Chương 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI 2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 2.2. Phương pháp quan sát 2.3. Phương pháp phỏng vấn 2.4. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi 2.5. Phương pháp thực nghiệm 2.6. Phương pháp trắc nghiệm xã hội 2.7. Phương pháp đánh giá của nhóm đối với cá nhân.	6	Thuyết trình nêu vấn đề. Đàm thoại gợi mở. Trực quan. Tự học.	Nghiên cứu các tài liệu sau: [1; Chương 2].	#HD1 #HD3	CLO1 CLO5
Chương 3. NHÓM 3.1. Lịch sử nghiên cứu nhóm trong tâm lý học xã hội 3.2. Khái niệm nhóm và phân loại nhóm 3.2.1. Khái niệm nhóm 3.2.2. Phân loại nhóm 3.3. Động thái nhóm	6	Thuyết trình nêu vấn đề. Đàm thoại gợi mở. Trực quan. Tự học.	Nghiên cứu các tài liệu: [1; Chương 3]; [3; Chương 4, 5, 6, 7, 8 và 9]; [4].	#HD1 #HD3	CLO1 CLO2 CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.3.1. Khái niệm động thái nhóm 3.3.2. Sự cố kết nhóm 3.2.3. Cấu trúc nhóm 3.2.4. Chuẩn mực nhóm 3.2.5. Áp lực nhóm 3.2.6. Xung đột nhóm 3.2.7. Định kiến					
Chương 4. CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ XÃ HỘI 4.1. Các hiện tượng tâm lý xã hội 4.1.1. Bầu không khí tâm lý 4.1.2. Tâm trạng xã hội 4.1.3. Truyền thống 4.1.4. Dư luận xã hội 4.2. Các quy luật hình thành tâm lý xã hội 4.2.1. Quy luật kế thừa 4.2.2. Quy luật lây lan 4.2.3. Quy luật bắt chước 4.2.4. Quy luật tác động qua lại	6	Thuyết trình nêu vấn đề. Đàm thoại gợi mở. Trực quan Làm việc nhóm. Sơ mi na. Tự học.	Nghiên cứu các tài liệu sau: [1; Chương 4]; [2]; [4].	#HD2	CLO1 CLO3 CLO5
Chương 5. QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH VÀ SỰ HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH 5.1. Quan hệ xã hội 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Các quan niệm khác nhau về vai trò của QHXXH đối với sự hình thành tâm lý người 5.1.3. Quá trình hình thành các mối quan hệ xã hội 5.1.4. Vấn đề xã hội hóa cá nhân 5.2. Quan hệ liên nhân cách 5.2.1. Khái niệm	6	Thuyết trình nêu vấn đề. Đàm thoại gợi mở. Trực quan. Tự học.	Nghiên cứu các tài liệu sau: [1; Chương 5]; [2; 130-257]; [3]; [4]; [5; 598-661].	#HD1 #HD3	CLO1 CLO4 CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
5.2.2. Những yếu tố tâm lý xã hội của quan hệ liên nhân cách 5.2.3. Sự phát triển quan hệ liên nhân cách 5.2.4. Điều kiện để gia nhập vào các quan hệ liên nhân cách 5.3. Giao tiếp là biểu hiện cụ thể của các quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách 5.4. Quan hệ liên nhân cách trong nhà trường và ngoài xã hội					
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đinh Ngọc Thắng	Bài giảng Tâm lý học xã hội	2010	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Hồng Nga	Giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội	2010	LĐ -XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Xuân Nghĩa	Xã hội học	2021	ĐHQG TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nhóm Ezpsychology	Tâm lý học trong nháy mắt (tập 2) – Tâm lý học xã hội	2018	Thanh niên	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Richardj. Gerrig, Philip G. Zimbardo (Kim Dân dịch)	Tâm lý học và đời sống	2020	Hồng Đức	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HD1. Đánh giá quá trình	HD1.1. Chuyên cần	Quan sát	Rubric	30%	CLO1; CLO2; CLO3	40%	

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
	HĐ1.2. Bài tập cá nhân	Bài tập	Rubric	30%	CLO1; CLO2; CLO3		
	HĐ1.3. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	40%	CLO1; CLO2; CLO3		
HĐ2. Đánh giá giữa kỳ	HĐ2.1. Kiểm tra	Tự luận	Rubric	100%	CLO3		
HĐ3. Đánh giá cuối kỳ	HĐ3.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 19. Sức khỏe cộng đồng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Sức khỏe cộng đồng
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Public Health
3	Mã học phần:	SO4011N
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành/Thí nghiệm:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Mai Thị Kim Thoa
- Email: mtkthoa@dthu.edu.vn
- Số điện thoại: 0918272703

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về sức khỏe cộng đồng, bao gồm: các khái niệm, đối tượng, phương pháp tiếp cận và nghiên cứu sức khỏe cộng đồng; phân tích vai trò và chức năng của công tác xã hội đối với sức khỏe cộng đồng; kiến thức và kỹ năng về dinh dưỡng, giáo dục về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường, tai nạn thương tích; sơ cấp cứu ban đầu một số bệnh tật và tai nạn thường xảy ra trong cộng đồng. Thông qua đó, người học có thể tư vấn, tham vấn, truyền thông các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng, thực hiện được một số kỹ năng phòng chống dịch bệnh, xử trí sơ cấp cứu ban đầu một số tai nạn thường gặp trong cộng đồng, hướng đến xây dựng cộng đồng nâng cao sức khỏe.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học diễn giải được các khái niệm, đối tượng, phương pháp tiếp cận và nghiên cứu sức khỏe cộng đồng; phân tích được vai trò, chức năng của công tác xã hội đối với sức khỏe cộng đồng; phân tích được các vấn đề về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường tác động đến sức khỏe cộng đồng; vận dụng được các kỹ năng phòng chống dịch bệnh và sơ cấp cứu ban đầu một số tai nạn thương tích thường xảy ra trong cộng đồng; tổ chức làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết vấn đề trong các bài tập tình huống liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Diễn giải các khái niệm, đối tượng, phương pháp tiếp cận và nghiên cứu sức khỏe cộng đồng.

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO2:	Phân tích vai trò, chức năng của công tác xã hội đối với sức khỏe cộng đồng.
CLO3:	Phân tích các vấn đề về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường tác động đến sức khỏe cộng đồng.
CLO4:	Vận dụng các kỹ năng phòng chống dịch bệnh và sơ cấp cứu ban đầu một số tai nạn thương tích thường xảy ra trong cộng đồng.
CLO5:	Tổ chức làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết vấn đề trong các bài tập tình huống liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO2	PLO4	PLO9
	PL2.1	PI4.2	PI9.3
CLO1	R		I
CLO2	R		I
CLO3	M	R	R
CLO4	M	R	R
CLO5			R
Sức khỏe cộng đồng	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Dẫn nhập về sức khỏe cộng đồng 1.1. Khái niệm sức khỏe cộng đồng 1.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng 1.3. Các vấn đề sức khỏe cộng đồng ưu tiên trong giai đoạn 2012 – 2020. 1.4. Đối tượng nghiên cứu sức khỏe cộng đồng 1.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu sức khỏe cộng đồng	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm chung về sức khỏe, sức khỏe cộng đồng. 2. Phân tích vai trò, chức năng của nhân viên công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. 3. Phân tích thực trạng sức khỏe cộng đồng và vấn đề sức khỏe ưu tiên. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD2.1	CLO1

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 2. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2.1. Một số yếu tố liên quan ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. 2.2. Xác định vấn đề sức khỏe của cộng đồng. 2.3. Lập kế hoạch can thiệp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng. 2.4. Các phương pháp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích sự cần thiết của việc lồng ghép công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. 2. Phân tích các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. 3. Xác định được các vấn đề sức khỏe nổi bật trong cộng đồng hiện nay. 4. Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD2.1	CLO2
Chương 3. Vấn đề dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho cộng đồng 3.1. Protid 3.2. Lipid 3.3. Glucid 3.4. Vitamin 3.5. Chất khoáng 3.6. Chất xơ 3.7. Nước	6	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích vai trò và sự cần thiết của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể. 2. Phân tích một số giải pháp phòng chống một số bệnh thiếu dinh dưỡng trong cộng đồng. 3. Trình bày một số thực phẩm thông dụng giàu chất dinh dưỡng. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.1 HD1.2 HD2.1 HD3.1	CLO3 CLO5
Chương 4. Vệ sinh an toàn thực phẩm trong cộng đồng 4.1. Những nguyên nhân dẫn đến mất an toàn vệ sinh thực phẩm. 4.2. Một số hướng dẫn vệ sinh an toàn thực phẩm 4.3. Phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng.	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm về vệ sinh an toàn thực phẩm. 2. Liên hệ thực tế tại địa phương, phân tích các nguyên nhân dẫn đến mất an toàn vệ sinh thực phẩm. 3. Đề xuất giải pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.1 HD1.2 HD2.1	CLO3 CLO5
Chương 5. Vấn đề ô nhiễm môi trường với sức khỏe cộng đồng 5.1. Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới sức khỏe cộng đồng.	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau:	HD1.1 HD1.2 HD2.1	CLO3 CLO5

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
5.2. Một số biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường không khí. 5.3. Biện pháp bảo vệ môi trường nước. 5.4. Biện pháp chủ yếu bảo vệ môi trường đất.		- Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	1. Phân tích nguyên nhân ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng. 2. Liên hệ thực tế địa phương, phân tích thực trạng ô nhiễm môi trường do khí thải, đất, nước, rác và đề xuất giải pháp khắc phục. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.		
Chương 6. Vấn đề tai nạn thương tích và phòng chống tai nạn thương tích 6.1. Tai nạn thương tích trong cộng đồng. 6.2. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn thương tích.	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm về tai nạn thương tích. 2. Phân tích các tai nạn thương tích thường xảy ra trong cộng đồng. 3. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.2 HD2.1	CLO4 CLO5
Chương 7. Một số bệnh dễ lây nhiễm trong cộng đồng và cách phòng chống 7.1. Bệnh dịch tả 7.2. Bệnh quai bị 7.3. Bệnh thủy đậu 7.4. Bệnh Rubella 7.5. Cúm H5N1 và hội chứng hô hấp cấp tính (SARS) 7.6. Bệnh viêm gan virus. 7.7. Bệnh sốt nhiễm virus dengue. 7.8. HIV/AIDS	6	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, biện pháp phòng ngừa và điều trị của một số bệnh dễ lây nhiễm trong cộng đồng. 2. Liên hệ thực tế địa phương, phân tích các bệnh thường gặp ở cộng đồng. 3. Phân tích nguyên nhân gây và đề xuất giải pháp phòng ngừa các bệnh lây nhiễm ở cộng đồng. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.2 HD2.1	CLO4 CLO5
Chương 8. Sơ cấp cứu ban đầu một số bệnh và tai nạn thường gặp trong cộng đồng 8.1. Đại cương về sơ cấp cứu. 8.2. Dị vật đường thở 8.3. Tổn thương phần mềm 8.4. Tổn thương xương khớp 8.5. Điện giật 8.5. Đuối nước	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích tầm quan trọng của sơ cấp cứu ban đầu một số bệnh và tai nạn thường gặp trong cộng đồng. 2. Thực hành tại lớp + Sơ cứu dị vật đường thở .	HD1.2 HD2.1	CLO4 CLO5

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
			+ Sơ cứu vết thương phần mềm. + Sơ cứu gãy xương bong gân, trật khớp. + Sơ cứu điện giật. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.		

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ LĐ-TB&XH, UNICEF	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2017	LĐ-XH	https://www.unicef.org/vietnam/media/1481/file/Training%20resources%20on%20social%20work.pdf	x	
2	Daikasu Ikeda, René Simard, Guy Bourgeault; Trần Quang Tuệ, Chu Chí Hiếu (biên dịch và hiệu đính)	Đối thoại về sức khỏe và cuộc sống đạo đức và giáo dục	2016	CTQG	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Trịnh Thị Thanh	Sức khỏe môi trường	2004	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
 - Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
 - Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
 - Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO3	40%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO4; CLO5		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 20. Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Data Analytics Using SPSS
3	Mã học phần:	SO4460
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	15
	- Thực hành:	30
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Cảnh
- Email: nvcanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0336090890

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này giúp người học tiếp cận được với một trong những phần mềm thống kê rất phổ biến hiện nay, đó là phần mềm SPSS (Statistic Package for Social Science). Thông qua học phần này, người học sẽ lĩnh hội được những kiến thức và kỹ năng trong việc xử lý và phân tích dữ liệu. Đây là cơ sở rất quan trọng để người học có thể phân tích được dữ liệu phục vụ các nghiên cứu khoa học và thực tiễn công việc sau khi tốt nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Nắm được những yêu cầu cơ bản trong việc nhập dữ liệu, mã hóa dữ liệu thống kê.
- 4.1.2. Hiểu được cách sử dụng các chức năng thống kê của phần mềm SPSS.
- 4.1.3. Hiểu được ý nghĩa của các kết quả thống kê dữ liệu từ phần mềm SPSS.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Thực hiện tốt việc nhập dữ liệu, mã hóa dữ liệu khi sử dụng phần mềm SPSS.
- 4.2.2. Thực hiện được các phân tích, thống kê phổ biến khi sử dụng phần mềm SPSS.
- 4.2.3. Ứng dụng được kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Thái độ tích cực ứng dụng công nghệ và phần mềm phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học xã hội;

4.3.2. Học tập chuyên cần; có thái độ trung thực, khách quan trong việc phân tích dữ liệu và đọc kết quả thống kê; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và các nguyên tắc hành động trong công tác xã hội.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Thực hiện được các phân tích, thống kê dữ liệu khi sử dụng phần mềm SPSS.
CLO2:	Ứng dụng được kết quả phân tích, thống kê dữ liệu vào hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn.
CLO3:	Trung thực, khách quan trong việc phân tích dữ liệu và đọc kết quả thống kê.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI			
	PLO2	PLO8	PLO9	PLO10
	PI2.1	PI8.1	PI9.3	PI10.3
CLO1	I			
CLO2				
CLO3			I	R
Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	I	R	I	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHẬP DỮ LIỆU, MÃ HÓA DỮ LIỆU VÀ MỘT SỐ XỬ LÝ TRÊN BIẾN 1.1. Giới thiệu tổng quát về phần mềm SPSS 1.2. Nhập dữ liệu trong SPSS 1.3. Mã hóa dữ liệu 1.4. Lựa chọn các biến 1.5. Tách, hợp nhất dữ liệu 1.6. Công cụ đếm 1.7. Làm sạch dữ liệu	5	GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo.	- Nghiên cứu và đọc các tài liệu tham khảo [1], [2], với các nội dung tương ứng. - Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên. - Chuẩn bị 1 bảng hỏi khảo sát trong các đề tài NCKH.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3
THỰC HÀNH: Chương 1. NHẬP DỮ LIỆU, MÃ HÓA DỮ LIỆU VÀ MỘT SỐ XỬ LÝ TRÊN BIẾN	10	- Giảng viên cung cấp các dữ liệu, bảng hỏi đề sinh viên thực hành. - Sinh viên làm việc theo nhóm và báo cáo kết quả trước lớp.	- Nghiên cứu và đọc các tài liệu tham khảo [1], [2], với các nội dung tương ứng. - Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3
Chương 2. TÓM TẮT VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU 2.1. Tóm tắt dữ liệu bằng bảng tần số 2.2. Lập bảng tổng hợp nhiều biến dữ liệu 2.3. Thống kê mô tả dữ liệu	5	GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo.	- Nghiên cứu và đọc các tài liệu tham khảo [1], [2], với các nội dung tương ứng. - Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.4. Vẽ biểu đồ thống kê					
THỰC HÀNH: Chương 2. TÓM TẮT VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU	10	- Giảng viên cung cấp các dữ liệu, bảng hỏi đề sinh viên thực hành. - Sinh viên làm việc theo nhóm và báo cáo kết quả trước lớp.	- Nghiên cứu và đọc các tài liệu tham khảo [1], [2], với các nội dung tương ứng. - Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3
Chương 3. KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT 3.1. Kiểm định chi bình phương (Chi - square) 3.2. Kiểm định trung bình 1 tổng thể (One - Sample T test) 3.3. Kiểm định giá trị trung bình của 02 mẫu phụ thuộc hay mẫu phối hợp từng cặp (Paired Samples - test) 3.4. Kiểm định giá trị trung bình của 02 mẫu phụ thuộc hay mẫu phối hợp từng cặp (Paired Samples - test) 3.5. Phân tích phương sai One – Way ANOVA	5	GV thuyết trình; làm mẫu trên máy tính, sinh viên quan sát và làm theo.	- Nghiên cứu và đọc các tài liệu tham khảo [1], [2], với các nội dung tương ứng. - Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3
THỰC HÀNH: Chương 3. KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT	10	- Giảng viên cung cấp các dữ liệu, bảng hỏi đề sinh viên thực hành. - Sinh viên làm việc theo nhóm và báo cáo kết quả trước lớp.	- Nghiên cứu và đọc các tài liệu tham khảo [1], [2], [3] với các nội dung tương ứng. - Chuẩn bị máy tính có cài đặt phần mềm SPSS theo cá nhân hoặc nhóm sinh viên.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đỗ Văn Thắng, Phan Thành Huân	Giáo trình sử dụng phần mềm SPSS (dành cho sinh viên khối khoa học xã hội & nhân văn)	2011	ĐHQG TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng	x	

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
2	Lê Minh Tiến	Phương pháp thống kê trong nghiên cứu xã hội	2021	ĐHQG TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Phân tích số liệu với phần mềm SPSS	2008	Thống kê	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO2; CLO3	50%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO2; CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thực hành	Thực hành	Rubric	100%	CLO1	50%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 21. Giới và phát triển

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Giới và phát triển
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Gender and Development
3	Mã học phần:	SO4003N
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học/Cao đẳng
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Giới và phát triển, bao gồm: các khái niệm, các lý thuyết và các mô hình phát triển về giới; phân tích sự phân công vai trò về giới trong gia đình; đánh giá nhu cầu giới trong cộng đồng; phân tích và lồng ghép giới vào các dự án phát triển; vận dụng chiến lược tăng quyền lực vào các hoạt động trợ giúp xã hội. Thông qua đó người học phân tích được các vấn đề xã hội từ quan điểm giới, thiết kế nghiên cứu khoa học có tính đến yếu tố giới, lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các chương trình/dự án phát triển mang tính nhạy cảm giới.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học diễn giải được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu Giới và phát triển. Đánh giá được quá trình phát triển của khoa nghiên cứu về giới ở Việt Nam và trên thế giới. Lựa chọn được các phương pháp phân tích giới phù hợp để thu thập và xử lý thông tin trong các dự án phát triển. Vận dụng được chiến lược tăng quyền lực cho phụ nữ vào trong các dự án phát triển. Lồng ghép được các hoạt động đáp ứng nhu cầu chiến lược của phụ nữ vào các dự án phát triển.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Diễn giải các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu giới và phát triển.
CLO2:	Đánh giá quá trình phát triển của khoa nghiên cứu về giới ở Việt Nam và trên thế giới.
CLO3:	Lựa chọn các phương pháp phân tích giới phù hợp để thu thập và xử lý thông tin trong các dự án phát triển.
CLO4:	Vận dụng chiến lược tăng quyền lực cho phụ nữ vào trong các dự án phát triển.
CLO5:	Lồng ghép các hoạt động đáp ứng nhu cầu chiến lược của phụ nữ vào các dự án phát triển.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI	
	PLO2	
	PI2.1	PI2.2
CLO1	M	
CLO2	R	I
CLO3	M	R
CLO4	M	R
CLO5	R	R
Giới và phát triển	M	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Khái quát chung về giới và phát triển 1.1. Sự cần thiết của việc nghiên cứu về giới. 1.2. Quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới ở Việt Nam. 1.3. Đối tượng nghiên cứu của Giới và phát triển. 1.4. Phương pháp nghiên cứu Giới và phát triển. 1.5. Các cách tiếp cận và một số lý thuyết về giới. 1.5. Luật pháp, chính sách thúc đẩy bình đẳng giới.	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Giải thích sự cần thiết của việc nghiên cứu về giới ở Việt Nam. 2. Phân tích đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần Giới và phát triển. 3. Nhận định về quá trình phát triển của khoa học nghiên cứu về giới ở Việt Nam. 4. Phân tích cách tiếp cận Phụ nữ trong phát triển (women in development – WID); Phụ nữ và phát triển (Women and Development); Phụ nữ và phát triển (Gender and Development). 5. Phân tích thuyết nữ quyền tự do, thuyết nữ quyền cấp tiến (nữ quyền triệt để: đấu tranh triệt để vì bình đẳng	HD2.1	CLO2

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
			giới), thuyết nữ quyền xã hội chủ nghĩa. 6. Diễn giải về các luật pháp, chính sách thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam và quốc tế. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.		
Chương 2. Các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu Giới và phát triển 2.1. Khái niệm giới tính và giới 2.2. Khái niệm định kiến giới và phân biệt đối xử theo giới 2.3. Vai trò giới 2.4. Bình đẳng giới 2.5. Nhạy cảm giới và khoảng cách giới 2.6. Nhu cầu giới	9	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích các đặc trưng cơ bản của giới và giới tính. 2. Trình bày khái niệm "vai trò giới"? Chúng ta học được vai trò giới ở đâu? 3. Phân chia vai trò theo giới là gì? Nêu lợi ích cũng như hạn chế của sự khác biệt trong phân chia vai trò theo giới? 4. Khi nào thì cần thiết thay đổi sự phân công lao động theo giới? Và làm cách nào để thay đổi? Sự thay đổi phân công lao động theo giới theo hướng bình đẳng có lợi ích gì? 5. Phân tích các khái niệm về nhu cầu giới. 6. Chứng minh sự khác biệt giữa nhu cầu thiết thực và nhu cầu chiến lược của phụ nữ. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD2.1	CLO1
Chương 3. Tăng quyền lực cho phụ nữ 3.1. Khái niệm “Tăng quyền lực cho phụ nữ” 3.2. Các bước tăng quyền lực 3.3. Tiếp cận, sử dụng và kiểm soát các nguồn tài nguyên và phúc lợi. 3.4. Tham gia	9	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích chiến lược “tăng quyền lực cho phụ nữ”. 2. Đánh giá tầm quan trọng việc “tham gia” của phụ nữ trong gia đình và các dự án phát triển. 3. Phân tích các hình thức và các mức độ tham gia của phụ nữ trong xã hội 4. Phân tích, bình luận Luật Bình đẳng giới.	HD1.2 HD2.1	CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
			- Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.		
Chương 4. Phân tích giới 4.1. Các khái niệm 4.2. Sự cần thiết của phân tích giới 4.3. Các công cụ phân tích giới 4.4. Một số nguyên tắc khi phân tích giới	6	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích khái niệm và sự cần thiết của phân tích chính sách xã hội. 2. Phân tích các yêu cầu và nhiệm vụ của phân tích chính sách xã hội. 3. Phân tích các điều kiện cần thiết cho phân tích chính sách xã hội. 4. Phân tích các bước trong phân tích chính sách xã hội. 5. Trình bày một số công cụ phân tích chính sách xã hội. - Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.1	CLO3
Chương 5. Lồng ghép giới trong dự án phát triển 5.1. Khái niệm “Lồng ghép giới” 5.2. Chu trình của dự án 5.3. LGG trong khảo sát dự án phát triển 5.4. LGG trong thiết kế dự án	3	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	- Các nhóm phân công, đọc tài liệu [1], [2], [3], [4] và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Thực hành bài tập lồng ghép giới trong dự án phát triển 2. Phân tích, bình luận Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. 3. Phân tích, bình luận công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)- Cử người báo cáo, cử người ghi chép. - Thảo luận, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.	HD1.1 HD1.2	CLO5
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Thuận, Trần Xuân Kỳ	Giáo trình Giới và phát triển	2009	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Xuân Kỳ	Tài liệu chuyên khảo Giới và phát triển	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Hoàng Bá Thịnh	Giáo trình xã hội học về giới	2008	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	

4	Melinda Gates; Trần Thị Ngân Tuyền (dịch)	Thời điểm cất cánh – Trao quyền để phụ nữ thay đổi thế giới: = The moment of lift	2021	Trẻ	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Đặng Văn Bảy	Nam nữ bình quyền	2019	Phụ nữ	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO3; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO4; CLO5		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2; CLO4	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 22. Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Education on Sexual and Reproductive Health
3	Mã học phần:	SO4117
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành/Thí nghiệm:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học/Cao đẳng
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, bao gồm: sống khỏe và dinh dưỡng; những thay đổi về thể chất và cảm xúc ở VTN; ứng xử với bạn khác giới và tình yêu ở VTN; giúp VTN hình thành quan hệ giới tính lành mạnh; bảo vệ sức khỏe sinh sản ở VTN; kế hoạch hóa gia đình; nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây qua đường tình dục; tình dục an toàn. Thông qua đó người học có thể thực hiện tư vấn, tham vấn cho thân chủ về các vấn đề liên quan đến giới tính, sinh sản và tình dục an toàn.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học vận dụng được các thông tin, khái niệm liên quan để giải quyết vấn đề trong các bài tập tình huống liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản. Lựa chọn được cách giải quyết tối ưu vấn đề trong các bài tập tình huống liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản. Thực hiện giải quyết vấn đề trong các tình huống liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản. Tổ chức làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết vấn đề trong các bài tập tình huống liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng các thông tin, khái niệm liên quan để giải quyết vấn đề trong các bài tập tình huống liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO2:	Lựa chọn cách giải quyết tối ưu vấn đề trong các bài tập tình huống liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.
CLO3:	Thực hiện giải quyết vấn đề trong các tình huống liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.
CLO4:	Tổ chức làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết vấn đề trong các bài tập tình huống liên quan đến giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI			
	PLO2	PLO4		PLO9
	PL2.1	PI4.1	PI4.2	PI9.3
CLO1	M	M	I	I
CLO2	R	M	R	I
CLO3	R	R	I	R
CLO4				R
Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Vấn đề chung về vị thành niên (VTN) 1.1. Khái niệm VTN 1.1. Dấu hiệu dậy thì ở VTN 1.2.1. Những thay đổi thể chất ở VTN 1.2.2. Những thay đổi cảm xúc ở VTN 1.2. Các giai đoạn phát triển ở VTN 1.3. 1. Giai đoạn dậy thì sớm 1.3.2. Giai đoạn dậy thì trung bình 1.3.3. Giai đoạn dậy thì muộn 1.3. Những băn khoăn lo lắng về sinh lý ở VTN 1.4.1. Những băn khoăn, lo lắng của con trai ở tuổi VTN 1.4.2. Những băn khoăn, lo lắng của con gái thường ở tuổi VTN 1.4.3. Lời khuyên cho các em 1.5. Kinh nguyệt ở trẻ gái VTN 1.5.1. Ý nghĩa 1.5.2. Tuổi bắt đầu có kinh nguyệt 1.5.3. Chu kỳ kinh nguyệt 1.5.4. Vấn đề vệ sinh kinh có kinh nguyệt	6	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Sinh viên đọc tài liệu [1], [2], [3] Giấy A0 Bút lông Báo cáo	HĐ2.1	CLO1 CLO2
Chương 2. Giáo dục giới tính ở VTN 2.1. Các vấn đề chung về tư vấn/giáo dục giới tính ở VTN 2.2. Sống khỏe 2.2.1. Vai trò của giáo dục sức khỏe 2.2.2. Khái niệm sức khỏe toàn diện 2.2.3. Các hành vi bảo vệ sức khỏe 2.3. Dinh dưỡng 2.3.1. Các hướng dẫn về ăn uống	12	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Sinh viên đọc tài liệu [1], [2], [3] Giấy A0 Bút lông Báo cáo	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ2.1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
2.3.2. Lợi ích của việc duy trì chế độ ăn uống thích hợp 2.4. Ứng xử với bạn khác giới và tình yêu ở VTN 2.4.1. Vấn đề đi chơi riêng với bạn khác giới ở tuổi VTN 2.4.2. Tình yêu tuổi học trò 2.4.3. Giải pháp giúp con vượt qua những cú sốc trong tình yêu 2.5. Hình thành quan hệ giới tính lành mạnh ở VTN 2.5.1. Phòng tránh xâm hại tình dục trẻ 2.5.2. Trẻ với văn hóa phẩm đồi trụy 2.5.3. Đồng giới – tình dục đồng giới					
Chương 3. Sức khỏe sinh sản (SKSS) 3.1. Khái quát chung về SKSS VTN 3.1.1. Lợi ích của tư vấn giới tính, SKSS cho VTN 3.1.2. Các vấn đề đối với SKSS VTN 3.2. Tác hại của việc phá thai 3.3. Tình dục an toàn 13.1. Khái niệm 13.2. Những nguy cơ khi có quan hệ tình dục không an toàn 13.3. Lợi ích của quan hệ tình dục trong hôn nhân. 3.4. Nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục 3.4.1. Nhiễm khuẩn đường sinh sản 3.4.2. Nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục 3.4.3. Các dấu hiệu và triệu chứng của NKLTQĐTD (của nam giới và phụ nữ) 3.4.4. Biện chứng của NKLTQĐTD không được điều trị 3.4.5. Phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục 3.5. Kế hoạch hoá gia đình (KHHGĐ) 3.5.1. Khái niệm 3.5.2. Tác động của KHHGĐ đến đời sống của phụ nữ 3.5.3. Những vấn đề nảy sinh khi không thực hiện KHHGĐ 3.5.4. Các biện pháp tránh thai 3.5.5. Những việc giúp nam giới thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao đời sống gia đình 3.5.6. Tư vấn KHHGĐ	12	- Thuyết trình. - Pháp vấn. - Trực quan. - Phân công thảo luận nhóm. - Phát hiện và giải quyết vấn đề.	Sinh viên đọc tài liệu [1], [2], [3] Giấy A0 Bút lông Báo cáo	HĐ1.1 HĐ1.2 HĐ2.1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
2	Dương Quang Ngọc, Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Việt Hà, nhóm tác giả khác	Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện trong chương trình giáo dục phổ thông 2018: Sách chuyên khảo	2022	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
1	Trần Kim Ngọc	Bồi dưỡng kiến thức về biến đổi sinh lí tuổi dậy thì và tình dục an toàn cho học sinh trung học cơ sở <i>(Qua khảo sát tại Trường Trung học cơ sở Thống Linh, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp)</i>	2015	Tap chí ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Nguyễn Đức Sơn	Tài liệu Bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng	x	

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
 - Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
 - Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
 - Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO3	40%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric	50%	CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2; CLO3	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 23. Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Community Engagement Skills
3	Mã học phần:	SO4464
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	24
	- Thực hành:	12
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Lượm
- Email: nvluomo@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0975953795

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết về sinh hoạt cộng đồng cũng như công tác thực hiện các hình thức sinh hoạt cộng đồng, những nguyên tắc cơ bản khi tổ chức sinh hoạt cộng đồng, mục đích thực hiện tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Rèn luyện những kỹ năng cần có của người tổ chức sinh hoạt.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Kiến thức chung khái quát về sinh hoạt cộng đồng.
- 4.1.2. Vai trò và ý nghĩa của việc tổ chức sinh hoạt cộng đồng.
- 4.1.3. Nguyên tắc khi tổ chức sinh hoạt cộng đồng.
- 4.1.4. Một số hình thức tổ chức sinh hoạt cộng đồng.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Kỹ năng quản lý đám đông.
- 4.2.2. Kỹ năng thuyết trình vấn đề.
- 4.2.3. Kỹ năng tổ chức hoạt động giao lưu.

4.2.4. Kỹ năng tổ chức trò chơi cộng đồng.

4.2.5. Kỹ năng vận hành hoạt động thư giãn tâm lý cộng đồng.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Tôn trọng chủ thể giao tiếp ứng xử phù hợp đạo đức nghề nghiệp.

4.3.2. Hình thành thái độ trung thực, có trách nhiệm trong cộng đồng quan hệ xã hội.

4.3.3. Xây dựng tác phong lịch sự, hoà nhã, linh hoạt, đúng mực, biết lắng nghe và chia sẻ.

4.3.4. Thực hiện hoạt động hiệu quả, sáng tạo các hoạt động phù hợp từng đối tượng.

5. **Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)**

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Thực hành được kỹ năng quản lý và thuyết trình một vấn đề trước đám đông.
CLO2:	Thực hành được kỹ năng tổ chức hoạt động giao lưu, thư giãn tâm lý cộng đồng.
CLO3:	Tôn trọng chủ thể giao tiếp ứng xử phù hợp đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm trong mối quan hệ cộng đồng
CLO4:	Thực hiện hoạt động hiệu quả, sáng tạo các hoạt động phù hợp từng đối tượng.

6. **Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)**

CLO	PLO và chỉ số PI				
	PLO7			PLO9	PLO10
	PI7.1	PI7.3	PI7.4	PI9.3	PI10.2
CLO1	R				
CLO2		R	R		
CLO3				R	
CLO4					R
Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng	R	R	R	R	R

7. **Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG 1.1. Khái niệm TCSHCĐ 1.2. Mục đích TCSHCĐ 1.3. Các hình thức tổ chức SHCĐ 1.4. Nguyên tắc chung 1.4.1. Người điều khiển tập thể 1.4.2. Trò chơi tập thể 1.4.3. Nguyên tắc xử lý các tình huống trong TCSHCĐ	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	- Xem trước các tài liệu [1]. - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời liên quan nội dung bài học.	#HD1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 2. NHỮNG KỸ NĂNG TRONG TỔ CHỨC SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG 2.1. Kỹ năng tổ chức giao lưu 2.2. Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	18	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	- Xem trước các tài liệu [1], [2], [3]. - Chuẩn bị các câu hỏi, câu trả lời liên quan nội dung bài học. - Thực hành theo yêu cầu của GV.	#HD1.1 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.3. Kỹ năng lôi cuốn trong SHCD 2.4. Kỹ năng đàm phán 2.5. Kỹ năng tổ chức các trò chơi cho thanh thiếu niên 2.6. Kỹ năng tổ chức hội hóa trang 2.7. Kỹ năng tổ chức đối thoại hội thảo 2.8. Kỹ năng tổ chức hội thi văn nghệ 2.9. Kỹ năng sáng tác các cử chỉ điệu bộ của một bài hát 2.10. Kỹ năng tổ chức các hội thi 2.11. Kỹ năng tổ chức hội trại và phương pháp tổ chức hội trại					
THỰC HÀNH: “HOÀN THIỆN KỸ NĂNG TỔ CHỨC SINH HOẠT TẬP THỂ”.	12	Giảng viên yêu cầu mỗi sinh viên xem lại tất cả các kỹ năng đã được học để bóc thăm thực hành.	Sinh viên chuẩn bị hình thức tổ chức, dụng cụ hỗ trợ, không gian thực hiện.	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2
Tổng	36				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Diệu Linh, Diệu Hương	Kỹ năng sinh hoạt tập thể	2010	Thời đại	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Phiêu, Nguyễn Hồng Tuấn	Slogan - Trò chơi băng reo	2008	Thanh niên	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Diệu Linh, Diệu Hương	Kịch bản sinh hoạt lửa trại	2010	Thời đại	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO3; CLO4	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	40%	CLO1; CLO2		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thực hành	Thực hành	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 24. Tham vấn trong công tác xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Tham vấn trong công tác xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Counseling in Social Work
3	Mã học phần:	SO4502
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tham vấn trong công tác xã hội trang bị cho sinh viên hiểu được những nguyên tắc, những giá trị đạo đức, những phẩm chất cần có của nhân viên công tác xã hội trong quá trình tham vấn. Đồng thời cung cấp cho người học những kỹ năng tham vấn như kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản hồi, kỹ năng tóm tắt để sử dụng trong tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm và tham vấn gia đình. Học phần cũng cung cấp cho người học hiểu và có thể vận dụng các kỹ năng vào tiến trình tham vấn phục vụ cho các mục đích trong hoạt động hỗ trợ thân chủ, nhóm thân chủ.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Làm rõ được các khái niệm, mục đích, tiến trình tham vấn.
- 4.1.2. Phân tích được các nguyên tắc đạo đức, vai trò của nhà tham vấn.
- 4.1.3. Lý giải được những đặc điểm của cá nhân, nhóm và gia đình.
- 4.1.4. Thực hành được các kỹ năng sử dụng trong tham vấn.
- 4.1.5. Thiết kế được tiến trình tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình và tham vấn nhóm.
- 4.1.6. Thảo luận những vấn đề trong gia đình và nhóm.

4.1.7. Nhận biết được các dấu hiệu của gia đình khoẻ mạnh và gia đình không khoẻ mạnh.

4.1.8. Xác định được vai trò của nhóm nhỏ đối với thân chủ.

4.2. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*

4.2.1. Thực hiện được một buổi tham vấn cá nhân, nhóm, gia đình.

4.2.2. Sử dụng được kỹ năng cơ bản trong tham vấn.

4.2.3. Phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các hoạt động sắm vai, giải quyết tình huống.

4.3.4. Thiết lập được các kịch bản sử dụng trong việc sắm vai tái hiện quá trình tham vấn cá nhân, gia đình và nhóm.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Tuân thủ nội quy của lớp học.

4.3.2. Ý thức được vai trò của cá nhân đối với những hoạt động nhóm.

4.3.3. Nhận diện vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với việc tham vấn cho thân chủ.

4.3.4. Nhận biết những khó khăn của thân chủ, và có thể chia sẻ, giúp đỡ thân chủ.

4.3.5. Thừa nhận những sự khác biệt giữa các cá nhân, gia đình và nhóm thân chủ.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế được tiến trình tham vấn với cá nhân, nhóm, gia đình.
CLO2:	Triển khai được tiến trình tham vấn nhằm can thiệp, trợ giúp thân chủ.
CLO3:	Thực hành được các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong tiến trình tham vấn.
CLO4:	Thừa nhận những sự khác biệt giữa các cá nhân, gia đình và nhóm thân chủ.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI							
	PLO5				PLO6		PLO7	PLO9
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.2	PI6.3	PI7.4	PI9.2
CLO1	I	R						
CLO2			M	M				
CLO3					M,A	R		
CLO4							R	R
Tham vấn trong công tác xã hội	I	R	M	M	M,A	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ THAM VẤN 1.1. Các khái niệm 1.2. Giá trị đạo đức 1.3. Các nguyên tắc tham vấn 1.4. Những phẩm chất của tham vấn viên 1.5. Vai trò của tham vấn	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1, tr.10-84]; [2, 159-171]; [3, 84-91]; [4, 1-270]; [5, 1-11]; [6, 7-57];	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2
Chương 2. CÁC KỸ NĂNG TRONG THAM VẤN 2.1. Kỹ năng giao tiếp không lời 2.2. Kỹ năng lắng nghe 2.3. Kỹ năng phản hồi 2.4. Kỹ năng thấu hiểu 2.5. Kỹ năng tóm lược 2.6. Kỹ năng khuyến khích làm rõ ý 2.7. Kỹ năng giúp thân chủ trực diện vấn đề 2.8. Kỹ năng xử lý im lặng 2.9. Kỹ năng chia sẻ bản thân 2.10. Kỹ năng cung cấp thông tin	15	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1, 84-99]; [4, 271-349]; [5, 23-29]; [6, 63-101].	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO2; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.11. Kỹ năng giao nhiệm vụ về nhà					
Chương 3. THAM VẤN CÁ NHÂN 3.1. Tạo lập mối quan hệ và lòng tin 3.2. Xác định vấn đề 3.3. Lựa chọn giải pháp 3.4. Triển khai giải pháp 3.5. Lượng giá và kết thúc 3.6. Theo dõi	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - Phân tích tình huống qua video.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1, 130-204]; [3, 92-130]; [4, 355-384]; [5, 10-14; 35-39];	#HĐ1.1 #HĐ1.3 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 4. THAM VẤN GIA ĐÌNH 4.1. Những vấn đề chung 4.2. Một số mô hình can thiệp trong tham vấn gia đình 4.3. Quy trình tham vấn trong gia đình 4.4. Một số kỹ năng trong tham vấn gia đình	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - Phân tích tình huống qua video.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [3, 137-272]; [4, 87-194]; [5, 37-40].	#HĐ1.1 #HĐ1.3 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 5. THAM VẤN NHÓM 5.1. Khái quát về tham vấn nhóm 5.2. Một số lý thuyết trong tham vấn nhóm 5.3. Quá trình phát triển nhóm 5.4. Tiến trình tham vấn nhóm 5.5. Một số công cụ tạo sự tham gia của các thành viên trong quá trình tham vấn nhóm.	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - Phân tích tình huống qua video.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1, 210-273]; [6, tr.1-35];	#HĐ1.1 #HĐ1.3 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Thị Minh Đức	Giáo trình tham vấn tâm lý	2023	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Võ Thị Tường Vy (chủ biên)	Kỹ năng tham vấn tâm lý cơ bản	2022	ĐHSP TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Phạm Văn Tư (Chủ biên)	Tham vấn trường học	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Trần Đình Tuấn	Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình	2018	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Hoàng Anh Phước	Kỹ năng tham vấn học đường: Những vấn đề lý luận và thực tiễn	2016	ĐHSP	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Lê Sơn	Tư vấn tâm lý học đường, Những vấn đề căn bản (tập 1)	2016	Thanh niên	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.
- Bài báo cáo phải thực hiện độc lập, trong trường hợp bài báo cáo giống nhau 75% trở nên thì chỉ tính điểm một (01) bài và chia đều cho các bài giống nhau.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Chuyên cần	Quan sát	Rubric	20%	CLO1	40%	
	HĐ1.2. Bài tập cá nhân	Bài tập	Rubric	20%	CLO1; CLO2		
	HĐ1.3. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO3	60%	PI6.2

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA**TRƯỞNG BỘ MÔN****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

Học phần 25. Phát triển cộng đồng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Phát triển cộng đồng
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Community Development
3	Mã học phần:	SO4271M
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Phát triển cộng đồng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng, tiến trình tổ chức cộng đồng, phương pháp thường thực hành trong phát triển cộng đồng và dự án phát triển cộng đồng. Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất cho việc thực tập và làm việc tại cộng đồng hay các dự án phát triển.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Giải nghĩa được các khái niệm về cộng đồng, phát triển cộng đồng và các mục đích của phát triển cộng đồng.

4.1.2. Phân tích được các nguyên tắc hành động trong quá trình phát triển cộng đồng.

4.1.3. Xác định được vai trò của cộng đồng, những yếu tố cấu thành cộng đồng và những vai trò của tác viên phát triển cộng đồng.

4.1.4. Xác định được các tiêu chí và vấn đề của cộng đồng kém phát triển.

4.1.5. Thiết kế được tiến trình phát triển cộng đồng.

4.1.6. Thực hành được các kỹ thuật vẽ sơ đồ SWOT, cây vấn đề, cây mục tiêu.

4.1.7. Tổ chức được phương pháp đồng tham gia và dự án phát triển cộng đồng.

4.2. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*

4.2.1. Sử dụng được kỹ năng thuyết trình, kỹ năng như lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng thảo luận nhóm.

4.2.2 Thực hiện phân tích các vấn đề, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, tiềm năng, cây vấn đề và cây mục tiêu của cộng đồng.

4.2.3. Xây dựng dự án phát triển cộng đồng.

4.2.4. Phối hợp với các thành viên nâng cao khả năng làm việc nhóm, tranh luận đưa ra kết luận cho vấn đề.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Tuân thủ các quy tắc của lớp học, nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học, tự nghiên cứu về những vấn đề của cộng đồng.

4.1.2. Thực hành được các kỹ năng cơ bản để giao tiếp và làm việc với người dân.

4.3.3. Nhìn nhận tích cực đối với người nghèo và có tinh thần vì người nghèo, vì cộng đồng nghèo.

4.3.4. Ý thức được giá trị của nghề và yêu thích ngành học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của cộng đồng thân chủ.
CLO2:	Thiết kế được tiến trình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội với cộng đồng.
CLO3:	Thực hành thành thạo kỹ thuật PRA, xác định các vấn đề, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, tiềm năng, cây vấn đề và cây mục tiêu của cộng đồng.
CLO4:	Nhìn nhận tích cực đối với người nghèo và có tinh thần vì người nghèo, vì cộng đồng nghèo.
CLO5:	Có khả năng đánh giá các hoạt động phát triển cộng đồng.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO7		PLO9	PLO10	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI7.1	PI7.3	PI9.1	PI10.1	PI10.3
CLO1	M,A	R							
CLO2		M,A	M	M					
CLO3					M	R			
CLO4							R		
CLO5								R	R
Phát triển cộng đồng	M,A	M,A	M	M	M	R	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG TRONG TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 1.1. Các khái niệm 1.2. Mục đích 1.3. Các nguyên tắc hành động 1.4. Vai trò của cộng đồng 1.5. Những yếu tố tạo thành cộng đồng 1.6. Phân loại vấn đề của cộng đồng	5	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1, 10-84], [2, 159-171], [3, 242-246].	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 2. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 2.1. Chọn cộng đồng 2.2. Hội nhập cộng đồng 2.3. Thành lập và tập huấn nhóm nòng cốt 2.4. Tìm hiểu và phân tích cộng đồng 2.5. Chính thức thành lập ban điều hành, lập kế hoạch 2.6. Củng cố tổ chức, phát huy vai trò các nhóm 2.7. Liên kết bên trong và bên ngoài cộng đồng 2.8. Lượng giá và kết thúc	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1, 84-99].	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2 CLO5
Chương 3. VAI TRÒ VÀ CÁC KỸ NĂNG CẦN THIẾT CỦA TÁC VIÊN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 3.1. Những yêu cầu của một tác viên phát triển cộng đồng 3.1.1 Phẩm chất cần có 3.1.2. Mối quan hệ của tác viên phát triển với cộng đồng 3.2. Vai trò của tác viên phát triển 3.2.1. Biện hộ 3.2.2 Nghiên cứu 3.2.3 Tập huấn/truyền thông 3.2.4 Lập kế hoạch 3.2.5. Xúc tác 3.3 Những kỹ năng cần thiết của tác viên phát triển cộng đồng 3.3.1 Tạo ấn tượng ban đầu 3.3.2. Lắng nghe 3.3.3 Quan sát 3.3.4. Giải quyết mâu thuẫn 3.3.5. Thuyết trình	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1, tr. 130-204].	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.3.6. Tổ chức các cuộc họp dân 3.3.7. Tập huấn 3.3.8. Xây dựng các tổ chức của dân					
Chương 4. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP ĐỒNG THAM GIA TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 4.1 Khái quát chung về PRA 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm 4.1.3 Nguyên tắc 4.2. Những kỹ thuật được sử dụng trong PRA 4.2.1 Thu thập thông tin 4.2.2. Thảo luận nhóm 4.2.3. Vẽ bản đồ cộng đồng 4.2.4. Sơ đồ mặt cắt 4.2.5. Lược sử cộng đồng 4.2.6. Lịch mùa vụ 4.2.7. Sơ đồ Venn 4.2.8 Phân loại giàu nghèo 4.2.9. Biểu đồ Gantt 4.2.10. Công cụ/phương pháp phân tích vấn đề	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:, [2, 87-194] [3, 45-50].	#HD1.2	CLO3
Chương 5. DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG 5.1. Khái niệm 5.1.1. Dự án 5.1.2. Dự án phát triển cộng đồng 5.1.3 Các yếu tố cần thiết của một dự án phát triển cộng đồng 5.2. Tiến trình xây dựng và thực hiện dự án 5.2.1 Thiết kế dự án 5.2.2. Triển khai dự án	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu:[1, 210-273], [4, 1-35].	#HD1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Kim Liên	Giáo trình Phát triển cộng đồng	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình Công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Mai Văn Nam	Giáo trình quản trị dự án phát triển	2009	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Bài báo cáo phải thực hiện độc lập, trong trường hợp bài báo cáo giống nhau 75% trở nên thì chỉ tính điểm một (01) bài và chia đều cho các bài giống nhau.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	PI5.2 PI5.3

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 26. Công tác xã hội với cá nhân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với cá nhân
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with Individuals
3	Mã học phần:	SO4272
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học bao gồm những vấn đề tổng quan như khái niệm, các nguyên tắc hành động, vai trò của nhân viên xã hội, những lý thuyết ứng dụng, các thành tố trong công tác xã hội, tiến trình giải quyết vấn đề khi làm việc với cá nhân cũng như những kỹ năng cơ bản cần có trong thực hành công tác xã hội với cá nhân. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng giải quyết một trường hợp điển cứu thực tế nhằm kết nối giữa lý thuyết và thực hành.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được khái niệm, nguyên tắc hành động cơ bản cần phải tuân thủ khi thực hiện tiến trình hỗ trợ/giúp đỡ thân chủ giải quyết vấn đề.

4.1.2. Lý giải được những vai trò cốt lõi của nhân viên xã hội khi thực thi phương pháp công tác xã hội với cá nhân.

4.1.3. Phân tích được các thành tố cấu thành phương pháp công tác xã hội với cá nhân.

4.1.4. Vận dụng thành thạo tiến trình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội với cá nhân.

4.1.5. Thực hành được các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong các trường hợp điển cứu.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Vận dụng được các lý thuyết, các nguyên tắc và kỹ năng cơ bản vào các tình huống của thân chủ cần được giúp đỡ.

4.2.2. Sử dụng được các kỹ năng lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, thấu cảm,...trong việc xây dựng mối quan hệ với thân chủ.

4.2.3. Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu; vấn đề chính của thân chủ; sơ đồ phả hệ; sơ đồ sinh thái; cây vấn đề; cây mục tiêu.

4.2.4. Xây dựng được kế hoạch giải quyết vấn đề, trong đó có đề cập đến các phương pháp hỗ trợ và giúp đỡ thân chủ.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Nhận biết được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học và hiểu công tác xã hội với cá nhân với tư cách là một phương pháp đặc thù.

4.3.2. Thấu hiểu được hoàn cảnh, vấn đề thân chủ gặp phải, từ đó có cái nhìn tích cực và thiện chí đối với những trường hợp yếu thế trong xã hội.

4.3.3. Ý thức được việc không ngừng học tập để thích ứng với công việc hỗ trợ và giúp đỡ cá nhân thân chủ giải quyết vấn đề.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của cá nhân thân chủ.
CLO2:	Thiết kế được tiến trình can thiệp đối với cá nhân thân chủ đặc thù.
CLO3:	Thực hành được các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong các trường hợp điển cứu.
CLO4:	Ý thức được việc không ngừng học tập để thích ứng với công việc hỗ trợ và giúp đỡ cá nhân thân chủ giải quyết vấn đề.
CLO5:	Có khả năng đánh giá được tính hiệu quả của mô hình công tác xã hội với cá nhân.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI							
	PLO5				PLO7		PLO9	PLO10
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI7.1	PI7.3	PI9.1	PI10.1
CLO1	M,A	R						
CLO2		M,A	M	M				
CLO3					M	R		
CLO4							R	
CLO5								R
Công tác xã hội với cá nhân	M,A	M,A	M	M	M	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN 1.1. Khái niệm CTXH cá nhân 1.2. Một số khái niệm có liên quan trong công tác xã hội cá nhân 1.3. Sơ lược lịch sử hình thành công tác xã hội cá nhân 1.4. Các nguyên tắc hành động cơ bản trong công tác xã hội cá nhân 1.5. Vai trò của nhân viên xã hội trong công tác xã hội với cá nhân 1.6. Các thành tố trong công tác xã hội cá nhân 1.7. Các cách tiếp cận công tác xã hội cá nhân 1.8. Những quan điểm, lý thuyết ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân	10	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 7 - 60], [2, tr. 3 - 93], [3, tr. 5 - 42, tr. 143 - 155], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Nguyên tắc là gì? 2. Phân tích các nguyên tắc trong công tác xã hội với cá nhân. 3. Làm thế nào để vận dụng (thực hiện) 7 nguyên tắc trong công tác xã hội với cá nhân? 4. Làm thế nào để trình bày các nguyên tắc làm việc cho thân chủ biết và hiểu? 5. Theo bạn, trong các nguyên tắc trên, nguyên tắc nào quan trọng nhất? Giải thích vì sao?	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			6. Theo bạn, nguyên tắc nào khó thực hiện nhất? Vì sao? 7. Nêu các quy điều đạo đức có thể áp dụng tại Việt Nam. 8. Phân tích các vai trò của nhân viên công tác xã hội với cá nhân và cho biết vai trò nào khó thực hiện nhất? Vì sao? 9. Phân tích các thành tố trong công tác xã hội với cá nhân và cho biết thành tố nào quan trọng nhất, vì sao? 10. Nhu cầu cơ bản của con người theo lý thuyết Maslow? 11. Bản năng, bản ngã, siêu ngã là gì? 12. Vai trò là gì? Con người có những vai trò nào? Những nguyên nhân nào dẫn đến việc thực hiện vai trò không được đầy đủ? 13. Cơ chế phòng vệ là gì? Nêu những cơ chế phòng vệ của con người? Phân tích các cơ chế phòng vệ của con người.		
Chương 2. TIẾN TRÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN 2.1. Tiếp cận thân chủ 2.2. Thu thập thông tin 2.3. Phân tích, đánh giá, chẩn đoán/xác định vấn đề 2.4. Lên kế hoạch giải quyết vấn đề 2.5. Thực hiện kế hoạch 2.6. Lượng giá	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 62 - 82], [2, tr. 93 - 111], [3, tr. 132 - 142], trả lời các câu hỏi sau: 1. Nêu các bước thực hiện công tác xã hội với cá nhân. 2. Làm thế nào để tiếp cận được với thân chủ? 3. Thu thập thông tin của thân chủ qua những phương pháp nào? 4. Nêu và phân tích hệ thống thân chủ.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1
Chương 3. KỸ NĂNG VÀ KỸ THUẬT TÁC NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN 3.1. Kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ 3.2. Kỹ năng nghe tích cực 3.3. Kỹ năng quan sát 3.4. Kỹ năng thấu cảm 3.5. Kỹ năng đặt câu hỏi 3.6. Kỹ năng phản hồi 3.7. Kỹ năng vấn đàm 3.8. Kỹ năng biện hộ 3.9. Kỹ năng xử lý căng thẳng và khủng hoảng tinh thần 3.10. Kỹ năng ghi chép và lưu trữ hồ sơ cá nhân 3.11. Vãng gia 3.12. Sơ đồ gia tộc	15	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 85 - 109], [3, tr. 100 - 140], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Trình bày cách tiến hành vẽ sơ đồ gia tộc. 2. Nêu những khó khăn trong khi vẽ sơ đồ gia tộc. 3. Vẽ sơ đồ gia tộc cho trường hợp cụ thể ở tài liệu tham khảo [6]. 4. Liệt kê những kỹ năng cần thiết của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với thân chủ. 5. Thế nào là nghe và lắng nghe? 6. Trình bày về kỹ năng quan sát.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.13 Sơ đồ sinh thái			7. Trình bày kỹ năng tham vấn 8. Thế nào là vấn đề? 9. Vãng gia là gì?		
Chương 4. THỰC HÀNH GIẢI QUYẾT TRƯỜNG HỢP ĐIỂN CỨU 4.1. Mô tả trường hợp thân chủ 4.2. Vận dụng giải quyết vấn đề dựa trên tiến trình công tác xã hội cá nhân	12	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV đọc và nghiên cứu những tình huống trong bài giảng do giảng viên cung cấp, qua đó xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, tiềm năng, vấn đề. Vẽ cây vấn đề, cây mục tiêu và lập kế hoạch giúp đỡ thân chủ.	#HĐ1.2	CLO3
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Bích Hưng, Dương Văn Khánh, Trần Văn Luận	Bài giảng công tác xã hội với cá nhân (lưu hành nội bộ)	2021	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Mai Thị Kim Thanh	Giáo trình mô hình công tác xã hội cá nhân	2019	Dân trí	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	40%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	PI5.2 PI5.3

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 27. Công tác xã hội với nhóm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với nhóm
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with Groups
3	Mã học phần:	SO4374N
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học là phương pháp đặc thù, căn bản thứ hai trong thực hành công tác xã hội, phương pháp can thiệp, trợ giúp với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Công cụ cốt lõi của phương pháp dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mỗi tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực được nhân viên xã hội dự kiến trong một kế hoạch hành động. Vai trò của nhân viên xã hội là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các vai trò, sự tham gia tích cực của nhóm viên trong các hoạt động của nhóm, đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Mục tiêu của công tác xã hội với nhóm đạt được hay không tùy thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều tiết sự tham gia của các nhóm viên, biết lúc nào là can thiệp đúng lúc để giải quyết vấn đề và thực hiện đúng vai trò của mình.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được khái niệm, các loại hình nhóm, đặc điểm, nguyên tắc hành động cơ bản cần phải tuân thủ khi thực hiện tiến trình hỗ trợ/giúp đỡ nhóm thân chủ giải quyết vấn đề.

4.1.2. Lý giải được những vai trò cốt lõi của nhân viên xã hội khi thực thi phương pháp công tác xã hội với nhóm.

4.1.3. Phân tích được diễn biến nhóm, tâm lý nhóm để có thể điều hòa sinh hoạt nhóm nhằm đạt được những mục tiêu xã hội theo kế hoạch đã dự định.

4.1.4. Phân tích được các thành tố cấu thành phương pháp công tác xã hội với nhóm.

4.1.5. Thiết kế được tiến trình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội với nhóm.

4.1.6. Thực hành được các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong tiến trình công tác xã hội với nhóm.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Chỉ rõ một số vấn đề liên quan đến nhóm nhỏ trong đời sống, lý do dẫn đến mâu thuẫn đội nhóm, bạo lực nhóm, tương tác nhóm, năng động nhóm, vai trò của nhóm viên và lãnh đạo nhóm

4.2.2. Xây dựng được kế hoạch triển khai thành lập nhóm để can thiệp, trị liệu cho nhóm đối tượng có vấn đề tương đồng trong cuộc sống.

4.2.3. Thiết lập và tổ chức được các buổi sinh hoạt nhóm, các buổi truyền thông nhóm hiệu quả.

4.2.4. Có khả năng duy trì và thúc đẩy phát triển nhóm.

4.2.5. Quản lý được nhóm do mình thành lập.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Nhận biết được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học và hiệu công tác xã hội với nhóm với tư cách là một phương pháp đặc thù.

4.3.2. Đánh giá được tính hiệu quả của mô hình công tác xã hội với nhóm.

4.3.3. Phát triển được vai trò nhân viên xã hội trong tiến trình can thiệp với nhóm đối tượng bằng phương pháp công tác xã hội với nhóm.

4.3.4. Tổ chức điều hành và làm việc nhóm tốt.

4.3.5. Ý thức được việc không ngừng học tập để thích ứng với công việc hỗ trợ và giúp đỡ nhóm thân chủ giải quyết vấn đề.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của nhóm thân chủ.
CLO2:	Thiết kế được tiến trình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội với nhóm.
CLO3:	Tổ chức được các buổi sinh hoạt nhóm, các buổi truyền thông nhóm hiệu quả.
CLO4:	Ý thức được việc không ngừng học tập để thích ứng với công việc hỗ trợ và giúp đỡ nhóm thân chủ giải quyết vấn đề.
CLO5:	Có khả năng đánh giá được tính hiệu quả của mô hình công tác xã hội với nhóm.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI							
	PLO5				PLO7		PLO9	PLO10
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI7.1	PI7.3	PI9.1	PI10.1
CLO1	M,A	R						
CLO2		M,A	M	M				
CLO3					M,A	R		
CLO4							R	
CLO5								R
Công tác xã hội với nhóm	M,A	M,A	M	M	M,A	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM 1.1. Sự hình thành và phát triển của công tác xã hội nhóm	10	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 11 - 54], [2, tr. 143 - 157], [3, tr. 234 - 241], [4, tr. 154 - 157], [5, tr. 177 - 199], thảo luận và giải quyết những vấn đề mà giảng viên tương tác trong chương 1.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.2. Khái niệm, đặc trưng, tầm quan trọng của công tác xã hội nhóm 1.3. Các thành tố trong công tác xã hội nhóm 1.4. Các nguyên tắc hành động cơ bản trong công tác xã hội nhóm 1.5. Mục đích, giá trị đạo đức công tác xã hội nhóm 1.6. Mô hình tiếp cận công tác xã hội nhóm 1.7. Phân loại nhóm					
Chương 2. NỀN TẢNG LÝ THUYẾT TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM 2.1. Một số lý thuyết cơ bản ứng dụng trong công tác xã hội nhóm 2.2. Một số kiến thức về năng động nhóm 2.3. Các giai đoạn phát triển của nhóm 2.4. Một số yếu tố sử dụng trong can thiệp công tác xã hội nhóm	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 55 - 95], [2, tr. 79 - 96], [3, tr. 164 - 215], [4, tr. 154 - 157], thảo luận và giải quyết những vấn đề mà giảng viên tương tác trong chương 2.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1
Chương 3. TIẾN TRÌNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM 3.1. Giai đoạn chuẩn bị thành lập nhóm 3.2. Giai đoạn nhóm bắt đầu hoạt động 3.3. Giai đoạn can thiệp thực hiện nhiệm vụ 3.4. Giai đoạn kết thúc	15	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 127 - 243], [5, tr. 177 - 199], thảo luận và giải quyết những vấn đề mà giảng viên tương tác trong chương 3.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO5
Chương 4. MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN VÀ KỸ THUẬT TÁC NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM 4.1. Một số kỹ năng công tác xã hội nhóm 4.2. Một số kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội nhóm	12	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 245 - 293], [2, tr. 197 - 234], [5, tr. 177 - 199], thảo luận và giải quyết những vấn đề mà giảng viên tương tác trong chương 4.	#HĐ1.2	CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Thái Lan	Giáo trình công tác xã hội nhóm	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Trung Hải	Giáo trình lý thuyết công tác xã hội	2019	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Trung Hải	Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội	2020	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Nguyễn Duy Nhiên	Nhập môn công tác xã hội	2015	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	40%	CLO3		PI7.1
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	PI5.2 PI5.3

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN

Học phần 28. Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with Children Facing Difficults
3	Mã học phần:	SO4503
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Số điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bảo vệ trẻ em, các dịch vụ bảo vệ trẻ em, thực trạng của việc ngược đãi trẻ. Các chính sách hiện hành liên quan đến bảo vệ trẻ em ở cấp quốc gia. Đồng thời học phần giới thiệu về vai trò của cán bộ xã hội trong công tác bảo vệ trẻ em, chỉ ra quy trình và phương pháp công tác xã hội cũng như các kỹ năng cơ bản để làm việc với trẻ và phối hợp với gia đình, cộng đồng để tạo được mạng lưới bảo vệ trẻ em.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Giải nghĩa các khái niệm và thuật ngữ liên quan đến trẻ em.
- 4.1.2. Phân tích được thực trạng ngược đãi trẻ em và các vấn đề liên quan đến trẻ em trong cộng đồng.
- 4.1.3. Nhận biết các chính sách hiện hành liên quan đến bảo vệ trẻ em của quốc tế và ở Việt Nam.
- 4.1.4. Xác định các vai trò và trách nhiệm của cán bộ xã hội trong công tác bảo vệ trẻ em.
- 4.1.5. Nhận biết được các dấu hiệu và nguy cơ của trẻ em bị ngược đãi.
- 4.1.6. Thực hành được quy trình và kỹ năng can thiệp bảo vệ trẻ em.
- 4.1.7. Thiết kế được các phương pháp công tác xã hội làm việc với trẻ em.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Phân biệt các dấu hiệu trẻ em bị ngược đãi và nguy cơ ngược đãi qua trường hợp nghiên cứu điển hình.

4.2.2. Thực hiện việc xác định và phân tích vấn đề, xác định nhu cầu của trẻ em.

4.2.3. Xây dựng kế hoạch can thiệp bảo vệ trẻ em.

4.3.4. Chỉ rõ phương pháp công tác xã hội cần thiết trong việc bảo vệ trẻ em thông qua trường hợp nghiên cứu điển hình.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Ý thức được vị trí và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong công tác bảo vệ trẻ em.

4.3.2. Thấu cảm với những trường hợp trẻ em bị ngược đãi.

4.3.3. Tuân thủ nội quy của lớp học, có ý thức trong việc học và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến trẻ em.

Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế được các phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn trong tiến trình giải quyết vấn đề của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
CLO2:	Triển khai và lượng giá được các hoạt động can thiệp, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
CLO3:	Đánh giá được mức độ vấn đề thân chủ trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.
CLO4:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
CLO5:	Thấu cảm với những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.2	PI9.3
CLO1	M	M							
CLO2			M	M					
CLO3	M								
CLO4					M	M	M		
CLO5								R	R
Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	M	M	M	M	M	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO VỆ TRẺ EM 1.1. Các khái niệm 1.1.1. Trẻ em 1.1.2. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 1.1.3. Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt 1.1.4. Ngược đãi trẻ em 1.1.5. Sao nhãng trẻ em 1.1.6. Bóc lột trẻ em 1.1.7. Bảo vệ trẻ em 1.2. Thực trạng ngược đãi trẻ em trong bối cảnh hiện nay 1.3. Luật pháp, chính sách hiện hành liên quan đến bảo vệ trẻ em của quốc tế và Việt Nam 1.3.1. Luật pháp quốc tế 1.3.2. Luật pháp Việt Nam 1.4. Vai trò và trách nhiệm của cán bộ xã hội trong công tác bảo vệ trẻ em 1.4.1. Vai trò cung cấp các dịch vụ xã hội	8	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 6 - 20], [2, tr. 3- 15], [3, tr. 1 - 12], [4, 1- 42] - Chuẩn bị bài trình bày bằng Powerpoint.	#HD1.1	CLO1; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
bảo vệ trẻ em 1.4.2. Vai trò kết nối, chuyển gửi tới các dịch vụ bên ngoài 1.4.3. Vai trò truyền thông giáo dục. 1.4.4. Vai trò là nhà biện hộ					
Chương 2. NHẬN BIẾT DẤU HIỆU TRẺ EM BỊ NGƯỢC ĐÃI VÀ TRẺ EM CÓ NGUY CƠ BỊ NGƯỢC ĐÃI. 2.1. Nhận biết các dấu hiệu trẻ em bị ngược đãi 2.1.1. Các dấu hiệu về thể chất và hành vi 2.1.2. Những kỹ thuật để nhận biết dấu hiệu trẻ em bị ngược đãi. 2.2. Nhận biết dấu hiệu trẻ em có nguy cơ 2.2.1. Dấu hiệu/yếu tố nguy cơ từ trẻ 2.2.2. Dấu hiệu/yếu tố nguy cơ từ người chăm sóc. 2.2.3. Dấu hiệu/yếu tố từ gia đình và xã hội 2.2.4. Dấu hiệu/Yếu tố từ người gây tổn thương	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 21 - 35], [2, tr. 16-23], [3, tr.13 - 20], - Chuẩn bị bài trình bày bằng Powerpoint.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO3
Chương 3. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐE DỌA AN SINH NHI ĐỒNG 3.1. Gia đình thiếu kiến thức, kỹ năng, thái độ bảo vệ, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em 3.2. Gia đình nghèo 3.3. Vấn đề ngược đãi trẻ em 3.4. Vấn đề tệ nạn xã hội 3.5. Vấn đề sức khỏe sinh sản 3.6..Vấn đề về trẻ em và thiết bị di động 3.7..Vấn đề rối loạn hành vi 3.8. Vấn đề vi phạm pháp luật 3.9. Vấn đề sang chấn tâm lý 3.10. Vấn đề buôn bán trẻ em	10	Thuyết giảng, thảo luận, nêu vấn đề.	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.	#HĐ1.2	CLO1; CLO3
Chương 4. QUY TRÌNH CAN THIỆP BẢO VỆ TRẺ EM 4.1. Xác định vấn đề và nhu cầu của trẻ 4.1.1. Xác định và phân tích vấn đề. 4.1.2. Xác định nhu cầu của trẻ 4.1.3. Kỹ năng công tác xã hội. 4.2. Lập kế hoạch can thiệp 4.2.1 Xây dựng mục tiêu 4.2.2. Xác định giải pháp/hoạt động can thiệp 4.2.3. Xác định phương pháp can thiệp 4.2.4. Xác định nguồn lực can thiệp 4.3. Thực hiện kế hoạch can thiệp 4.3.1.Thực hiện phương pháp can thiệp 4.3.2. Các kỹ năng can thiệp 4.3.3. Các đối tác trong thực hiện kế hoạch 4.4. Rà soát và đánh giá kết quả	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 37 - 88], [2, tr. 24-33], Chuẩn bị bài trình bày bằng Powerpoint.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Chương 5. CÁC PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC XÃ HỘI LÀM VIỆC VỚI TRẺ EM 5.1. Phương pháp công tác xã hội làm	7	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 94 - 152], - Chuẩn bị bài	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
việc với trẻ em 5.1.1. Phương pháp công tác xã hội với cá nhân và gia đình trẻ em. 5.1.2. Phương pháp làm việc nhóm với trẻ em. 5.2. Phương pháp công tác xã hội làm việc với gia đình. 5.2.1. Quan niệm 5.2.2. Phương pháp công tác xã hội làm việc với gia đình.		viên. - SV thảo luận nhóm và báo cáo.	trình bày bằng Powerpoint.		CLO5
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đoàn Thị Thanh Huyền	Giáo trình Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2020	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Thái Lan Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Thị Bích Hưng, Dương Văn Khánh, Trần Văn Luận	Bài giảng Công tác xã hội với cá nhân	2021	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Quốc hội	Luật trẻ em	2019	Chính trị Quốc gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 29. Công tác xã hội trong bệnh viện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội trong bệnh viện
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Hospital Social Work
3	Mã học phần:	SO4113
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	42
	- Thực hành:	6
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dtthao@dtthu.edu.vn
- Điện thoại: 0939212945

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dtthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên chuyên ngành công tác xã hội có sự hiểu biết về lĩnh vực thực hành công tác xã hội tại các cơ sở y tế nói chung, trong các bệnh viện nói riêng. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về chức năng nhiệm vụ của phòng công tác xã hội bệnh viện, phân biệt được vai trò nhân viên công tác xã hội với các nhân viên y tế khác, các khó khăn về thể chất, tâm lý, xã hội của người bệnh, Phương pháp đánh giá tâm lý, xã hội văn hóa, tôn giáo tâm linh ở người bệnh, thân nhân,...thông qua đó giúp bệnh nhân và gia đình có kế hoạch, có nguồn lực hỗ trợ và thích ứng với cuộc sống khi mang bệnh mãn tính, hiểm nghèo.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Làm rõ được khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nhiệm vụ của công tác xã hội trong lĩnh vực y tế.

4.1.2. Phân tích được vai trò của công tác xã hội trong bệnh viện, giá trị và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành công tác xã hội bệnh viện.

4.1.3. Phân tích được đặc thù của môi trường bệnh viện và một số vấn đề xã hội nảy sinh tác động bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân.

4.1.4. Chỉ ra được các mô hình trợ giúp, can thiệp của nhân viên công tác xã hội bệnh viện trong trợ giúp thân chủ.

4.1.5. Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn trong bệnh viện.

4.1.6. Thiết kế được tiến trình công tác xã hội can thiệp hỗ trợ thân chủ là bệnh nhân và gia đình của họ liên quan đến các vấn đề về y tế và sức khỏe.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Giải quyết được một vấn đề cần can thiệp của thân chủ trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe dưới góc độ đa chiều.

4.2.2. Đánh giá được vấn đề của đối tượng can thiệp trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường gia đình, bệnh viện và xã hội.

4.2.3. Vận dụng được kiến thức, phương pháp can thiệp chuyên ngành để giải quyết vấn đề của thân chủ.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội trong trường học.

4.3.2. Thực hành thành thạo các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng tham vấn,... để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong bệnh viện.

4.3.3. Có khả năng vận động nguồn lực hỗ trợ thân chủ.

4.3.4. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội đối với thân chủ, nhóm thân chủ trong lĩnh vực y tế.
CLO2:	Triển khai được các hoạt động can thiệp, mô hình trợ giúp, can thiệp của nhân viên công tác xã hội bệnh viện trong trợ giúp thân chủ.
CLO3:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn trong bệnh viện.
CLO4:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội trong trường học.
CLO5:	Giải quyết được một vấn đề cần can thiệp của thân chủ trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe dưới góc độ đa chiều.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.3
CLO1	M	M	M	M					
CLO2			M	M					
CLO3					M	M	M		
CLO4								M	
CLO5									M
Công tác xã hội trong bệnh viện	M	M	M	M	M	M	M	M	M

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Tổng quan về công tác xã hội trong bệnh viện 1.1. Điều kiện hình thành và phát triển Công tác xã hội trong bệnh viện	10	GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. GV thuyết giảng.	Đọc [1; 1-14] trả lời các câu hỏi sau: 1. Trình bày vị trí, chức năng Phòng	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO2

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.2. Mục đích, tầm quan trọng công tác xã hội trong bệnh viện 1.3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện 1.4. Đạo đức nghề công tác xã hội trong bệnh viện 1.5. Các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội trong các cơ sở chăm sóc y tế		GV định hướng các chủ đề cho các nhóm thảo luận	Công tác xã hội bệnh viện. 2. Phân tích tầm quan trọng của công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Liên hệ thực tế. 3. Phân tích về các hoạt động hiện có của Phòng Công tác xã hội bệnh viện tại địa phương. 4. Trình bày quá trình hình thành và phát triển nghề công tác xã hội trong bệnh viện của các nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện đầu tiên trên thế giới. 5. Trình bày các vai trò cơ bản của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện. 6. Sinh viên viết một báo cáo đánh giá về trường hợp bệnh nhân thuộc nhóm người bệnh cần được hỗ trợ từ dịch vụ xã hội đang điều trị nội trú, hoặc điều trị ngoại trú. Bản báo cáo phải thể hiện được các thông tin: yếu tố xã hội, yếu tố tâm lý, yếu tố nguy cơ, yếu tố môi trường của bệnh nhân. 7. Trình bày về các qui điều đạo đức nghề công tác xã hội trong bệnh viện. 8. Trình bày các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.		
Chương 2. Các lý thuyết về hành vi trong chăm sóc sức khỏe 2.1. Khái niệm hành vi-sức khỏe 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe 2.2.1. Kiến thức 2.2.2. Niềm tin 2.2.3. Thái độ 2.2.4. Giá trị	6	GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	Đọc [1; 15-30] trả lời các câu hỏi sau: 1. Trình bày khái niệm hành vi-sức khỏe. 2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe: kiến thức, niềm tin, thái độ, giá trị, các cá nhân, nguồn lực sẵn có và văn	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.2.5. Những người ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 2.2.6. Nguồn lực sẵn có ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 2.2.7. Yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 2.3. Các lý thuyết hành vi sức khỏe 2.3.1. Lý thuyết niềm tin sức khỏe 2.3.2. Lý thuyết hành động hợp lý và hành vi có kế hoạch trong hành vi sức khỏe 2.3.3. Lý thuyết thay đổi hành vi trong chăm sóc sức khỏe			hóa ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe. 3. Phân tích lý thuyết niềm tin sức khỏe. 4. Phân tích lý thuyết hành động hợp lý và hành vi có kế hoạch trong hành vi sức khỏe. 5. Phân tích lý thuyết thay đổi hành vi trong chăm sóc sức khỏe. 6. Đọc tình huống được giao cho các nhóm sinh viên, thảo luận nhóm và báo cáo.		
Chương 3. Tâm lý của người bệnh và các biện pháp tác động đến tâm lý của người bệnh 3.1. Khái niệm sức khỏe-bệnh 3.2. Tâm lý của người bệnh 3.2.1. Tâm lý chung khi mắc bệnh 3.2.2. Quá trình nhận thức và phản ứng của bệnh nhân 3.2.3. Khái niệm nhận thức 3.2.4. Các loại nhận thức của bệnh nhân 3.2.5. Các loại phản ứng của bệnh nhân 3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của người bệnh 3.5. Các biện pháp tác động đến tâm lý của người bệnh	5	GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	Đọc [1; 31-53] trả lời các câu hỏi sau 1. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của người bệnh. 2. Trình bày các biện pháp tác động đến tâm lý của người bệnh 3. Đọc tình huống được giao cho các nhóm sv, thảo luận nhóm sv.	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3
Chương 4. Các yếu tố tâm linh, gia đình trong chăm sóc cho bệnh nhân 4.1. Yếu tố Tôn giáo - tâm linh 4.1.1. Khái niệm Tôn giáo- tâm linh 4.1.2. Chức năng tâm linh trong đời sống con người. 4.1.3. Ảnh hưởng của tâm linh đến tinh thần và hiệu quả điều trị của người bệnh 4.2. Yếu tố gia đình 4.2.1. Khái niệm gia đình 4.2.2. Chức năng gia đình 4.2.3. Ảnh hưởng gia đình đến tinh thần và hiệu quả điều trị của người bệnh. 4.2.4. Thực hành công tác xã hội bệnh viện dựa trên đánh giá, phân tích yếu tố tâm linh- gia đình tạo	5	GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	Đọc [1; 54-92] trả lời các câu hỏi sau 1. Hệ thống gia đình. 2. Ảnh hưởng của hệ thống gia đình đến tâm lý-điều trị-đối phó với bệnh tật. 3. Trình bày vai trò của nhân viên xã hội bệnh viện trong đánh giá- can thiệp-hỗ trợ cho bệnh nhân và gia đình. 4. Khái niệm tôn giáo - tâm linh. 5. Ảnh hưởng của tôn giáo-tâm linh đến tâm lý-điều trị-đối phó với bệnh tật. 6. Vai trò của nhân viên xã hội giúp người bệnh trong đánh giá-	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
động lực, nguồn lực giúp đỡ bệnh nhân thích ứng đối phó với bệnh.			can thiệp- hỗ trợ tâm linh cho người bệnh và gia đình.		
Chương 5. Công tác xã hội bệnh viện với bệnh ung thư, bệnh suy thận mãn, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời 5.1. Bệnh Ung thư 5.1.1. Khái niệm bệnh ung thư 5.1.2. Nguyên nhân, hậu quả của bệnh ung thư 5.1.3. Các phương pháp điều trị bệnh ung thư 5.1.4. Khía cạnh tâm lý-xã hội của bệnh nhân ung thư 5.1.5. Vai trò của nhân viên công tác xã hội với bệnh nhân và gia đình người bệnh ung thư. 5.2. Bệnh suy thận mãn tính 5.2.1. Khái niệm bệnh suy thận mãn 5.2.2. Nguyên nhân - hậu quả của bệnh suy thận mãn 5.2.3. Các phương pháp điều trị bệnh suy thận mãn 5.2.4. Khía cạnh tâm lý-xã hội của bệnh nhân và gia đình người bệnh 5.2.5. Vai trò của nhân viên xã hội bệnh viện với bệnh nhân và gia đình người bệnh suy thận mãn 5.3. Chăm sóc giảm nhẹ 5.3.1. Khái niệm chăm sóc giảm nhẹ 5.3.2. Mục tiêu chăm sóc giảm nhẹ 5.3.3. Vấn đề tâm lý-xã hội trong đánh giá chăm sóc giảm nhẹ 5.3.4. Vai trò của nhân viên xã hội trong hỗ trợ bệnh nhân trong chăm sóc giảm nhẹ 5.3.5. Các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc giảm nhẹ 5.3.6. Kiểm soát đau trong chăm sóc giảm nhẹ 5.4. Chăm sóc cuối đời 5.4.1. Khái niệm chăm sóc cuối đời 5.4.2. Diễn biến tâm lý giai đoạn cuối đời 5.4.3. Kỹ thuật chăm sóc bệnh nhân giai đoạn cuối đời 5.4.5. Nhận biết dấu hiệu hấp hối - chuẩn bị tang chế	10	GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn	Đọc [1; 93-154] trả lời các câu hỏi sau 1. Trình bày khái niệm bệnh ung thư. 2. Trình bày nguyên nhân-hậu quả của bệnh ung thư. 3. Trình bày các phương pháp điều trị bệnh ung thư. 4. Phân tích, đánh giá tâm lý-xã hội của bệnh nhân ung thư. 5. Trình bày vai trò của nhân viên công tác xã hội với bệnh nhân và gia đình người bệnh ung thư. 6. Trình bày khái niệm bệnh suy thận mãn/suy thận cấp/suy thận mãn giai đoạn cuối. 7. Trình bày các nguyên nhân - hậu quả của bệnh suy thận mãn. 8. Trình bày các phương pháp điều trị bệnh suy thận mãn. 9. Phân tích tình trạng tâm lý-xã hội của bệnh nhân và gia đình. 10. Vai trò của nhân viên xã hội bệnh viện với bệnh nhân và gia đình người bệnh suy thận mãn. 11. Chăm sóc giảm nhẹ là gì? 12. Mục tiêu chăm sóc giảm nhẹ là gì? 13. Trình bày các vấn đề tâm lý-xã hội trong đánh giá chăm sóc giảm nhẹ. 14. Các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc giảm nhẹ. 15. Trình bày vai trò của nhân viên xã hội trong hỗ trợ bệnh	#HĐ1.1 #HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
5.4.6. Đáp ứng với yêu cầu của bệnh nhân muốn bác sỹ giúp tự tử hoặc gây ra cái chết không đau đớn 5.4.7. Chăm sóc đau buồn 5.4.8. Vai trò của nhân viên công tác xã hội bệnh viện trong chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời.			nhân trong chăm sóc giảm nhẹ. 16. Trình bày các phương pháp kiểm soát đau trong chăm sóc giảm nhẹ. 17. Trình bày nhu cầu và kỹ thuật cần thiết trong công tác chăm sóc cuối đời là gì? 18. Trình bày diễn biến tâm lý giai đoạn cuối đời. 19. Nêu các dấu hiệu hấp hối – công tác chuẩn bị tang chế. 20. Luận giải lý do cần phải đáp ứng với yêu cầu của bệnh nhân muốn bác sỹ giúp tự tử hoặc gây ra cái chết không đau đớn.		
Thực hành: Chương 5. Công tác xã hội bệnh viện với bệnh ung thư, bệnh suy thận mãn, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời	6	Thăm bệnh nhân tại bệnh viện. Tìm hiểu nhu cầu-tâm lý-xã hội bệnh nhân qua giao tiếp trực tiếp. Nghe nhân viên công tác xã hội bệnh viện chia sẻ những hoạt động giúp đỡ của phòng công tác xã hội bệnh viện.	Đọc kỹ lại bài giảng chương. Đọc kỹ công cụ đánh giá tâm lý xã hội. Đọc kỹ thông tư số: 43/2015/TT-BYT qui định về cơ cấu chức năng Phòng công tác xã hội bệnh viện. Tập đặt câu hỏi trong công cụ đánh giá trước gương, nhóm sinh viên để thực hành nhuần nhuyễn, có ngữ điệu phù hợp với ngôn ngữ thể hình tạo sự thuận lợi khi giao tiếp trực tiếp với bệnh nhân.	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Chương 6. Nâng cao nhận thức cho trong áp dụng các liệu pháp bổ sung điều trị 6.1. Liệu pháp thôi miên 6.2. Liệu pháp châm cứu 6.3. Liệu pháp hương liệu 6.4. Liệu pháp thư giãn 6.5. Liệu pháp Massage	6	GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. Nhóm SV tự đề xuất phương án giải quyết tình huống và GV hướng dẫn.	Đọc [1; 155-192] trả lời các câu hỏi sau: 1. Trình bày liệu pháp thôi miên trong hỗ trợ tâm lý cho bệnh nhân. 2. Trình bày liệu pháp châm cứu hỗ trợ tâm thần và thể chất cho bệnh nhân. 3. Trình bày liệu pháp hương liệu tâm thần và thể chất cho bệnh nhân.	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

8. Tài liệu học tập

9. Quy định đối với sinh viên

- ## 10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 30. Quản trị trong công tác xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị trong công tác xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work Administration
3	Mã học phần:	SO4010
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dtthao@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0939212945

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên nắm bắt được tính chất và yêu cầu của công tác quản trị một tổ chức, nhất là tổ chức xã hội hay cơ sở xã hội. Yêu cầu cốt lõi nhất là quản trị năng động và tôn trọng cũng như đặt trọng tâm vào mối quan hệ nhân sự. Những kỹ năng cốt lõi như kỹ năng ra quyết định trong quản trị, công tác hoạch định, công tác tổ chức, bố trí nhân sự và quản lý nguồn nhân lực, lãnh đạo và truyền thông trong quản trị... được đặt trong bối cảnh cơ sở xã hội, phục vụ và cung cấp dịch vụ cho thân chủ. Đặc biệt nhấn mạnh tính chất năng động của tinh thần làm việc theo nhóm; nhấn mạnh mối quan hệ cộng đồng và công tác kiểm huấn, một phương pháp đặc thù của quản trị ngành công tác xã hội.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.2. Phân tích được vai trò, yêu cầu về kiến thức kỹ năng và thái độ, nguyên tắc hành động, quy điều đạo đức của nhà quản trị công tác xã hội.

4.1.3. Vận dụng được tiến trình hoạch định trong quản trị công tác xã hội, từ đó biết được nhà quản trị công tác xã hội cần trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thực hiện tiến trình hoạch định tốt nhằm phát triển cơ quan tổ chức.

4.1.4. Vận dụng các lý thuyết về lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo của nhà quản trị trong ngành công tác xã hội.

4.1.5. Đánh giá được các phương pháp, kỹ thuật xây dựng tổ chức, bộ máy của một cơ sở xã hội, cũng như nắm được phương pháp và kỹ năng tìm nguồn nhân sự, làm việc với họ, duy trì và phát triển đội ngũ nhân sự, tiến trình ra quyết định, vai trò của thông tin trong quản trị.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Có khả năng xây dựng mô hình quản trị phù hợp.

4.2.2. Có khả năng sử dụng kiến thức và kỹ năng đã học nhằm tìm hiểu và đánh giá công tác tổ chức, lãnh đạo, hoạch định của một tổ chức an sinh xã hội, cơ sở xã hội.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Đánh giá được tính hiệu quả các mô hình hoạt động dịch vụ công tác xã hội tại địa phương;

4.3.2. Công hiến cho nghề công tác xã hội, nghiêm túc cầu thị, không ngừng nâng cao kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn để có thể trở thành những nhà quản trị công tác xã hội theo tôn chỉ và quy điều đạo đức của nghề.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình quản trị trong công tác xã hội.
CLO2:	Thiết kế được tiến trình kiểm huấn công tác xã hội.
CLO3:	Đánh giá được những nội dung, yêu cầu của kiểm huấn viên trong quá trình thực thi công việc tại cơ sở.
CLO4:	Đánh giá được tính hiệu quả các mô hình hoạt động dịch vụ công tác xã hội tại địa phương.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI					
	PLO5		PLO6	PLO10		
	PI5.3	PI5.5	PI6.3	PI10.1	PI10.2	PI10.3
CLO1	M	M	M,A			
CLO2	M	M		R,A		
CLO3					R	R
CLO4					M	M
Quản trị trong công tác xã hội	M	M	M,A	R,A	M	M

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
CHƯƠNG 1 – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ VÀ QUẢN TRỊ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI 1.1. Các khái niệm chung về quản trị 1.2. Khái niệm chung về quản trị công tác xã hội 1.3. Quản trị công tác xã hội, quản trị kinh doanh và quản trị chính quyền 1.4. Quản trị dự án và quản trị trường hợp	5	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 13 – 35]; [2, tr. 6 - 27], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân biệt khái niệm quản trị CTXH và quản trị an sinh xã hội, liên hệ thực tiễn. 2. Trình bày mục đích và tầm quan trọng của quản trị CTXH, liên hệ thực tiễn.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1
CHƯƠNG 2 – NHÀ QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 41 - 71]; [2, tr. 51 - 70], trả lời các câu hỏi sau:	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.1. Khái niệm nhà quản trị công tác xã hội 2.2. Vai trò của nhà quản trị công tác xã hội 2.3. Kiến thức và kỹ năng của nhà quản trị công tác xã hội 2.4. Thái độ của nhà quản trị công tác xã hội 2.5. Nhà quản trị công tác xã hội trong hành động 2.6. Đạo đức nghề nghiệp của nhà quản trị công tác xã hội		tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	1. Nhà quản trị công tác xã hội là ai? 2. Nhà quản trị công tác xã hội cần phải có kiến thức, năng lực, phẩm chất gì? 3. Nhà quản trị công tác xã hội cần phải những kỹ năng gì? 4. Bạn cần phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng gì để có thể trở thành một nhà quản trị công tác xã hội giỏi? 5. Phân tích nội dung các nguyên tắc hành động của nhà quản trị CTXH.		
CHƯƠNG 3 – HOẠCH ĐỊNH TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI 3.1. Khái niệm hoạch định trong quản trị công tác xã hội 3.2. Mục đích của hoạch định trong quản trị công tác xã hội 3.3. Tiến trình hoạch định trong quản trị công tác xã hội 3.4. Các loại hoạch định trong quản trị công tác xã hội	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 233 – 148]; [2, tr. 80 – 84], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Tóm tắt nội dung, tiến trình hoạch định. 2. Vận dụng vào hoạch định một chương trình/ dịch vụ xã hội cụ thể tại cơ sở thực tiễn nhằm đáp ứng được nhu cầu của đối tượng và mục tiêu của tổ chức?	#HD1.1 #HD2.1	CLO1; CLO4
CHƯƠNG 4 – LÃNH ĐẠO TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI 4.1. Khái niệm 4.2. Các hoạt động lãnh đạo cơ bản trong công tác xã hội 4.3. Nội dung của chức năng lãnh đạo 4.4. Các giới hạn trong lãnh đạo 4.5. Một số nguyên tắc của hoạt động lãnh đạo 4.6. Phong cách lãnh đạo của nhà quản trị	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 152 – 273]; [2, tr. 174 – 205], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Trình bày hai phong cách lãnh đạo độc đoán và dân chủ? 2. Về lâu dài hai phong cách lãnh đạo trên sẽ gây hậu quả gì? 3. Là một nhà quản trị công tác xã hội bạn hãy đem ra lựa chọn phong cách lãnh đạo có hiệu quả? 4. Trình bày các lý thuyết về lãnh đạo.	#HD1.1 #HD2.1	CLO1; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			5. Các kỹ năng, nhiệm vụ cơ bản của nhà lãnh đạo?		
CHƯƠNG 5 – RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI 5.1. Khái niệm 5.2. Bản chất, vai trò của ra quyết định trong quản trị công tác xã hội 5.3. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định trong quản trị công tác xã hội 5.4. Nội dung và hình thức của các quyết định trong quản trị công tác xã hội 5.5. Cách thức ra quyết định 5.6. Mô hình ra quyết định 5.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định 5.8. Tiến trình ra quyết định trong quản trị công tác xã hội 5.9. Kỹ thuật ra quyết định điển hình	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [2, tr. 102 - 120], trả lời các câu hỏi sau: 1. Ra quyết định là gì? Những cách thức ra quyết định? 2. Yêu cầu và tầm quan trọng của các quyết định quản trị? 3. Những hướng dẫn và chiến lược ra quyết định trong quản trị. 4. Những rào cản của sự thay đổi về mặt tổ chức và quản lý công nghệ và làm gì để quản lý những thay đổi như thế?	#HĐ1.1	CLO1; CLO4
CHƯƠNG 6 – THÔNG TIN TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI 6.1. Khái niệm thông tin trong quản trị công tác xã hội 6.2. Phân loại thông tin trong quản trị công tác xã hội 6.3. Vai trò thông tin trong quản trị công tác xã hội 6.4. Nội dung và hình thức của thông tin trong quản trị công tác xã hội	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 276 - 307]; [2, tr. 248 – 264], trả lời các câu hỏi sau: 1. Định nghĩa truyền thông là gì? 2. Tiến trình và mục đích của truyền thông trong quản trị? 3. Các loại, kiểu và phương pháp truyền thông? 4. Truyền thông có những rào cản nào?	#HĐ1.1	CLO1; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
6.5. Thông tin có hiệu quả 6.6. Quá trình thông tin trong quản trị công tác xã hội 6.7. Phương pháp thu thập, xử lý và phổ biến thông tin trong quản trị công tác xã hội			5. Vai trò của truyền thông trong quản trị xã hội?		
CHƯƠNG 7 – CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI 7.1. Công tác tổ chức trong quản trị công tác xã hội 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Mục tiêu 7.1.3. Cấu trúc của chức năng tổ chức 7.1.4. Quá trình thiết kế tổ chức 7.2. Công tác nhân sự 7.2.1. Tiến trình công tác nhân sự 7.2.2. Phát triển nhân sự	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1, tr. 197 – 229, tr. 352 - 358]; [2, tr. 123 – 149, tr. 297 - 317], trả lời các câu hỏi sau: 1. Công tác nhân sự có ý nghĩa như thế nào trong hoạt động của cơ quan công tác xã hội? 2. Mục tiêu và các thành phần của công tác nhân sự. 3. Vì sao phải định hướng cho nhân viên khi bắt đầu làm việc tại cơ quan công tác xã hội? Làm thế nào để thực hiện việc định hướng một cách tốt nhất? 4. Tại cơ quan công tác xã hội, việc chuyển giao nhân viên, cán bộ cần thiết như thế nào? Vì sao cần có những điều kiện và qui định cụ thể cho việc chuyển giao nhân viên trong cơ quan công tác xã hội. 5. Việc đánh giá nhân viên trong cơ quan công tác xã hội có cần tiến hành thường xuyên không? Để đánh giá nhân viên thỏa đáng cần chú ý những điểm gì? 6. Mục đích và phương pháp đánh giá công việc của nhân viên. 7. Cho ví dụ phân tích một trường hợp đánh giá công việc.	#HĐ1.1	CLO1; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			8. Tại cơ quan công tác xã hội, không cần đến công tác khen thưởng, kỷ luật có được không? Vì sao? 9. Đặc thù chính của công tác nhân sự trong cơ quan công tác xã hội ở Việt nam hiện nay là gì? Thử nêu những giải pháp để tiến hành công tác nhân sự trong 1 loại cơ quan công tác xã hội (Ví dụ, cơ quan công tác xã hội là các cơ sở tham vấn, tư vấn theo nhóm đối tượng của công tác xã hội là người già, trẻ em mồ côi, người khuyết tật hay nhóm khác..). 10. Những lý thuyết chọn lọc về động viên và thỏa mãn công việc.		
CHƯƠNG 8. TỔNG QUAN VỀ KIỂM HUẤN 8.1. Quá trình phát triển kiểm huấn 8.2. Khái niệm kiểm huấn 8.3. Mục đích và mục tiêu của kiểm huấn 8.4. Cơ sở kiểm huấn: kiến thức, nguyên tắc, giá trị, thái độ, đạo đức 8.5. Chức năng kiểm huấn 8.5. Mô hình và loại hình kiểm huấn	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc tài liệu. Làm rõ những nguyên tắc, giá trị, thái độ, đạo đức trong kiểm huấn. Kiểm huấn bao gồm những chức năng nào?	#HD1.2 #HD2.1	CLO2; CLO3
CHƯƠNG 9. TIỀN TRÌNH KIỂM HUẤN VÀ CÁC KỸ NĂNG KIỂM HUẤN 9.1. Các thành phần của tiến trình kiểm huấn 9.2. Các giai đoạn của tiến trình kiểm huấn 9.3. Yếu tố con người trong kiểm huấn 9.4. Các kỹ năng kiểm huấn	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc tài liệu. Làm rõ những kỹ năng cơ bản của kiểm huấn.	#HD1.2 #HD2.1	CLO2; CLO3
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trịnh Thị Chinh, Michael Ong	Quản trị ngành công tác xã hội	2012	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Chí An	Quản trị công tác xã hội	2019	ĐHQG TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình Công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Mai Thị Kim Thanh	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2011	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	PI6.3 PI10.1

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Học phần 31. Công tác xã hội với người cao tuổi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với người cao tuổi
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with Elderly People
3	Mã học phần:	SO4016P
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	40
	- Thực hành:	10
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp kiến thức cho người học về những vấn đề liên quan đến người cao tuổi. Nội dung học phần này gồm 4 chương, bao gồm những nội dung cơ bản như: khái niệm, đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi, một số vấn đề liên quan đến người cao tuổi, kiến thức chung về công tác xã hội làm việc với người cao tuổi, một số mô hình và các lĩnh vực công tác xã hội với người cao tuổi, già hóa dân số và các chính sách pháp luật đối với người cao tuổi ở Việt Nam,... Thông qua môn học sẽ cung cấp cho các em sinh viên những kiến thức, kỹ năng từ khái quát đến cụ thể, từ học thuật hàn lâm đến thực hành trong công tác xã hội với người cao tuổi.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được khái niệm NCT, từ đó phân loại và xác định đúng đối tượng NCT.

4.1.2. Đánh giá được mức độ già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay để có thể đưa ra những giải pháp an sinh cho NCT trong điều kiện và bối cảnh của Việt Nam.

4.1.3. Đánh giá được mức độ bao phủ của các văn bản pháp luật cũng như chính sách xã hội của Việt Nam liên quan đến NCT.

4.1.4. Đánh giá được một số mô hình chăm sóc NCT trên thế giới để có thể vận dụng vào bối cảnh của Việt Nam.

4.1.5. Phân tích được quá trình lão hóa ở NCT, các yếu tố tác động đến quá trình lão hoá để có kế hoạch hỗ trợ và chăm sóc tốt hơn cho NCT.

4.1.6. Phân tích được Hội chứng suy giảm trí tuệ (Dementia) và đánh giá được mức độ giai đoạn bệnh mất trí nhớ ở NCT để hỗ trợ cho NCT và người chăm sóc.

4.1.7. Phân tích được các mối quan hệ xã hội của NCT, từ đó vận dụng giải quyết các vấn đề gặp phải của NCT các trường hợp điển cứu.

4.1.8. Phân tích được các vai trò của NCT trong gia đình, từ đó nêu ra các giải pháp giúp NCT có thể phát huy giá trị và thế mạnh của họ trong gia đình và ngoài cộng đồng.

4.1.9. Phân tích và vận dụng được các phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn và các kỹ năng trong thực hành công tác xã hội trong tiến trình giải quyết vấn đề của NCT.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Phân tích được các vấn đề liên quan đến NCT.

4.2.2. Phát triển được các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát trong tiếp cận và thực hiện tiến trình giải quyết vấn đề đối với NCT.

4.2.3. Xây dựng được chiến lược hành động/kế hoạch can thiệp trợ giúp NCT.

4.2.4. Sáng tạo ý tưởng một mô hình/loại dịch vụ mới để chăm sóc cho người cao tuổi trong tương lai.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Phát triển được vai trò Nhân viên xã hội trong tiến trình can thiệp với nhóm đối tượng là người cao tuổi.

4.3.2. Giữ gìn thái độ khách quan khi làm việc với người cao tuổi.

4.3.3. Tổ chức điều hành và làm việc nhóm đạt hiệu quả đối với các trường hợp về người cao tuổi do giáo viên cung cấp.

4.3.4. Tổ chức huy động chính sách, các nguồn lực xã hội – cộng đồng để hỗ trợ cho người cao tuổi.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được các phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn trong tiến trình giải quyết vấn đề của NCT.
CLO2:	Triển khai được các hoạt động can thiệp, trợ giúp người cao tuổi.
CLO3:	Đánh giá được mức độ vấn đề thân chủ trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.
CLO4:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn người cao tuổi.
CLO5:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội với NCT.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.2	PI9.3
CLO1	M	M							
CLO2			M	M					
CLO3	M								
CLO4					M	M	M		
CLO5								R	R
Công tác xã hội với người cao tuổi	M	M	M	M	M	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI 1.1. Khái niệm về NCT 1.2. Già hóa dân số 1.3. Chủ trương, chính sách liên quan đến NCT	10	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng.	Thảo luận đề cương Độc chương 1. Nắm các vấn đề sau đây: + NCT là gì? Tại sao NCT cần được quan tâm?	#HD1.1	CLO1; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.4. Mô hình hỗ trợ NCT		- GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	+ Già hóa là gì? VN sẽ gặp thách thức như thế nào khi dân số già? + Ngay từ bây giờ chúng ta cần làm gì để đối phó với vấn đề già hóa dân số trong tương lai? + Suu tầm các chính sách của Đảng và Nhà nước về người cao tuổi hiện nay đang thực hiện. + Thảo luận nhóm: Thiết kế 01 mô hình chăm sóc NCT lý tưởng trong điều kiện của VN hiện nay có thể làm được. + Giải quyết các câu hỏi cuối chương		
CHƯƠNG 2. LÃO HÓA VÀ HỘI CHỨNG SUY GIẢM TRÍ TUỆ 2.1. Sự lão hóa ở NCT 2.2. Hội chứng sa sút trí tuệ	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	Độc chương 2 Nắm các vấn đề sau đây: + Sự lão hóa là gì? Phân biệt lão hóa thành công và lão hóa bệnh lý? Làm thế nào để NCT sống tốt hơn? + Alzheimer (AD) và Hội chứng suy giảm trí tuệ là gì? Các giai đoạn AD và hướng tiếp cận. + Thảo luận các Trường hợp và báo cáo nhóm.	#HĐ1.1	CLO1
CHƯƠNG 3. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA NCT Ở VIỆT NAM 3.1. Mối quan hệ của NCT trong gia đình và xã hội 3.2. Vai trò của NCT trong gia đình và xã hội 3.3. Vấn đề tâm lý của NCT 3.4. NCT với vấn đề văn hóa 3.5. NCT với vấn đề sức khỏe và y tế 3.6. Vấn đề việc làm và thu nhập của NCT 3.7. Vấn đề bạo hành ngược đãi ở NCT	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và báo cáo.	Độc chương 3 Nắm các vấn đề sau đây: Thảo luận các vấn đề sau đây: + Mối quan hệ trong gia đình của NCT hiện nay với con cháu. + NCT có đóng góp gì cho gia đình và xã hội + Các vấn đề hiện nay của NCT là gì? Cần làm gì để giải quyết các vấn đề này? Giải quyết các câu hỏi cuối chương.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3;
CHƯƠNG 4. CTXH TRONG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP NCT 4.1. Khái niệm CTXH với NCT 4.2. Vai trò của NVXH 4.3. Các lĩnh vực CTXH đối với NCT 4.4. Làm việc với hệ thống hỗ trợ NCT 4.5. Chăm sóc giai đoạn cuối đời, mất mát, đau buồn và chết 4.6. Một số kỹ năng áp dụng trong CTXH với NCT 4.6. Một số kỹ thuật áp dụng trong	12	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	Độc chương 4 Nắm các vấn đề sau đây: - CTXH với NCT là làm gì? - NVCTXH có những vai trò gì khi làm việc với NCT. Thảo luận giải quyết trường hợp thực tế. - Làm việc với hệ thống hỗ trợ NCT.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
CTXH với NCT			- Hỗ trợ chăm sóc trước khi NCT qua đời và sau khi NCT qua đời. - Một số kỹ năng, kỹ thuật.		
Thực hành: Khảo sát thực tế tại các cơ sở xã hội, các viện dưỡng lão công lập hoặc tư nhân.	10	Học tập và tương tác với nhân viên xã hội tại cơ sở về quy trình can thiệp, hỗ trợ người cao tuổi, dịch vụ cung cấp cho người cao tuổi,...	Nắm vững kiến thức đã học trên lớp. Tiếp cận và đánh giá được nhu cầu, vấn đề của người cao tuổi tại cơ sở.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO4; CLO5
Tổng	50				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Văn Luận, Dương Văn Khánh	Bài giảng công tác xã hội với người cao tuổi	2020	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Đình Tuấn	CTXH lý thuyết và thực hành	2010	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 32. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work in Mental Health Care
3	Mã học phần:	SO4107N
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	42
	- Thực hành:	6
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dtthao@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0939212945

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học cung cấp một cái nhìn tổng quan về các triệu chứng rối loạn tâm thần. Lịch sử phát triển khoa học điều trị rối loạn tâm thần. Phân loại, chẩn đoán, phương pháp điều trị và thực hành công tác xã hội trong hỗ trợ người có các triệu chứng rối loạn tâm thần.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Giải nghĩa được các khái niệm về sức khỏe và sức khỏe tâm thần.
- 4.1.2. Phân tích được các nguyên nhân và đặc điểm lâm sàng của rối loạn thực tổn.
- 4.1.3. Xác định được một số trạng thái mất trí thực tổn thường gặp.
- 4.1.4. Phân biệt được rối loạn cảm giác, rối loạn trí nhớ, rối loạn hành vi tác phong.
- 4.1.5. Phân tích được nội dung về tâm thần phân liệt, các rối loạn hoang tưởng và các rối loạn phân liệt cảm xúc.
- 4.1.6. Chỉ ra được các rối loạn liên quan đến stress và các rối loạn phân ly.
- 4.1.7. Thiết kế được hoạt động can thiệp, tiến trình công tác xã hội trợ giúp được thân chủ có vấn đề sức khỏe tâm thần.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Vận dụng được kiến thức về sức khỏe tâm thần để tiếp cận và làm việc với thân chủ.

4.2.2. Thực hiện phân tích các vấn đề của thân chủ liên quan đến sức khỏe tâm thần.

4.2.3. Đánh giá được mức độ vấn đề thân chủ trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.

4.2.4. Phối hợp với các thành viên nâng cao khả năng làm việc nhóm, tranh luận đưa ra kết luận cho vấn đề.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Tuân thủ các quy tắc của lớp học, nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học, tự nghiên cứu về những vấn đề về sức khỏe tâm thần.

4.1.2. Thể hiện thái độ ứng xử chuyên nghiệp, tôn trọng tính đa dạng của vấn đề và thân chủ.

4.3.3. Nhìn nhận tích cực đối với người có vấn đề về sức khỏe tâm thần.

4.3.4. Ý thức được giá trị của nghề và yêu thích ngành học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội đối với thân chủ có vấn đề sức khỏe tâm thần.
CLO2:	Triển khai được các hoạt động can thiệp, trợ giúp thân chủ có vấn đề sức khỏe tâm thần.
CLO3:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn thân chủ có vấn đề sức khỏe tâm thần.
CLO4:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội trong trường học.
CLO5:	Giải quyết được một vấn đề cần can thiệp của thân chủ có vấn đề sức khỏe tâm thần dưới góc độ đa chiều.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.3
CLO1	M	M	M	M					
CLO2			M	M					
CLO3					M	M	M		
CLO4								M	
CLO5									M
Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	M	M	M	M	M	M	M	M	M

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Đại cương tâm thần học 1.1. Sơ lược lịch sử tâm thần học 1.2. Nội dung và đối tượng nghiên cứu của tâm thần học 1.3. Nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi của bệnh tâm thần 1.4. Liên quan giữa bệnh tâm thần và các môn học	2	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. GV định hướng các chủ đề nghiên cứu.	- SV nghiên cứu ĐCCTHP và ý kiến (nếu có). - SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.2	CLO1; CLO2
Chương 2. Đại cương các rối loạn thực tổn 2.1. Khái niệm chung 2.2. Nguyên nhân 2.3. Đặc điểm lâm sàng 2.4. Chuẩn đoán phân biệt 2.5. Một số trạng thái mất trí thực tổn thường gặp	2	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.2	CLO1; CLO2
Chương 3. Rối loạn cảm giác-Rối loạn tri giác-Rối loạn tư duy	3	- GV thuyết giảng.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các	#HD1.2	CLO1; CLO2;

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.1. Rối loạn cảm giác 3.2. Rối loạn tri giác 3.3. Rối loạn tư duy		GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	tài liệu tham khảo khác.		CLO3
Chương 4. Rối loạn trí nhớ - Cảm xúc - Ý thức 4.1. Rối loạn trí nhớ 4.2. Rối loạn cảm xúc 4.3. Rối loạn ý thức	3	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.2	CLO1; CLO2; CLO3
Chương 5. Rối loạn hành vi tác phong - Rối loạn trí tuệ - Rối loạn sự chú ý 5.1. Rối loạn hành vi tác phong 5.2. Rối loạn trí tuệ 5.3. Rối loạn sự chú ý	3	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3
Chương 6. Tâm thần phân liệt, các rối loạn hoang tưởng và các rối loạn phân liệt cảm xúc 6.1. Tâm thần phân liệt 6.2. Rối loạn loại phân liệt 6.3. Rối loạn hoang tưởng 6.4. Rối loạn phân liệt cảm xúc	4	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3
Chương 7. Các rối loạn liên quan đến stress - phản ứng với stress Đại cương về stress và các rối loạn có liên quan Phản ứng với stress và rối loạn sự thích ứng	2	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;
Chương 8. Các rối loạn phân ly- Rối loạn lo âu 8.1. Các rối loạn phân ly 8.2. Rối loạn lo âu	3	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;
Chương 9. Nghiện ma túy - Lạm dụng rượu và nghiện rượu 9.1 Nghiện ma túy 9.2. Lạm dụng rượu và Nghiện rượu	2	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;
Chương 10. Bệnh tâm thần phân liệt khởi phát của trẻ em 10.1. Đại cương 10.2. Dịch tễ học 10.3. Nguyên nhân 10.4. Chuẩn đoán và các đặc điểm lâm sàng	2	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;
Chương 11. Liệu pháp tâm lý - Liệu pháp sốc điện - Cấp cứu tâm thần 11.1. Liệu pháp tâm lý 11.2. Liệu pháp sốc điện 11.3. Cấp cứu tâm thần	8	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;
Chương 12. Công tác xã hội và sức khỏe tâm thần 12.1. Công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần 12.2. Chính sách chăm sóc sức khỏe tâm thần	8	- GV thuyết giảng. GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1 #HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Thực hành: Chương 12. Công tác xã hội và sức khỏe tâm thần	6	- GV hướng dẫn - SV thực hành tại cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HD1.1 #HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
		người bệnh tâm thần	-		CLO5
Tổng	48				

8. Tài liệu học tập

St t	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phạm Thị Thu Thảo	Bài giảng sức khỏe tâm thần (Dành cho sinh viên ngành Công tác xã hội)	2015	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Đặng Hoàng Minh; Hồ Thu Hà, Bahr Weriss	Tâm bệnh học (sách chuyên khảo)	2023	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Bộ LĐ-TB&XH, UNICEF	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	2016	Hà Nội	https://www.unicef.org/vietnam/media/1481/file/Training%20resources%20on%20social%20work.pdf		x
4	Trần Thị Minh Đức	Giáo trình tham vấn tâm lí	2023	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Kiểm tra giữa kỳ 1	Tự luận	Rubric	40%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ 2	Tự luận	Rubric	60%	CLO2; CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 33. Truyền thông trong thực hành công tác xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Truyền thông trong thực hành công tác xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Communication in Social Work Practice
3	Mã học phần:	SO4466
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	20
	- Thực hành:	20
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần truyền thông trong thực hành công tác xã hội bao gồm những vấn đề tổng quan như khái niệm, tiến trình của giao tiếp, truyền thông, đặc điểm tâm lý của đối tượng truyền thông và các kỹ năng cần thiết trong truyền thông. Đồng thời, hướng dẫn việc lên kế hoạch thực hiện một buổi truyền thông và thực hành truyền thông tại cộng đồng.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Trình bày những vấn đề về tổng quan của khoa học truyền thông và giao tiếp.
- 4.1.2. Giải thích được tâm lý của đối tượng truyền thông.
- 4.1.3. Lý giải các yếu tố đảm bảo cho khoá tập huấn/truyền thông thành công.
- 4.1.4. Nhận diện những phương pháp và kỹ năng trong truyền thông, tập huấn.
- 4.1.5. Mô tả được cách lập đề cương cho khoá tập huấn/truyền thông.
- 4.1.6. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn sau khi thực hiện khoá tập huấn/truyền thông.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Thực hiện một số trò chơi giáo dục.

- 4.2.2. Xây dựng kế hoạch truyền thông.
- 4.2.3. Thực hiện các kỹ năng như lắng nghe, thuyết trình, hướng dẫn thảo luận nhóm nhỏ, quản lý lớp để thực hiện một buổi truyền thông tại cộng đồng.
- 4.2.4. Phối hợp cùng các thành viên trong nhóm để thực hiện tốt khoá tập huấn/truyền thông.
- 4.2.5. Lựa chọn phương pháp thực hiện phù hợp với đối tượng truyền thông.
- 4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*
- 4.3.1. Nhận định được vai trò của một tập huấn viên.
- 4.3.2. Có ý thức tích cực đối với công việc truyền thông/tập huấn.
- 4.3.3. Lựa chọn các vấn đề của cộng đồng để có những nội dung tập huấn thiết thực.
- 4.3.4. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- 4.3.5. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.
- 5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)**

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình truyền thông.
CLO2:	Thực hiện các kỹ năng như lắng nghe, thuyết trình, hướng dẫn thảo luận nhóm nhỏ, báo cáo nhóm để thực hiện một buổi truyền thông tại cộng đồng.
CLO3:	Phối hợp cùng các thành viên trong nhóm để thực hiện tốt khoá tập huấn/truyền thông.
CLO4:	Có khả năng thực hiện được vai trò của một tập huấn viên.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI				
	PLO7			PLO9	PLO10
	PI7.1	PI7.3	PI7.4	PI9.1	PI10.3
CLO1	I	R,A		R	
CLO2		R	R,A		
CLO3	R				
CLO4					R
Truyền thông trong thực hành công tác xã hội	R	R,A	R,A	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Phần 1. TỔNG QUAN VỀ LÝ THUYẾT TRUYỀN THÔNG 1.1. Tổng quan về truyền thông 1.1.1. Khái niệm truyền thông 1.1.2. Tiến trình truyền thông 1.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến tiến trình truyền thông 1.2. Tâm lý đối tượng truyền thông 1.2.1. Đối tượng truyền thông 1.2.2. Tâm lý học sinh tiểu học 1.2.3. Tâm lý học sinh THCS 1.2.4. Tâm lý học sinh THPT 1.2.5. Tâm lý học xã hội 1.3. Những yếu tố đảm bảo cho một khoá tập huấn/truyền thông thành công. 1.3.1. Nội dung 1.3.2. Phương pháp 1.3.3. Không gian và thời gian 1.4. Một số kỹ năng truyền thông 1.4.1. Thuyết trình 1.4.2. Hướng dẫn thảo luận cặp đôi 1.4.3. Hướng dẫn thảo luận nhóm nhỏ 1.4.4. Quản trò 1.4.5. Động não	15	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1, 1-41], [2, 9-81], [3, 154-177], [4, 2-28]	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.5. Hướng dẫn lập đề cương 1.5.1. Chọn đối tượng, địa điểm, thời gian 1.5.2. Lựa chọn nội dung truyền thông 1.5.3. Xây dựng nội dung truyền thông 1.5. Xây dựng kế hoạch truyền thông					
Phần 2. THỰC HÀNH TRUYỀN THÔNG TẠI CỘNG ĐỒNG	20	Thuyết trình; Thực hiện các kỹ năng truyền thông.	Liên hệ cơ sở truyền thông; Chuẩn bị những vật dụng cần thiết cho quá trình truyền thông, như địa điểm, bàn ghế, máy chiếu; Tiến hành truyền thông theo kế hoạch.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Phần 3. LƯỢNG GIÁ Báo cáo quá trình truyền thông, nêu những kinh nghiệm khi thực hiện truyền thông, những khó khăn và thuận lợi, những đề xuất, kiến nghị của người truyền thông	5	Báo cáo nhóm	Chuẩn bị báo cáo bằng PPT.	#HĐ1.1 #HĐ2.3	CLO3; CLO4
Tổng	40				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nhóm tác giả	Kỹ năng truyền thông giáo dục	2007	SDRC	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Bá Minh	Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp	2014	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Phạm Văn Tư	Tâm lý học xã hội	2014	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nhóm tác giả	Tài liệu tập huấn Công ước về Quyền trẻ em	2007	Chính trị Quốc Gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Thực hiện truyền thông và tham gia tối thiểu một buổi truyền thông của nhóm khác.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Kế hoạch truyền thông	Bản kế hoạch	Rubric	50%	CLO1	50%	PI7.3
	HĐ1.2.	Thuyết	Rubric	50%	CLO3; CLO4		

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
	Báo cáo lượng giá	trình					
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thực hành tại cơ sở	Thực hành	Rubric	100%	CLO2	50%	PI7.4

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 34. Vận động nguồn lực trong công tác xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Vận động nguồn lực trong công tác xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Mobilizing Resources in Social Work
3	Mã học phần:	SO4465
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	20
	- Thực hành:	20
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dtthao@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0939212945

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Vận động nguồn lực trong công tác xã hội là môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng về xây dựng mạng lưới, liên kết các cá nhân, nhóm, tổ chức bên trong và ngoài cộng đồng để tăng khả năng và nguồn lực giải quyết các vấn đề của cộng đồng; đồng thời cũng cung cấp các kiến thức về huy động, tích góp, phát huy các nguồn lực để thực hiện các hoạt động công tác xã hội hiệu quả.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Nhận biết được vai trò quan trọng của mạng lưới và nguồn lực trong đáp ứng nhu cầu và giải quyết vấn đề của thân chủ.

4.1.2. Xác định được các loại hình mạng lưới xã hội hữu ích trong quá trình vận động nguồn lực.

4.1.3. Thực hiện được tiến trình tổ chức xây dựng mạng lưới xã hội.

4.1.4. Xác định được các loại nguồn lực cần thiết trong hoạt động công tác xã hội.

4.1.5. Tổ chức được các hình thức vận động nguồn lực cộng đồng để giải quyết các vấn đề xã hội và hỗ trợ thân chủ trong tiến trình can thiệp.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết một vấn đề xã hội.
- 4.2.2. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng công tác xã hội để tiếp cận các nguồn lực cần thiết đáp ứng nhu cầu và giải quyết vấn đề của thân chủ.
- 4.2.3. Xây dựng được kế hoạch tiếp cận, kết nối và vận động nguồn lực.
- 4.2.4. Khai thác được nguồn tư liệu liên quan đến công tác vận động nguồn lực.
- 4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*
- 4.3.1. Thể hiện sáng kiến và có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.
- 4.3.2. Xây dựng và chọn lựa chiến lược, phương tiện giao tiếp hiệu quả phục vụ cho việc vận động nguồn lực trong công tác xã hội.
- 4.3.3. Thể hiện sự kiên trì, linh hoạt và chấp nhận rủi ro.
- 4.3.4. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.
- 4.3.5. Có khả năng đàm phán, tư vấn.
- 4.3.6. Biết yêu cầu thông tin, lắng nghe tích cực và đối thoại hiệu quả.
- 5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)**

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Xác định được các loại nguồn lực cần thiết trong hoạt động công tác xã hội.
CLO2:	Tổ chức được các hình thức vận động nguồn lực cộng đồng để giải quyết các vấn đề xã hội và hỗ trợ thân chủ trong tiến trình can thiệp.
CLO3:	Có khả năng đàm phán, tư vấn.
CLO4:	Chọn lựa chiến lược, phương tiện giao tiếp hiệu quả phục vụ cho việc vận động nguồn lực trong công tác xã hội.
CLO5:	Thể hiện sự kiên trì, linh hoạt và chấp nhận rủi ro trong quá trình vận động nguồn lực.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI						
	PLO5	PLO6	PLO7		PLO9	PLO10	
	PI5.4	PI6.1	PI7.3	PI7.4	PI9.1	PI10.2	PI10.3
CLO1	I						
CLO2		M,A			R		
CLO3			R	R			R
CLO4			R	R			
CLO5					R	R,A	R
Vận động nguồn lực trong công tác xã hội	I	M,A	R	R	R	R,A	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Xây dựng mạng lưới 1.1. Khái niệm về mạng lưới và xây dựng mạng lưới 1.2. Mục đích của xây dựng mạng lưới 1.3. Lợi ích của mạng lưới 1.4. Các hình thức mạng lưới 1.5. Các giai đoạn và bước xây dựng mạng lưới	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho các nhóm.	- SV nghiên cứu ĐCCTHP và ý kiến (nếu có). - SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - SV chọn nhóm (mỗi nhóm 3 SV) và đăng ký với GV. Các nhóm chọn 01 ý tưởng, kế hoạch xây dựng mạng lưới.	#HĐ1.1	CLO1
Thực hành Chương 1	6	- GV đặt vấn đề tương tác với sinh viên. - Nhóm SV tự đề xuất ý tưởng xây dựng mạng lưới cho một dự án và GV tư vấn. - GV hướng dẫn SV các công cụ đánh	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác. - Các nhóm SV chọn một đối tượng yếu thế để xây dựng mạng lưới dự án vận động nguồn lực hỗ trợ cho đối tượng đó.	#HĐ1.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
		giá và lựa chọn ý tưởng. - Nhóm SV tiến hành nghiên cứu ý tưởng và đánh giá ý tưởng đã đề xuất. - GV hướng dẫn SV mô tả về ý tưởng kinh doanh đã chọn.	- Nhóm SV nghiên cứu môi trường tiến hành thực hiện dự án của nhóm.		
Chương 2. Khái quát chung về vận động nguồn lực 2.1. Khái niệm 2.2. Các loại nguồn lực 2.3. Tầm quan trọng của việc vận động nguồn lực 2.4. Các nhiệm vụ chính trong vận động nguồn lực 2.5. Các nguyên tắc trong vận động nguồn lực 2.6. Xây dựng chiến lược vận động nguồn lực 2.7. Quản lý các nguồn quỹ 2.8. Quy tắc đạo đức và ứng xử của cán bộ vận động nguồn lực	6	-GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề tương tác với các nhóm	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HĐ1.2	CLO1
Thực hành Chương 2	6	- GV hướng dẫn SV viết kế hoạch. Sinh viên viết xong, thông qua Dự án vận động nguồn lực.	- SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác.	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO2
Chương 3. Các phương pháp vận động nguồn lực 3.1. Phương pháp vận động tài trợ 3.1.1. Vận động tài trợ cá nhân 3.1.2. Vận động tài trợ từ doanh nghiệp 3.1.3. Vận động tài trợ từ các tổ chức 3.2. Đề xuất dự án 3.3. Phương pháp tạo thu nhập 3.4. Phương pháp vận động nguồn lực bằng tổ chức sự kiện	8			#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Thực hành Chương 3. Các phương pháp vận động nguồn lực	8	- GV hướng dẫn sinh viên giải quyết các tình huống thực tế trong các công đoạn vận động, chuyển giao nguồn lực.	- Sinh viên chuẩn bị giấy giới thiệu, xây dựng trang face book, thư ngỏ, trang phục, thư ngỏ, sổ ghi chép, xây dựng lịch trình đi đến cộng đồng (doanh nhân, tiểu thương, cơ sở tôn giáo vận động tài lực, vật lực. Viết báo cáo hoạt động vận động. - Sinh viên viết thư cảm ơn, giấy mời tham dự sự kiện chuyển giao nguồn lực tài trợ cho đối tượng thụ	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			hưởng, công khai danh sách tài trợ, tổng giá trị nguồn lực tài trợ đến cơ quan phối hợp, nhà tài trợ, trên trang facebook của lớp vận động, các nhà tài trợ, đơn vị phối kết hợp, đơn vị truyền thông, lập danh sách đối tượng thụ hưởng, phân bổ nguồn lực tài trợ, gửi giấy mời đến đối tượng thụ hưởng. - Chuẩn bị sân (hoặc hội trường, trang trí khánh tiết, âm thanh, ánh sáng, ghế ngồi...) cần thiết cho hoạt động trao nguồn lực cho đối tượng thụ hưởng). - Lên danh sách phân công nhiệm vụ cho từng sinh viên, cộng tác viên tham gia tổ chức sự kiện. - Công bố hình ảnh, thư cảm ơn nhà tài trợ và các cá nhân tổ chức tạo điều kiện cho hoạt động vận động nguồn lực của lớp.		
Tổng	40				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đỗ Văn Bình	Xây dựng mạng lưới và vận động nguồn lực	2012	SDRC	https://congtacxahoi.com.vn/vi/download/Tai-lieu/ky-nang-xay-dung-mang-luoi-va-van-dong-nguon-luc.html	x	
2	Bộ LĐ-TB&XH	Cẩm nang Đội công tác xã hội tình nguyện	2017	LĐ-XH	https://www.scribd.com/document/831393629/cam-nang-doi-cong-tac-xahoi-tinh-nguyen-3494	x	
3	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	Huy động nguồn lực	2014		https://www.rsrc-resilience-southeastasia.org/wp-content/uploads/2018/02/		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
					VNRC-resource-mobilization-training-manual_revised-2017.pdf		
4	Lê Quang Bình	Gây quỹ cho hoạt Động phát triển: Từ năng lực đến niềm tin	2018	Tri thức	https://www.isee.org.vn/t-hu-vien/c8zk30ydi7y5ngxc99maqtpg3817r6-6d2cz		x
5	Vũ Hoàng Phong, Hoàng Anh Dũng, Lê Quang Bình, Phạm Thanh Trà	Nhận thức của người dân về hoạt động từ thiện và khả năng gây quỹ của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam	2015	GTVT	https://www.isee.org.vn/t-hu-vien/c8zk30ydi7y5ngxc99maqtpg3817r6-6rp8k		x
6	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình Công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- a. Nhiệm vụ của sinh viên phải chuẩn bị cho giờ học trên lớp**
- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
 - Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
 - Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
 - Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- b. Làm việc nhóm**
- Lớp chia thành các nhóm (mỗi nhóm tối đa 3SV).
 - Thực hiện thảo luận trên lớp, báo cáo nhóm theo hướng dẫn của GV.
 - Viết dự án hoàn chỉnh, thực hiện được dự án ở cộng đồng dân cư.
- 10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần**

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO5	50%	PI10.2
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	40%	CLO1; CLO3; CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Tiểu luận	Báo cáo	Rubric	100%	CLO2	50%	PI6.1

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 35. Quản lý trường hợp trong công tác xã hội

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Quản lý trường hợp trong công tác xã hội
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Case Management in Social Work
3	Mã học phần:	SO4468
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

3. Mô tả tóm tắt học phần

Quản lý trường hợp (QLTH) là một trong các phương pháp can thiệp của công tác xã hội (CTXH) được nhân viên xã hội (NVXH) thực hiện để trợ giúp cá nhân và gia đình khi họ gặp những khó khăn không thể tự vượt qua được. Phương pháp này nhấn mạnh vào việc đánh giá nhu cầu của thân chủ (TC), xác định các nguồn lực từ cá nhân, gia đình TC và từ cộng đồng, điều phối, kết nối nguồn lực, tổ chức thực hiện và giám sát tiến trình trợ giúp TC. Mục đích của các hoạt động này nhằm cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội, giúp TC giải quyết các khó khăn mà họ đang gặp phải trong cuộc sống, đồng thời giúp tăng cường năng lực, phát triển tiềm năng bản thân để hòa nhập cộng đồng và xã hội.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hành động cơ bản cần phải tuân thủ khi thực hiện quy trình quản lý trường hợp thân chủ.

4.1.2. Lý giải được những vai trò, nhiệm vụ cốt lõi của nhân viên xã hội khi thực thi quy trình quản lý trường hợp thân chủ.

4.1.3. Vận dụng thành thạo quy trình quản lý trường hợp thân chủ.

4.1.4. Thực hành được các kỹ năng, công cụ và các chỉ dẫn được sử dụng trong các trường hợp quản lý.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Vận dụng được các lý thuyết, các nguyên tắc và kỹ năng cơ bản vào các tình huống của thân chủ cần được quản lý.

4.2.2. Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu; vấn đề chính của thân chủ; sơ đồ phá hệ; sơ đồ sinh thái; cây vấn đề; cây mục tiêu.

4.2.3. Xây dựng được quy trình quản lý giải quyết vấn đề, trong đó có đề cập đến các phương pháp hỗ trợ và nguồn lực giúp đỡ thân chủ.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Nhận biết được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học và hiểu quản lý trường hợp với tư cách là một phương pháp cơ bản trong công tác xã hội.

4.3.2. Thấu hiểu được hoàn cảnh, vấn đề thân chủ gặp phải, từ đó có cái nhìn tích cực và thiện chí đối với những trường hợp yếu thế trong xã hội.

4.3.3. Ý thức được việc không ngừng học tập để thích ứng với công việc hỗ trợ và giúp đỡ cá nhân thân chủ giải quyết vấn đề.

4.3.4. Sử dụng được các kỹ năng lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, thấu cảm,...trong việc xây dựng mối quan hệ với thân chủ.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế được quy trình quản lý trường hợp thân chủ.
CLO2:	Thực hành được các kỹ năng, công cụ và các chỉ dẫn được sử dụng trong các trường hợp quản lý.
CLO3:	Thấu hiểu được hoàn cảnh, vấn đề thân chủ gặp phải, từ đó có cái nhìn tích cực và thiện chí đối với những trường hợp yếu thế trong xã hội.
CLO4:	Ý thức được việc không ngừng học tập để thích ứng với công việc hỗ trợ và giúp đỡ cá nhân thân chủ giải quyết vấn đề.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI										
	PLO5				PLO6			PLO9			PLO10
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	PI9.2	PI9.3	PI10.1
CLO1	R	M	M	M							
CLO2					M	M	M				
CLO3	R							M	M	M	
CLO4											R
Quản lý trường hợp trong công tác xã hội	R	M	M	M	M	M	M	M	M	M	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP 1.1. Khái niệm quản lý trường hợp 1.2. Mục đích của quản lý trường hợp 1.3. Nguyên tắc trong quản lý trường hợp 1.4. Nhiệm vụ của nhân viên xã hội trong quản lý trường hợp	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Trình bày khái quát những điểm nổi bật của QLTH ở VN? 2. Phân tích một vai trò của nhân viên QLTH mà anh chị cho là quan trọng nhất? Vì sao? 3. Hãy phân tích những điều cần tránh khi làm việc với thân chủ. Đưa ra ví dụ thực tiễn.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.5. Vai trò của nhân viên xã hội trong quản lý trường hợp 1.6. Bảo mật trong quản lý trường hợp 1.7. Tiến trình quản lý trường hợp			4. Nhân viên QLTH cần phải tuân thủ những nguyên tắc nghề nghiệp gì trong suốt quá trình trợ giúp thân chủ?		
Chương 2. QUY TRÌNH QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP 2.1. Tiếp nhận và đánh giá 2.1.1. Tiếp nhận và đánh giá sơ bộ 2.1.2. Thu thập thông tin và đánh giá toàn diện 2.2. Lập kế hoạch 2.2.1. Ý nghĩa của việc lập kế hoạch 2.2.2. Các nội dung trong bản kế hoạch 2.2.3. Các bước trong lập kế hoạch 2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch 2.2.1. Một số hoạt động triển khai thực hiện kế hoạch 2.2.2. Một số kỹ năng 2.4. Giám sát, rà soát 2.4.1. Giám sát 2.4.2. Rà soát 2.5. Lượng giá và kết thúc 2.5.1. Lượng giá 2.5.2. Kết thúc quá trình quản lý trường hợp	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Hãy liệt kê phân tích các bước trong quy trình QLTH.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO3
Chương 3. KIẾN THỨC NỀN TẢNG, KỸ NĂNG VÀ CÁC CHỈ DẪN TRONG QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP	6	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3] thực hiện các yêu cầu sau: 1. Trong QLTH với người nghiện ma túy thì kỹ năng thiết lập mối quan hệ với	#HĐ1.1	CLO2

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.1. Kiến thức 3.2. Kỹ năng 3.3. Các chỉ dẫn			thân chủ có ý nghĩa như thế nào? Để thiết lập được mối quan hệ tích cực với thân chủ, nhân viên QLTH cần lưu ý những điểm gì? 2. Lắng nghe tích cực là gì? Mục đích và phân loại của lắng nghe tích cực? Những biểu hiện của lắng nghe tích cực, cho ví dụ minh họa? 3. Thấu cảm là gì? Phân biệt thấu cảm với đồng cảm? Thấu cảm được nhân viên QLTH thể hiện như thế nào trong quá trình trợ giúp thân chủ, cho ví dụ minh họa. 4. Thế nào là kỹ năng gắn kết thân chủ? 5. Kỹ năng điều phối nguồn lực là gì? Làm thế nào để nhân viên QLTH có thể điều phối nguồn lực một cách hiệu quả trong quá trình trợ giúp thân chủ? 6. Kỹ năng vận động nguồn lực là gì? Làm thế nào để nhân viên QLTH có thể vận động nguồn lực một cách hiệu quả trong quá trình trợ giúp thân chủ? 7. Kỹ năng giám sát hỗ trợ thân chủ là gì? Hãy phân tích kỹ năng giám sát hỗ trợ thân chủ. 8. Kỹ năng xây dựng và quản lý hồ sơ là gì, phân tích và cho ví dụ? 9. Làm thế nào để lưu giữ hồ sơ một cách bảo mật? Quản lý hồ sơ tốt có ý nghĩa gì?		
Chương 4. THỰC HÀNH QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP ĐỐI VỚI THÂN CHỦ	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	SV đọc và nghiên cứu những tình huống trong bài giảng do giảng viên cung cấp, qua đó thực hành giải quyết vấn đề của thân chủ	#HD1.1 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
4.1. Mô tả trường hợp thân chủ 4.2. Vận dụng giải quyết vấn đề dựa trên quy trình quản lý trường hợp		- SV thực hành và báo cáo.	theo quy trình quản lý trường hợp.		
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ LĐ-TB và XH; UNICEF	Quản lý trường hợp	2016	Hà Nội	https://www.unicef.org/vietnam/media/1481/file/Training%20resources%20on%20social%20work.pdf	x	
2	Nguyễn Thị Bích Hưng, Dương Văn Khánh, Trần Văn Luận	Bài giảng công tác xã hội với cá nhân (lưu hành nội bộ)	2021	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO2; CLO4	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	40%	CLO1; CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Học phần 36. Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Asset Based Community Development Method
3	Mã học phần:	SO4467
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	27
	- Thực hành:	6
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về phát triển cộng đồng dựa vào nội lực của cộng đồng. Bao gồm những khái niệm liên quan đến phát triển cộng đồng, nội lực của cộng đồng, tài sản của cộng đồng, tiềm năng của cộng đồng. Từ đó sinh viên tiếp cận với phương pháp mới nhằm giải quyết vấn đề của cộng đồng từ chính những nội lực, tài sản sẵn có của cộng đồng đó. Đảm bảo được nguyên tắc phát triển bền vững và nâng cao năng lực cho người dân tại cộng đồng.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Giải nghĩa được các khái niệm về cộng đồng, phát triển cộng đồng, mục đích của phát triển cộng đồng, các nguyên tắc hành động trong quá trình phát triển cộng đồng.

4.1.2. Xác định được vai trò của cộng đồng, những yếu tố cấu thành cộng đồng và những vai trò của tác viên phát triển cộng đồng.

4.1.3. Xác định được các tiêu chí và vấn đề của cộng đồng kém phát triển, các tài sản và cơ hội của cộng đồng.

4.1.4. Thực hành được các công cụ, kỹ thuật phát triển cộng đồng dựa vào nội lực.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Sử dụng được kỹ năng thuyết trình, kỹ năng như lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng thảo luận nhóm.
 4.2.2 Thực hiện phân tích các vấn đề, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, tiềm năng, cây vấn đề và cây mục tiêu của cộng đồng.

4.2.3. Xây dựng dự án phát triển cộng đồng.

4.2.4. Phối hợp với các thành viên nâng cao khả năng làm việc nhóm, tranh luận đưa ra kết luận cho vấn đề.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Tuân thủ các quy tắc của lớp học, nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học, tự nghiên cứu về những vấn đề của cộng đồng.

4.1.2. Thực hành được các kỹ năng cơ bản để giao tiếp và làm việc với người dân.

4.3.3. Nhìn nhận tích cực đối với người nghèo và có tinh thần vì người nghèo, vì cộng đồng nghèo.

4.3.4. Ý thức được giá trị của nghề và yêu thích ngành học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Xác định được các tiêu chí và vấn đề của cộng đồng kém phát triển, các tài sản và cơ hội của cộng đồng.
CLO2:	Triển khai được các công cụ, kỹ thuật phát triển cộng đồng dựa vào nội lực.
CLO3:	Phối hợp với các thành viên nâng cao khả năng làm việc nhóm, tranh luận đưa ra kết luận cho vấn đề.
CLO4:	Thực hành được các kỹ năng cơ bản để giao tiếp và làm việc với người dân.
CLO5:	Thể hiện sự kiên trì, linh hoạt và chấp nhận rủi ro trong quá trình phát triển cộng đồng dựa vào nội lực

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI							
	PLO5	PLO6	PLO7			PLO9	PLO10	
	PI5.4	PI6.1	PI7.1	PI7.3	PI7.4	PI9.1	PI10.2	PI10.3
CLO1	I							
CLO2		M	R	R	R			
CLO3			R					
CLO4				R	R			
CLO5						R	R	R
Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực	I	M	R	R	R	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG DỰA VÀO NỘI LỰC 1.1. Các khái niệm 1.2. Mục đích 1.3. Các nguyên tắc hành động 1.4. Vai trò của cộng đồng 1.5. Những yếu tố tạo thành cộng đồng 1.6. Phân loại vấn đề của cộng đồng 1.7. Nội lực của cộng đồng	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho các nhóm.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1], [2], [3], [4].	#HD1.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.8. Phương pháp ABCD					
Chương 2. KHAI THÁC NỘI LỰC CỦA CỘNG ĐỒNG 2.1. Tìm hiểu nội lực của cộng đồng 2.1.1. Năng lực, tài trí, năng khiếu của các thành viên trong cộng đồng. 2.1.2. Các hội đoàn trong cộng đồng. 2.1.3. Các đoàn thể trong cộng đồng. 2.1.4. Các nguồn tài sản tự nhiên. 2.1.5. Các tài sản vật lý. 2.2. Vẽ bản đồ các nguồn tài nguyên và lát cắt 2.2.1. Bản đồ cộng đồng 2.2.2. Lát cắt 2.3. Sơ đồ thùng 2.3.1. Nguồn tiền chảy vào cộng đồng 2.3.2. Nguồn tiền chảy ra khỏi cộng đồng 2.3.3. Tiền chảy bên trong cộng đồng 2.4. Dòng chảy kinh tế trong cộng đồng	6	- GV đặt vấn đề tương tác với sinh viên. - Nhóm SV tự đề xuất ý tưởng xây dựng mạng lưới cho một dự án và GV tư vấn. - GV hướng dẫn SV các công cụ đánh giá và lựa chọn ý tưởng. - Nhóm SV tiến hành nghiên cứu ý tưởng và đánh giá ý tưởng đã đề xuất. - GV hướng dẫn SV mô tả về ý tưởng kinh doanh đã chọn.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1], [2], [3], [4].	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 3. LIÊN KẾT VÀ HUY ĐỘNG CÁC NỘI LỰC 3.1. Tiếp cận được nội lực và các cơ hội 3.2. Phát triển định hướng tương lai 3.3. Xác định những nội lực tại địa phương có thể giúp đỡ đạt được định hướng phát triển. 3.4. Xác định được các mối quan hệ 3.5. Nối kết những hành động của cộng đồng và cơ hội	6	- GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề tương tác với các nhóm	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1], [2], [3], [4].	#HD1.2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.6. Kiểm tra với tất cả hội, nhó 3.7. Thông báo những khả năng thay đổi có triển vọng đến tất cả thành viên trong cộng đồng.					
Chương 4. DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THEO PHƯƠNG PHÁP ABCD 4.1. Khái niệm 4.1.1. Dự án 4.1.2. Dự án phát triển cộng đồng 4.1.3 Các yếu tố cần thiết của một dự án phát triển cộng đồng 4.2. Tiến trình xây dựng và thực hiện dự án 4.2.1 Thiết kế dự án 4.2.2. Triển khai dự án	9	- GV hướng dẫn SV viết kế hoạch. Sinh viên viết xong, thông qua Dự án vận động nguồn lực.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu: [1], [2], [3], [4].	#HD1.1 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Thực hành: Tiếp cận cộng đồng, thăm hộ nghèo tại địa phương. Tham quan dự án phát triển cộng đồng hoặc tìm hiểu nội lực của cộng đồng.	6	Hướng dẫn sinh viên đến thăm cộng đồng hoặc thăm hộ nghèo/cận nghèo tại địa phương.	Phương tiện đi lại. Các mục tiêu cho việc quan sát.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	33				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Kim Liên	Giáo trình Phát triển cộng đồng	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình Công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
4	Mai Văn Nam	Giáo trình quản trị dự án phát triển	2009	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
 - Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
 - Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
 - Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
 - Bài báo cáo phải thực hiện độc lập, trong trường hợp bài báo cáo giống nhau 75% trở nên thì chỉ tính điểm một (01) bài và chia đều cho các bài giống nhau.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO3; CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	40%	CLO1; CLO2		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Tiểu luận	Báo cáo	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 37. Quản lý dự án

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Quản lý dự án
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Project Management
3	Mã học phần:	SO4106
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học giúp người học đánh giá và hiểu được bối cảnh/vấn đề trong một cộng đồng cụ thể, và nhận thức được nhu cầu cần thiết để có những can thiệp. Từ đó, hình thành những ý tưởng để viết một đề xuất dự án theo những kỹ thuật, kiến thức thường áp dụng trong lĩnh vực phát triển cộng đồng và xã hội. Quản lý dự án đóng vai trò quan trọng để mang lại lợi ích cho cộng đồng, vì thế, người quản lý cần có những kiến thức và kỹ năng để biết quản lý thời gian, công việc, mục tiêu, phương pháp, nguồn lực, tài chính,... một cách hiệu quả.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được các đặc điểm của dự án, mối quan hệ giữa chương trình, kế hoạch và dự án; các bước trong chu trình của một dự án phát triển xã hội/phát triển cộng đồng.

4.1.2. Phân loại được các loại dự án.

4.1.3. Phân tích được khung logic dự án.

4.1.4. Thiết kế được cơ cấu tổ chức dự án.

4.1.5. Đánh giá được kiểm tra, giám sát trong một chu trình dự án.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Vận dụng được các bước viết đề xuất dự án để có thể thực hành viết được một đề xuất dự án đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức.

4.2.2. Lập được khung logic dự án với các nội dung: mục đích, mục tiêu, chỉ báo, chỉ số, hoạt động, kết quả đầu ra, kết quả đầu vào, rủi ro, giả định.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Hồi đáp khoa học, tích cực và đánh giá được vai trò của quản lý dự án đối với phát triển nghề nghiệp công tác xã hội.

4.3.2. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc tiếp cận nội dung và phương pháp học tập môn học cũng như tăng cường rèn luyện kỹ năng về dự án.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế được khung logic dự án để có thể đề xuất một dự án đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức như: mục đích, mục tiêu, chỉ báo, chỉ số, hoạt động, kết quả đầu ra, kết quả đầu vào, rủi ro, giả định, dự toán kinh phí dự án,...
CLO2:	Vận dụng được kỹ năng vận động nguồn lực, tài trợ để gây quỹ cho hoạt động dự án.
CLO3:	Vận dụng được kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với người dân.
CLO4:	Đánh giá được vai trò của quản lý dự án đối với phát triển nghề nghiệp công tác xã hội.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5		PLO6		PLO7		PLO9	PLO10	
	PI5.3	PI5.5	PI6.1	PI6.3	PI7.1	PI7.3	PI9.1	PI10.3	PI10.4
CLO1	R	M						M,A	
CLO2			R	I					
CLO3					M	M			
CLO4							M	M	M
Quản lý dự án	R	M	R	I	M	M	M	M,A	M

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN 1.1. Khái niệm về dự án (DA) 1.1.1. Khái niệm DA 1.1.2. Đặc điểm của DA 1.1.3. Phân loại DA 1.2. Dự án phát triển cộng đồng 1.2.1. Dự án phát triển cộng đồng là gì? 1.2.2. Các cơ sở hình thành các DA phát triển cộng đồng 1.3. Chu trình DA	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	Nghiên cứu các tài liệu: [1; Chương 1]; [2; Chương 1]; [3; Chương 1,4].	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1
Chương 2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DỰ ÁN THEO KHUNG LOGIC 2.1. Khái niệm về Khung logic DA 2.2. Các bước để viết một DA phát triển 2.2.1. Phân tích các bên liên quan của một DA phát triển 2.2.2. Phân tích vấn đề 2.2.3. Phân tích mục tiêu 2.2.4. Phân tích các khả năng 2.2.5. Lập kế hoạch dự án theo khung logic (LFA)	20	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	Nghiên cứu các tài liệu: [1; Chương 2]; [2; Chương 3,9]; [3; chương 2, 4].	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.2.6. Lập kế hoạch thực hiện DA 2.2.7. Những nội dung chính của bản đề xuất DA					
Chương 3. TỔ CHỨC BỘ MÁY THỰC HIỆN DỰ ÁN 3.1. Xây dựng cơ cấu tổ chức dự án 3.2. Thành lập ban quản lý dự án 3.3. Vai trò trách nhiệm các bên liên quan 3.4. Vai trò của các tổ chức cộng đồng trong dự án 3.5. Xây dựng quy chế, quy định	4	- GV thuyết giảng, - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	-Nghiên cứu các tài liệu: [1, Chương 3]; [2; Chương 2].	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3 CLO4
Chương 4. NỘI DUNG THỰC HIỆN QUẢN LÝ DỰ ÁN 4.1. Khái niệm Quản lý dự án 4.2. Quản lý thực hiện dự án 4.2.1. Khái niệm tổ chức thực hiện dự án 4.2.2. Các lĩnh vực cần quản lý trong dự án	10	- GV thuyết giảng, - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	Nghiên cứu các tài liệu: [1, Chương 4]; [2; Chương 4,5,6,7].	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3 CLO4
Chương 5. KIỂM TRA GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN 5.1. Kiểm tra dự án 5.2. Giám sát dự án 5.3. Đánh giá dự án	5	- GV thuyết giảng, - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm báo cáo.	Nghiên cứu các tài liệu: [1, Chương 5]; [2; chương 8].	#HĐ1.1	CLO1; CLO2; CLO3 CLO4
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Văn Luận	Bài giảng Quản lý dự án	2019	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trịnh Thị Chinh, Michael Ong	Quản trị ngành công tác xã hội	2012	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Trung Hải	Giáo trình phát triển cộng đồng	2016	Dân trí	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1.	HĐ1.1. Báo	Thuyết	Rubric	50%	CLO2; CLO3	40%	

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
Đánh giá quá trình	cáo nhóm	trình					
	HD1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO4		
HD2. Đánh giá cuối kỳ	HD2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1	60%	PI10.3

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 38. Công tác xã hội với người khuyết tật

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với người khuyết tật
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with People Disabilities
3	Mã học phần:	SO4000
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Chí Gót
- Email: ntgot@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0918054950

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết khái niệm chung về các dạng tật; Những đặc điểm tâm sinh lý của người khuyết tật; Đời sống của người khuyết tật và ngành nghề đào tạo cho người khuyết tật; Những chế độ chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với người khuyết tật. Sinh viên biết thực hành kỹ năng đặc thù về quản lý ca cho các dạng khuyết tật khi tốt nghiệp ra trường.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về công tác xã hội với người khuyết tật là một khoa học.
- 4.1.2. Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về công tác xã hội với người khuyết tật vào giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ học tập và vào nghiệp vụ chuyên môn của bản thân.
- 4.1.3. Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về nguyên nhân gây ra khuyết tật trong cộng đồng.
- 4.1.4. Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về chế độ chính sách của Nhà nước đối với người khuyết tật.
- 4.1.5. Sinh viên biết được những kỹ năng cơ bản trong công tác thiết kế kế hoạch quản lý hỗ trợ cá nhân cho người khuyết tật.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Sinh viên xác định đối tượng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí môn học trong hệ thống các môn khoa học.
- 4.2.2. Sinh viên biết lựa chọn, sử dụng phương pháp nghiên cứu môn học thông qua tài liệu và bài giảng.
- 4.2.3. Sinh viên phân tích được tâm lý các dạng tật của người khuyết tật trong cộng đồng.
- 4.2.4. Sinh viên biết tư vấn cho người khuyết tật trong lựa chọn ngành nghề phù hợp mức độ các dạng tật.
- 4.2.5. Sinh viên biết thiết kế kế hoạch hỗ trợ cho người khuyết tật trong cộng đồng.
- 4.2.6. Sinh viên tích cực, chủ động, hứng phần trong quá trình tiếp thu kiến thức, thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho.
- 4.2.7. Sinh viên tin tưởng, lạc quan vào tính hữu ích của môn học công tác xã hội với người khuyết tật mang lại cho bản thân, nghề nghiệp.
- 4.2.8. Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập bộ môn, trách nhiệm với bản thân khi ra trường thực hiện nhiệm vụ.
- 4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*
- 4.3.1. Sinh viên độc lập, chủ động, tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu các nội dung của học phần.
- 4.3.2. Sinh viên đánh giá được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc áp dụng/sử dụng các kiến thức môn học vào quá trình học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội đối với người khuyết tật.
CLO2:	Triển khai được các hoạt động can thiệp, trợ giúp cho người khuyết tật trong cộng đồng.
CLO3:	Có khả năng biện hộ bảo vệ quyền lợi cho người khuyết tật.
CLO4:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn người khuyết tật.
CLO5:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội với người khuyết tật.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.2	PI9.3
CLO1	M	M							
CLO2			M	M					
CLO3	M								
CLO4					M	M	M		
CLO5								R	R
Công tác xã hội với người khuyết tật	M	M	M	M	M	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KHUYẾT TẬT VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT 1.1. Khái niệm khuyết tật và người khuyết tật 1.1.1. Khuyết tật 1.1.2. Người khuyết tật 1.1.3. Phân loại khuyết tật	5	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	- Đọc tài liệu [1], [2], [3]	#HĐ1.1	CLO1; CLO2; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.1.4. Tổng quát về một số nguyên nhân gây nên khuyết tật 1.2. Công tác xã hội với người khuyết tật 1.2.1. Khái niệm về công tác xã hội với người khuyết tật 1.2.2. Mục đích của công tác xã hội với người khuyết tật 1.2.3. Vai trò của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với người khuyết tật					
Chương 2. LUẬT PHÁP, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC LOẠI HÌNH DỊCH VỤ TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT 2.1. Văn bản pháp lý quốc tế 2.2. Văn bản pháp luật của Việt Nam 2.3. Các loại hình dịch vụ chăm sóc trợ giúp cho người khuyết tật và vai trò của nhân viên CTXH 2.3.1. Dịch vụ Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật 2.3.2 Các dịch vụ giáo dục cho người khuyết tật 2.3.3. Phục hồi chức năng cho người khuyết tật 2.3.4. Mô hình sinh kế 2.3.5. Mô hình sống độc lập	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	- Đọc tài liệu [1], [2], [3]	#HĐ1.1	CLO1; CLO2; CLO3
Chương 3. NHỮNG TRẢI NGHIỆM VỀ SỰ KÌ THỊ VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	- Đọc tài liệu [1], [2], [3]	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO3; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT 3.1. Sự kì thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật thể hiện trong nhận thức, quan điểm 3.2. Sự kì thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật thể hiện qua thái độ 3.3. Sự kì thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật thể hiện qua ngôn ngữ 3.4. Sự kì thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật thể hiện qua hành vi, ứng xử		- SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.			
Chương 4. TÁC ĐỘNG CỦA TÌNH TRẠNG KHUYẾT TẬT ĐỐI VỚI CÁC MỐI QUAN HỆ VÀ GIA ĐÌNH 4.1. Tác động của tình trạng khuyết tật đối với cha mẹ trong việc nuôi dạy con khuyết tật 4.1.1. Mối quan hệ trong gia đình với những nguồn hỗ trợ khác nhau 4.1.2. Các dạng hỗ trợ gia đình có trẻ khuyết tật 4.2. Tác động của tình trạng khuyết tật đối với mối quan hệ với anh chị em 4.3. Tác động của tình trạng khuyết tật đối với các vấn đề liên quan đến hôn nhân và mối quan hệ với vợ/chồng 4.3.1. Tác động của tình trạng khuyết tật trong giai đoạn tiền hôn nhân	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	- Đọc tài liệu [1], [2], [3]	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
4.3.2. Tác động của tình trạng khuyết tật trong giai đoạn sau kết hôn 4.4. Tác động của tình trạng khuyết tật đối với mối quan hệ với bạn bè 4.5. Tác động của tình trạng khuyết tật đối với mối quan hệ với đồng nghiệp, người sử dụng lao động					
Chương 5. XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ VÀ SỰ TIN TƯỞNG 5.1. Tạo dựng mối quan hệ tin cậy giữa nhân viên xã hội và thân chủ 5.1.1. Niềm tin vào khả năng của nhân viên xã hội trong việc giải quyết các vấn đề của thân chủ 5.1.2. Niềm tin của nhân viên xã hội và thân chủ về khả năng tạo thay đổi của chính thân chủ 5.1.3. Niềm tin về giá trị của thân chủ và các nỗ lực của thân chủ và nhân viên xã hội 5.2. Tạo dựng mối quan hệ tin cậy giữa nhân viên xã hội và thân chủ khuyết tật 5.2.1. Tránh sự thương cảm và thương hại 5.2.2. Nâng cao sự thấu cảm và giao tiếp sử dụng kỹ năng thấu cảm 5.3. Kỹ năng giao tiếp với thân chủ khuyết tật trên nguyên tắc lấy con người làm trung tâm 5.3.1. Một số nguyên tắc chung trong giao	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	- Đọc tài liệu [1], [2], [3]	#HĐ1.1	CLO1; CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
tiếp với thân chủ khuyết tật 5.3.1.1. Tránh quyết định vấn đề của thân chủ theo quan điểm chủ quan của nhân viên xã hội 5.3.1.2. Phát triển sự kiên nhẫn và sự hiểu biết/am hiểu 5.3.1.3. Giảm nỗi sợ hãi và sự không thoải mái 5.3.2. Kỹ năng giao tiếp lấy con người làm trung tâm đối với thân chủ có một số dạng khuyết tật thường gặp 5.3.2.1. Giao tiếp với thân chủ có tổn thương chức năng nghe 5.3.2.2. Giao tiếp với thân chủ có những thương tật chức năng nhìn 5.3.2.3. Giao tiếp với thân chủ khuyết tật chức năng nói 5.3.2.4. Giao tiếp với thân chủ khuyết tật trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần 5.3.2.5. Giao tiếp với thân chủ khuyết tật phát triển 5.3.2.6. Giao tiếp với thân chủ khuyết tật chức năng nhận thức 5.3.2.7. Giao tiếp với thân chủ khuyết tật vận động					
Chương 6. KẾ HOẠCH CAN THIỆP VÀ TRỊ LIỆU 6.1. Kế hoạch hỗ trợ cá nhân	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	- Đọc tài liệu [1], [2], [3]	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
6.1.1. Khái niệm kế hoạch hỗ trợ cá nhân 6.1.2. Ý nghĩa của kế hoạch hỗ trợ cá nhân 6.1.3. Nội dung của kế hoạch hỗ trợ cá nhân 6.1.4. Các nguyên tắc trong xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân 6.1.5. Yêu cầu đối với người hỗ trợ 6.1.5.1. Yêu cầu phẩm chất 6.1.5.2. Yêu cầu về năng lực 6.1.6. Quy trình xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân 6.1.6.1. Giai đoạn 1. Tiếp nhận, xác nhận tình trạng ban đầu 6.1.6.2. Đặt mục tiêu 6.1.6.3. Lên kế hoạch 6.1.6.4. Thực hiện kế hoạch 6.1.6.5. Lượng giá, kết thúc 6.2. Rà soát trường hợp Bảng 1: Bảng kiểm tra kế hoạch hỗ trợ Bảng 2: Bảng kiểm tra kế hoạch đóng ca					
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Kim Hoa	Công tác xã hội với người khuyết tật	2014	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
2	Bộ LĐ-TB&XH, UNICEF	Công tác xã hội với người khuyết tật	2016	Hà Nội	https://www.unicef.org/vietnam/media/1481/file/Training%20resources%20on%20social%20work.pdf	x	
3	Trần Thị Thiệp	Giáo trình can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật	2016	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Thị Quế Anh	Quyền của người khuyết tật: Sách tham khảo	2019	Chính trị Quốc gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
 - Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
 - Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
 - Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
 - Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
 - Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO3; CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	40%	CLO1; CLO2		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 39. Công tác xã hội với người nghiện ma túy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với người nghiện ma túy
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Substance Abuse Social Work
3	Mã học phần:	SO4469
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về ma túy và nghiện ma túy; Công tác xã hội trong phòng chống ma túy và điều trị nghiện ma túy. Ngoài ra, học phần còn khái quát luật pháp, chính sách liên quan đến người nghiện ma túy và các mô hình cai nghiện; cung cấp các kỹ năng của nhân viên công tác xã hội trong Công tác xã hội với người nghiện ma túy.

Học phần có kết cấu 4 chương: Chương 1. Khái quát chung về ma túy, nghiện ma túy và người nghiện ma túy; Chương 2. Luật pháp, chính sách liên quan đến người nghiện ma túy và các mô hình cai nghiện; Chương 3. Công tác xã hội trong phòng chống ma túy và điều trị nghiện ma túy; Chương 4. Thực hành Công tác xã hội với người nghiện ma túy.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân biệt được sự khác nhau giữa sử dụng ma túy và nghiện ma túy.

4.1.2. Phân tích được quy trình điều trị nghiện ma túy và các vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp thân chủ điều trị nghiện ma túy.

4.1.3. Thiết kế được hoạt động, tiến trình can thiệp, trợ giúp người nghiện ma túy.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Vận dụng được kiến thức công tác xã hội để tiếp cận với đối tượng thân chủ là người nghiện ma túy.
- 4.2.2. Có khả năng biện hộ bảo vệ quyền lợi cho người nghiện ma túy.
- 4.2.3. Vận dụng được kiến thức về dự phòng tái nghiện, điều trị nghiện và các hoạt động hỗ trợ thân chủ sau cai nghiện vào quá trình trợ giúp thân chủ nghiện ma túy.
- 4.2.4. Có khả năng lựa chọn phương pháp can thiệp phù hợp với từng đối tượng thân chủ dựa trên kết quả đánh giá thực tế, các giá trị văn hóa xã hội và sự ưu tiên theo hệ thống các mối quan hệ của thân chủ.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- 4.3.1. Thể hiện thái độ tôn trọng thân chủ; không kỳ thị và phân biệt đối xử với người nghiện ma túy.
- 4.3.2. Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.
- 4.3.3. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- 4.3.4. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.
- 4.3.5. Biết yêu cầu thông tin, lắng nghe tích cực và đối thoại hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Triển khai được hoạt động, tiến trình can thiệp, trợ giúp người nghiện ma túy.
CLO2:	Có khả năng xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp với thân chủ nghiện ma túy.
CLO3:	Thể hiện thái độ tôn trọng thân chủ; không kỳ thị và phân biệt đối xử với người nghiện ma túy.
CLO4:	Hình thành khả năng làm việc độc lập, thích ứng với môi trường làm việc với người nghiện ma túy.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI										
	PLO5				PLO6			PLO9			PLO10
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	PI9.2	PI9.3	PI10.1
CLO1	R	M	M	M							
CLO2					M	M	M				
CLO3								M	M	M	
CLO4											R
Công tác xã hội với người nghiện ma túy	R	M	M	M	M	M	M	M	M	M	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MA TÚY, NGHIỆN MA TÚY VÀ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY 1.1. Khái niệm, phân loại, đặc tính của ma túy 1.2. Khái niệm nghiện ma túy và cơ chế gây nghiện 1.3. Nguyên nhân nghiện ma túy 1.4. Hậu quả của nghiện ma túy 1.5. Thực trạng người nghiện ma túy trên thế giới và ở Việt Nam 1.6. Biểu hiện của người nghiện ma túy	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Bạn đồng ý hay không đồng ý với các quan điểm sau, vì sao? a. Không nên dùng thử ma túy, dù chỉ một lần b. Dùng ma túy một lần, sẽ bị nghiện. c. Những người nghiện ma túy đã lâu mà chưa bỏ được, là những người thiếu ý chí. 2. Theo các bạn, trong các nguyên nhân nghiện ma túy thì nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao? Cho ví dụ minh họa?.	#HĐ1.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.7. Khó khăn của người nghiện ma túy 1.8. Nhu cầu của người nghiện ma túy			3. Nhân viên Công tác xã hội cần có những hoạt động gì để xác định nhu cầu của người nghiện ma túy? Cho ví dụ?		
Chương 2. LUẬT PHÁP, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY VÀ CÁC MÔ HÌNH CẢI NGHIỆN 2.1. Luật pháp, chính sách liên quan đến người nghiện ma túy 2.1.1. Luật pháp, chính sách liên quan đến quyền của người nghiện ma túy 2.1.2. Luật pháp, chính sách liên quan đến nghĩa vụ của người nghiện ma túy 2.1.3. Luật pháp, chính sách liên quan đến tổ chức cai nghiện ma túy 2.1.4. Luật pháp, chính sách liên quan đến quản lý sau cai nghiện ma túy 2.1.5. Luật pháp, chính sách liên quan đến biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 2.2. Các mô hình cai nghiện ma túy 2.2.1. Mô hình cai cắt cơn giải độc thuần túy 2.2.2. Mô hình cai cắt cơn giải độc gắn với quản lý, giáo dục, hỗ trợ vốn, dạy nghề, tạo việc làm, giám sát lâu dài dựa vào cộng đồng 2.2.3. Mô hình cai nghiện đa chức năng tại các cơ sở cai nghiện điển hình	6	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Các quy định của pháp luật về phòng chống ma túy có gây ra sự khó khăn cho người nghiện ma túy không? Tại sao? 2. Theo bạn, nguyên nhân nào dẫn đến việc thực thi quyền của người nghiện ma túy gặp hạn chế? 3. Nhân viên công tác xã hội cần làm gì và tìm đến cơ quan nào để được cung cấp đầy đủ các văn bản liên quan đến thân chủ nghiện ma túy? 4. Hãy đóng vai thể hiện kỹ năng làm việc của Nhân viên công tác xã hội trong một buổi làm việc với cán bộ Sở Tư pháp để nhờ cung cấp văn bản liên quan đến quản lý người nghiện ma túy? 5. Phân tích mặt tích cực và hạn chế của từng mô hình cai nghiện ma túy? Cho ví dụ?	#HĐ1.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 3. CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY 3.1. Công tác xã hội trong phòng chống ma túy 3.1.1. Tầm quan trọng của công tác phòng chống ma túy 3.1.2. Các hoạt động phòng, chống ma túy 3.1.2.1. Tuyên truyền về Luật phòng chống ma túy, tác hại của ma túy 3.1.2.2. Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử với người nghiện ma túy 3.1.2.3. Xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án phát triển cộng đồng 3.2. Công tác xã hội trong điều trị nghiện ma túy 3.2.1. Các hình thức điều trị nghiện ma túy 3.2.1.1. Điều trị nghiện ma túy tại gia đình 3.2.1.2. Điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng 3.2.1.3. Điều trị nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện 3.2.2. Quy trình điều trị nghiện ma túy 3.3. Công tác xã hội trong dự phòng tái nghiện 3.3.1. Tầm quan trọng 3.3.2. Quy trình dự phòng tái nghiện 3.3.3. Các can thiệp dự phòng tái nghiện 3.3.4. Một số kỹ năng dự phòng tái nghiện 3.4. Vai trò của nhân viên xã hội trong phòng chống ma túy và trợ giúp thân chủ điều trị	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Chia nhóm thảo luận và đóng vai về một buổi tuyên truyền tại địa phương để phòng chống ma túy. 2. Thảo luận nhóm và đóng vai thể hiện một buổi tham vấn của nhân viên công tác xã hội trong việc trang bị một kỹ năng dự phòng tái nghiện cho thân chủ? 3. Với vai trò là nhân viên công tác xã hội tại cơ sở, bạn hãy lập một kế hoạch hoạt động của mình để giúp cộng đồng phòng chống ma túy.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2;

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
nghiện ma túy 4.3.1. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong công tác phòng, chống ma túy 4.3.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp thân chủ điều trị nghiện ma túy.					
Chương 4. THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY 4.1. Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Các nguyên tắc trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy 4.1.3. Quy trình quản lý trường hợp với người nghiện ma túy 4.1.4. Một số kỹ năng trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy 4.2. Công tác xã hội nhóm với người nghiện ma túy 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các loại hình nhóm hiệu quả trong công tác xã hội với người nghiện ma túy 4.2.3. Quy trình thành lập và phát triển của nhóm trong công tác xã hội với người nghiện ma túy 4.2.4. Một số kỹ năng làm việc nhóm trong công tác xã hội với người nghiện ma túy 4.3. Tham vấn cho người nghiện ma túy 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Mục đích 4.3.3. Các nguyên tắc trong tham vấn cho	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], thực hiện các yêu cầu sau: 1. So sánh các nguyên tắc trong quản lý ca này với các nguyên tắc hành động của công tác xã hội đã được học ở Nhập môn công tác xã hội (những nguyên tắc nào có điểm tương đồng, những nguyên tắc nào là điểm mới)? Cho nhận xét? 2. Mỗi nhóm xây dựng một kế hoạch quản lý trường hợp cho một thân chủ nhóm tự giả định. 3. Các nhóm thảo luận và đóng vai một buổi sinh hoạt nhóm với các thân chủ nghiện ma túy, trong đó có vận dụng các kỹ năng đã học? 4. Các nhóm thảo luận và đóng vai 01 buổi nhân viên công tác xã hội tham vấn cho thân chủ (tình huống giả định). Yêu cầu, nhân viên công tác xã hội vận dụng được các kỹ năng trong tham vấn. 5. Các quyền lợi của người nghiện ma túy thường cần đến biện hộ? 6. Khi biện hộ cho thân chủ giải quyết các vấn đề trên, Nhân viên Công tác xã hội cần liên hệ với các cơ quan, tổ chức nào? 7. Mỗi nhóm thảo luận và đóng vai 01 buổi biện hộ cho thân chủ nghiện ma túy (giả định) với một cơ quan/tổ chức có thẩm quyền.	#HD1.1	CLO3; CLO4

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
người nghiện ma túy 4.3.4. Tiến trình tham vấn cho người nghiện ma túy 4.3.5. Một số kỹ năng trong tham vấn cho người nghiện ma túy 4.4. Biện hộ cho người nghiện ma túy 4.4.1. Khái niệm, mục đích biện hộ cho người nghiện ma túy 4.4.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong biện hộ cho người nghiện ma túy 4.4.3. Các nguyên tắc trong biện hộ cho người nghiện ma túy 4.4.4. Tiến trình biện hộ 4.4.5. Một số kỹ năng biện hộ cho người nghiện ma túy					
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bùi Thị Mai Đông	Công tác xã hội với người nghiện ma túy (Giáo trình dành cho hệ đại học)	2021	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Bộ LĐ-TB và XH, UNICEF	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	2016	Hà Nội	https://www.unicef.org/vietnam/media/1481/file/Training%20resources%20on%20social%20work.pdf	x	
3	Nguyễn Trung Hải	Giáo trình Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	2020	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	60%	CLO2; CLO3; CLO4	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	40%	CLO1		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA**TRƯỞNG BỘ MÔN****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

Học phần 40. Công tác xã hội trong trường học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội trong trường học
2	Tên học phần (tiếng Anh):	School Social Work
3	Mã học phần:	SO4115N
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	45
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học, trang bị cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận cho sinh viên, xác định những vấn đề cơ bản nảy sinh trong trường học, từ đó đưa ra những công cụ can thiệp phù hợp với các nhóm thân chủ là người học khác nhau, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để làm việc có hiệu quả, trong đó nhấn mạnh đến các kỹ năng như quan sát, đánh giá vấn đề, tham vấn, can thiệp khủng hoảng,...giúp sinh viên có thể chủ động, tự tin khi thực hành nghề nghiệp trong môi trường trường học.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Làm rõ được khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nhiệm vụ của công tác xã hội trong trường học cũng như lịch sử phát triển công tác xã hội trường học trên thế giới và ở Việt Nam.

4.1.2. Phân tích được vai trò của công tác xã hội trong trường học, giá trị và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành công tác xã hội trường học.

4.1.3. Phân tích được đặc thù của môi trường trường học và một số vấn đề xã hội nảy sinh tác động đến trường học.

4.1.4. Chỉ ra được các mô hình trợ giúp, can thiệp của nhân viên công tác xã hội trường học trong trợ giúp thân chủ.

4.1.5. Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn trong trường học.

4.1.6. Thiết kế được tiến trình công tác xã hội can thiệp giải quyết một số vấn đề trong trường học như: Bạo lực học đường, lạm dụng tình dục, vấn đề HIV/AIDS, nghiện game online, áp lực học tập, giới tính và sức khỏe sinh sản,...

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Giải quyết được một vấn đề cần can thiệp của thân chủ trong môi trường trường học dưới góc độ đa chiều.

4.2.2. Đánh giá được vấn đề của đối tượng can thiệp trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường gia đình, nhà trường và xã hội.

4.2.3. Vận dụng được kiến thức, phương pháp can thiệp chuyên ngành để giải quyết vấn đề của thân chủ.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội trong trường học.

4.3.2. Thực hành thành thạo các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng giải quyết xung đột và mâu thuẫn nhóm,... để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong trường học.

4.3.3. Phát triển sự tự tin hơn khi làm việc với học sinh, sinh viên ở các lứa tuổi khác nhau, các thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và các nhà quản lý giáo dục.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội đối với thân chủ, nhóm thân chủ trong lĩnh vực trường học.
CLO2:	Triển khai được hoạt động, mô hình can thiệp giải quyết một số vấn đề trong trường học như: Bạo lực học đường, lạm dụng tình dục, vấn đề HIV/AIDS, nghiện game online, áp lực học tập, giới tính và sức khỏe sinh sản,...
CLO3:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn trong trường học.
CLO4:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội trong trường học.
CLO5:	Phát triển sự tự tin hơn khi làm việc với học sinh, sinh viên ở các lứa tuổi khác nhau, các thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và các nhà quản lý giáo dục.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.2
CLO1	M	M							
CLO2			M	M					
CLO3					M	M	M		
CLO4								R	
CLO5									R
Công tác xã hội trong trường học	M	M	M	M	M	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC 1.1. Khái niệm 1.2. Mục đích, ý nghĩa	12	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng.	SV nghiên cứu và đọc [1], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Đối tượng của công tác xã hội trường học. 2. Nhiệm vụ của công tác xã hội trường học.	#HD1.1 #HD1.2	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.3. Quan hệ giữa CTXH trường học với các khoa học khác 1.4. Vai trò, chức năng và nhiệm của công tác xã hội trường học 1.5. Đối tượng nghiên cứu của công tác xã hội trường học. 1.6. Lịch sử hình thành và phát triển công tác xã hội trường học 1.7. Nhân viên công tác xã hội trường học 1.8. Hệ thống pháp luật chính sách liên quan đến trường học và công tác xã hội trong trường học		- GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	3. Vai trò của công tác xã hội trường học. <u>Thảo luận:</u> 1. Công tác xã hội trường học có vai trò như thế nào với học sinh, với phụ huynh, với thầy cô giáo, với các nhà quản lý giáo dục? Lấy ví dụ thực tiễn để minh họa? 2. Hãy nêu và phân tích những khó khăn của nhân viên công tác xã hội trường học khi thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình. Đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn đó?		
Chương 2. HỆ THỐNG TRƯỜNG HỌC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG TRƯỜNG HỌC HIỆN NAY 2.1. Hệ thống trường học 2.2. Một số vấn đề tồn tại trong trường học hiện nay 2.2.1. Vấn đề đối với học sinh 2.2.2. Một số vấn đề đối với thầy cô 2.2.3. Một số vấn đề của phụ huynh và hội cha mẹ học sinh 2.3. Nguyên nhân của những vấn đề nảy sinh trong trường học 2.4. Hệ quả của những trở ngại và các vấn đề gặp phải của học sinh trong trường học.	6	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1], trả lời các câu hỏi sau: 1. Tìm những câu chuyện, những tình huống có vấn đề trong cuộc sống liên quan đến học sinh, giáo viên, trường học,... gây tác động đến trường học. 2. Tình huống: T trên đường đi học về bị một nhóm 5 em mặc đồng phục của một trường THCS đánh hội đồng, nhóm này đã túm tóc, đánh đập, tát vào mặt. Thậm chí tiểu tiện vào đầu nam sinh khiến nhiều người vô cùng bức xúc. Mặc dù đã được can ngăn nhưng họ vẫn tiếp tục cho đến khi T bị ngắt đi. - Vấn đề trong tình huống là gì? - Ai là người xử lý?	#HĐ1.2	CLO1
Chương 3. CÁC LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH TRỢ GIÚP, CAN THIỆP CHO HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên.	SV nghiên cứu và đọc [1]; [4]; thực hiện các yêu cầu sau: 1. Trình bày nội dung cơ bản của từng lý thuyết và những ứng dụng của nó trong công tác xã hội trường học.	#HĐ1.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.1. Các lý thuyết vận dụng trong công tác xã hội trường học 3.1.1. Lý thuyết hệ thống 3.1.2. Lý thuyết sinh thái 3.1.3. Thuyết nhu cầu 3.1.4. Thuyết thân chủ trọng tâm 3.1.5. Thuyết động năng tâm lý 3.1.6. Thuyết nhận thức hành vi 3.1.7. Thuyết phát triển tâm lý xã hội 3.1.8. Thuyết phát triển nhận thức 3.1.9. Thuyết tổn thương tâm lý 3.1.10. Thuyết học tập xã hội 3.1.11. Thuyết thực nghiệm xã hội 3.1.12. Thuyết trao đổi xã hội 3.1.13. Thuyết xung đột xã hội 3.1.14. Thuyết vai trò 3.2. Mô hình trợ giúp của công tác xã hội trường học 3.2.1. Mô hình tổ hỗ trợ học sinh 3.2.2. Mô hình hợp tác gia đình – nhà trường – cộng đồng 3.2.3. Mô hình phòng ngừa		- SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	2. Phân tích tình huống (theo yêu cầu của giảng viên) để áp dụng từng lý thuyết để giải quyết vấn đề của thân chủ. 3. Tìm hiểu trước về các mô hình hỗ trợ học sinh trong các trường học hiện nay, hiệu quả của các mô hình đó. 4. Thảo luận: Là một nhân viên công tác xã hội trường học, bạn sẽ làm gì để mô hình Tổ hỗ trợ học sinh và Mô hình hợp tác gia đình – nhà trường – cộng đồng và các mô hình phòng ngừa được triển khai rộng rãi trong các trường học?		
Chương 4. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC 4.1. Phương pháp trợ giúp, can thiệp của nhân viên công tác xã hội trong trường học 4.1.1. Công tác xã hội cá nhân trong trường học	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3]; [4], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý ca và tham vấn được ứng dụng như thế nào trong trường học? 2. Tại sao người làm công tác xã hội chuyên nghiệp trong trường học cần áp	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO2; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
4.1.2. Công tác xã hội nhóm trong trường học 4.1.3. Quản lý trường hợp trong trường học. 4.1.4. Tham vấn học đường 4.1.5. Truyền thông trong cộng đồng về các vấn đề của trường học 4.2. Kỹ năng trong công tác xã hội trường học 4.2.1. Kỹ năng quan sát 4.2.2. Kỹ năng biện hộ 4.2.3. Kỹ năng thuyết phục 4.2.4. Kỹ năng tìm kiếm nguồn lực 4.2.5. Kỹ năng giải quyết xung đột, mâu thuẫn 4.2.6. Kỹ năng tổ chức các trò chơi nhóm, tập thể			dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý ca, tham vấn? Hãy nêu những ví dụ thực tiễn để thấy tầm quan trọng của các phương pháp này? 3. Bạn sẽ làm gì để trợ giúp nhóm học sinh tiểu học thường xuyên bị bắt nạt? 4. Thảo luận: Thực hành tình huống rèn các kỹ năng (theo yêu cầu của giảng viên). 5. Mỗi sinh viên thiết kế một trò chơi cho lớp.		
Chương 5. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG TRƯỜNG HỌC 5.1. Công tác xã hội trường học với vấn đề bạo lực học đường. 5.2. Công tác xã hội trường học với vấn đề học sinh khuyết tật. 5.3. Công tác xã hội trường học với học sinh bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 5.4. Công tác xã hội trường học với học sinh bị lạm dụng. 5.5. Công tác xã hội trường học với học sinh nghiện game, mạng xã hội. 5.6. Công tác xã hội trường học với học sinh bị áp lực học tập. 5.7. Công tác xã hội trường học với vấn đề giới tính và sức khỏe sinh sản. 5.8. Công tác xã hội trường học với học sinh có vấn đề sức khỏe tâm thần	9	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3]; [4], [5]; [6], trả lời các câu hỏi sau: 1. Nhân viên công tác xã hội học đường có vai trò gì trong việc phòng chống và trợ giúp giải quyết vấn đề bạo lực học đường? 2. Quan điểm và thái độ của anh/chị đối với vấn nạn bạo lực học đường hiện nay? Phân tích về các nguyên nhân của bạo lực học đường, từ đó đề xuất biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi vấn nạn bạo lực học đường. 3. Học sinh khuyết tật học hoà nhập có thể gặp phải những vấn đề khó khăn nào? Những vấn đề đó ảnh hưởng như thế nào đến việc học hoà nhập? Đề xuất những giải pháp hỗ trợ học sinh khuyết tật học hoà nhập. 4. Xây dựng tình huống và làm bài tập thực hành hỗ trợ học sinh sinh viên bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
5.9. Công tác xã hội trường học với học sinh sử dụng chất gây nghiện 5.10. Công tác tư vấn học sinh có hành vi lệch chuẩn			hoà nhập học đường theo tiến trình công tác xã hội cá nhân, nhóm và tham vấn. 5. Hãy cho biết vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc trợ giúp học sinh sinh viên có và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 6. Xây dựng tình huống và làm bài tập thực hành hỗ trợ học sinh sinh viên bị lạm dụng/xâm hại hoà nhập học đường theo tiến trình công tác xã hội cá nhân, nhóm và tham vấn. 7. Phân tích về tính hai mặt của Internet. Việc nghiện game online có những ảnh hưởng như thế nào đến phát triển thể chất, trí tuệ và nhân cách của học sinh sinh viên? 8. Áp lực học tập có tác động như thế nào đối với người học? Liên hệ thực tế và đề xuất ý kiến cũng như giải pháp nhằm giảm áp lực học tập cho người học? 9. Theo anh/chị, vấn đề giới tính và sức khoẻ sinh sản nên được đưa vào giảng dạy trong nhà trường ở cấp học nào? Đề xuất những nội dung giảng dạy cụ thể theo cấp học đó.		
Tổng	45				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Hiệp Thương	Đại cương công tác xã hội trường học	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Phạm Văn Tư	Tham vấn trường học	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
3	Nguyễn Thị Oanh	Tư vấn tâm lý học đường	2008	Trẻ	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Đặng Hoàng Minh	Tư vấn tâm lý học đường	2018	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Thị Thái Lan Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình Công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Nguyễn Đức Sơn	Tài liệu bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO2; CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 41. Thực hành công tác xã hội trong trường học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Thực hành công tác xã hội trong trường học
2	Tên học phần (tiếng Anh):	School Social Work Practice
3	Mã học phần:	SO4472
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	10
	- Thực hành:	40
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Công tác xã hội trong trường học (SO4115N)
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

3. Mô tả tóm tắt học phần

Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại trường học. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành kiến thức, kỹ năng của phương pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, tham vấn vào giải quyết đề của thân chủ tại trường học. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực hành cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực hành.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Phân tích được phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội xã hội trong trường học.
- 4.1.2. Xác định được các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn, tư cách và quy điều đạo đức khi thực hành công tác xã hội trong lĩnh vực trường học.
- 4.1.3. Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của thân chủ trong quá trình thực hành.
- 4.1.4. Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong khi thực hành phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm hay tham vấn.

- 4.1.5. Thiết lập được mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc huy động và phân phối nguồn lực để can thiệp, trợ giúp thân chủ trong quá trình thực hành công tác xã hội trong trường học.
- 4.1.6. Thiết kế được tiến trình can thiệp công tác xã hội đối với thân chủ trong trường học.
- 4.1.7. Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội trong trường học thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực hành.
- 4.2. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*
- 4.2.1. Vận dụng được kiến thức công tác xã hội để tiếp cận các đối tượng thân chủ khác nhau trong môi trường học đường.
- 4.2.2. Đánh giá được vấn đề của thân chủ cần can thiệp trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường nhà trường, gia đình và xã hội.
- 4.2.3. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết vấn đề của thân chủ gặp phải trong môi trường học đường.
- 4.2.4. Có khả năng lựa chọn kỹ năng, phương pháp đánh giá hệ thống các mối quan hệ của thân chủ trong tiến trình trợ giúp.
- 4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*
- 4.3.1. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
- 4.3.2. Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.
- 4.3.3. Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp.
- 4.3.4. Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.
- 4.3.5. Có khả năng vận động nguồn lực.
- 4.3.6. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- 4.3.7. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.
5. **Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)**

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Triển khai được tiến trình can thiệp công tác xã hội trong trường học.
CLO2:	Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội trong trường học thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực hành.
CLO3:	Có khả năng lựa chọn kỹ năng, phương pháp đánh giá hệ thống các mối quan hệ của thân chủ trong tiến trình trợ giúp.
CLO4:	Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
CLO5:	Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI									
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.2	PI10.3
CLO1	R	M	M							
CLO2	R	M	M	M						
CLO3					M	M	M			
CLO4								R		
CLO5									R	R
Thực hành công tác xã hội trong trường học	R	M	M	M	M	M	M	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Phần 1. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC 1.1. Giới thiệu về nội dung của đợt thực hành 1.2. Phân chia nhóm	5	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], thực hiện các yêu cầu sau: Thảo luận nhóm về các nguyên tắc và quy điều đạo đức trong công tác xã hội, những nội quy cần tuân thủ trong suốt quá trình thực hành.	#HD1.1	CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.3. Nội quy thực hành 1.4. Giới thiệu các mẫu báo cáo 1.5. Phương pháp thực hành công tác xã hội áp dụng trong trường học 1.5.1. Các kỹ năng áp dụng trong công tác xã hội trường học 1.5.2. Tiến trình giải quyết vấn đề thân chủ trong công tác xã hội trong trường học			Làm bài tập về mô tả trường hợp và các vấn đề liên quan đến công tác xã hội với nhóm. Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp. Chuẩn bị đầy đủ các mẫu văn bản theo quy định trước khi đi thực hành. Chuẩn bị các tình huống có thể xảy ra khi đi thực hành để dự báo phương án giải quyết.		
Phần 2. THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRƯỜNG HỌC (Kế hoạch kèm theo) Lớp chia thành những nhóm nhỏ thực hành tại các trường học. 1. Giai đoạn lượng giá giữa kỳ 2. Giai đoạn lượng giá cuối kỳ	40	Giảng viên giám sát, đánh giá quá trình thực hành của SV; Nhóm sinh viên tiến hành thực hành phương pháp công tác xã hội trong trường học.	Xem mục 7.1; 7.2	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Phần 3. LƯỢNG GIÁ VÀ KẾT THÚC (Hợp lượng giá và hoàn thiện hồ sơ báo cáo thực tập nộp về cho Giảng viên hướng dẫn đúng thời gian quy định)	5	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], thực hiện các yêu cầu sau: Báo cáo quá trình thực hành: Báo cáo những khó khăn, thuận lợi của quá trình chuẩn bị và thực hiện thực hành công tác xã hội trong trường học, những bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp hoặc kiến nghị.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	50				

7.1. Tìm hiểu tổng quan về cơ sở thực hành

7.1.1. Tìm hiểu về cơ sở thực hành

- Quá trình thành lập và phát triển;
- Cơ cấu tổ chức, bộ máy lãnh đạo;
- Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ;
- Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động (Các vị trí công việc; trình độ chuyên môn; kinh nghiệm công tác xã hội;...);
- Các chính sách, chế độ cán bộ, nhân viên công tác xã hội;
- Những khó khăn, thuận lợi và nhu cầu của cán bộ, nhân viên công tác xã hội.

7.1.2. Tìm hiểu việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại cơ sở thực hành

- Các đối tượng của an sinh xã hội tại cơ sở (Loại đối tượng, số lượng, chất lượng cuộc sống);
- Các chính sách an sinh xã hội mà đối tượng tại cơ sở đang được hưởng;
- Kết quả thực hiện an sinh xã hội ở cơ sở;
- Những khó khăn, bất cập, nguyên nhân và biện pháp khắc phục trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại cơ sở tham quan.

7.1.3. Tìm hiểu hoạt động công tác xã hội tại cơ sở thực hành

- Tìm hiểu các đối tượng xã hội được chăm sóc, trợ giúp tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Các hoạt động và dịch vụ can thiệp, hỗ trợ tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Việc thực hiện các quy điều đạo đức và nguyên tắc hành động của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Việc thực hiện các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội chuyên nghiệp; đối chiếu với lý thuyết đã học.

7.2. Thực hiện tiến trình can thiệp công tác xã hội với cá nhân tại trường học

- Sinh viên chọn một cá nhân thân chủ hiện có ít nhất hai vấn đề cần được nhân viên Công tác xã hội trợ giúp giải quyết để làm thân chủ. Các vấn đề của thân chủ học sinh có thể là: bạo lực học đường, khuyết tật, bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, bị lạm dụng, nghiện game, mạng xã hội, áp lực học tập, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, vấn đề sức khỏe tâm thần, sử dụng chất gây nghiện, hướng nghiệp,... Cá nhân được chọn làm thân chủ phải được cơ sở thực hành và giảng viên hướng dẫn đồng ý;
- Tìm hiểu hoàn cảnh, đặc điểm, khó khăn và nhu cầu của thân chủ để cùng thân chủ lập kế hoạch can thiệp, giúp đỡ thân chủ theo các bước của tiến trình công tác xã hội cá nhân;
- Phúc trình vấn đề theo các bước của tiến trình công tác xã hội cá nhân;
- Vận dụng các lý thuyết tâm lý xã hội trong quá trình can thiệp, trợ giúp thân chủ giải quyết vấn đề;
- Thực hành một số kỹ năng cơ bản của Công tác xã hội cá nhân: Kỹ năng giao tiếp, nhận diện vấn đề; Kỹ năng quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi thu thập thông tin; Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch; Kỹ năng tham vấn, biện hộ cá nhân trong quá trình làm việc với thân chủ;
- Nhận xét, đánh giá kết quả quá trình giúp đỡ thân chủ (Những thay đổi tích cực và tiêu cực của thân chủ);
- Những kinh nghiệm của nhân viên xã hội được áp dụng và bài học kinh nghiệm rút ra cho bản thân trong quá trình thực hành.

Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành công tác xã hội với cá nhân.

7.3. Thực hiện tiến trình can thiệp công tác xã hội với nhóm tại trường học

- Sinh viên lựa chọn một nhóm thân chủ (Số lượng thành viên tùy thuộc vào mục đích thành lập, có thể từ 7-10 thành viên) tại trường học (nhóm có thể có sẵn hoặc thành lập mới) để thực hành Công tác xã hội với nhóm theo các bước của tiến trình công tác xã hội nhóm đã học: Chuẩn bị thành lập nhóm, tiến hành sinh hoạt nhóm buổi đầu tiên và các buổi tiếp theo;
- Nhóm thân chủ có thể là nhóm học sinh gặp phải các vấn đề sau: bạo lực học đường, khuyết tật, bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, bị lạm dụng, nghiện game, mạng xã hội, áp lực học tập, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, vấn đề sức khỏe tâm thần, sử dụng chất gây nghiện, hướng nghiệp,...
- Việc lựa chọn nhóm thân chủ có sẵn hay thành lập nhóm thân chủ mới cần được thực hiện ngay tuần đầu tiên khi xuống cơ sở thực hành và phải được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn. Nếu trường học chọn thực hành đang có các chương trình dự án, trong đó có tổ chức sinh hoạt cho các nhóm đối tượng, sinh viên có thể tham gia cùng và triển khai hoạt động nhóm cho các nhóm này.
- Tìm hiểu đặc điểm, hoàn cảnh nhóm thân chủ và xác định những vấn đề của nhóm, vấn đề cá nhân của các thành viên trong nhóm;
- Vẽ sơ đồ mô tả/tương tác nhóm;
- Vận dụng lý thuyết các giai đoạn phát triển nhóm để xây dựng tiến trình công tác xã hội nhóm; Các lý thuyết xử lý xung đột, mâu thuẫn nhóm, lý thuyết quản lý, lãnh đạo nhóm...nhằm giúp đỡ nhóm thân chủ giải quyết vấn đề khó khăn;
- Mô tả cụ thể tiến trình công tác xã hội nhóm; Từ bước chuẩn bị thành lập nhóm (hoặc lựa chọn nhóm sẵn có); Các buổi sinh hoạt; Khâu lượng giá đến lúc kết thúc hoạt động nhóm;
- Tổ chức được ít nhất 5 buổi sinh hoạt nhóm; Mô tả phúc trình vấn đề của tiến trình công tác xã hội nhóm;
- Vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong các buổi sinh hoạt để hỗ trợ các thành viên giải quyết vấn đề: Kỹ năng tổ chức, điều phối, lập kế hoạch, giải quyết mâu thuẫn, huy động nhóm,...
- Nhận xét những mặt được, chưa được, những thay đổi tích cực của nhóm và những kiến thức kỹ năng công tác xã hội sử dụng trong quá trình thực hành công tác xã hội nhóm;
- Những kinh nghiệm sinh viên học hành trong quá trình thực hành với nhóm.

Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội với nhóm.

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Như Trang, Trần Văn Kham	Giáo trình lý luận về thực hành công tác xã hội	2017	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Thái Lan	Giáo trình công tác xã hội nhóm	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Thị Thái Lan Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Phạm Văn Tư, Nguyễn Hiệp Thương, Hoàng Anh Phước, Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thuận Quý	Tham vấn học đường	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Duy Nhiên, Tiêu Thị Minh Hương, Nguyễn Lê Hoàng Anh, Tô Phương Oanh	CTXH với học sinh sử dụng chất gây nghiện	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Nguyễn Hiệp Thương, Trịnh Phương Thảo, Lê Minh Công, Nguyễn Duy Cường, Nguyễn Văn Hiếu	CTXH với học sinh nghiện internet	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x
7	Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Đỗ Nghiêm Thanh Phương, Nguyễn Thu Hà	CTXH với học sinh có vấn đề sức khỏe tâm thần	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x
8	Lương Quang Hưng, Nguyễn Thu Trang, Ngô Thị Thanh Mai, Phạm Văn Tư, Nguyễn Thị Mai Hương	CTXH với vấn đề bạo lực học đường	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x
9	Nguyễn Thanh Bình, Vũ Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Mai Hồng, Đặng Thị Huyền Oanh	CTXH với gia đình, cộng đồng và hệ thống nhà trường	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên**9.1. Yêu cầu chung**

- Trước khi đi thực tập, sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn thực hành ở trên lớp;
- Căn cứ vào kế hoạch thực hành chung của Bộ môn và tình hình thực tế tại cơ sở thực hành, từng sinh viên chủ động lập kế hoạch thực hành của cá nhân chi tiết đến từng tuần của từng tháng trong suốt thời gian thực hành; Kế hoạch phải được kiểm huấn viên cơ sở thực hành và giảng viên hướng dẫn đồng ý;
- Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ thực hành theo nội dung, yêu cầu của nhà trường, đồng thời phải tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của đơn vị thực hành;
- Trong quá trình thực hành, sinh viên phải chấp hành sự phân công công việc và chịu sự quản lý của cán bộ quản lý, kiểm huấn viên tại cơ sở thực hành như một nhân viên chính thức; tích cực tham gia các hoạt động chung và chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động công tác xã hội.
- Thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập của cá nhân với giảng viên hướng dẫn và kiểm huấn viên cơ sở.

9.2. Yêu cầu chọn cơ sở thực hành: Trường học.

9.3. Những công việc của sinh viên tại cơ sở thực hành

- Ghi chép nhật ký các công việc thực hiện hàng ngày khi thực hành;
- Viết tổng quan tìm hiểu về cơ sở thực hành theo nội dung quy định ở mục 7.1;
- Ghi chép tiến trình các cuộc vấn đàm, vắng gia, thảo luận nhóm;
- Ghi chép tiến trình nhóm và trường hợp cá nhân đã tìm hiểu và theo dõi;
- Lượng giá thực hành giữa kỳ và cuối kỳ. *Lưu ý: Sinh viên nộp sổ nhật ký thực tập cho kiểm huấn viên 2 ngày trước mỗi lần họp lượng giá.*

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Quá trình thực hành tại cơ sở	Quan sát	Rubric	100%	CLO3; CLO4; CLO5	40%	
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Báo cáo thực hành; Nhật ký thực hành	Báo cáo	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 42. Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with HIV/AIDS
3	Mã học phần:	SO4470
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về HIV/AIDS, tình hình HIV/AIDS trên thế giới và ở Việt Nam, khó khăn, nhu cầu của người nhiễm HIV/AIDS; luật pháp, chính sách của Việt Nam trong phòng chống HIV/AIDS, các chương trình hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS ở Việt Nam. Môn học cung cấp cho người học các kỹ năng thực hành công tác xã hội nhằm hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, đồng thời truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng giảm tác hại của HIV/AIDS nhằm thực hiện các chức năng xã hội, hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Làm rõ các khái niệm liên quan đến người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.1.2. Nhận biết những phương thức lây truyền và biện pháp phòng tránh HIV/AIDS.

4.1.3. Xác định được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và nhu cầu của người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.1.4. Nhận biết những biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của sự kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.1.5. Giải nghĩa được khái niệm, mục đích và các nguyên tắc cơ bản trong công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.1.6. Phân tích vai trò của nhân viên CTXH với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.1.7. Nhận biết được những luật pháp, chính sách trong phòng chống và hỗ trợ người có HIV/AIDS ở Việt Nam.

4.1.8. Nhận biết được những chương trình dự phòng và hỗ trợ điều trị HIV cấp quốc gia.

4.1.9. Mô tả tiến trình quản lý ca, tham vấn và xử lý khủng hoảng đối với người có HIV/AIDS.

4.1.10. Khám phá các kỹ năng cơ bản trong thực hành CTXH với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Thực hiện việc sắm vai thể hiện các kỹ năng cơ bản trong thực hành CTXH với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.2.2. Xây dựng tiến trình quản lý ca trong một trường hợp nghiên cứu điển hình.

4.2.3. Thực hành được với các công cụ làm việc nhóm với người có HIV.

4.2.4. Phân biệt các giai đoạn của tình trạng khủng hoảng đối với người khi biết mình bị nhiễm H.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Ý thức được vị trí và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc phòng ngừa, hỗ trợ người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.3.2. Thấu cảm với những khó khăn của người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.3.3. Nhìn nhận khách quan các vấn đề liên quan đến người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4.3.4. Thích ứng với các giai đoạn khủng hoảng của người nhiễm H.

4.3.5. Tuân thủ nội quy của lớp học, có ý thức trong việc học và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến HIV/AIDS.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình quản lý ca, tham vấn và xử lý khủng hoảng đối với người có HIV/AIDS.
CLO2:	Triển khai được các hoạt động can thiệp, trợ giúp đối với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
CLO3:	Thực hành được với các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm với người có H.
CLO4:	Thể hiện sự công bằng và tôn trọng đối với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
CLO5:	Thích ứng với các giai đoạn khủng hoảng của người nhiễm H.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI									
	PLO5				PLO7			PLO9		PLO10
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	P7.1	PI7.3	PI7.4	PI9.2	PI9.3	PI10.1
CLO1	M	M								
CLO2			M	M						
CLO3										
CLO4					M	M	M			
CLO5								M	R	R
Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	M	M	M	M	M	M	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ HIV VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NHIỄM VÀ ẢNH HƯỞNG BỞI HIV/AIDS 1.1 Tổng quan về HIV/AIDS	10	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng.	Đọc tài liệu số [1], [2], [3]	#HD1.1 #HD1.2	CLO1; CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.1.1. Một số kiến thức về HIV/AIDS 1.1.2. Một số vấn đề về HIV/AIDS 1.1.3. Sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS 1.2. Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS và người ảnh hưởng bởi HIV/AIDS 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Mục đích của công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS 1.2.3. Nguyên tắc cơ bản trong công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS 1.2.4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS		- GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.			
Chương 2. LUẬT PHÁP, CHÍNH SÁCH TRONG PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS VÀ CÁC TỔ CHỨC LÀM CÔNG TÁC HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ HIV/AIDS VÀ BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI HIV/AIDS TẠI VIỆT NAM 2.1. Luật pháp, chính sách trong phòng chống HIV/AIDS và hỗ trợ người có HIV/AIDS ở Việt Nam 2.1.1. Văn bản pháp luật trong phòng chống HIV/AIDS ở Việt Nam 2.1.2. Luật pháp, chính sách hỗ trợ người có HIV/AIDS và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS 2.1.3. Quyền và nghĩa vụ của người nhiễm HIV/AIDS 2.2. Các tổ chức làm công tác hỗ trợ người có HIV/AIDS và người	5	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	Đọc tài liệu số [1], [2], [3]	#HĐ1.1 #HĐ1.2	CLO1; CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS 2.2.1. Các cơ quan Chính phủ 2.2.2. Các tổ chức dân sự 2.3. Một số chương trình dự phòng và hỗ trợ, điều trị cấp quốc gia 2.3.1. Chương trình truyền thông thay đổi hành vi 2.3.2. Chương trình can thiệp giảm thiểu tác hại 2.3.3. Chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con 2.3.4. Chương trình tư vấn và xét nghiệm HIV tự nguyện 2.3.5. Chương trình an toàn truyền máu 2.3.6. Chương trình điều trị HIV, chăm sóc và hỗ trợ					
Chương 3. THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NHIỄM VÀ NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI HIV/AIDS 3.1. Quản lý ca đối với các vấn đề liên quan đến người bị nhiễm HIV/AIDS 3.1.1. Khái niệm và mục đích của quản lý ca 3.1.2. Ý nghĩa của quản lý ca đối với người có HIV/AIDS 3.1.3. Tiến trình quản lý ca 3.2. Tham vấn cho người nhiễm HIV/AIDS 3.2.1. Khái niệm và mục đích của tham vấn	15	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	Đọc tài liệu số [1], [2], [3]	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.2.2. Các nguyên tắc trong tham vấn cho người có HIV/AIDS. 3.2.3. Tiến trình tham vấn cho người có HIV/AIDS. 3.3. Xử lý khủng hoảng đối với người biết mình bị nhiễm HIV/AIDS. 3.3.1 Khái niệm khủng hoảng 3.3.2. Ý nghĩa và kỹ năng xử lý khủng hoảng trong việc hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS. 3.3.3. Các giai đoạn của tình trạng khủng hoảng đối với người biết mình nhiễm HIV/AIDS. 3.3.4. Các kỹ năng can thiệp, xử lý khủng hoảng đối với người biết mình bị nhiễm HIV/AIDS. 3.4. Công tác xã hội nhóm với người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS 3.4.1. Khái niệm công tác xã hội nhóm. 3.4.2. Ý nghĩa của làm việc nhóm với người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 3.4.3. Các mô hình nhóm hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 3.4.4. Kỹ năng làm việc nhóm với người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 3.4.5. Các công cụ làm việc nhóm với người có HIV. 3.5. Truyền thông thay đổi hành vi phòng lây nhiễm HIV và giảm kỳ thị.					

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
3.5.1. Khái niệm truyền thông thay đổi hành vi 3.5.2. Những hành vi cần thay đổi trong lây nhiễm HIV/AIDS và giảm kỳ thị 3.5.3. Các bước thay đổi hành vi 3.5.4. Một số kỹ năng sử dụng trong tuyên truyền. 3.6. Xây dựng mạng lưới và huy động nguồn lực hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 3.6.1. Một số khái niệm 3.6.2. Mục đích của xây dựng mạng lưới và huy động nguồn lực. 3.6.3. Ý nghĩa của việc xây dựng mạng lưới và huy động nguồn lực 3.6.4. Một số mạng lưới và nguồn lực trong hỗ trợ người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 3.6.5. Một số kỹ năng xây dựng mạng lưới và huy động nguồn lực trong hỗ trợ người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 3.7. Biện hộ cho người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 3.7.1. Khái niệm biện hộ 3.7.2. Ý nghĩa của biện hộ đối với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. 3.7.3. Nguyên tắc biện hộ 3.7.4. Các giai đoạn thực hiện biện hộ. 3.7.5. Một số kỹ năng thực hiện biện hộ.					
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Thị Minh Hương	Bài giảng Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	2019	LĐ- XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Phạm Thị Thu Thảo	Bài giảng Tham vấn	2013	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Bộ LĐ-TB và XH, UNICEF	Công tác xã hội với người sống chung với HIV/AIDS	2016	Hà Nội	https://www.unicef.org/vietnam/media/1481/file/Training%20resources%20on%20social%20work.pdf		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
- Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
- Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
- Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
- Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 43. Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with Mental Health Problems of Adolescents
3	Mã học phần:	SO4471
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dtthao@dtthu.edu.vn
- Điện thoại: 0939212945

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên, nguyên nhân của các vấn đề sức khỏe thường gặp phải, tâm bệnh học và sự phát triển của trẻ. Đồng thời sẽ cung cấp cho người học những công cụ và kỹ năng công tác xã hội cần thiết để làm việc với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Làm rõ được các khái niệm và mục đích của việc chăm sóc sức khỏe tâm thần cho TTN.
- 4.1.2. Mô tả được các giai đoạn phát triển của thanh thiếu niên.
- 4.1.3. Xác định được hệ thống chăm sóc và chữa trị sức khỏe tâm thần ở Việt Nam.
- 4.1.4. Phân tích được các nguyên nhân dẫn đến vấn đề sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên.
- 4.1.5. Phân biệt được các dạng vấn đề sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên.
- 4.1.6. Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của thân chủ.

- 4.1.7. Thiết kế được hoạt động can thiệp, tiến trình trợ giúp công tác xã hội đối với thân chủ là thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần.
- 4.2. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*
- 4.2.1. Nhận diện một vấn đề xã hội cụ thể cần can thiệp của đối tượng thân chủ dưới góc độ đa chiều.
- 4.2.2. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết vấn đề sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên.
- 4.2.3. Đánh giá được vấn đề của đối tượng can thiệp trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.
- 4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*
- 4.3.1. Tuân thủ các quy tắc của lớp học, nghiêm túc khi tham gia học tập, có khả năng tự học, tự nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến môn học.
- 4.1.2. Thực hành được các kỹ năng cơ bản để giao tiếp và làm việc với thanh thiếu niên có vấn đề về sức khỏe tâm thần.
- 4.3.3. Có thái độ đúng mực với thanh thiếu niên có những dấu hiệu liên quan đến tâm thần.
- 4.3.4. Ý thức được giá trị của nghề và yêu thích ngành học.
- 4.3.5. Phối hợp với các thành viên nâng cao khả năng làm việc nhóm, tranh luận đưa ra kết luận cho vấn đề.
5. **Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)**

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội đối với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần.
CLO2:	Triển khai được hoạt động can thiệp, tiến trình trợ giúp công tác xã hội đối với thân chủ là thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần.
CLO3:	Đánh giá được mức độ vấn đề thân chủ trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.
CLO4:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần.
CLO5:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.2	PI9.3
CLO1	M	M							
CLO2			M	M					
CLO3	M								
CLO4					M	M	M		
CLO5								R	R
Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần	M	M	M	M	M	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Những vấn đề chung trong chăm sóc khỏe tinh thần của thanh thiếu niên 1.1. Các khái niệm 1.2. Mục đích 1.3. Hệ thống chăm sóc và chữa trị sức khỏe tâm thần ở Việt Nam 1.4. Nguyên nhân dẫn đến các vấn đề sức khỏe tâm thần ở thanh thiếu niên	6	Thuyết trình, vấn đáp, ví dụ minh họa bằng video.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu số 1 và tài liệu số 2.	#HĐ1.1	CLO1; CLO3
Chương 2. Các dạng vấn đề sức khỏe tâm thần ở thanh thiếu niên 2.1. Trầm cảm 2.2. Rối loạn lo âu	6	Thuyết trình, vấn đáp, ví dụ minh họa bằng video.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu số 1, tài liệu số 2, tài liệu số 3.	#HĐ1.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.3. Tâm thần phân liệt và rối loạn phổ phân liệt 2.4. Rối loạn cảm xúc 2.5. Rối loạn tăng động giảm chú ý 2.6. Hành vi tự huỷ hoại bản thân					
Chương 3. Tâm bệnh học và sự phát triển của thanh thiếu niên 3.1. Giai đoạn ấu thơ 3.2. Giai đoạn tiểu học 3.3. Giai đoạn tuổi thiếu niên 3.4. Giai đoạn mới trưởng thành	4	Thuyết trình nêu vấn đề. Thảo luận nhóm, báo cáo.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu số 4, 6, 7.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5
Chương 4. Sàng lọc và đánh giá sức khỏe tâm thần 4.1. Tổng quan đánh giá sức khỏe tâm thần 4.2. Sàng lọc sức khỏe tâm thần cho trẻ em 4.3. Sàng lọc sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu niên 4.4. Đánh giá tự tử và bệnh tâm thần nặng	6	Thuyết trình nêu vấn đề. Thảo luận nhóm, báo cáo.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu tài liệu số 5.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO4
Chương 5. Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề về sức khỏe tâm thần. 5.1. Tham vấn chung và kỹ năng thu hút sự tham gia 5.2. Can thiệp cho lo âu 5.3. Can thiệp cho trầm cảm 5.4. Can thiệp cho vấn đề hành vi và tăng động giảm chú ý 5.5. Can thiệp cho các vấn đề liên quan đến sang chấn tâm lý 5.6. Các vấn đề đạo đức trong công tác xã hội và sức khỏe tâm thần	8	Thuyết trình, vấn đáp Ví dụ minh họa bằng Video Bài tập về nhà: chọn một thân chủ là trẻ em xem các yếu tố sinh học và xã hội/môi trường tác động như thế nào đến vấn đề sức khỏe tâm thần của thân chủ đó.	Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu tài liệu số 1, 2, 3.	#HĐ1.2 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Đỗ Nghiêm Thanh Phương, Nguyễn Thu Hà	Công tác xã hội với học sinh có vấn đề sức khỏe tâm thần	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Công Khanh	Tư vấn tâm lý tuổi vị thành niên	2016	ĐHSP	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Phạm Văn Tư, Nguyễn Hiệp Thương, Hoàng Anh Phước, Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thuận Quý	Tham vấn trường học	2020	Giáo dục	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Đặng Hoàng Minh, Hồ Thu Hà, Bahr Weriss	Tâm bệnh học (sách chuyên khảo)	2023	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
5	Đặng Hoàng Minh	Tư vấn tâm lý học đường	2018	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Trần Thị Minh Đức	Giáo trình tham vấn tâm lí	2023	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
 - Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
 - Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
 - Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
 - Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
 - Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 44. Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Hospital Social Work Practice
3	Mã học phần:	SO4113TH
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	10
	- Thực hành:	40
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Công tác xã hội trong bệnh viện (SO4113)
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dtthao@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0939212945

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện là môn học mang tính rèn luyện kỹ năng chuyên môn trong môi trường thực tế. Thông qua môn học, sinh viên củng cố được các kiến thức, kinh nghiệm và rèn luyện các kỹ năng công tác xã hội trong bệnh viện nhằm đáp ứng nhu cầu công việc trong môi trường bệnh viện hoặc các cơ sở y tế khác sau khi tốt nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội xã hội trong bệnh viện.

4.1.2. Xác định được các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn, tư cách và quy điều đạo đức khi thực hành công tác xã hội trong lĩnh vực y tế.

4.1.3. Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của thân chủ trong quá trình thực hành.

4.1.4. Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong khi thực hành phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm hay tham vấn.

4.1.5. Thiết lập được mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc huy động và phân phối nguồn lực để can thiệp, trợ giúp thân chủ trong quá trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện.

4.1.6. Thiết kế được tiến trình can thiệp công tác xã hội đối với thân chủ trong bệnh viện.

4.1.7. Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội trong bệnh viện thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực hành.

4.2. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*

4.2.1. Vận dụng được kiến thức công tác xã hội để tiếp cận các đối tượng thân chủ khác nhau trong bệnh viện.

4.2.2. Đánh giá được vấn đề của thân chủ cần can thiệp trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường gia đình và xã hội.

4.2.3. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết vấn đề của thân chủ gặp phải trong hỗ trợ dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

4.2.4. Có khả năng lựa chọn kỹ năng, phương pháp đánh giá hệ thống các mối quan hệ của thân chủ trong tiến trình trợ giúp.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

4.3.2. Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

4.3.3. Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp.

4.3.4. Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.

4.3.5. Có khả năng vận động nguồn lực.

4.3.6. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

4.3.7. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Triển khai được tiến trình can thiệp công tác xã hội trong bệnh viện.
CLO2:	Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội trong bệnh viện thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực hành.
CLO3:	Có khả năng lựa chọn kỹ năng, phương pháp đánh giá hệ thống các mối quan hệ của thân chủ trong tiến trình trợ giúp.
CLO4:	Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
CLO5:	Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI									
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.2	PI10.3
CLO1	R	M	M							
CLO2	R	M	M	M						
CLO3					M	M	M			
CLO4								R		
CLO5									R	R
Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện	R	M	M	M	M	M	M	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Phần 1. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN 1.1. Sử dụng các biểu mẫu hồ sơ thực hành công tác xã hội. 1.2. Sử dụng các biểu mẫu hồ sơ quản lý trường hợp bệnh nhân trong công tác xã hội bệnh viện. 1.3. Sử dụng các biểu mẫu hồ sơ giúp đỡ nhóm bệnh nhân trong bệnh viện.	5	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.	Thảo luận nhóm về các nguyên tắc và quy điều đạo đức trong công tác xã hội, những nội quy cần tuân thủ trong suốt quá trình thực hành. Làm bài tập về mô tả trường hợp và các vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong bệnh viện. Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp.	#HĐ1.1	CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.4. Sử dụng các biểu mẫu câu hỏi dùng để thu thập thông tin, đánh giá tâm-sinh lý-xã hội bệnh nhân. 1.5. Hướng dẫn thực hành các quy trình can thiệp công tác xã hội trong bệnh viện. 1.6. Hướng dẫn thực hành kỹ năng vận dụng trong quản lý trường hợp, công tác xã hội nhóm.			Chuẩn bị đầy đủ các mẫu văn bản theo quy định trước khi đi thực hành. Chuẩn bị các tình huống có thể xảy ra khi đi thực hành để dự báo phương án giải quyết. Tập luyện các câu hỏi đánh giá tâm, sinh lý, xã hội bệnh nhân.		
Phần 2. THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN (Kế hoạch kèm theo) Lớp chia thành những nhóm nhỏ thực hành tại các bệnh viện, cơ sở y tế. 1. Giai đoạn lượng giá giữa kỳ 2. Giai đoạn lượng giá cuối kỳ	40	Giảng viên giám sát, đánh giá quá trình thực hành của SV; Nhóm sinh viên tiến hành thực hành phương pháp công tác xã hội trong bệnh viện.	Đọc kỹ tài liệu; Tuyệt đối tuân thủ sự chỉ dẫn chuyên môn của kiểm huấn viên cơ sở; Các biểu mẫu hồ sơ thực hành; Các biểu mẫu hồ sơ tương tác trong quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện; Biểu mẫu hồ sơ xã hội của bệnh nhân/nhóm bệnh nhân; Sổ ghi chép nhật lý thực hành.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Phần 3. LƯỢNG GIÁ VÀ KẾT THÚC (Họp lượng giá và hoàn thiện hồ sơ báo cáo thực tập nộp về cho giảng viên hướng dẫn đúng thời gian quy định)	5	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.	Báo cáo quá trình thực hành: Báo cáo những khó khăn, thuận lợi của quá trình chuẩn bị và thực hiện thực hành công tác xã hội trong trường học, những bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp hoặc kiến nghị.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	50				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Như Trang, Trần Văn Kham	Giáo trình Lý luận về thực hành công tác xã hội	2017	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Thái Lan	Giáo trình công tác xã hội nhóm	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Thị Thái Lan Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Phạm Tiến Nam	Tài liệu Công tác xã hội bệnh viện	2019	Lao động	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

9.1. Yêu cầu chung

- Trước khi đi thực tập, sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn thực hành ở trên lớp;

- Căn cứ vào kế hoạch thực hành chung của Bộ môn và tình hình thực tế tại cơ sở thực hành, từng sinh viên chủ động lập kế hoạch thực hành của cá nhân chi tiết đến từng tuần của từng tháng trong suốt thời gian thực hành; Kế hoạch phải được kiểm huấn viên cơ sở thực hành và giảng viên hướng dẫn đồng ý;

- Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ thực hành theo nội dung, yêu cầu của nhà trường, đồng thời phải tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của đơn vị thực hành;

- Trong quá trình thực hành, sinh viên phải chấp hành sự phân công công việc và chịu sự quản lý của cán bộ quản lý, kiểm huấn viên tại cơ sở thực hành như một nhân viên chính thức; tích cực tham gia các hoạt động chung và chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động công tác xã hội.

- Thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập của cá nhân với giảng viên hướng dẫn và kiểm huấn viên cơ sở.

9.2. Yêu cầu chọn cơ sở thực hành: Bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm y tế.

9.3. Những công việc của sinh viên tại cơ sở thực hành

- Ghi chép nhật ký các công việc thực hiện hàng ngày khi thực hành;

- Viết tổng quan tìm hiểu về cơ sở thực hành theo nội dung quy định;

- Ghi chép tiến trình các cuộc vấn đàm, vắng gia, thảo luận nhóm;

- Ghi chép tiến trình nhóm và trường hợp cá nhân đã tìm hiểu và theo dõi;

- Lượng giá thực hành giữa kỳ và cuối kỳ. *Lưu ý: Sinh viên nộp sổ nhật ký thực tập cho kiểm huấn viên 2 ngày trước mỗi lần họp lượng giá.*

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Quá trình thực hành tại cơ sở	Quan sát, thực hành	Rubric	100%	CLO3; CLO4; CLO5	40%	
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Báo cáo thực hành; Nhật ký thực hành	Báo cáo	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 45. Thực tế chuyên môn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Thực tế chuyên môn
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Fieldwork
3	Mã học phần:	SO4473
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	10
	- Thực hành:	40
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☒ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dtthu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần hướng dẫn cho sinh viên cách thức tiếp cận và thâm nhập môi trường hoạt động chuyên ngành thực tế; Vận dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn để tìm hiểu về lĩnh vực an sinh xã hội và các hoạt động công tác xã hội tại các cơ sở xã hội; bổ sung kiến thức thực tiễn, so sánh đối chiếu thực tiễn với lý thuyết đã học; phát hiện những khó khăn, bất cập trong việc thực thi chính sách an sinh xã hội và hoạt động công tác xã hội.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Biết được các chính sách xã hội dành cho các nhóm đối tượng yếu thế được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở xã hội.

4.1.2. Phân tích được cơ cấu tổ chức, bộ máy lãnh đạo; chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của các cơ sở xã hội.

4.1.3. Chỉ ra được những nguồn lực cơ bản (chính sách bảo trợ, cứu trợ xã hội) đảm bảo cho hoạt động của các cơ sở xã hội.

4.1.4. Xác định được vai trò của công tác xã hội với việc thực hiện an sinh xã hội;

4.1.5. Phân biệt được nhân viên công tác xã hội với cán bộ các tổ chức, đoàn thể; cán bộ, nhân viên của các cơ sở xã hội.

4.1.6. Liên hệ thực tiễn các kiến thức đã học với môi trường nghề nghiệp công tác xã hội..

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Tổng hợp được những kinh nghiệm thực tế thông qua những buổi báo cáo, trao đổi giữa các cơ sở xã hội với sinh viên.

4.2.2. Đánh giá được những nguồn lực cơ bản (chính sách bảo trợ, cứu trợ xã hội) đảm bảo cho hoạt động của các cơ sở xã hội.

4.2.3. Chỉ rõ được các vai trò của nhân viên công tác xã hội tại các cơ sở xã hội.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Thừa nhận việc phải chăm sóc, bảo vệ các đối tượng thân chủ yếu thế tại các cơ sở là một phần trách nhiệm của nghề nghiệp.

4.3.2. Biểu lộ bằng tinh thần tự giác, làm việc nhóm cao.

4.3.3. Duy trì, bồi dưỡng tâm huyết, lòng yêu nghề nghiệp cho sinh viên.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Chỉ ra được những nguồn lực cơ bản (chính sách bảo trợ, cứu trợ xã hội) đảm bảo cho hoạt động của các cơ sở xã hội.
CLO2:	Chỉ rõ được các vai trò của nhân viên công tác xã hội tại các cơ sở xã hội.
CLO3:	Thừa nhận việc phải chăm sóc, bảo vệ các đối tượng thân chủ yếu thế tại các cơ sở là một phần trách nhiệm của nghề nghiệp.
CLO4:	Hình thành khả năng liên hệ thực tiễn các kiến thức đã học với môi trường nghề nghiệp công tác xã hội.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI				
	PLO3	PLO5	PLO9	PLO10	
	PI3.3	PI5.1	PI9.1	PI10.2	PI10.3
CLO1	I				
CLO2		R			
CLO3			R		
CLO4				I	I
Thực tế chuyên môn	I	R	R	I	I

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Phần 1: HOẠT ĐỘNG SINH HOẠT CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI ĐI THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1. Phổ biến kế hoạch thực tế chuyên môn 1.1. Mục đích, yêu cầu; 1.2. Thời gian, địa điểm; 1.3. Hình thức tổ chức đi thực tế chuyên môn; 1.4. Nội dung và phương pháp học tập thực tế tại cơ sở. 1.5. Nội quy tổ chức chuyển đi thực tế 2. Hướng dẫn viết bài báo cáo thu hoạch 2.1. Nội dung yêu cầu; 2.2. Hình thức trình bày.	5	Giảng viên phụ trách sinh hoạt triển khai kế hoạch tổ chức môn học thực tế chuyên môn và hướng dẫn sinh viên viết báo cáo thu hoạch.	Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn; Nghe giảng viên trình bày, nêu câu hỏi.	#HĐ1.1	CLO4
Phần 2: HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP THỰC TẾ TẠI CƠ SỞ THAM QUAN 2.1. Tìm hiểu về cơ sở xã hội tham quan học tập.	40	Giảng viên tổ chức chuyển đi thực tế chuyên môn đến các cơ sở xã hội theo kế hoạch đã	Xem mục 7.1; 7.2; 7.3. SV quan sát, ghi chép nhật ký học tập thực tế.	#HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.2. Tìm hiểu việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại cơ sở xã hội tham quan thực tế. 2.3. Tìm hiểu hoạt động công tác xã hội tại cơ sở xã hội tham quan thực tế (bắt buộc). 2.4. Hoạt động trải nghiệm (bắt buộc).		được Nhà trường phê duyệt.			
Phần 3: HOẠT ĐỘNG LƯỢNG GIÁ SAU KHI KẾT THÚC CHUYẾN ĐI THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 3.1. Viết bài báo cáo thu hoạch cá nhân; 3.1. Họa tổng kết, rút kinh nghiệm	5	Giảng viên phụ trách sinh hoạt triển khai kế hoạch tổ chức môn học thực tế chuyên môn và hướng dẫn sinh viên viết báo cáo thu hoạch.	Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn; Nghe giảng viên trình bày, nêu câu hỏi.	#HD1.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Tổng	50				

7.1. Tìm hiểu về cơ sở xã hội tham quan học tập

- Quá trình thành lập và phát triển;
- Cơ cấu tổ chức, bộ máy lãnh đạo;
- Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ;
- Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động (Các vị trí công việc; trình độ chuyên môn; kinh nghiệm công tác xã hội...);
- Các chính sách, chế độ cán bộ, nhân viên công tác xã hội;
- Những khó khăn, thuận lợi và nhu cầu của cán bộ, nhân viên công tác xã hội.

7.2. Tìm hiểu việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại cơ sở xã hội tham quan thực tế

- Các đối tượng của an sinh xã hội tại cơ sở (Loại đối tượng, số lượng, chất lượng cuộc sống);
- Các chính sách an sinh xã hội mà đối tượng tại cơ sở đang được hưởng;
- Kết quả thực hiện an sinh xã hội ở cơ sở;
- Những khó khăn, bất cập, nguyên nhân và biện pháp khắc phục trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại cơ sở tham quan.

7.3. Tìm hiểu hoạt động công tác xã hội tại cơ sở xã hội tham quan thực tế (bắt buộc)

- Tìm hiểu các đối tượng xã hội được chăm sóc, trợ giúp tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Các hoạt động và dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Việc thực hiện các quy điều đạo đức và nguyên tắc hành động của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Việc thực hiện các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội chuyên nghiệp; đối chiếu với lý thuyết đã học.

Đại diện lãnh đạo cơ sở xã hội đến nghiên cứu và tham quan thực tế sẽ báo cáo tổng quan về các nội dung, yêu cầu sinh viên phải trình bày được ở trên.

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình nhập môn công tác xã hội	2010	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Hồi Loan, Nguyễn Thị Kim Hoa	Giáo trình công tác xã hội đại cương	2015	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Thông tư quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội. https://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpq-luocdo.aspx?ItemID=140852#						x

9. Quy định đối với sinh viên

9.1. Yêu cầu chung

Tham gia buổi hướng dẫn trên lớp; chủ động lập kế hoạch học tập thực tế của cá nhân phù hợp với mục đích, yêu cầu của chuyến đi thực tế chuyên môn và phù hợp với bản thân. Trước khi đi thực tế chuyên môn, cần ôn lại các kiến thức có liên quan đến nội dung của môn học. Tham gia đầy đủ các buổi học tập thực tế tạo các cơ sở xã hội tham quan theo kế hoạch.

Nghiêm chỉnh chấp hành Quy chế thực hành, thực tập, tham quan thực tế của Trường, các quy định của cơ sở xã hội tham quan, nội quy của Đoàn thực tế. Tuân thủ sự hướng dẫn của Trường đoàn và thầy/cô phụ trách môn học.

Lắng nghe và quan sát thu thập các thông tin về cơ sở học tập thực tế; hoạt động của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở xã hội tham quan.

Ghi chép chi tiết những thông tin thu thập được và những trải nghiệm, những cảm xúc của bản thân sau mỗi ngày học tập thực tế;

Viết bài báo cáo thu hoạch cá nhân về đợt thực tế chuyên môn theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.

9.2. Yêu cầu về nội dung và hình thức viết bài báo cáo thu hoạch cá nhân

9.2.1. Yêu cầu về nội dung

Mục lục; Danh mục cụm từ viết tắt (nếu có); Danh mục các bảng biểu (nếu có); Lời nói đầu; Nhật ký chuyển đi; Nội dung. Trình bày báo cáo thu hoạch của từng cơ sở xã hội tham quan học tập theo bố cục sau: Phần 1: Tìm hiểu về cơ sở xã hội tham quan học tập. - Quá trình thành lập và phát triển; - Cơ cấu tổ chức, bộ máy lãnh đạo; - Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ; - Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động (Các vị trí công việc; trình độ chuyên môn; kinh nghiệm công tác xã hội, ...); - Các chính sách, chế độ cán bộ, nhân viên công tác xã hội; - Những khó khăn, thuận lợi và nhu cầu của cán bộ, nhân viên công tác xã hội. Phần 2: Tìm hiểu việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại cơ sở xã hội tham quan thực tế. - Các đối tượng của an sinh xã hội tại cơ sở (Loại đối tượng, số lượng, chất lượng cuộc sống); - Các chính sách an sinh xã hội mà đối tượng tại cơ sở đang được hưởng; - Kết quả thực hiện an sinh xã hội ở cơ sở; - Những khó khăn, bất cập, nguyên nhân và biện pháp khắc phục trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại cơ sở tham quan. Phần 3: Tìm hiểu hoạt động công tác xã hội tại cơ sở xã hội tham quan thực tế (bắt buộc). - Tìm hiểu các đối tượng xã hội được chăm sóc, trợ giúp tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học; - Các hoạt động và dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học; - Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học; - Việc thực hiện các quy điều đạo đức và nguyên tắc hành động của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học; - Việc thực hiện các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội chuyên nghiệp; đối chiếu với lý thuyết đã học. Phần 4: Hoạt động trải nghiệm (bắt buộc). - Sinh viên có thể vận dụng một số kỹ năng cơ bản sau: Kỹ năng giao tiếp; thu thập thông tin; nhận diện vấn đề của đối tượng, ...để chọn một đối tượng thân chủ tại cơ sở xã hội học tập Kết luận và khuyến nghị

9.2.2. Yêu cầu về hình thức

- Bài thu hoạch dài từ 10-15 trang A4 được đánh máy; Kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13;
- Canh lề: Lề trái 2.5cm x phải 2.0 cm, trên 2.0cm x dưới 2.0 cm;
- Dẫn dòng: Spacing theo quy định (before 6.0pt x After 0.0pt; Line spacing 1.5);
- Trình bày đúng mẫu theo yêu cầu của mục 8.2.1 ở phần này.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Chuyên cần	Quan sát	Rubric	100%	CLO3; CLO4		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Bài thu hoạch	Báo cáo	Rubric	100%	CLO1; CLO2	100%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 46. Thực hành phát triển cộng đồng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Thực hành phát triển cộng đồng
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Community Development Practice
3	Mã học phần:	SO4477
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	15
	- Thực hành:	60
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Phát triển cộng đồng (SO4271M)
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☒ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên cách ứng dụng những lý thuyết về tổ chức và phát triển cộng đồng như tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng tập huấn/truyền thông, kỹ năng phân tích các vấn đề của cộng đồng, lập kế hoạch giải quyết vấn đề của cộng đồng dựa trên tình hình thực tế. Quan sát và học hỏi kinh nghiệm làm tiếp dân và làm việc với người dân tại các cấp cơ sở. Thực hiện thăm viếng hộ dân, làm quen với môi trường làm việc của tác viên phát triển cộng đồng.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Thiết kế được tiến trình phát triển cộng đồng.
- 4.1.2. Sử dụng các kỹ năng giao tiếp cơ bản khi làm việc với người dân.
- 4.1.3. Phân loại các vấn đề của cộng đồng.
- 4.1.4. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, tiềm năng của cộng đồng.
- 4.1.5. Xác định vấn đề cốt lõi của cộng đồng.
- 4.1.6. Lập các kế hoạch để triển khai các hoạt động thực hành.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Thực hiện quá trình thiết lập mối quan hệ tốt với chính quyền, ban ngành, cơ sở xã hội, cán bộ và nhân viên nơi thực hành.

4.2.2. Xây dựng dự án và thực hiện truyền thông những nội dung liên quan đến dự án phát triển cộng đồng.

4.2.3. Hoàn thiện kế hoạch/báo cáo thực hành toàn quá trình và theo từng tuần.

4.2.4. Phối hợp các hoạt động của nhóm và của cơ sở thực hành.

4.2.5. Thích ứng với các công việc được phân công tại uỷ ban nhân dân hoặc cơ sở thực hành.

4.2.6. Làm quen với các công việc ở các vị trí sau này sinh viên sẽ đảm nhiệm như là nhân viên công tác xã hội.

4.2.7. Thực hiện truyền thông nâng cao nhận thức như là một phần triển khai dự án đã xây dựng.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

4.3.2. Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

4.3.3. Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp.

4.3.4. Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.

4.3.5. Có khả năng vận động nguồn lực.

4.3.6. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

4.3.7. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Triển khai được tiến trình can thiệp công tác xã hội với cộng đồng.
CLO2:	Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội với cộng đồng thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực hành.
CLO3:	Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong khi thực hành phương pháp công tác xã hội với cộng đồng.
CLO4:	Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
CLO5:	Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI									
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.2	PI10.3
CLO1	R	M	M,A							
CLO2	R	M	M	M,A						
CLO3					M	M	M			
CLO4								R		
CLO5									R	R
Thực hành phát triển cộng đồng	R	M	M,A	M,A	M	M	M	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Phần 1. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ 1.1. Lý thuyết về tổ chức phát triển cộng đồng 1.1.1. Tiến trình tổ chức cộng đồng 1.1.2. Các kỹ năng cơ bản làm việc với người dân 1.1.3. Dự án 1.2. Biểu mẫu 1.2.1 Nội quy thực hành 1.2.2, Giới thiệu các biểu mẫu liên quan đến quá trình thực hành 1.2.3 Yêu cầu quá trình thực hành 1.3. Lập kế hoạch thực hành	10	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.	SV nghiên cứu và đọc [1], thực hiện các yêu cầu sau: Thảo luận nhóm về các nguyên tắc và quy điều đạo đức trong công tác xã hội, những nội quy cần tuân thủ trong suốt quá trình thực hành. Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp. Chuẩn bị đầy đủ các mẫu văn bản theo quy định trước khi đi thực hành.	#HĐ1.1	CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.3.1. Kế hoạch chung 1.3.2. Kế hoạch cụ thể (kế hoạch tuần và các hoạt động truyền thông)			Chuẩn bị các tình có thể xảy ra khi đi thực hành đề dự báo phương án giải quyết.		
Phần 2. THỰC HÀNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG TẠI CƠ SỞ THỰC HÀNH (Kế hoạch kèm theo) 2.1 Thiết lập mối quan hệ tốt với chính quyền, ban ngành, cơ sở xã hội, cán bộ và nhân viên nơi thực hành. 2.2. Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và các hoạt động của cơ sở 2.3. Khảo sát cộng đồng 2.4. Xác định vấn đề của cộng đồng và về cây vấn đề. 2.5. Xây dựng dự án và thực hiện truyền thông những nội dung liên quan đến dự án phát triển cộng đồng. 1. Giai đoạn lượng giá giữa kỳ 2. Giai đoạn lượng giá cuối kỳ	60	Giảng viên hướng dẫn và giám sát quá trình thực hành của sinh viên tại cộng đồng; Sinh viên quan sát, học hỏi kinh nghiệm từ cán bộ địa phương; Thực hành truyền thông.	- Liên hệ cơ sở thực hành; - Áp dụng các kỹ năng đã được học vào thực tế; - Bài soạn truyền thông.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Phần 3. LƯỢNG GIÁ VÀ KẾT THÚC (Họp lượng giá và hoàn thiện hồ sơ báo cáo thực tập nộp về cho Giảng viên hướng dẫn đúng thời gian quy định)	5	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], thực hiện các yêu cầu sau: Báo cáo quá trình thực hành: báo cáo những khó khăn, thuận lợi của quá trình chuẩn bị và thực hiện thực hành công tác xã hội với cá nhân, những bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp hoặc kiến nghị.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	75				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Như Trang, Trần Văn Kham	Giáo trình lý luận về thực hành công tác xã hội	2017	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Kim Liên	Giáo trình phát triển cộng đồng	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Trần Đình Tuấn	Công tác xã hội - Lý thuyết và thực hành	2010	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Mai Văn Nam	Giáo trình quản trị dự án phát triển	2009	Giáo dục Việt Nam	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

9.1. Yêu cầu chung

- Trước khi đi thực tập, sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn thực hành lý thuyết ở trên lớp;
- Căn cứ vào kế hoạch thực tập của Bộ môn và tình hình thực tế tại cơ sở thực tập, từng sinh viên chủ động lập kế hoạch thực tập của cá nhân chi tiết đến từng tuần của từng tháng trong suốt thời gian thực tập; Kế hoạch phải được kiểm huấn viên cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn chấp thuận;
- Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ thực hành theo nội dung, yêu cầu của Nhà trường, đồng thời phải tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của cơ sở thực tập;
- Trong quá trình tập, sinh viên phải chấp hành sự phân công công việc và chịu sự quản lý của cán bộ quản lý, kiểm huấn viên tại cơ sở thực tập như một nhân viên làm việc chính thức; tích cực tham gia các hoạt động chung và chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động thực tập công tác xã hội.
- Thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập của cá nhân với giảng viên hướng dẫn và kiểm huấn viên cơ sở.

9.2. Yêu cầu chọn cơ sở thực hành

- Sinh viên bắt buộc lựa chọn những cơ quan, đơn vị sau để tiến hành thực hành:
- Các cơ sở bảo trợ xã hội, các cơ sở cung cấp dịch vụ Công tác xã hội của nhà nước hoặc tư nhân: Trung tâm Công tác xã hội, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Cơ sở điều trị cai nghiện, Mái ấm, Nhà tình thương.
 - Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương;
 - Các bệnh viện, trường học;
 - Các tổ chức chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Đoàn Thanh niên các cấp, Hội Chữ thập đỏ, Hội người khuyết tật, ...

9.3. Những công việc của sinh viên tại cơ sở thực hành

- Ghi chép nhật ký các công việc thực hiện hàng ngày khi thực hành;
- Viết tổng quan tìm hiểu về cơ sở thực hành theo nội dung quy định ở mục 7.1;
- Ghi chép tiến trình các cuộc vấn đàm, vãng gia, thảo luận nhóm;
- Ghi chép tiến trình nhóm và trường hợp cá nhân đã tìm hiểu và theo dõi;
- Lượng giá thực hành giữa kỳ và cuối kỳ. Lưu ý: Sinh viên nộp sổ nhật ký thực tập cho kiểm huấn viên 2 ngày trước mỗi lần họp lượng giá.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Quá trình thực tập tại cơ sở	Quan sát	Rubric	100%	CLO3; CLO4; CLO5	40%	
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Báo cáo thực tập; Nhật ký thực tập	Báo cáo	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	PI5.4 PI5.5

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN

Học phần 47. Thực tập cơ sở

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Thực tập cơ sở
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Academic Practice
3	Mã học phần:	SO4491
4	Số tín chỉ:	6
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	180
	- Tự học:	210
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Công tác xã hội với cá nhân (SO4272)
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☒ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

3. Mô tả tóm tắt học phần

Thực tập cơ sở là học phần giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực tế thông qua hoạt động trải nghiệm tại cơ sở chuyên môn. Quá trình thực tập là bước đầu làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp của ngành nghề, được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực tập cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho công việc thực tập trực tiếp tại môi cơ sở đặc thù của ngành nghề. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành kiến thức, kỹ năng của phương pháp công tác xã hội với cá nhân vào giải quyết đề của thân chủ tại cơ sở thực tập. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực tập cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực tập tại cơ sở chuyên môn.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội xã hội cá nhân tại cơ sở thực tập.

4.1.2. Xác định được các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn, tư cách và quy điều đạo đức khi thực tập phương pháp công tác xã hội cá nhân.

4.1.3. Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của thân chủ trong quá trình thực tập tại môi trường nghề nghiệp.

4.1.4. Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong khi thực tập phương pháp công tác xã hội tại cơ sở, đặc biệt là phương pháp công tác xã hội với cá nhân.

4.1.5. Thiết lập được mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc huy động và phân phối nguồn lực để can thiệp, trợ giúp thân chủ trong quá trình thực tập.

4.1.6. Thiết kế được tiến trình can thiệp công tác xã hội với cá nhân thân chủ.

4.1.7. Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội với cá nhân thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực tập.

4.2. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*

4.2.1. Vận dụng được kiến thức công tác xã hội để tiếp cận các đối tượng thân chủ khác nhau.

4.2.2. Đánh giá được vấn đề của thân chủ cần can thiệp trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.

4.2.3. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết vấn đề của thân chủ.

4.2.4. Có khả năng lựa chọn kỹ năng, phương pháp đánh giá hệ thống các mối quan hệ của thân chủ trong tiến trình trợ giúp.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

4.3.2. Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

4.3.3. Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp.

4.3.4. Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.

4.3.5. Có khả năng vận động nguồn lực.

4.3.6. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

4.3.7. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Triển khai được tiến trình can thiệp công tác xã hội với cá nhân thân chủ.
CLO2:	Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội với cá nhân thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực tập.
CLO3:	Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong khi thực tập phương pháp công tác xã hội tại cơ sở, đặc biệt là phương pháp công tác xã hội với cá nhân.
CLO4:	Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
CLO5:	Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI									
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.2	PI10.3
CLO1	R	M	M,A							
CLO2	R	M	M	M,A						
CLO3					M	M	M			
CLO4								R		
CLO5									R	R
Thực tập cơ sở	R	M	M,A	M,A	M	M	M	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Phần 1.1. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP TẠI CƠ SỞ 1.1. Giới thiệu về nội dung của đợt thực tập 1.2. Phân chia nhóm	5	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], thực hiện các yêu cầu sau: Thảo luận nhóm về các nguyên tắc và quy điều đạo đức trong công tác xã	#HD1.1	CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.3. Nội quy thực tập 1.4. Giới thiệu quy trình báo cáo kết quả thực tập tại cơ sở			hội, những nội quy cần tuân thủ trong suốt quá trình thực hành. Làm bài tập về mô tả trường hợp và các vấn đề liên quan đến công tác xã hội với cá nhân. Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp. Chuẩn bị đầy đủ các mẫu văn bản theo quy định trước khi đi thực tập.		
Phần 1.2. KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỰC TẬP PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN TRONG CƠ SỞ CHUYÊN MÔN 1. Thực hành phương pháp công tác xã hội với cá nhân trong cơ sở. 1.1. Thực hành các kỹ năng trong thực tập phương pháp công tác xã hội với cá nhân. 1.2. Thực hành các kỹ thuật trong thực tập phương pháp công tác xã hội với cá nhân. 1.3. Thực hành tiến trình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội với cá nhân. 2. Tiếp cận các mô hình thực tập công tác xã hội với cá nhân tại cơ sở chuyên môn điển hình.	20	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.	Chuẩn bị các tình huống có thể xảy ra khi đi thực tập để dự báo phương án giải quyết.	#HĐ1.1	CLO3; CLO4; CLO5
Phần 2. THỰC TẬP CÔNG TÁC XÃ HỘI CÁ NHÂN TẠI CƠ SỞ THỰC TẬP (Kế hoạch kèm theo) Lớp chia thành những nhóm nhỏ, số lượng nhóm tùy thuộc vào số lượng sinh viên trong lớp. 1. Giai đoạn lượng giá giữa kỳ 2. Giai đoạn lượng giá cuối kỳ	180	Giảng viên giám sát, đánh giá quá trình thực tập của SV; Nhóm sinh viên tiến hành thực tập phương pháp công tác xã hội với cá nhân.	Xem mục 7.1; 7.2	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Phần 3. LƯỢNG GIÁ VÀ KẾT THÚC (Hợp lượng giá và hoàn thiện hồ sơ báo cáo thực tập nộp về cho Giảng viên hướng dẫn đúng thời gian quy định)	5	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], thực hiện các yêu cầu sau: Báo cáo quá trình thực tập: báo cáo những khó khăn, thuận lợi của quá trình chuẩn bị và thực hiện thực tập công tác xã hội với cá nhân, những bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp hoặc kiến nghị.	#HD1.1 #HD2.1	CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	210				

7.1. Tìm hiểu tổng quan về cơ sở thực tập

7.1.1. Tìm hiểu về cơ sở thực tập

- Quá trình thành lập và phát triển;
- Cơ cấu tổ chức, bộ máy lãnh đạo;
- Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ;
- Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động (Các vị trí công việc; trình độ chuyên môn; kinh nghiệm công tác xã hội;...);
- Các chính sách, chế độ cán bộ, nhân viên công tác xã hội;
- Những khó khăn, thuận lợi và nhu cầu của cán bộ, nhân viên công tác xã hội.

7.1.2. Tìm hiểu việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại cơ sở thực tập

- Các đối tượng của an sinh xã hội tại cơ sở (Loại đối tượng, số lượng, chất lượng cuộc sống);
- Các chính sách an sinh xã hội mà đối tượng tại cơ sở đang được hưởng;
- Kết quả thực hiện an sinh xã hội ở cơ sở;
- Những khó khăn, bất cập, nguyên nhân và biện pháp khắc phục trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại cơ sở tham quan.

7.1.3. Tìm hiểu hoạt động công tác xã hội tại cơ sở thực tập

- Tìm hiểu các đối tượng xã hội được chăm sóc, trợ giúp tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Các hoạt động và dịch vụ can thiệp, hỗ trợ tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Việc thực hiện các quy điều đạo đức và nguyên tắc hành động của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Việc thực hiện các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội chuyên nghiệp; đối chiếu với lý thuyết đã học.

7.2. Thực hiện tiến trình can thiệp công tác xã hội với cá nhân tại cơ sở thực tập

- Sinh viên chọn một cá nhân hiện có ít nhất hai vấn đề cần được nhân viên Công tác xã hội trợ giúp giải quyết để làm thân chủ. Các vấn đề của thân chủ có thể là: Nghèo đói, bệnh tật, bị bạo hành, bị bỏ rơi, bị khủng hoảng tâm lý sau biến cố bất ngờ,... Cá nhân được chọn làm thân chủ phải được cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn đồng ý. Khuyến khích sinh viên lựa chọn thân chủ trong môi trường trường học, bệnh viện hoặc các cơ sở xã hội.
- Tìm hiểu hoàn cảnh, đặc điểm, khó khăn và nhu cầu của thân chủ để cùng thân chủ lập kế hoạch can thiệp, giúp đỡ thân chủ theo các bước của tiến trình công tác xã hội với cá nhân;
- Phúc trình vấn đàm theo các bước của tiến trình công tác xã hội với cá nhân;
- Vận dụng các lý thuyết tâm lý xã hội trong quá trình can thiệp, trợ giúp thân chủ giải quyết vấn đề;
- Thực hành các kỹ năng, kỹ thuật cơ bản của phương pháp công tác xã hội với cá nhân: Kỹ năng giao tiếp, nhận diện vấn đề; Kỹ năng quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi thu thập thông tin; Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch; Kỹ năng tham vấn, biện hộ cá nhân trong quá trình làm việc với thân chủ;
- Nhận xét, đánh giá kết quả quá trình giúp đỡ thân chủ (Những thay đổi tích cực và tiêu cực của thân chủ);
- Những kinh nghiệm của nhân viên xã hội được áp dụng và bài học kinh nghiệm rút ra cho bản thân trong quá trình thực tập.

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Như Trang, Trần Văn Kham	Giáo trình lý luận về thực hành công tác xã hội	2017	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

9.1. Yêu cầu chung

- Trước khi đi thực tập, sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn thực hành lý thuyết ở trên lớp;
- Căn cứ vào kế hoạch thực tập của Bộ môn và tình hình thực tế tại cơ sở thực tập, từng sinh viên chủ động lập kế hoạch thực tập của cá nhân chi tiết đến từng tuần của từng tháng trong suốt thời gian thực tập; Kế hoạch phải được kiểm huấn viên cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn chấp thuận;
- Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ thực hành theo nội dung, yêu cầu của Nhà trường, đồng thời phải tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của cơ sở thực tập;
- Trong quá trình tập, sinh viên phải chấp hành sự phân công công việc và chịu sự quản lý của cán bộ quản lý, kiểm huấn viên tại cơ sở thực tập như một nhân viên làm việc chính thức; tích cực tham gia các hoạt động chung và chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động thực tập công tác xã hội.
- Thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập của cá nhân với giảng viên hướng dẫn và kiểm huấn viên cơ sở.

9.2. Yêu cầu chọn cơ sở thực hành

- Sinh viên bắt buộc lựa chọn những cơ quan, đơn vị sau để tiến hành thực tập cơ sở:
- Các cơ sở bảo trợ xã hội, các cơ sở cung cấp dịch vụ Công tác xã hội của nhà nước hoặc tư nhân: Trung tâm Công tác xã hội, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Cơ sở điều trị cai nghiện, Mái ấm, Nhà tình thương.
 - Các bệnh viện, trường học;
 - Các tổ chức chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Đoàn Thanh niên các cấp, Hội Chữ thập đỏ, Hội người khuyết tật, ...

9.3. Những công việc của sinh viên tại cơ sở thực tập

- Ghi chép nhật ký các công việc thực hiện hàng ngày khi thực tập;
- Viết tổng quan tìm hiểu về cơ sở thực tập theo nội dung quy định ở mục 7.1;
- Ghi chép tiến trình các cuộc vấn đàm, vãng gia, thảo luận nhóm;
- Ghi chép tiến trình làm việc với thân chủ tại cơ sở thực tập;
- Lượng giá thực tập giữa kỳ và cuối kỳ. *Lưu ý: Sinh viên nộp sổ nhật ký thực tập cho kiểm huấn viên 2 ngày trước mỗi lần họp lượng giá.*

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Quá trình thực tập tại cơ sở	Quan sát, thực tập	Rubric	100%	CLO3; CLO4; CLO5	60%	
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Báo cáo thực tập; Nhật ký thực tập	Báo cáo	Rubric	100%	CLO1; CLO2	40%	PI5.4 PI5.5

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 48. Thực hành công tác xã hội với nhóm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Thực hành công tác xã hội với nhóm
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with Groups Practice
3	Mã học phần:	SO4475
4	Số tín chỉ:	3
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	15
	- Thực hành:	60
	- Tự học:	90
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Công tác xã hội với nhóm (SO4374N)
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☒ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Văn Luận
- Email: tvluan@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0947272224

3. Mô tả tóm tắt học phần

Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kỹ năng của công tác xã hội với nhóm vào giải quyết đề của thân chủ tại cơ sở thực hành. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực hành cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực hành.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được phạm vi hoạt động và các thành tố cấu thành hoạt động công tác xã hội xã hội với nhóm tại cơ sở thực hành.

4.1.2. Xác định được các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn, tư cách và quy điều đạo đức khi thực hành phương pháp công tác xã hội với nhóm.

4.1.3. Đánh giá được đặc điểm, nhu cầu và các vấn đề gặp phải của nhóm thân chủ trong quá trình thực hành.

4.1.4. Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong khi thực hành phương pháp công tác xã hội với nhóm.

4.1.5. Thiết lập được mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc huy động và phân phối nguồn lực để can thiệp, trợ giúp nhóm thân chủ trong quá trình thực hành.

4.1.6. Thiết kế được tiến trình can thiệp công tác xã hội với nhóm thân chủ.

4.1.7. Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội với nhóm thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực hành.

4.2. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*

4.2.1. Vận dụng được kiến thức công tác xã hội để tiếp cận các đối tượng nhóm thân chủ khác nhau.

4.2.2. Đánh giá được vấn đề của nhóm thân chủ cần can thiệp trong hệ thống liên kết giữa nhóm thân chủ và môi trường xã hội.

4.2.3. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết vấn đề của nhóm thân chủ.

4.2.4. Có khả năng lựa chọn kỹ năng, phương pháp đánh giá hệ thống các mối quan hệ của nhóm thân chủ trong tiến trình trợ giúp.

4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

4.3.1. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

4.3.2. Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

4.3.3. Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp.

4.3.4. Thể hiện sự công bằng và tôn trọng tính đa dạng trong môi trường xã hội.

4.3.5. Có khả năng vận động nguồn lực.

4.3.6. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

4.3.7. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Triển khai được tiến trình can thiệp công tác xã hội với nhóm thân chủ.
CLO2:	Đánh giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội với nhóm thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở thực hành.
CLO3:	Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong khi thực hành phương pháp công tác xã hội với nhóm.
CLO4:	Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
CLO5:	Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI									
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.2	PI10.3
CLO1	R	M	M,A							
CLO2	R	M	M	M,A						
CLO3					M	M	M			
CLO4								R		
CLO5									R	R
Thực hành công tác xã hội với nhóm	R	M	M,A	M,A	M	M	M	R	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Phần 1. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ 1.1. Giới thiệu về nội dung của đợt thực hành 1.2. Phân chia nhóm	10	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], thực hiện các yêu cầu sau: Thảo luận nhóm về các nguyên tắc và quy điều đạo đức trong công tác xã hội, những nội quy cần	#HĐ1.1	CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
1.3. Nội quy thực hành 1.4. Giới thiệu các mẫu báo cáo 1.5. Thực hành công tác xã hội với nhóm 1.5.1. Các kỹ năng trong công tác xã hội với nhóm 1.5.2. Tiến trình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội với nhóm			tuân thủ trong suốt quá trình thực hành. Làm bài tập về mô tả trường hợp và các vấn đề liên quan đến công tác xã hội với nhóm. Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp. Chuẩn bị đầy đủ các mẫu văn bản theo quy định trước khi đi thực hành. Chuẩn bị các tình huống có thể xảy ra khi đi thực hành để dự báo phương án giải quyết.		
Phần 2. THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NHÓM TẠI CƠ SỞ THỰC HÀNH (Kế hoạch kèm theo) Lớp chia thành những nhóm nhỏ (mỗi nhóm khoảng 5 - 6 sinh viên, số lượng nhóm tùy thuộc vào số lượng sinh viên trong lớp và đặc thù địa bàn sinh viên công tác, sinh sống) thực hành tại các cơ sở thực hành.	60	Giảng viên giám sát, đánh giá quá trình thực hành của SV; Nhóm sinh viên tiến hành thực hành phương pháp công tác xã hội với nhóm.	Xem mục 7.1; 7.2	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Phần 3. LƯỢNG GIÁ VÀ KẾT THÚC (Hợp lượng giá và hoàn thiện hồ sơ báo cáo thực tập nộp về cho Giảng viên hướng dẫn đúng thời gian quy định)	5	GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], thực hiện các yêu cầu sau: Báo cáo quá trình thực hành: báo cáo những khó khăn, thuận lợi của quá trình chuẩn bị và thực hiện thực hành công tác xã hội với cá nhân, những bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp hoặc kiến nghị.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	75				

7.1. Tìm hiểu tổng quan về cơ sở thực hành**7.1.1. Tìm hiểu về cơ sở thực hành**

- Quá trình thành lập và phát triển;
- Cơ cấu tổ chức, bộ máy lãnh đạo;
- Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ;
- Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động (Các vị trí công việc; trình độ chuyên môn; kinh nghiệm công tác xã hội;...);
- Các chính sách, chế độ cán bộ, nhân viên công tác xã hội;

- Những khó khăn, thuận lợi và nhu cầu của cán bộ, nhân viên công tác xã hội.

7.1.2. Tìm hiểu việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại cơ sở thực hành

- Các đối tượng của an sinh xã hội tại cơ sở (Loại đối tượng, số lượng, chất lượng cuộc sống);
- Các chính sách an sinh xã hội mà đối tượng tại cơ sở đang được hưởng;
- Kết quả thực hiện an sinh xã hội ở cơ sở;
- Những khó khăn, bất cập, nguyên nhân và biện pháp khắc phục trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại cơ sở tham quan.

7.1.3. Tìm hiểu hoạt động công tác xã hội tại cơ sở thực hành

- Tìm hiểu các đối tượng xã hội được chăm sóc, trợ giúp tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Các hoạt động và dịch vụ can thiệp, hỗ trợ tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Việc thực hiện các quy điều đạo đức và nguyên tắc hành động của nhân viên công tác xã hội tại cơ sở; đối chiếu với lý thuyết đã học;
- Việc thực hiện các tiêu chuẩn nghề công tác xã hội chuyên nghiệp; đối chiếu với lý thuyết đã học.

7.2. Thực hiện tiến trình can thiệp công tác xã hội với nhóm tại cơ sở thực hành

- Sinh viên lựa chọn một nhóm thân chủ (Số lượng thành viên tùy thuộc vào mục đích thành lập, có thể từ 7-10 thành viên) tại địa bàn dân cư hoặc tại cơ sở thực hành (nhóm có thể có sẵn hoặc thành lập mới) để thực hành Công tác xã hội nhóm theo các bước của tiến trình công tác xã hội nhóm đã học: Chuẩn bị thành lập nhóm, tiến hành sinh hoạt nhóm buổi đầu tiên và các buổi tiếp theo;

- Nhóm thân chủ có thể là trẻ em hoặc phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt, cũng có thể là nhóm người khuyết tật, nhóm người nghèo ở cộng đồng, nhóm người nghiện, nhóm người nhiễm HIV, nhóm trẻ em lang thang đường phố, nhóm phụ nữ bị bạo hành,...;

- Việc lựa chọn nhóm thân chủ có sẵn hay thành lập nhóm thân chủ mới cần được thực hiện ngay tuần đầu tiên khi xuống cơ sở thực hành và phải được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn. Nếu cơ sở hoặc địa phương thực hành đang có các chương trình dự án, trong đó có tổ chức sinh hoạt cho các nhóm đối tượng, sinh viên có thể tham gia cùng và triển khai hoạt động nhóm cho các nhóm này.

- Tìm hiểu đặc điểm, hoàn cảnh nhóm thân chủ và xác định những vấn đề của nhóm, vấn đề cá nhân của các thành viên trong nhóm;

- Vẽ sơ đồ mô tả/tương tác nhóm;

- Vận dụng lý thuyết các giai đoạn phát triển nhóm để xây dựng tiến trình công tác xã hội nhóm; Các lý thuyết xử lý xung đột, mâu thuẫn nhóm, lý thuyết quản lý, lãnh đạo nhóm...nhằm giúp đỡ nhóm thân chủ giải quyết vấn đề khó khăn;

- Mô tả cụ thể tiến trình công tác xã hội nhóm; Từ bước chuẩn bị thành lập nhóm (hoặc lựa chọn nhóm sẵn có); Các buổi sinh hoạt; Khâu lượng giá đến lúc kết thúc hoạt động nhóm;

- Tổ chức được ít nhất 5 buổi sinh hoạt nhóm; Mô tả phức trình vấn đề của tiến trình công tác xã hội nhóm;

- Vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong các buổi sinh hoạt để hỗ trợ các thành viên giải quyết vấn đề: Kỹ năng tổ chức, điều phối, lập kế hoạch, giải quyết mâu thuẫn, huy động nhóm,...

- Nhận xét những mặt được, chưa được, những thay đổi tích cực của nhóm và những kiến thức kỹ năng công tác xã hội sử dụng trong quá trình thực hành công tác xã hội nhóm;

- Những kinh nghiệm sinh viên học hành trong quá trình thực hành với nhóm.

Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội nhóm.

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Như Trang, Trần Văn Kham	Giáo trình lý luận về thực hành công tác xã hội	2017	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Thị Thái Lan	Giáo trình công tác xã hội nhóm	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

9.1. Yêu cầu chung

- Trước khi đi thực tập, sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn thực hành lý thuyết ở trên lớp;
- Căn cứ vào kế hoạch thực tập của Bộ môn và tình hình thực tế tại cơ sở thực tập, từng sinh viên chủ động lập kế hoạch thực tập của cá nhân chi tiết đến từng tuần của từng tháng trong suốt thời gian thực tập; Kế hoạch phải được kiểm huấn viên cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn chấp thuận;

- Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ thực hành theo nội dung, yêu cầu của Nhà trường, đồng thời phải tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của cơ sở thực tập;
- Trong quá trình tập, sinh viên phải chấp hành sự phân công công việc và chịu sự quản lý của cán bộ quản lý, kiểm huấn viên tại cơ sở thực tập như một nhân viên làm việc chính thức; tích cực tham gia các hoạt động chung và chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động thực tập công tác xã hội.
- Thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập của cá nhân với giảng viên hướng dẫn và kiểm huấn viên cơ sở.

9.2. Yêu cầu chọn cơ sở thực hành

Sinh viên bắt buộc lựa chọn những cơ quan, đơn vị sau để tiến hành thực hành:

- Các cơ sở bảo trợ xã hội, các cơ sở cung cấp dịch vụ Công tác xã hội của nhà nước hoặc tư nhân: Trung tâm Công tác xã hội, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Cơ sở điều trị cai nghiện, Mái ấm, Nhà tình thương.
- Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương;
- Các bệnh viện, trường học;
- Các tổ chức chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Đoàn Thanh niên các cấp, Hội Chữ thập đỏ, Hội người khuyết tật, ...

9.3. Những công việc của sinh viên tại cơ sở thực hành

- Ghi chép nhật ký các công việc thực hiện hàng ngày khi thực hành;
- Viết tổng quan tìm hiểu về cơ sở thực hành theo nội dung quy định ở mục 7.1;
- Ghi chép tiến trình các cuộc vấn đàm, vãng gia, thảo luận nhóm;
- Ghi chép tiến trình nhóm và trường hợp cá nhân đã tìm hiểu và theo dõi;
- Lượng giá thực hành giữa kỳ và cuối kỳ. *Lưu ý: Sinh viên nộp sổ nhật ký thực tập cho kiểm huấn viên 2 ngày trước mỗi lần họp lượng giá.*

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Quá trình thực tập tại cơ sở	Quan sát, thực tập	Rubric	100%	CLO3; CLO4; CLO5	40%	
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Báo cáo thực tập; Nhật ký thực tập	Báo cáo	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	PI5.4 PI5.5

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 49. Thực tập tốt nghiệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Thực tập tốt nghiệp
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Graduate Practice
3	Mã học phần:	SO4404
4	Số tín chỉ:	8
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	0
	- Thực hành:	360
	- Tự học:	360
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☒ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☐ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Đỗ Thị Thảo
- Email: dtthao@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0939212945

3. Mô tả tóm tắt học phần

Thực tập tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực tế. Trong quá trình thực tập, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu, phân tích thực trạng các hoạt động công tác xã hội ở cơ sở thực tập. Trên cơ sở đó, đối chiếu lý luận với thực tế để hoàn thiện và nâng cao nhận thức lý luận và thực hành nghiệp vụ công tác xã hội đã được đào tạo.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Liên hệ được các kiến thức về nghề công tác xã hội đã học với thực tiễn môi trường làm việc tại cơ sở thực tập.

4.1.2. Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong suốt quá trình thực tập tại cơ sở.

4.1.3. Thiết lập được mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc huy động và phân phối nguồn lực để can thiệp, trợ giúp thân chủ.

4.1.4. Thiết kế được tiến trình can thiệp công tác xã hội phù hợp với vấn đề và bối cảnh của thân chủ.

4.1.5. Đánh giá được quá trình thực tập thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Có khả năng giải thích được một vấn đề xã hội cơ bản ở cấp độ vi mô: cá nhân, nhóm, cộng đồng và một chính sách xã hội cụ thể.

4.2.2. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết vấn đề của thân chủ.

4.2.3. Biện hộ để bảo vệ quyền lợi cho các đối tượng xã hội.

4.2.4. Có khả năng lựa chọn kỹ năng, phương pháp đánh giá hệ thống các mối quan hệ của thân chủ trong tiến trình trợ giúp.

4.2.5. Có khả năng lựa chọn phương pháp can thiệp phù hợp với từng đối tượng thân chủ dựa trên kết quả đánh giá thực tế, các giá trị văn hóa xã hội và sự ưu tiên theo hệ thống các mối quan hệ của thân chủ.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Thể hiện sáng kiến và có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

4.3.2. Thể hiện sự kiên trì, linh hoạt và chấp nhận rủi ro.

4.3.3. Có khả năng tự nhận thức về bản thân và nghề nghiệp.

4.3.4. Thể hiện thái độ ham học hỏi, cầu tiến, ý thức tự học và rèn luyện suốt đời.

4.3.5. Có khả năng thích nghi và hòa nhập với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.

4.3.6. Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp.

4.3.7. Thể hiện lòng yêu nghề.

4.3.8. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

4.3.9. Có khả năng đàm phán, tư vấn.

4.3.10. Có khả năng vận động nguồn lực.

4.3.11. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Triển khai được tiến trình can thiệp công tác xã hội phù hợp với vấn đề và bối cảnh của thân chủ.
CLO2:	Đánh giá được quá trình thực tập thông qua hoạt động kiểm huấn tại cơ sở.
CLO3:	Thực hành thành thạo các kỹ năng, công cụ và các kỹ thuật được sử dụng trong suốt quá trình thực tập tại cơ sở.
CLO4:	Thể hiện sáng kiến và có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.
CLO5:	Có khả năng thích nghi và hòa nhập với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI									
	PLO5				PLO6			PLO9	PLO10	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.3	PI10.2	PI10.3
CLO1	M	M	M,A							
CLO2	M	M	M	M,A						
CLO3					M	M	M			
CLO4								M		M
CLO5									M	M
Thực tập tốt nghiệp	M	M	M,A	M,A	M	M	M	M	M	M

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
HƯỚNG DẪN TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP.		GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm; Xử lý bài tập tình huống mà GV đưa ra.	Thảo luận nhóm về các nguyên tắc và quy điều đạo đức trong công tác xã hội, những nội quy cần	#HD1.1	CLO3; CLO4; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			tuân thủ trong suốt quá trình thực hành. Làm bài tập về mô tả trường hợp và các vấn đề liên quan đến công tác xã hội với cá nhân. Chuẩn bị các câu hỏi cần giải đáp. Chuẩn bị đầy đủ các mẫu văn bản theo quy định trước khi đi thực tập.		
Phần 2. THỰC TẬP TẠI CƠ SỞ (Kế hoạch kèm theo)	360	Giảng viên giám sát, đánh giá quá trình thực tập của SV; Sinh viên tiến hành thực tập phương pháp công tác xã hội mà mình lựa chọn.	Xem mục 7.1; 7.2	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Phần 3. LƯỢNG GIÁ VÀ KẾT THÚC (Hợp lượng giá và hoàn thiện hồ sơ báo cáo thực tập nộp về cho Giảng viên hướng dẫn đúng thời gian quy định)		GV thuyết trình; SV thảo luận nhóm và báo cáo.	Báo cáo quá trình thực tập: báo cáo những khó khăn, thuận lợi của quá trình chuẩn bị và thực hiện thực tập công tác xã hội với cá nhân, những bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp hoặc kiến nghị.	#HĐ1.1 #HĐ2.1	CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	360				

7.1. Cách thức tổ chức thực tập

- Tổ chức thực tập tốt nghiệp theo hình thức cá nhân, nhóm (tối đa không quá 04 sinh viên); cá nhân sinh viên trực tiếp liên hệ với cơ sở thực tập mà mình cho là phù hợp và thuận lợi để được tiến hành thực tập các nội dung theo quy định.

- Sinh viên tự liên hệ cơ sở thực tập theo giấy giới thiệu (nếu cần thiết) của Trường. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương nơi sinh viên chọn thực tập và nội dung sinh viên lựa chọn để thực tập phải được giảng viên hướng dẫn chấp nhận.

- Giảng viên trực tiếp hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong suốt thời gian thực tập.

- Giảng viên hướng dẫn sẽ tiến hành lượng giá và đánh giá sinh viên thực tập tại các cơ sở ít nhất hai lần trong thời gian thực tập (lượng giá giữa kỳ và cuối kỳ thực tập).

7.2. Nội dung thực tập

Mỗi sinh viên chọn *một trong ba phương pháp Công tác xã hội* sau đây để tiến hành thực tập:

- Công tác xã hội cá nhân;
- Công tác xã hội nhóm;
- Tổ chức và phát triển cộng đồng.

7.2.1. Công tác xã hội với cá nhân

- Sinh viên chọn một cá nhân hiện có ít nhất hai vấn đề cần được nhân viên Công tác xã hội trợ giúp giải quyết để làm thân chủ. Các vấn đề của thân chủ có thể là: Nghèo đói, bệnh tật, bị bạo hành, bị bỏ rơi, bị khủng hoảng tâm lý sau biến cố bất ngờ,... Cá nhân được chọn làm thân chủ phải được cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn đồng ý;

- Tìm hiểu hoàn cảnh, đặc điểm, khó khăn và nhu cầu của thân chủ để cùng thân chủ lập kế hoạch can thiệp, giúp đỡ thân chủ theo các bước của tiến trình công tác xã hội cá nhân;

- Phúc trình vấn đề theo các bước của tiến trình công tác xã hội cá nhân;

- Vận dụng các lý thuyết tâm lý xã hội trong quá trình can thiệp, trợ giúp thân chủ giải quyết vấn đề;

- Thực hành một số kỹ năng cơ bản của Công tác xã hội cá nhân: Kỹ năng giao tiếp, nhận diện vấn đề; Kỹ năng quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi thu thập thông tin; Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai kế hoạch; Kỹ năng tham vấn, biện hộ cá nhân trong quá trình làm việc với thân chủ;

- Nhận xét, đánh giá kết quả quá trình giúp đỡ thân chủ (Những thay đổi tích cực và tiêu cực của thân chủ);

- Những kinh nghiệm của nhân viên xã hội được áp dụng và bài học kinh nghiệm rút ra cho bản thân trong quá trình thực tập.

Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành công tác xã hội với cá nhân.

7.2.2. Công tác xã hội với nhóm

- Sinh viên lựa chọn một nhóm thân chủ (Số lượng thành viên tùy thuộc vào mục đích thành lập, có thể từ 7-10 thành viên) tại địa bàn dân cư hoặc tại cơ sở thực tập (nhóm có thể có sẵn hoặc thành lập mới) để thực hành Công tác xã hội nhóm theo các bước của tiến trình công tác xã hội nhóm đã học: Chuẩn bị thành lập nhóm, tiến hành sinh hoạt nhóm buổi đầu tiên và các buổi tiếp theo;

- Nhóm thân chủ có thể là trẻ em hoặc phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt, cũng có thể là nhóm người khuyết tật, nhóm người nghèo ở cộng đồng, nhóm người nghiện, nhóm người nhiễm HIV, nhóm trẻ em lang thang đường phố, nhóm phụ nữ bị bạo hành,...;

- Việc lựa chọn nhóm thân chủ có sẵn hay thành lập nhóm thân chủ mới cần được thực hiện ngay tuần đầu tiên khi xuống cơ sở thực tập và phải được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn. Nếu cơ sở hoặc địa phương thực tập đang có các chương trình dự án, trong đó có tổ chức sinh hoạt cho các nhóm đối tượng, sinh viên có thể tham gia cùng và triển khai hoạt động nhóm cho các nhóm này.

- Tìm hiểu đặc điểm, hoàn cảnh nhóm thân chủ và xác định những vấn đề của nhóm, vấn đề cá nhân của các thành viên trong nhóm;

- Vẽ sơ đồ mô tả/tương tác nhóm;

- Vận dụng lý thuyết các giai đoạn phát triển nhóm để xây dựng tiến trình công tác xã hội nhóm; Các lý thuyết xử lý xung đột, mâu thuẫn nhóm, lý thuyết quản lý, lãnh đạo nhóm...nhằm giúp đỡ nhóm thân chủ giải quyết vấn đề khó khăn;

- Mô tả cụ thể tiến trình công tác xã hội nhóm; Từ bước chuẩn bị thành lập nhóm (hoặc lựa chọn nhóm sẵn có); Các buổi sinh hoạt; Khâu lượng giá đến lúc kết thúc hoạt động nhóm;

- Tổ chức được ít nhất 5 buổi sinh hoạt nhóm; Mô tả phức trình vấn đề của tiến trình công tác xã hội nhóm;

- Vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong các buổi sinh hoạt để hỗ trợ các thành viên giải quyết vấn đề: Kỹ năng tổ chức, điều phối, lập kế hoạch, giải quyết mâu thuẫn, huy động nhóm,...

- Nhận xét những mặt được, chưa được, những thay đổi tích cực của nhóm và những kiến thức kỹ năng công tác xã hội sử dụng trong quá trình thực tập công tác xã hội nhóm;

- Những kinh nghiệm sinh viên học tập trong quá trình thực tập với nhóm.

Lưu ý: Tham khảo Sổ tay hướng dẫn thực hành Công tác xã hội nhóm.

7.2.3. Tổ chức và phát triển cộng đồng

- Sinh viên lựa chọn trên địa bàn thực tập một thôn, xóm, ấp đang có những vấn đề xã hội bức xúc để thực hành tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng. Vấn đề của cộng đồng được lựa chọn có thể là vấn đề nghèo đói, thất nghiệp, trẻ em bỏ học, bạo lực gia đình, mê tín dị đoan, bệnh dịch, rác thải, ô nhiễm môi trường,...;

- Khi quyết định chọn địa bàn để thực hành, sinh viên cần tham khảo ý kiến của kiểm huấn viên, cán bộ cơ sở và giảng viên hướng dẫn để chọn được một địa bàn phù hợp cho việc thực tập, chẳng hạn như việc đi lại thuận tiện, có khả năng huy động được nguồn lực và các hỗ trợ khác. Cần quyết định ngay trong tuần đầu tiên để có thể đưa vào bản kế hoạch thực tập trình cơ sở thực tập;

- Tìm hiểu phân tích, đánh giá cộng đồng, xác định các vấn đề của cộng đồng, xây dựng một dự án phát triển cộng đồng và triển khai một dự án nhỏ khả thi trong thời gian thực tập để có thể đánh giá được kết quả;

- Vận dụng các lý thuyết về tổ chức và phát triển cộng đồng trong quá trình can thiệp, trợ giúp cộng đồng từ yếu kém đến thức tỉnh và phát triển;

- Thực hành các kỹ năng của nhân viên xã hội trong phát triển cộng đồng vào một số hoạt động có tính khả thi như kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng họp dân, kỹ năng đánh giá cộng đồng PRA, ABCD,...;

- Đánh giá kết quả thu được trong quá trình thực tập phát triển cộng đồng;

- Những bài học kinh nghiệm rút ra từ đợt thực tập;

- Những kiến nghị, đề xuất.

Lưu ý: Tham khảo đề cương hướng dẫn thực hành phát triển cộng đồng.

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Như Trang, Trần Văn Kham	Giáo trình lý luận về thực hành công tác xã hội	2017	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ	x	

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
					Hùng		
2	Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Thị Thái Lan	Giáo trình công tác xã hội nhóm	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Kim Liên	Giáo trình phát triển cộng đồng	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

9.1. Yêu cầu chung

- Trước khi đi thực tập, sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn thực hành lý thuyết ở trên lớp;
- Căn cứ vào kế hoạch thực tập của Bộ môn và tình hình thực tế tại cơ sở thực tập, từng sinh viên chủ động lập kế hoạch thực tập của cá nhân chi tiết đến từng tuần của từng tháng trong suốt thời gian thực tập; Kế hoạch phải được kiểm huấn viên cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn chấp thuận;
- Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ thực hành theo nội dung, yêu cầu của Nhà trường, đồng thời phải tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của cơ sở thực tập;
- Trong quá trình tập, sinh viên phải chấp hành sự phân công công việc và chịu sự quản lý của cán bộ quản lý, kiểm huấn viên tại cơ sở thực tập như một nhân viên làm việc chính thức; tích cực tham gia các hoạt động chung và chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động thực tập công tác xã hội.
- Thường xuyên trao đổi và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập của cá nhân với giảng viên hướng dẫn và kiểm huấn viên cơ sở.

9.2. Yêu cầu chọn cơ sở thực hành

Sinh viên bắt buộc lựa chọn những cơ quan, đơn vị sau để tiến hành thực tập tốt nghiệp:

- Các Phòng/ban của Sở/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Các cơ sở bảo trợ xã hội, các cơ sở cung cấp dịch vụ Công tác xã hội của nhà nước hoặc tư nhân: Trung tâm Công tác xã hội, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Cơ sở điều trị cai nghiện, Mái ấm, Nhà tình thương.
- Ủy ban nhân dân các cấp;
- Các bệnh viện, trường học;
- Các tổ chức chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, Đoàn Thanh niên các cấp, Hội Chữ thập đỏ, Hội người khuyết tật, ...

9.3. Những công việc của sinh viên tại cơ sở thực tập

- Ghi chép nhật ký các công việc thực hiện hàng ngày khi thực tập;
- Viết tổng quan tìm hiểu về cơ sở thực tập theo nội dung quy định ở mục 7.1;
- Ghi chép tiến trình các cuộc vấn đàm, wawancara, thảo luận nhóm;
- Ghi chép tiến trình làm việc với thân chủ tại cơ sở thực tập;
- Lượng giá thực tập giữa kỳ và cuối kỳ. *Lưu ý: Sinh viên nộp sổ nhật ký thực tập cho kiểm huấn viên 2 ngày trước mỗi lần họp lượng giá.*

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Quá trình thực tập tại cơ sở	Quan sát, thực tập	Rubric	100%	CLO3; CLO4; CLO5	60%	
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Báo cáo thực tập; Nhật ký thực tập	Báo cáo	Rubric	100%	CLO1; CLO2	40%	PI5.4 PI5.5

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 50. Công tác xã hội với người nghèo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với người nghèo
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work for Poverty Alleviation
3	Mã học phần:	SO4478
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☒ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách**2.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học bao gồm những vấn đề chung về nghèo đói như: khái niệm, biểu hiện của nghèo đói, cách xác định chuẩn nghèo, thực trạng, nguyên nhân của nghèo đói, những đặc điểm, các vấn đề của người nghèo, ảnh hưởng của nghèo đói đến gia đình; một số chương trình, chính sách, mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam; vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo, nguyên tắc trong công tác xã hội với người nghèo, các phương pháp và các kỹ năng cần có khi làm việc với đối tượng người nghèo.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Phân tích được nguyên nhân nghèo đói, đặc điểm tâm lý – xã hội của người nghèo, một số chương trình, chính sách, mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam.

4.1.2. Phân tích được vai trò, tiến trình công tác xã hội với người nghèo, nhóm người nghèo và cộng đồng nghèo dựa trên các nguyên tắc cơ bản trong công tác xã hội với người nghèo.

4.1.3. Thiết kế được hoạt động, tiến trình can thiệp, trợ giúp người nghèo.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Vận dụng được kiến thức công tác xã hội để tiếp cận với đối tượng thân chủ là người nghèo.

- 4.2.2. Có khả năng biện hộ bảo vệ quyền lợi cho người nghèo.
- 4.2.3. Hướng dẫn, hỗ trợ người nghèo lập kế hoạch sản xuất phát triển kinh tế gia đình.
- 4.2.4. Có khả năng lập kế hoạch giảm nghèo có sự tham gia của người dân.
- 4.2.4. Có khả năng lựa chọn phương pháp can thiệp phù hợp với thân chủ người nghèo dựa trên kết quả đánh giá thực tế, các giá trị văn hóa xã hội và sự ưu tiên theo hệ thống các mối quan hệ của thân chủ.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- 4.3.1. Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.
- 4.3.2. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- 4.3.3. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.
- 4.3.4. Biết yêu cầu thông tin, lắng nghe tích cực và đối thoại hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế và lượng giá được tiến trình can thiệp công tác xã hội đối với người nghèo.
CLO2:	Triển khai được các hoạt động can thiệp, trợ giúp người nghèo.
CLO3:	Đánh giá được mức độ vấn đề thân chủ trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.
CLO4:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn người nghèo.
CLO5:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội với người nghèo.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.2	PI9.3
CLO1	M	M							
CLO2			M	M					
CLO3	M								
CLO4					M	M	M		
CLO5								R	R
Công tác xã hội với người nghèo	M	M	M	M	M	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
CHƯƠNG 1 – KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VẤN ĐỀ NGHÈO ĐỐI 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.2. Biểu hiện của nghèo đói 1.3. Cách xác định chuẩn nghèo 1.4. Thực trạng về nghèo đói 1.5. Nguyên nhân của nghèo đói 1.6. Đặc điểm của người nghèo 1.7. Các vấn đề cơ bản của người nghèo 1.8. Hậu quả của nghèo đói	6	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Người nghèo: Họ là ai? Họ ở đâu? Họ nghèo như thế nào? Tại sao họ nghèo? 2. Khi nói đến người nghèo anh/chị nghĩ gì và muốn làm gì? 3. Hãy nêu những biểu hiện của nghèo đói (dinh dưỡng, môi trường sống, bình đẳng xã hội, môi trường pháp lý và vốn xã hội), liên hệ với địa phương anh/chị? 4. Giải thích sự khác biệt về chuẩn nghèo giữa thành	#HĐ1.1	CLO1; CLO3

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			thị và nông thôn, giữa các thời kỳ khác nhau? 5. Phân tích những thách thức trong xóa đói giảm nghèo hiện nay ở Việt Nam? Liên hệ thực tiễn tại địa phương? 6. Hãy phân tích những nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn tới nghèo đói? 7. Tại sao văn hóa nghèo lại là nguyên nhân dẫn đến nghèo đói? 8. Hãy nêu một trường hợp cụ thể về người nghèo mà anh chị biết? Phân tích những đặc điểm tâm lý của họ? 9. Người nghèo có những nhu cầu cơ bản nào? Mức độ đáp ứng các nhu cầu đó? 10. Lấy một ví dụ cụ thể về người nghèo hoặc hộ nghèo, phân tích những vấn đề mà họ đang gặp phải? 11. Thảo luận: Nghèo đói có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của phụ nữ và trẻ em trong gia đình?		
CHƯƠNG 2 – MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH VÀ MÔ HÌNH GIẢI NGHÈO CỦA VIỆT NAM 2.1. Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo điển hình 2.1.1. Chính sách trợ cấp xã hội 2.1.2. Chính sách hỗ trợ về y tế 2.1.3. Chính sách hỗ trợ giáo dục 2.1.4. Chính sách hỗ trợ học nghề 2.1.5. Chính sách tín dụng ưu đãi 2.1.6. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt,	6	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Hãy phân tích những thành tựu và hạn chế, bất cập của các nhóm chính sách sau: - Chính sách tín dụng cho hộ nghèo; - Chính sách hỗ trợ sản xuất và khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa đối với người nghèo; - Nhóm chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội. 2. Lấy ví dụ về một mô hình hỗ trợ người nghèo:	#HD1.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường 2.1.7. Chính sách hỗ trợ người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, lâm ngư và hỗ trợ sản xuất phát triển ngành nghề 2.1.8. Chính sách đối với 62 huyện nghèo 2.1.9. Dịch vụ xã hội 2.2. Một số mô hình giảm nghèo trên Thế giới 2.2.1. Các mô hình giảm nghèo tại Mỹ 2.2.2 Mô hình giảm nghèo tại Ấn độ 2.2.3. Mô hình giảm nghèo tại Hong Kong 2.2.4. Mô hình giảm nghèo tại Brazil và Mexico 2.2.5. Mô hình giảm nghèo tại Trung Quốc 2.3. Một số mô hình giảm nghèo ở Việt Nam			mô tả cách thức hoạt động, phân tích tính hiệu quả, tính bền vững của mô hình?		
CHƯƠNG 3 - CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG TRỢ GIÚP NGƯỜI NGHÈO 3.1. Khái niệm CTXH với người nghèo 3.2. Vai trò của nhân viên xã hội 3.3. Các nguyên tắc cơ bản trong công tác xã hội với người nghèo 3.4. Các phương pháp tiếp cận trong công tác xã hội với người nghèo 3.5. Công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo 3.5.1. Công tác xã hội với người nghèo và gia đình nghèo 3.5.2. Công tác xã hội với nhóm người nghèo 3.5.3. Công tác xã hội với cộng đồng nghèo	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm, thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Phân tích vai trò của nhân viên xã hội trong các tình huống cụ thể mà GV đưa ra. 2. Đề trợ giúp người nghèo hiệu quả, nhân viên công tác xã hội cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nào? Lấy ví dụ minh họa cho từng nguyên tắc? 3. Khi làm việc với người nghèo và gia đình nghèo trong các hoàn cảnh sau, NVXH cần lưu ý điều gì? - Người và gia đình nghèo đơn thân; - Người và gia đình nghèo đơn thân mà chủ hộ là phụ nữ nuôi con nhỏ; - Người và gia đình nghèo có người khuyết tật;	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
			- Người và gia đình nghèo có thành viên mắc tệ nạn xã hội; - Người và gia đình nghèo có thành viên nhiễm H. 4. Nếu anh/chị có nhiệm vụ hỗ trợ một gia đình nghèo ở cộng đồng. Anh chị sẽ thiết kế các hoạt động nào theo tiến trình công tác xã hội để giúp họ? 5. Hãy nêu sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tế trong công tác xã hội với người nghèo? Cho ví dụ minh họa sự khác biệt đó.		
CHƯƠNG 4 – MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG VÀ KỸ NĂNG TRỢ GIÚP TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHÈO 4.1. Kỹ năng lập kế hoạch sản xuất phát triển kinh tế gia đình 4.2. Kỹ năng lập kế hoạch giảm nghèo có sự tham gia của người dân 4.3. Kỹ năng trợ giúp người nghèo tiếp cận thông tin, nguồn lực, chương trình chính sách và dịch vụ xã hội 4.4. Giáo dục thay đổi nhận thức 4.5. Phát huy nội lực cộng đồng	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1], [2], [3], [4], thực hiện các yêu cầu sau: 1. Hãy phân tích tiến trình hỗ trợ trong kỹ năng lập kế hoạch sản xuất phát triển kinh tế gia đình? Cho ví dụ minh họa? 2. Các nguyên tắc chung của các chương trình/dự án phát triển kinh tế xã hội vùng đặc biệt khó khăn có ảnh hưởng như thế nào đến tiến trình công tác xã hội với người nghèo, hộ nghèo? 3. Lập kế hoạch giảm nghèo có sự tham gia của người dân được tiến hành như thế nào? Lấy ví dụ minh họa?	#HD1.2 #HD2.1	CLO4
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ LĐ-TB và XH, UNICEF	Công tác xã hội với người nghèo	2016	Hà Nội	https://www.unicef.org/vietnam/media/1481/file/Training%20resources%20on%20social%20work.pdf	x	

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
2	Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai	Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình	2014	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Thị Thái Lan	Giáo trình công tác xã hội nhóm	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Kim Liên	Giáo trình phát triển cộng đồng	2008	LĐ-XH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
 - Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
 - Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
 - Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
 - Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
 - Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 51. Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with Autistic Children
3	Mã học phần:	SO4123
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☒ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Ngọc Thắng
- Email: dinhngocthang2010@gmail.com
- Điện thoại: 0909196802

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Dương Văn Khánh
- Email: dvkhanh@dtu.edu.vn
- Điện thoại: 0936780877

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trẻ tự kỷ (TK); các phương pháp đo lường, chẩn đoán TK, vai trò của nhân viên công tác xã hội với trẻ bị TK; quy trình và các biện pháp tương tác (can thiệp và trị liệu) với trẻ bị TK. Từ đó, hình thành cho sinh viên hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp tương ứng nhằm chuyển hóa thành các mức độ năng lực nghề nghiệp cụ thể để làm việc với trẻ bị TK.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Sinh viên phân tích được nội dung các kiến thức về TK (khái quát về TK; phân loại TK; biểu hiện và triệu chứng của TK; TK ở Việt Nam; nguyên nhân của TK)
- 4.1.2. Sinh viên phân tích được cấu trúc hệ thống các phương pháp đo lường – chẩn đoán TK (các phương hướng tiếp cận TK; các phương pháp đo lường – chẩn đoán TK).
- 4.1.3. Sinh viên đánh giá được tầm quan trọng của nhân viên Công tác xã hội với trẻ em bị TK.
- 4.1.4. Sinh viên phân tích được các kiến thức cơ bản về: Các nguyên tắc làm việc với trẻ em bị TK; quy trình làm việc với trẻ em bị TK và hệ thống các bài tập can thiệp trẻ em bị rối loạn phổ TK.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Sinh viên chuẩn xác việc phân tích – tổng hợp các kiến thức liên quan đến hiện tượng TK.
- 4.2.2. Sinh viên chuẩn xác việc mức độ và nguy cơ TK diễn ra ở Việt Nam.
- 4.2.3. Sinh viên chuẩn xác trong việc phân biệt các loại TK và xác định được những dấu hiệu của trẻ bị rối loạn TK.
- 4.2.4. Sinh viên chuẩn xác trong việc xác định được các nguyên nhân chủ yếu gây ra TK.
- 4.2.5. Sinh viên chuẩn xác việc đo lường – chẩn đoán các mức độ khác nhau về TK.
- 4.2.6. Sinh viên chuẩn xác việc tham vấn cho cha – mẹ trẻ em bị TK
- 4.2.7. Sinh viên chuẩn xác trong việc áp dụng các nguyên tắc làm việc với trẻ TK trong thực tiễn.
- 4.2.8. Sinh viên chuẩn xác trong việc thiết kế và xây dựng được quy trình làm việc với một ca TK
- 4.2.9. Sinh viên chuẩn xác trong việc sử dụng và tiến hành được các bài tập can thiệp ở trẻ em bị TK.
- 4.2.10. Sinh viên hồi đáp thái độ khoa học, sự nhiệt tình, tích cực, say mê khi học tập, thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ mà giảng viên đề xuất về phổ rối loạn TK và trẻ em bị rối loạn phổ TK.
- 4.2.11. Sinh viên đánh giá được vai trò của nhân viên Công tác xã hội và các lực lượng khác có liên quan với trẻ em bị TK.
- 4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*
- 4.3.1. Có khả năng ra quyết định dựa trên giá trị, nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.
- 4.3.2. Tự giác tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- 4.3.3. Thực hiện làm việc, hợp tác trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành.
- 4.3.4. Biết yêu cầu thông tin, lắng nghe tích cực và đối thoại hiệu quả.
- 5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)**

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích được nội dung: các kiến thức về TK; cấu trúc hệ thống các phương pháp đo lường – chẩn đoán TK; các kiến thức cơ bản về: Các nguyên tắc làm việc với trẻ em bị TK; quy trình làm việc với trẻ em bị TK và hệ thống các bài tập can thiệp trẻ bị TK; đánh giá được tầm quan trọng của nhân viên Công tác xã hội với trẻ em bị TK.
CLO2:	Chuẩn xác trong việc phân biệt các loại TK, xác định được những dấu hiệu của trẻ bị TK và các nguyên nhân chủ yếu gây ra TK. Chuẩn xác việc đo lường – chẩn đoán các mức độ khác nhau về TK.
CLO3:	Chuẩn xác trong việc: tham vấn cho cha – mẹ trẻ em bị TK; áp dụng các nguyên tắc làm việc với trẻ em bị TK trong thực tiễn; thiết kế và xây dựng được quy trình làm việc với một ca TK.
CLO4:	Tổ chức tập huấn, tư vấn, tham vấn cho các đối tượng, lực lượng trong cộng đồng - xã hội về vấn đề TK, rối loạn phổ TK, trẻ em bị TK, các biện pháp trị liệu, cải thiện chức năng cho trẻ em bị TK.
CLO5:	Tích hợp được các triết lý, quy điều đạo đức, các lý thuyết tiếp cận vào quá trình nghiên cứu và thực hành công tác xã hội với trẻ em bị TK.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI							
	PLO5				PLO6			PLO9
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.2
CLO1	M	M						
CLO2			M	M				
CLO3	M							
CLO4					M	M	M	
CLO5								R
Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ	M	M	M	M	M	M	M	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. NHỮNG HIỂU BIẾT VỀ TK 1.1. Khái quát về TK 1.2. Phân loại TK 1.3. Biểu hiện và triệu chứng của TK 1.4. Tự kỷ ở Việt Nam 1.5. Nguyên nhân của TK	10	- Thuyết trình; - Đàm thoại gợi mở; - Thuyết trình nêu vấn đề; - Trực quan. - Tự học.	SV cần nghiên cứu những tài liệu sau: [1, Chương 1]; [2, Chương 1]; [3, trang: 19-52], [4, trang: 13-28], [5], [7, trang: 100-108].	#HD1 #HD3	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 2. PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN TRẺ EM BỊ TK 2.1. Các phương hướng tiếp cận tự kỷ 2.2. Các phương pháp đo lường – chẩn đoán tự kỷ 2.2.1. Chẩn đoán theo phân loại quốc tế 2.2.2. Chẩn đoán và thang đánh giá sự phát triển 2.2.3. Chẩn đoán sớm	7	- Đàm thoại gợi mở; - Thuyết trình nêu vấn đề; - Làm việc nhóm; - Trực quan. - Tự học.	Sinh viên nghiên cứu các tài liệu sau: [1, Chương 2]; [2, Chương 2]; [3, trang: 29-64], [6, trang: 24-44].	#HD1 #HD3	CLO1; CLO2
Chương 3. VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM BỊ TK 3.1. Đối với cộng đồng – xã hội 3.2. Đối với cha – mẹ trẻ em bị TK 3.3. Đối với trẻ em TK	5	- Đàm thoại gợi mở; - Thuyết trình nêu vấn đề; - Làm việc nhóm; - Trực quan. - Tự học.	Sinh viên nghiên cứu các tài liệu sau: [1, Chương 3]; [2, Chương 3]; [3, trang: 23-77], [4, trang: 118-253], [5].	#HD2	CLO1; CLO3; CLO4; CLO5
Chương 4. QUY TRÌNH LÀM VIỆC VỚI TRẺ EM TỰ KỶ 4.1. Các nguyên tắc làm việc với trẻ em bị TK 4.2. Quy trình làm việc với trẻ em bị TK 4.3. Hệ thống các chương trình – phương pháp can thiệp trẻ em bị TK	8	- Đàm thoại gợi mở; - Thuyết trình nêu vấn đề; - Làm việc nhóm; - Trực quan. - Tự học.	Sinh viên cần nghiên cứu các tài liệu: [1, Chương 4]; [2, Chương 4]; [3, trang: 87-293], [4, trang: 80-200], [6].	#HD1 #HD3	CLO1; CLO3; CLO4; CLO5
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đinh Ngọc Thắng, Dương Văn Khánh	Bài giảng Công tác xã hội với trẻ tự kỷ	2022	ĐHĐT	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Đinh Ngọc Thắng, Dương Văn Khánh, Trần Văn Luận, Nguyễn Thị Xuân Đài	Công tác xã hội với trẻ tự kỷ	2023	ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Kate C. Wilde	Hỗ trợ trẻ tự kỷ (Giúp trẻ vượt qua các khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày)	2019	Lao động	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Vũ Thị Bích Hạnh	Đối mặt với tự kỷ - Cùng nhau vượt qua	2019	Phụ nữ	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Ellen Notbohm	10 điều trẻ tự kỷ mong muốn bạn biết	2018	Phụ nữ	TTHL Lê Vũ Hùng		x
6	Merle J. Crawford – Barbara Weber	Can thiệp trẻ tự kỷ hàng ngày – Kết hợp giáo dục trong những hoạt động hàng ngày cho trẻ và gia đình	2022	Phụ nữ	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
7	Nhóm Ezpsychology & Beatyful Mind Viet Nam	Tâm lý học trong nháy mắt – Tâm lý học dị thường (Tập 4)	2018	Thanh niên	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Chuyên cần	Quan sát	Rubric	30%	CLO1; CLO2; CLO3	40%	
	HĐ1.2. Bài tập cá nhân	Bài tập	Rubric	30%	CLO1; CLO2; CLO3		
	HĐ1.3. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	40%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5		
HĐ2. Đánh giá giữa kỳ	HĐ2.1. Kiểm tra	Tự luận	Rubric	100%	CLO3		
HĐ3. Đánh giá cuối kỳ	HĐ3.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Học phần 52. Công tác xã hội với cộng đồng LGBT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA VĂN HOÁ - DU LỊCH VÀ CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

STT	TÊN	NỘI DUNG
1	Tên học phần (tiếng Việt):	Công tác xã hội với cộng đồng LGBT
2	Tên học phần (tiếng Anh):	Social Work with the LGBT Community
3	Mã học phần:	SO4124
4	Số tín chỉ:	2
5	Phân bổ thời gian:	
	- Lý thuyết:	30
	- Thực hành:	0
	- Tự học:	60
6	Bộ môn quản lý:	Công tác xã hội
7	Điều kiện tham gia học phần:	
	- Học phần tiên quyết:	Không
	- Học phần học trước:	Không
	- Học phần song hành:	Không
8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
9	Trình độ:	Đại học
10	Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở nhóm ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức thực tập nghề nghiệp ☒ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế

2. Giảng viên phụ trách

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Hưng
- Email: ntbhung@dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0989216484

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Kim Ngọc
- Email: tkngoc@dthu.edu.vn
- Số điện thoại: 0983605208

3. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với người LGBT và tiến trình làm việc với người LGBT. Môn học có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lý thuyết được xây dựng trên nền tảng cơ sở kiến thức của các môn học có liên quan như tâm lý học đại cương, xã hội học đại cương,... Kết hợp với những đúc kết kinh nghiệm thông qua các tổ chức xã hội nghiên cứu về người LGBT.

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

4.1.1. Làm rõ được khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nhiệm vụ của công tác xã hội với người LGBT cũng như lịch sử phát triển công tác xã hội với người LGBT trên thế giới và ở Việt Nam.

4.1.2. Nhận biết được những biểu hiện hiệu nhằm phổ biến về cộng đồng LGBT.

4.1.3. Khái quát hoá được phong trào LGBT trên thế giới và ở Việt Nam.

4.1.4. Phân tích được đặc điểm tâm sinh lý của người LGBT.

4.1.5. Phân tích nguyên tắc và tiến trình khi làm việc với người LGBT.

4.1.6. Nhận biết được các vấn đề lâm sàng của thân chủ là đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính hoặc chuyển giới.

- 4.1.7. Thực hành được một số kỹ năng công tác xã hội cơ bản trong quá trình làm việc với thân chủ LGBT.
 4.1.8. Chỉ ra được quá trình tự xác định xu hướng tính dục, bản dạng giới và thể hiện giới.
 4.1.9. Khái quát được những vấn đề phân biệt đối xử của cộng đồng, gia đình và học đường đối với người LGBT.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

- 4.2.1. Đề xuất một kế hoạch can thiệp mang tính khoa học và chuyên nghiệp nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của thân chủ LGBT.
 4.2.2. Khám phá và kết nối các nguồn lực (tài lực, vật lực và nhân lực) để góp phần can thiệp, giải quyết vấn đề của người LGBT.
 4.2.3. Đánh giá được vấn đề của đối tượng can thiệp trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.
 4.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*
 4.3.1. Ý thức được vị trí và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ cộng đồng LGBT.
 4.3.2. Thấu cảm với những khó khăn cộng đồng LGBT.
 4.3.3. Nhìn nhận khách quan các vấn đề liên quan đến cộng đồng LGBT.
 4.3.4. Thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.
 4.3.5. Tuân thủ nội quy của lớp học, có ý thức trong việc học và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến người LGBT.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Thiết kế được các phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn trong tiến trình giải quyết vấn đề của cộng đồng LGBT.
CLO2:	Triển khai và lượng giá được các hoạt động can thiệp, trợ giúp cộng đồng LGBT.
CLO3:	Đánh giá được mức độ vấn đề thân chủ trong hệ thống liên kết giữa thân chủ và môi trường xã hội.
CLO4:	Thực hành được các kỹ năng và phương pháp công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, quản lý trường hợp, tham vấn cộng đồng LGBT.
CLO5:	Thấu cảm với những khó khăn cộng đồng LGBT.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI								
	PLO5				PLO6			PLO9	
	PI5.2	PI5.3	PI5.4	PI5.5	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.2	PI9.3
CLO1	M	M							
CLO2			M	M					
CLO3	M								
CLO4					M	M	M		
CLO5								R	R
Công tác xã hội với cộng đồng LGBT	M	M	M	M	M	M	M	R	R

7. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NGƯỜI LGBT 1.1. Khái niệm đồng tính 1.2. Những hiểu nhầm phổ biến về người đồng tính. 1.3. Phong trào quyền LGBT trên thế giới và Việt Nam	8	- GV giới thiệu ĐCCTHP và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV thuyết giảng. - GV định hướng các chủ đề nghiên cứu cho SV.	SV nghiên cứu và đọc tài liệu số 1.	#HD1.1	CLO1; CLO3
Chương 2. ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI LGBT 2.1. Đặc điểm tâm lý 2.1.1. Đồng tính không phải là bệnh rối loạn hay tâm thần 2.1.2. Tâm lý người đồng tính phức tạp và nhạy cảm	4	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và thuyết trình.	SV nghiên cứu và đọc tài liệu số 1.	#HD1.1	CLO1

Chương	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy - học	Sinh viên chuẩn bị		
2.1.3. Tâm lý luôn ảnh hưởng bởi xã hội và gia đình 2.1.4. Che giấu bản thân 2.1.5. Sự khủng hoảng tâm lý của người LGBT 2.1.6. Nhận thức của người LGBT 2.2. Đặc điểm sinh lý 2.2.1. Sức khỏe thể chất 2.2.2. Sức khỏe tình dục					
Chương 3. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI LGBT 3.1. Nguyên tắc làm việc với thân chủ LGBT 3.2. Các tiếp cận khi làm việc với người LGBT 3.3. Một số kỹ năng công tác xã hội cần thiết khi làm việc với người LGBT. 3.4. Làm việc với người LGBT nghiện chất 3.5. Các vấn đề lâm sàng với đồng tính nữ 3.6. Các vấn đề lâm sàng với đồng tính nam 3.7. Các vấn đề lâm sàng với thân chủ song tính 3.8. Các vấn đề trẻ em LGBT đường phố	8	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thảo luận nhóm và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3];	#HD1.2 #HD2.1	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4
Chương 4. MỘT SỐ CHỦ ĐỀ TRONG CTXH VỚI NGƯỜI LGBT 4.1. Quá trình tự xác định xu hướng tính dục, bản dạng giới và thể hiện giới 4.2. Làm việc với gia đình của người LGBT 4.3. Vấn đề phân biệt đối xử của cộng đồng, gia đình và học đường đối với người LGBT 4.4. Một số chủ đề khác	10	- GV thuyết giảng. - GV đặt vấn đề/tình huống tương tác với sinh viên. - SV thực hành và báo cáo.	SV nghiên cứu và đọc [1]; [2]; [3];	#HD1.1	CLO5
Tổng	30				

8. Tài liệu học tập

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Huỳnh Văn Chấn	Giáo trình CTXH với người LGBT	2018	ĐHQG TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trương Hồng Quang	Tìm hiểu quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính ở Việt Nam	2017	Chính trị Quốc gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x

Stt	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
3	Trương Hồng Quang	Người đồng tính, song tính, chuyển giới tại Việt Nam và vấn đề đổi mới hệ thống pháp luật	2014	Chính trị Quốc gia	TTHL Lê Vũ Hùng		x

- 9. Quy định đối với sinh viên**
- Tham dự đầy đủ ít nhất 80% giờ lên lớp;
 - Tham gia làm việc nhóm và báo cáo kết quả làm việc nhóm.
 - Chuẩn bị các dụng cụ học tập phù hợp ở các chương.
 - Không được nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.
 - Trang phục đến lớp lịch sự, nghiêm túc, đúng quy định.
 - Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nhiệm vụ được đưa ra cụ thể ở mục 7.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Báo cáo nhóm	Thuyết trình	Rubric	50%	CLO4; CLO5	40%	
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	Rubric	50%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Thi cuối kỳ	Tự luận	Rubric	100%	CLO1; CLO2	60%	

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PHẦN VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Đồng Tháp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, cụ thể:
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
 - Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng Giáo dục Mầm non.
 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần trình độ đại học của Trường Đại học Đồng Tháp.
 - Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.
 - Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo được đăng tải trên website của Trường.
 - Sinh viên được cung cấp chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo ngay từ đầu khóa học để nghiên cứu đăng ký các học phần theo từng học kỳ, đồng thời có kế hoạch học tập và rèn luyện để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
 - Cố vấn học tập, giảng viên tham gia giảng dạy cần hiểu rõ chuẩn đầu ra và chương trình khung để giảng dạy và tư vấn cho sinh viên lựa chọn đăng ký học phần theo từng học kỳ.
 - Học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Ngoại ngữ được cấp chứng chỉ riêng.

PHẦN VII. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cập nhật chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trường khoa quản lý CTĐT tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Đồng Tháp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi CTĐT được thẩm định.

7.2. Đánh giá chương trình đào tạo

Ít nhất 5 năm một lần, Trường đơn vị chuyên môn quản lý CTĐT tổ chức đánh giá và cải tiến CTĐT theo quy định của Trường Đại học Đồng Tháp, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật có liên quan.

Hiệu trưởng quyết định ban hành CTĐT cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá, thẩm định./.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục 1. BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

- Các trường đại học được đối sánh:
- Trường Đại học Mở TP. HCM: <https://ou.edu.vn/>
 - Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng: <https://ued.udn.vn/>
 - Trường Đại học Pittsburgh, USA: <https://www.pitt.edu/>

STT	Nội dung	Trường Đại học Đồng Tháp	Trường Đại học Mở TP. HCM	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	University of Pittsburgh (USA)
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm
2	Tổng số tín chỉ	134	124	161	120
3	Kiến thức giáo dục đại cương	34	41	21	35
4	Kiến thức cơ sở ngành	35	27	42	25
5	Kiến thức chuyên ngành	37	46	80	42
6	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	28	10	18	18
7	Tỷ lệ lý thuyết/thực hành	55.5/44.5	72.6/27.4	60.9/39.1	70/30

Nhận xét: Đối sánh chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Đồng Tháp với chương trình tương ứng của Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng và Trường Đại học Pittsburgh (USA) cho thấy tổng số tín chỉ và thời gian đào tạo của ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Đồng Tháp khá tương đồng với các trường trong và nước, các khối kiến thức cũng có sự chênh lệch nhưng không đáng kể ngoại trừ chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng. Chương trình đào tạo thiết kế 134 tín chỉ (chưa tính 10 tín chỉ ngoại ngữ), chỉ ít hơn so với 01 chương trình đào tạo được đối sánh trong nước nhưng nhiều hơn 10 tín chỉ đối với chương trình đào tạo của Trường Đại học Mở TP. HCM và 14 tín chỉ so với chương trình đào tạo được đối sánh với trường đại học của Mỹ, phù hợp với xu hướng đào tạo chung của quốc tế và Việt Nam. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, thực tập tốt nghiệp và khóa luận/môn thay thế chiếm 74.6% so với toàn bộ chương trình, đây là tỷ lệ khá cao so với chương trình đào tạo của các trường đại học trong và ngoài nước (Trường Đại học Mở TP. HCM là 66.9%, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng chiếm 86.9% và Trường Đại học Pittsburgh là 70.8%). Điều này thể hiện chương trình đào tạo Cử nhân Công tác xã hội đặt trọng tâm vào kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp được thể hiện thông qua số lượng tín chỉ nhiều nhất so với chương trình đào tạo đối sánh của 03 trường khác. Mặt khác, cũng cho thấy chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Đồng Tháp được thiết kế phù hợp với chiến lược phát triển theo định hướng ứng dụng của trường, đặc trưng nghề nghiệp của ngành công tác xã hội và nhu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Kết luận: Ngành Công tác xã hội tại Trường Đại học Đồng Tháp có cấu trúc Chương trình đào tạo khá trú trọng kiến thực thực hành và thực tế nghề nghiệp so với các trường trong và ngoài nước cùng đào tạo ngành Công tác xã hội được đối sánh.

Bảng đối sánh các nhóm học phần trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Đồng Tháp với chương trình đào tạo của các trường đại học: Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng và Trường Đại học Pittsburgh (USA).

STT	Học phần	Trường đối sánh		
	Trường Đại học Đồng Tháp	Trường Đại học Mở TP. HCM	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	University of Pittsburgh (USA)
	A. Kiến thức giáo dục đại cương			
	I. Giáo dục quốc phòng			
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	x	x	
2	Công tác quốc phòng, an ninh*	x	x	
3	Quân sự chung*	x	x	
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	x	x	
	II. Giáo dục thể chất			
	1. Học phần thể chất bắt buộc			
1	Giáo dục thể chất 1*	x	x	
2	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	x	x	
3	Giáo dục thể chất tự chọn*	x	x	
	III. Đại cương chung			
	1. Đại cương chung bắt buộc			

STT	Học phần	Trường đối sánh		
	Trường Đại học Đồng Tháp	Trường Đại học Mở TP. HCM	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	University of Pittsburgh (USA)
1	Nhập môn ngành công tác xã hội	x	x	x
2	Triết học Mác - Lênin	x	x	
3	Pháp luật Việt Nam đại cương	x	x	
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x	
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	
2. Đại cương chung tự chọn				
1	Tâm lý học đại cương	x	x	x
2	Xã hội học đại cương	x		x
3	Nhập môn khoa học giao tiếp		x	
4	Tiếng Việt thực hành			
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x	
6	Lôgic học đại cương			
7	Lịch sử văn minh Thế giới			
8	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam			
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
I. Khối kiến thức cơ sở ngành				
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc				
1	Công tác xã hội đại cương	x	x	x
2	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	x	x	x
3	Tâm lý học phát triển	x	x	x
4	Chính sách xã hội	x	x	x
5	Các lý thuyết trong công tác xã hội	x	x	
6	Hành vi con người và môi trường xã hội	x	x	x
7	Đạo đức nghề công tác xã hội			
8	Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	x	x	
9	Gia đình học	x	x	
10	Khởi nghiệp	x	x	
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn				
1	Trợ giúp xã hội			
2	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính			
3	Thống kê xã hội	x	x	
4	Tâm lý học xã hội		x	x
5	Sức khỏe cộng đồng	x	x	
6	Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	x		
7	Giới và phát triển	x	x	
8	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản		x	
9	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng		x	
II. Khối kiến thức Chuyên ngành				
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc				
1	Tham vấn trong công tác xã hội	x	x	
2	Phát triển cộng đồng	x	x	x
3	Công tác xã hội với cá nhân	x	x	x
4	Công tác xã hội với nhóm	x	x	x
5	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	x	x	
6	Công tác xã hội trong bệnh viện	x	x	
7	Quản trị trong công tác xã hội	x	x	
8	Công tác xã hội với người cao tuổi	x	x	

STT	Học phần	Trường đối sánh		
	Trường Đại học Đồng Tháp	Trường Đại học Mở TP. HCM	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	University of Pittsburgh (USA)
9	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	x	x	
	2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			
1	Truyền thông trong thực hành công tác xã hội		x	
2	Vận động nguồn lực trong công tác xã hội			
3	Quản lý trường hợp trong công tác xã hội			
4	Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực			
5	Quản lý dự án	x	x	
6	Công tác xã hội với người khuyết tật	x	x	
7	Công tác xã hội với người nghiện ma túy		x	
8	Công tác xã hội trong trường học	x	x	
9	Thực hành công tác xã hội trong trường học			
10	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS		x	
11	Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần			
12	Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện			
	III. Thực hành, thực tập nghề nghiệp			
1	Thực tế chuyên môn		x	
2	Thực hành phát triển cộng đồng	x	x	x
3	Thực tập cơ sở	x	x	x
4	Thực hành công tác xã hội với nhóm	x	x	x
5	Thực tập tốt nghiệp	x	x	
	VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			
	1. Khoa luận tốt nghiệp			
1	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	
	2. Học phần thay thế khóa luận			
1	Công tác xã hội với người nghèo		x	
2	Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ			
3	Công tác xã hội với cộng đồng LGBT			

Nhận xét: Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Đồng Tháp với chương trình tương ứng của Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng có nhiều nét tương đồng nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt, thể hiện thế mạnh và ưu tiên trong sứ mạng, tầm nhìn của từng trường. Đối với các học phần giáo dục đại cương thì đây là chuẩn chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên các trường trong nước thì giống nhau về kiến thức đại cương về chính trị, quốc phòng và giáo dục thể chất. Đối với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm các học phần cơ sở ngành và một số học phần chuyên ngành thì có sự giống nhau giữa các trường đối với những học phần cốt lõi của chuyên ngành công tác xã hội. Đặc thù phát triển công tác xã hội ở Việt Nam, các trường đại học đều thiết kế chương trình theo hướng tổng quát, chưa có chuyên ngành hẹp cụ thể nhưng tùy theo thế mạnh, bối cảnh cộng đồng thì sẽ có những học phần chuyên ngành theo hướng can thiệp cụ thể cho đối tượng yếu thế nhất định. Do đó, chương trình đào tạo của Trường Đại học Đồng Tháp và Trường Đại học Mở TP. HCM có điểm tương đồng theo hướng can thiệp công tác xã hội với trẻ em. Theo xu thế phát triển của xã hội, trong thời gian tới, cần phát triển chương trình theo hướng phân hoá thành các chuyên ngành hẹp hơn để đáp ứng tốt nhu cầu của người học và sự đa dạng của vị trí việc làm của ngành.

Kết luận: Có sự tương đồng và mức độ giao thoa, trùng lặp giữa các học phần trong khung chương trình đào tạo của các trường.

Phụ lục 2. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Công tác xã hội, trình độ đại học, mã số 7760101.

1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, chức danh/học hàm	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	TS. Phạm Thế Hưng	Các lý thuyết trong công tác xã hội	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
2	ThS. Dương Văn Khánh	Nhập môn ngành Công tác xã hội	Học kỳ 1, năm thứ 1	2				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
		Công tác xã hội đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	2				
		Đạo đức nghề công tác xã hội	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				
		Thực tế chuyên môn	Học kỳ 2, năm thứ 2	2				
		Công tác xã hội với nhóm	Học kỳ 1, năm thứ 3	3				
		Thực tập cơ sở	Học kỳ 2, năm thứ 3	6				
		Thực hành công tác xã hội với nhóm	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				
		Thực tập tốt nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 4	8				
3	ThS. Đỗ Thị Thảo	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	Học kỳ 1, năm thứ 1	2				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
		Trợ giúp xã hội	Học kỳ 2, năm thứ 1			2		
		Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	Học kỳ 2, năm thứ 1			2		

		Vận động nguồn lực trong công tác xã hội	Học kỳ 2, năm thứ 2			2		
		Công tác xã hội trong bệnh viện	Học kỳ 2, năm thứ 3	3				
		Quản trị trong công tác xã hội	Học kỳ 2, năm thứ 3	3				
		Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				
4	ThS. Nguyễn Thị Bích Hưng	Tham vấn trong công tác xã hội	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
		Truyền thông trong thực hành công tác xã hội	Học kỳ 1, năm thứ 2			2		
		Phát triển cộng đồng	Học kỳ 2, năm thứ 2	3				
		Công tác xã hội với cá nhân	Học kỳ 1, năm thứ 3	3				
		Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Học kỳ 1, năm thứ 3	3				
		Thực hành phát triển cộng đồng	Học kỳ 1, năm thứ 3	3				
		Công tác xã hội với cộng đồng LGBT	Học kỳ 2, năm thứ 4	2				
5	ThS. Trần Kim Ngọc	Xã hội học đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
		Chính sách xã hội	Học kỳ 2, năm thứ 1	3				
		Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	Học kỳ 2, năm thứ 2	3				
		Gia đình học	Học kỳ 1, năm thứ 3	3				
		Giới và phát triển	Học kỳ 1, năm thứ 3			2		
		Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	Học kỳ 1,			2		

			năm thứ 3					
6	TS. Nguyễn Văn Lượm	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng	Học kỳ 1, năm thứ 3			2		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
7	ThS. Đinh Ngọc Thắng	Tâm lý học đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
		Nhập môn khoa học giao tiếp	Học kỳ 1, năm thứ 1			2		
		Hành vi con người và môi trường xã hội	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				
		Tâm lý học xã hội	Học kỳ 1, năm thứ 2			2		
		Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ	Học kỳ 2, năm thứ 4	2				
8	ThS. Trần Văn Luận	Công tác xã hội với người cao tuổi	Học kỳ 1, năm thứ 4	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản lý dự án	Học kỳ 2, năm thứ 3			3		
9	ThS. Nguyễn Thanh Tùng	Khởi nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 4	3				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
10	ThS. Phan Hồng Khanh	Thống kê xã hội	Học kỳ 2, năm thứ 1			2		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
11	ThS. Nguyễn Văn Cảnh	Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	Học kỳ 2, năm thứ 2			2		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy
12	ThS. Mai Thị Kim Thoa	Sức khỏe cộng đồng	Học kỳ 2, năm thứ 2			2		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì giảng dạy

2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên thỉnh giảng
				Bắt buộc	Tự chọn	

				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	ThS. Nguyễn Văn Châu	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	Học kỳ 2, năm thứ 3			2		x
2	ThS. Lại Thị Mỹ Dung	Công tác xã hội với người nghèo	Học kỳ 2, năm thứ 4	2				x
3	ThS. Lê Thị Hồng Hạnh	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	Học kỳ 1, năm thứ 4			2		x
4	ThS. Nguyễn Chí Gót	Công tác xã hội với người khuyết tật	Học kỳ 2, năm thứ 3			2		x
5	ThS. Đinh Thị Minh Hiếu	Tâm lý học phát triển	Học kỳ 2, năm thứ 1	2				x

Phụ lục 3. CÁC RUBRIC (R) ĐÁNH GIÁ

Các phương pháp đánh giá khác nhau được xây dựng dưới dạng các Rubric (R) đánh giá dựa vào thang đánh giá Bloom và PLO (từ Bảng 1 đến Bảng 15). Tùy theo đặc điểm cụ thể của mỗi chương trình đào tạo, có thể điều chỉnh lại cho phù hợp.

Bảng 1. Thang đánh giá năng lực thực hành/thí nghiệm (R1)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Năng lực thực hiện các kĩ thuật PTN	1.1. Thực hiện nội quy, quy định của PTN	Phân tích được nội quy và quy định nhưng chưa thực hiện đúng nội quy, quy định của PTN	Thực hiện được một số nội quy, quy định của PTN khi có sự nhắc nhở của GV	Thực hiện đầy đủ các nội quy, quy định của PTN khi có sự nhắc nhở của GV	Tự giác thực hiện đầy đủ các nội quy, quy định của PTN
	1.2. Sử dụng các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm	Lựa chọn các thiết bị, dụng cụ không phù hợp với thí nghiệm	Lựa chọn đúng các dụng cụ, thiết bị nhưng lắp ráp chưa hoàn chỉnh hệ thống hoặc còn sai một số các bộ phận thiết bị, dụng cụ; các thao tác sử dụng lỏng lẻo hoặc sai các thao tác các thiết bị, dụng cụ	Lựa chọn và lắp ráp đúng các thiết bị thí nghiệm nhưng một số thao tác còn lúng túng	Độc lập thực hiện chính xác, linh hoạt các thao tác lựa chọn và lắp ráp, sử dụng các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm. Linh hoạt, sáng tạo trong các thí nghiệm mới
2. Năng lực thực hiện các bước theo quy trình thí nghiệm	2.1. Thực hiện theo các bước của quy trình thí nghiệm	Thực hiện chưa đúng các bước của quy trình thí nghiệm, làm ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng còn lúng túng	Thực hiện được các bước của quy trình thí nghiệm, đôi lúc cần sự hướng dẫn của giảng viên	Độc lập thực hiện đúng, nhanh chóng, chính xác các bước của quy trình thí nghiệm
	2.2. Thực hiện các thao tác thí nghiệm	Thực hiện còn chưa chính xác các thao tác trong từng bước thí nghiệm	Thực hiện được các thao tác trong từng bước thí nghiệm nhưng ở một số thao tác phức tạp còn lúng túng	Thực hiện được chính xác, thành thạo các thao tác trong từng bước thí nghiệm	Độc lập thực hiện đúng, nhanh chóng, chính xác các thao tác trong từng bước thí nghiệm
3. Năng lực thu thập dữ liệu	3.1. Xác định các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc	Chưa xác định được các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc	Xác định được các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc nhưng chưa đủ hoặc còn nhầm lẫn một số biến số	Xác định được đầy đủ các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc	Độc lập xác định được đầy đủ, chính xác các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc
	3.2. Quan sát thu thập dữ liệu thí nghiệm	Chưa biết cách quan sát thu thập các dữ liệu thí nghiệm bằng các giác quan cũng như bằng các thiết bị hỗ trợ	Đã biết cách quan sát hiện tượng thí nghiệm, sử dụng các thiết bị quan sát chưa thành thạo và kết quả quan sát chưa chính xác hoặc còn chưa đầy đủ	Quan sát trực tiếp bằng các giác quan hay sử dụng các thiết bị quan sát các hiện tượng thí nghiệm một cách chi tiết nên thu được kết quả đầy đủ, chính xác	Chủ động lựa chọn phương pháp, thiết bị quan sát các hiện tượng thí nghiệm một cách chi tiết và thu được kết quả đầy đủ, chính xác

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	3.3. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị thu thập số liệu định lượng	Chưa biết cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị thu thập số liệu nên chưa thu được số liệu thí nghiệm	Sử dụng còn chưa thành thạo một số dụng cụ đo đặc đơn giản nên số liệu thu được từ thí nghiệm còn sơ sài, chưa đầy đủ	Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo đặc để thu thập số liệu từ thí nghiệm một cách chính xác	Chủ động lựa chọn và sử dụng thành thạo các dụng cụ đo đặc để thu thập số liệu một cách chính xác
4. Năng lực xử lý số liệu	4.1. Lựa chọn các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu thu được	Chưa lựa chọn được hoặc lựa chọn không đúng các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu	Lựa chọn chưa đầy đủ các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu	Lựa chọn đúng, đầy đủ các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu thu được	Chủ động lựa chọn các phương pháp, công cụ để tối ưu hóa việc xử lý số liệu thu được
	4.2. Hiệu quả xử lý số liệu thu được	Chưa biết cách xử lý số liệu	Sử dụng các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu còn lúng túng và sai sót	Sử dụng thành thạo các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu thu được thu được kết quả chính xác	Độc lập sử dụng thành thạo các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu thu được thu được kết quả chính xác
5. Năng lực phân tích kết quả thí nghiệm sau khi xử lý số liệu	5.1. Giải thích mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm đưa ra kết luận từ thí nghiệm	Chưa hình thành được mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm nên chưa đưa ra được kết luận	Hình thành được nhưng chưa giải thích được mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm và đưa ra chưa đầy đủ các kết luận thí nghiệm	Hình thành và giải thích chưa đầy đủ mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm, đưa ra kết luận tổng thể từ thí nghiệm	Hình thành và giải thích đầy đủ và khoa học mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm, từ đó đưa ra kết luận chi tiết từ thí nghiệm
	5.2. Giải thích các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm	Chưa giải thích được các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm	Đưa ra được một số ý giải thích các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm, tuy nhiên, chưa chắc chắn về ý kiến của mình	Giải thích được nguyên nhân các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm	Giải thích đầy đủ, có khoa học về nguyên nhân các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm
	5.3. Đánh giá, cải tiến thí nghiệm	Chưa rút ra kinh nghiệm từ thí nghiệm và chưa đề xuất được phương án cải tiến thí nghiệm	Rút ra kinh nghiệm từ thí nghiệm nhưng cần sự gợi ý của GV, chưa đề xuất được phương án cải tiến thí nghiệm	Rút ra kinh nghiệm từ thí nghiệm và đề xuất được phương án cải tiến thí nghiệm	Đánh giá được mức độ thành công của thí nghiệm, rút ra kinh nghiệm và đề xuất phương án tối ưu hóa thí nghiệm

Bảng 2. Thang đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (R2)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Năng lực phát hiện vấn đề (VĐ)	1.1. Phân tích, làm rõ nội dung của VĐ	Chưa phân tích được nội dung hoặc có phân tích nội dung nhưng không liên quan đến VĐ	Có phân tích nhưng chưa đầy đủ, chưa làm rõ nội dung kiến thức của VĐ	Có phân tích nhưng chưa làm rõ hoàn toàn nội dung kiến thức của VĐ	Phân tích, làm rõ nội dung của VĐ
	1.2. Nhận ra mâu thuẫn giữa VĐ với kiến thức đã học	Không phát hiện thấy mâu thuẫn	Phát hiện thấy mâu thuẫn nhưng chưa chỉ ra đúng nội dung trọng tâm của mâu thuẫn	Xác định được mâu thuẫn và chỉ ra đúng nội dung trọng tâm của mâu thuẫn	Xác định đúng mâu thuẫn, tìm ra những kiến thức đã học liên quan đến mâu thuẫn
	1.3. Phát biểu VĐ thành một câu hỏi	Không phát biểu được câu hỏi hoặc câu hỏi không phản ánh đúng nội dung của VĐ	Phát biểu được câu hỏi nhưng còn dài dòng, chưa phản ánh đầy đủ nội dung của VĐ	Phát biểu được câu hỏi nhưng còn dài dòng	Phát biểu thành 1 câu hỏi ngắn gọn nêu bật nội dung của VĐ
2. Năng lực thiết lập không gian VĐ và hình thành giả thuyết	2.1. Thu thập, lựa chọn, sắp xếp những nội dung kiến thức liên quan đến VĐ	Đưa ra (nói, viết, trình bày) những thông tin kiến thức nhưng hầu như không liên quan đến VĐ cần giải quyết	Xác định được một số thông tin, kiến thức nền tảng liên quan đến VĐ cần giải quyết nhưng chưa đầy đủ	Xác định được thông tin, kiến thức nền tảng liên quan đến VĐ cần giải quyết	Giải thích và lý giải thỏa đáng (vẽ hình, mô tả) thông tin, kiến thức cần thiết cho mục tiêu giải quyết VĐ
	2.2. Thiết lập mối quan hệ giữa VĐ với các nội dung kiến thức đã học	Thiết lập không đúng, làm phức tạp thêm nội dung của VĐ	Thiết lập được một số mối quan hệ nhưng chưa đầy đủ	Thiết lập được mối quan hệ giữa nội dung của VĐ với kiến thức đã biết nhưng chưa đầy đủ	Thiết lập đầy đủ mối quan hệ giữa nội dung của VĐ với kiến thức đã biết, làm cơ sở để giải thích VĐ
	2.3. Đưa ra giả thuyết giải thích VĐ	Đưa ra được một vài giả thuyết nhưng không phù hợp với nội dung của VĐ	Đưa ra được một số giả thuyết, trong đó có 50% giả thuyết phù hợp, có 50% giả thuyết chưa phù hợp	Đưa ra được một số giả thuyết, trong đó có 75% giả thuyết phù hợp, có 25% giả thuyết chưa phù hợp	Đưa ra đầy đủ các giả thuyết. Tất cả các giả thuyết đưa ra đều phù hợp với nội dung của VĐ
3. Năng lực lập kế hoạch và tiến hành giải quyết vấn đề	3.1. Đề ra các biện pháp để kiểm chứng giả thuyết	Chưa đưa ra được PP hoặc đưa được một số PP để kiểm chứng giả thuyết nhưng PP đó không phù hợp	Đưa ra được một số PP kiểm chứng giả thuyết nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa hoàn toàn phù hợp	Đưa ra được một số PP kiểm chứng giả thuyết nhưng chưa đầy đủ	Đề ra đầy đủ các PP và chỉ ra được tính ưu điểm của mỗi biện pháp đó
	3.2. Tiến hành kiểm chứng giả thuyết	Chưa triển khai kiểm chứng giả thuyết hoặc đã triển khai nhưng không phù hợp	Đã tiến hành kiểm chứng giả thuyết và đã tìm ra giả thuyết đúng nhưng còn phụ thuộc nhiều vào sự gợi ý của GV hoặc bạn bè	Đã tiến hành kiểm chứng giả thuyết và đã tìm ra giả thuyết đúng nhưng còn phụ thuộc vào sự gợi ý của GV hoặc bạn bè	Chủ động, độc lập tiến hành kiểm chứng giả thuyết và đã tìm ra giả thuyết đúng

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	3.3. Rút ra kết luận về vấn đề và hình thành kiến thức mới	Chưa đưa ra được kết luận về vấn đề mà tình huống đề cập	Đưa ra các kết luận nhưng chưa đầy đủ hoặc đưa ra đầy đủ nhưng cần sự hướng dẫn của GV, của bạn	Đưa ra các kết luận về vấn đề, hình thành được một phần kiến thức mới	Đưa ra các kết luận đầy đủ, chi tiết của vấn đề và phát biểu kiến thức mới học được thông qua vấn đề
4. Năng lực đánh giá giải pháp GQVĐ, rút ra kết luận	4.1. Tổng hợp, khái quát hóa, hình thành tri thức mới	Sau khi GQVĐ, chưa khái quát hóa được tri thức	Khái quát hóa được tri thức nhưng chưa đầy đủ, chưa chính xác	Khái quát hóa được tri thức nhưng chưa đầy đủ	Độc lập rút ra tri thức mới và khái quát hóa tri thức (bằng sơ đồ, quy trình...)
	4.2. Xác nhận những kinh nghiệm thu nhận được	Chưa rút ra được kinh nghiệm khi hoàn thành GQVĐ	Rút ra được một vài kinh nghiệm nhưng chưa rõ nét	Rút ra được kinh nghiệm sau khi hoàn thành việc GQVĐ, vận dụng để giải quyết các VĐ tổng thể	Rút ra được kinh nghiệm sau khi hoàn thành việc GQVĐ, có thể vận dụng để giải quyết các VĐ mới nảy sinh

Bảng 3. Thang đánh giá năng lực hợp tác (R3)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Xác định được mục đích và lựa chọn được các phương thức hợp tác	1.1. Xác định mục đích hợp tác	Không tham gia đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề	Tham gia đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề, nhưng chưa mạnh dạn bảo vệ ý kiến	Tham gia đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết vấn đề và tích cực thảo luận trong nhóm
	1.2. Phương thức hợp tác	Không xác định được phương thức hợp tác	Có tham gia góp ý, lựa chọn hình thức làm việc nhóm	Tham gia tích cực vào việc lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	Chủ động đề xuất hình thức hợp tác phù hợp với hoàn cảnh, yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra
2. Xác định được trách nhiệm và các hoạt động mà bản thân có thể đảm nhiệm	2.1. Xác định trách nhiệm	Chưa xác định được các công việc mà nhóm phải làm	Dự kiến được một số công việc nhóm sẽ phải làm theo trình tự. Nhưng chưa xác định được thời gian và cách thức tiến hành các công việc	Tham gia đề xuất và góp ý một số công việc nhóm sẽ phải làm theo trình tự. Nhưng chưa xác định được thời gian và cách thức tiến hành các công việc	Chủ động đề xuất các công việc mà nhóm phải làm và xác định rõ thời gian, cách thức tiến hành các công việc
	2.2. Xác định khả năng đóng góp của bản thân	Không xác định được khả năng đóng góp của bản thân, giao việc gì làm việc đấy	Xác định được khả năng đóng góp của bản thân nhưng chưa mạnh dạn đề xuất được công	phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ đáp ứng được mục	Chủ động xác định trách nhiệm và vai trò của mình trong hoạt động chung của nhóm

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			việc của mình trong quá trình hợp tác	đích chung, đánh giá khả năng của mình có thể đóng góp thúc đẩy hoạt động của nhóm	
3. Xác định được nhu cầu và khả năng của những người cùng hợp tác	3.1. Khả năng và nhu cầu của các thành viên	Không phân tích được khả năng của từng thành viên để tham gia đề xuất phương án phân công công việc	Phân tích được khả năng của một số thành viên để tham gia đề xuất phương án phân công công việc. Nhưng chưa tích cực trong quá trình thảo luận	Phân tích được khả năng của một số thành viên và tích cực tham gia đề xuất phương án phân công công việc. Nhưng chưa hoàn toàn quan tâm đến nhu cầu làm việc của các thành viên	Phân tích được khả năng của các thành viên và tích cực tham gia đề xuất phương án phân công công việc. Quan tâm đến nhu cầu làm việc của các thành viên
	3.2. Phân công nhiệm vụ phù hợp	Thụ động, không dự kiến được phương án phân công nhiệm vụ hợp lý; chưa quan tâm đến việc tổ chức hoạt động hợp tác của nhóm	Tham gia góp ý phương án phân công nhiệm vụ hợp lý; chưa tham gia tổ chức tốt hoạt động hợp tác của nhóm	Tham gia góp ý phương án phân công nhiệm vụ hợp lý; có tham gia hoạt động hợp tác của nhóm.	Dự kiến được phương án phân công nhiệm vụ hợp lý; tổ chức tốt hoạt động hợp tác của nhóm
4. Tổ chức và thuyết phục người khác cùng hoàn thành công việc	4.1. Thực hiện nhiệm vụ của bản thân	Không/chưa hoàn thành nhiệm vụ. Chưa biết cách theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của bản thân	Hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chưa biết cách theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của bản thân	Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Biết cách theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của bản thân	Chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ. Theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của bản thân và có thể điều hoà hoạt động phối hợp của nhóm
	4.2. Kích lệ thành viên	Chưa biết lắng nghe ý kiến người khác, bảo thủ và dễ nổi nóng khi thể hiện ý kiến không đồng tình của bản thân	Biết lắng nghe ý kiến người khác, bảo thủ và dễ nổi nóng khi thể hiện ý kiến không đồng tình của bản thân. Chưa biết cách khích lệ thành viên khác	Biết lắng nghe ý kiến người khác, nhưng chưa khéo léo khi thể hiện ý kiến không đồng tình của bản thân	Khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ, động viên các thành viên khác
5. Rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả hoạt động	5.1. Báo cáo kết quả thực hiện	Tổng hợp thiếu nhiều ý kiến, không hoàn toàn đảm bảo mục đích hoạt động hợp tác. Trình bày kết quả hoạt động hợp tác không khoa học	Lựa chọn, tổng hợp tương đối đầy đủ ý kiến của các thành viên đáp ứng mục đích đặt ra. Chọn ngôn ngữ, cách trình bày tương đối khoa học, hợp lý	Lựa chọn, tổng hợp đầy đủ ý kiến của các thành viên đáp ứng mục đích đặt ra. Chọn ngôn ngữ, cách trình bày khoa học, hợp lý	Tổng hợp đầy đủ các ý kiến của các thành viên và chất lọc những ý kiến phù hợp nhất, đáp ứng mục đích đặt ra. Ngôn ngữ, cách trình bày khoa học, hợp lý, ngắn gọn, súc tích
	5.2. Kỹ năng đánh giá lẫn nhau	Không đánh giá được người khác, nhóm khác	Đánh giá còn thiếu chính xác và còn dựa trên cảm tính cá nhân	Đánh giá chính xác nhưng đôi khi còn dựa trên cảm tính cá nhân.	Đánh giá chính xác, công bằng, công khai, khách quan của người khác, nhóm khác

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	5.3. Rút kinh nghiệm hoạt động hợp tác	Không rút ra được kinh nghiệm gì cho bản thân, không tham gia góp ý cho người khác	Rút kinh nghiệm cho bản thân và có góp ý cho người khác nhưng chưa tích cực	Rút ra được kinh nghiệm hữu ích cho bản thân và góp ý tích cực cho từng người trong nhóm.	Rút ra được bài học kinh Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và các thành viên trong nhóm để phát triển trong những bài sau

Bảng 4. Thang đánh giá năng lực học tập suốt đời (R4)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực học tập suốt đời	1. Sự chủ động trong học tập	Chưa quan tâm đến môn học, cần GV thường xuyên nhắc nhở trong quá trình học tập	Có quan tâm đến môn học nhưng vẫn cần GV nhắc nhở trong quá trình học tập	Có hứng thú với môn học, tự giác hoàn thành những nhiệm vụ học tập do GV đề ra	Thể hiện sự đam mê với môn học. Chủ động tìm hiểu, khám phá thêm những kiến thức, thông tin liên quan đến môn học
	2. Sự độc lập trong phát triển bản thân	Chưa quan tâm đến việc mở rộng kiến thức ngoài lớp học	Có sự quan tâm đến việc mở rộng kiến thức ngoài lớp học. Tham gia vào những khóa học ngoài khung chương trình đào tạo, tuy nhiên chưa có sự chủ động	Có sự quan tâm đến các cơ hội học tập mở rộng. Sẵn sàng tham gia vào những chương trình đào tạo ngoài khung chương trình của ngành học khi có cơ hội	Hình thành động lực phát triển năng lực bản thân rõ ràng. Chủ động tìm kiếm cơ hội tham gia vào những chương trình đào tạo ngoài khung chương trình của ngành học
	3. Khả năng ứng dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề	Chưa xác định được nội dung kiến thức và kỹ năng đã học liên quan đến vấn đề và không áp dụng được vào việc giải quyết vấn đề	Xác định được nội dung kiến thức và kỹ năng đã học liên quan đến vấn đề nhưng chưa vận dụng được để giải quyết vấn đề	Xác định được nội dung kiến thức và kỹ năng đã học liên quan đến vấn đề. Có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng này để giải quyết các vấn đề mới	Xác định nhanh nội dung kiến thức và kỹ năng đã học liên quan đến vấn đề. Áp dụng những kiến thức và kỹ năng này để giải quyết vấn đề theo cách thức/phương pháp mới lạ và sáng tạo
	4. Học tập thường xuyên	Không nhận thấy vai trò của học tập thường xuyên (chính thức và không chính thức); chưa xác định được cách học	Nhận thấy sự vai trò của học tập thường xuyên nhưng chưa xác định các hình thức học tập thường xuyên phù hợp	Nhìn nhận được sự cần thiết phải học tập thường xuyên, xác định được các hình thức học tập nhưng vẫn bỏ sót một số yếu tố ảnh hưởng đến các hình thức học tập	Hiểu rõ về sự cần thiết phải học tập thường xuyên. Phân tích rõ những yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của các hình thức học tập. Lựa chọn được những cách thức học tập phù hợp

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	4. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp ngắn/dài hạn	Mô tả mơ hồ về mục tiêu nghề nghiệp, chưa xây dựng được kế hoạch thực tế để đạt được mục tiêu	Mô tả được mục tiêu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, nhưng chưa xây dựng được kế hoạch ngắn hạn và dài hạn hoặc kế hoạch thực hiện còn thiếu tính thực tế	Mô tả được mục tiêu nghề nghiệp thực tế ngắn và dài hạn, xây dựng được kế hoạch để đáp ứng những mục tiêu này	Mô tả được mục tiêu nghề nghiệp ngắn và dài hạn, xây dựng được kế hoạch kỹ lưỡng và chu đáo để đạt được mục tiêu

Bảng 5. Thang đánh giá năng lực báo cáo/thuyết trình (R5)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Năng lực báo cáo/thuyết trình	1. Nội dung bài báo cáo (30%)	Chưa trình bày rõ chủ đề báo cáo	Tập trung nhiều vào khái quát mà chưa đi vào chi tiết	Cơ bản trình bày được chủ đề báo cáo	Lựa chọn được những nội dung phù hợp nhưng chưa làm rõ chủ đề báo cáo	Trình bày rõ chủ đề báo cáo và những nội dung chi tiết của bài báo cáo
	2. Slide (20%)	Khó nhìn thấy chữ trong slide do độ tương phản thấp và quá nhiều chữ trong 1 slide	Độ tương phản cao nhưng kích thước chữ nhỏ do quá nhiều nội dung trong 1 slide	Sử dụng màu sắc chữ và nền chưa phù hợp làm giảm độ tương phản. Kích cỡ chữ phù hợp	Sử dụng màu sắc chữ và nền phù hợp làm tăng độ tương phản. Kích cỡ chữ phù hợp	Trình bày đẹp và độ tương phản cao. Áp dụng quy tắc 7x7 trong trình chiếu
		Không có công cụ trực quan	Sử dụng một vài công cụ trực quan hỗ trợ nhưng không rõ ràng, chất lượng thấp và không thể hiện rõ ý nghĩa	Sử dụng đủ các công cụ trực quan cơ bản	Phân phối hợp lý giữa hình ảnh và video trong bài trình chiếu	Sử dụng công cụ trực quan đẹp, rõ ràng, phù hợp với nội dung và có ý nghĩa
	3. Tác phong trình bày (40%)	Không có phần giới thiệu	Giới thiệu đúng đối tượng nhưng dài dòng và không đầy đủ	Giới thiệu đối tượng chính xác và giới thiệu hấp dẫn	Phần giới thiệu thú vị, cuốn hút	Phần giới thiệu hấp dẫn, bắt ngờ và sáng tạo
		Giọng nói quá nhỏ để theo dõi	Giọng nói rõ ràng nhưng thường bị lấp	Giọng nói to, rõ ràng, trôi chảy nhưng đơn điệu và buồn tẻ	Giọng nói to, rõ ràng, lưu loát và truyền cảm	Giọng nói to, rõ ràng, lưu loát và thu hút
		Chỉ đứng một chỗ, không bao quát lớp không có sự tương tác với người nghe	Có di chuyển nhưng không bao quát lớp, chỉ có	Có di chuyển và bao quát lớp. Tương tác nhiều với	Có di chuyển và bao quát lớp. Sử dụng nhiều hình	Có di chuyển và bao quát lớp. Sử dụng nhiều hình thức tương tác và khiến người nghe thích thú và

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
			một vài tương tác nhỏ với người nghe	người nghe nhưng không hiệu quả	thức tương tác và khiến người nghe thích thú	cùng tham gia vào buổi thuyết trình.
		Thể hiện sự nhút nhát, không tự tin, hay gãi đầu gãi tai	Tự tin nhưng vẫn bối rối khi giải quyết vấn đề	Tự tin nhưng thiếu nhiệt tình khi trả lời câu hỏi	Điềm tĩnh, tự tin nhưng thiếu nhiệt tình, sôi nổi khi trả lời câu hỏi	Điềm tĩnh, tự tin, nhiệt tình, sôi nổi khi trả lời câu hỏi của người nghe
	4. Quản lý thời gian (10%)	Phân phối thời gian không phù hợp giữa các nội dung. Thời gian báo cáo khác nhiều so với dự kiến (>50%)	Thời gian báo cáo dài hoặc ngắn hơn dự kiến 20-40%	Thời gian báo cáo dài hoặc ngắn hơn dự kiến 10-20%	Thời gian báo cáo dài hoặc ngắn hơn dự kiến 5-10%	Phân phối thời gian hợp lý giữa các nội dung. Tuân thủ thời gian dự kiến

Bảng 6. Thang đánh giá mức độ thực hiện bài tập về nhà (R6).

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Thực hiện bài tập về nhà	Khối lượng hoàn thành (40%)	Hoàn thành 30% khối lượng bài tập	Hoàn thành 50% khối lượng bài tập	Hoàn thành 70% khối lượng bài tập	Hoàn thành 100% khối lượng bài tập
	Độ chính xác của kiến thức (60%)	Chính xác dưới 50%	Chính xác 50-69%	Chính xác 70-89%	Chính xác trên 90%

Bảng 7. Thang đánh giá năng lực khởi nghiệp (R7)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực khởi nghiệp	1. Sự quan tâm đến khởi nghiệp	Thờ ơ, chưa quan tâm đến khởi nghiệp	Có quan tâm đến khởi nghiệp	Có quan tâm đến khởi nghiệp, có mong muốn khởi nghiệp	Quan tâm sâu sắc đến khởi nghiệp, tìm tòi để kết nối những kiến thức của môn học vào khởi nghiệp
	2. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp	Chưa chỉ ra được những yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp	Chỉ ra được những yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp nhưng chưa đầy đủ	Chỉ ra được đầy đủ những yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp, phân tích được tầm quan trọng của từng yếu tố	Đánh giá được đầy đủ và chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp. Lên được ma trận SWOT phân tích
	3. Ý tưởng khởi nghiệp	Chưa hình thành được ý tưởng khởi nghiệp	Đã hình thành ý tưởng khởi nghiệp nhưng chưa có tính thực tiễn	Đã hình thành ý tưởng khởi nghiệp nhưng cần thêm 1 vài góp ý	Hình thành ý tưởng khởi nghiệp có tính thực tiễn cao
	4. Xây dựng ý tưởng kinh doanh	Chưa trình bày được kế hoạch kinh doanh	Trình bày khái quát về kế hoạch kinh doanh, chưa làm rõ kế hoạch chi tiết	Trình bày rõ kế hoạch kinh doanh nhưng còn thiếu một số thông tin	Trình bày đầy đủ và rõ ràng kế hoạch kinh doanh bao gồm: lý do khởi nghiệp, hoạt động cơ bản, trọng tâm của doanh nghiệp, hàng hóa/dịch vụ được cung cấp, khảo sát thị trường, lựa chọn địa điểm...
	5. Phân tích cơ hội phát triển	Cung cấp một số thông tin không đầy đủ về quy mô và sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh, cơ hội và mối đe dọa trong lĩnh vực, triển vọng chung cho lĩnh vực, các đối thủ cạnh tranh. Chưa đề xuất được sản phẩm/dịch vụ khác biệt với những cơ sở kinh doanh khác	Cung cấp khá đầy đủ thông tin về quy mô và sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh, cơ hội và mối đe dọa trong lĩnh vực, triển vọng chung cho lĩnh vực, các đối thủ cạnh tranh. Chưa đề xuất được sản phẩm/dịch vụ khác biệt với những cơ sở kinh doanh khác	Cung cấp khá đầy đủ thông tin về quy mô và sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh, cơ hội và mối đe dọa trong lĩnh vực, triển vọng chung cho lĩnh vực, các đối thủ cạnh tranh. Đề xuất được sản phẩm/dịch vụ khác biệt với những cơ sở kinh doanh khác	Cung cấp đầy đủ thông tin về quy mô và sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh, cơ hội và mối đe dọa trong lĩnh vực, triển vọng chung cho lĩnh vực, các đối thủ cạnh tranh. Đề xuất được sản phẩm/dịch vụ khác biệt với những cơ sở kinh doanh khác. Phân tích được thế mạnh của sản phẩm/dịch vụ mới đó

Bảng 8. Thang đánh giá mức độ tham gia lớp học (R8)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tham gia lớp học	1. Tính chuyên cần (40%)	SV vắng học nhiều hơn 2 buổi có phép	SV vắng học 2 buổi có phép	SV vắng học 1 buổi có phép	SV tham gia đầy đủ các buổi học
	2. Đúng giờ (30%)	SV ít khi đi học đúng giờ hoặc đến lớp sớm (đi học muộn 4 lần trở lên)	SV thỉnh thoảng đi học đúng giờ (đi học muộn 3 lần), và hiếm khi đến lớp sớm	SV thường đi học đúng giờ hoặc đến lớp sớm (đi học muộn 1-2 lần)	SV luôn đi học đúng giờ và thường đến lớp sớm
	3. Mức độ tham gia và thái độ học tập (20%)	SV hiếm khi tham gia thảo luận/phát biểu xây dựng bài trên lớp hoặc đặt câu hỏi tương tác với thầy cô và bạn học. SV chỉ trả lời câu hỏi khi được GV yêu cầu đích danh	SV thỉnh thoảng tham gia thảo luận/phát biểu xây dựng bài mà không cần sự nhắc nhở của GV. SV không tham gia làm việc nhóm trong lớp	SV thường xuyên tham gia thảo luận/phát biểu xây dựng bài và đặt câu hỏi tương tác với thầy cô và bạn học	SV có chính kiến, quan điểm riêng khi tham gia thảo luận/phát biểu xây dựng bài, tham gia đầy đủ và tích cực vào tất cả các buổi học, làm việc và hợp tác tốt với bạn học

Bảng 9. Thang đánh giá năng lực phản biện (R9)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực phản biện	1. Phát hiện vấn đề	Không phát hiện vấn đề	Vấn đề chưa được phát hiện rõ ràng	Vấn đề được phát hiện rõ ràng	Vấn đề được phát hiện rất rõ ràng
	2. Lý giải tính bất hợp lý	Chưa lý giải tính bất hợp lý	Lý giải một phần tính bất hợp lý	Lý giải tính bất hợp lý	Lý giải hoàn toàn tính bất hợp lý
	3. Thái độ tranh luận	Thái độ tranh luận không hợp tác, căng thẳng	Thái độ tranh luận có hợp tác	Thái độ tranh luận hợp tác, dễ chịu	Thái độ tranh luận rõ ràng, hợp tác và dễ chịu
	4. Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra	Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra	Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra	Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra	Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra

Bảng 10. Thang đánh giá năng lực sáng tạo (R10)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực sáng tạo	1. Sự thông thạo	Không sản sinh nhiều ý tưởng ở lĩnh vực ngôn ngữ, sơ đồ hình ảnh hay hành động	Sản sinh hạn chế ý tưởng ở lĩnh vực ngôn ngữ, sơ đồ hình ảnh hay hành động	Sản sinh nhiều ý tưởng ở lĩnh vực ngôn ngữ, sơ đồ hình ảnh hay hành động	Sản sinh đa dạng ý tưởng ở lĩnh vực ngôn ngữ, sơ đồ hình ảnh hay hành động
	2. Linh hoạt	Không sản sinh nhiều ý tưởng từ nhiều lĩnh vực và dễ dàng chuyển đổi giữa các lĩnh vực	Sản sinh hạn chế ý tưởng từ nhiều lĩnh vực và dễ dàng chuyển đổi giữa các lĩnh vực	Sản sinh nhiều ý tưởng từ nhiều lĩnh vực và dễ dàng chuyển đổi giữa các lĩnh vực	Sản sinh đa dạng ý tưởng từ nhiều lĩnh vực và dễ dàng chuyển đổi giữa các lĩnh vực
	3. Mới, nguyên bản	Không sản sinh các ý tưởng hiếm, độc đáo	Sản sinh các ý tưởng khá độc đáo	Sản sinh các ý tưởng độc đáo	Sản sinh các ý tưởng rất hiếm, độc đáo
	4. Tính rõ ràng của tình tiết	Làm rõ các ý tưởng	Gọt rửa, làm rõ các ý tưởng	Phát triển, gọt rửa, làm rõ các ý tưởng	Phát triển, gọt rửa, làm rõ các ý tưởng
	5. Tính trừu tượng	Không cảm nhận sự cần thiết của vấn đề, mức độ trừu tượng	Cảm nhận được sự cần thiết của vấn đề, mức độ trừu tượng	Cảm nhận tốt sự cần thiết của vấn đề, mức độ trừu tượng	Cảm nhận rất tốt sự cần thiết của vấn đề, mức độ trừu tượng
	6. Sự cởi mở, tìm tòi câu hỏi, vấn đề	Chưa cởi mở với các câu hỏi chưa được trả lời, vấn đề chưa được giải quyết và làm việc với các thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau	Có cởi mở với các câu hỏi chưa được trả lời, vấn đề chưa được giải quyết và làm việc với các thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau	Cởi mở với các câu hỏi chưa được trả lời, vấn đề chưa được giải quyết và làm việc với các thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau	Rất cởi mở với các câu hỏi chưa được trả lời, vấn đề chưa được giải quyết và làm việc với các thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau

Bảng 11. Thang đánh giá khóa luận tốt nghiệp dành cho Giảng viên hướng dẫn (R11)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực đánh giá cho GVHD	1. Hình thành và phát triển ý tưởng nghiên cứu	Không có đóng góp gì vào việc xây dựng ý tưởng	Có thảo luận và đóng góp ý tưởng dựa trên gợi ý của cán bộ hướng dẫn	Chủ động thảo luận và tự xây dựng mục tiêu dựa trên gợi ý của GVHD	Chủ động đề xuất ý tưởng và mục tiêu của khóa luận có tính mới/sáng tạo
	2. Xây dựng đề cương phù hợp	Không xây dựng đề cương khóa luận. Không có kế hoạch làm việc	Đề cương khóa luận không phù hợp với mục tiêu cốt lõi. Kế	Đề cương khóa luận phù hợp với mục tiêu nhưng chưa chi tiết. Kế	Đề cương khóa luận chi tiết và phù hợp với mục tiêu. Kế hoạch

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	với mục tiêu đặt ra		hoạch làm việc chưa chi tiết và thiếu phương án dự phòng	hoạch làm việc chi tiết nhưng phương án dự phòng không hợp lý	làm việc chi tiết với các phương án dự phòng hợp lý
	3. Kiên trì và cam kết thực hiện khoá luận một cách hiệu quả	Không có động lực thực hiện khoá luận, không làm thí nghiệm và liên hệ với GVHD	Thiếu tập trung thực hiện khoá luận và có xu hướng bỏ cuộc	Có động lực thực hiện khoá luận, chủ động vượt qua các trở ngại với sự giúp đỡ của GVHD	Hứng thú và chủ động vượt qua các trở ngại xuyên suốt quá trình thực hiện khoá luận
	4. Sự tương tác giữa sinh viên và GVHD	Không trao đổi với GVHD trong suốt quá trình thực hiện khoá luận	Không chủ động liên hệ với GVHD	Chủ động tìm gặp GVHD	Chủ động tìm gặp CBHD để thảo luận các khó khăn của đề tài và đề xuất phương án giải quyết
	5. Tổ chức sắp xếp và thực hiện thí nghiệm	Không thể tổ chức sắp xếp và thực hiện thí nghiệm	Có thể thực hiện thí nghiệm nhưng chưa tổ chức sắp xếp hợp lý	Tổ chức sắp xếp và thực hiện thí nghiệm một cách độc lập	Tổ chức sắp xếp, thực hiện thí nghiệm một cách độc lập và dự đoán trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra
	6. Thu nhận kết quả và xử lý số liệu thực nghiệm hợp lý	Không biết cách sử dụng dữ liệu, không biết dùng các phần mềm xử lý số liệu	Có thể sắp xếp và kiểm tra bộ số liệu. Tuy nhiên không có khả năng nhận xét kết quả thu thập được	Có thể sắp xếp dữ liệu, kiểm tra và phân tích dữ liệu ở mức cơ bản. Nhận xét được kết quả	Có thể sắp xếp và kiểm tra toàn bộ dữ liệu, có thể thực hiện phân tích dữ liệu nâng cao. Nhận xét được kết quả. So sánh với kết quả của các thí nghiệm tương đương
	7. Phân tích và biện luận các kết quả thu được	Không phân tích và biện luận được các kết quả thu được	Có phân tích và biện luận các kết quả thu được, tuy nhiên các phân tích và biện luận chưa được rõ ràng và hợp lý	Phân tích và biện luận các kết quả thu được rõ ràng và hợp lý	Phân tích và biện luận các kết quả thu được rõ ràng và hợp lý. Có những ý tưởng phân tích và biện luận mới
	8. Các ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/mô hình thực nghiệm	Không có ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/mô hình thực nghiệm	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/mô hình thực nghiệm chưa rõ ràng	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm rõ ràng và hợp lý	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm rõ ràng, hợp lý và khả quan

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	9. Tài liệu tham khảo được trích dẫn một cách hợp lý	Không trình bày TLTK theo quy định. Không trích dẫn TLTK	Trình bày TLTK theo quy định, nhưng vẫn còn 20% sai sót. Trích dẫn không đầy đủ TLTK	Trình bày TLTK theo quy định. Trích dẫn TLTK hợp lý	Trình bày TLTK theo quy định. Trích dẫn TLTK hợp lý, tin cậy
	10. Bài báo cáo được trình bày đúng văn phong, ngữ pháp	Mắc trên 20 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản. Không chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ	Mắc 10-20 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản nhưng không biết cách sử dụng văn phong khoa học. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định	Mắc dưới 10 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản, sử dụng hợp lý văn phong khoa học nhưng còn lỗi trong việc sử dụng thuật ngữ chuyên ngành. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ đầy đủ nhưng chưa đúng quy định	Hầu như không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản sử dụng hợp lý văn phong khoa học và thuật ngữ chuyên ngành. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ đúng quy định

Bảng 12. Rubric đánh giá dành cho giảng viên phân biện và Hội đồng đánh giá (R12)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực giảng viên phân biện và Hội đồng đánh giá	1. Bố cục và trình bày hợp lý theo quy định	Không tuân thủ qui định về bố cục của một bài khoá luận tốt nghiệp	Trình bày đúng bố cục của một khoá luận nhưng nội dung của từng phần được sắp xếp chưa hợp lý	Trình bày đúng bố cục của một khoá luận, phần lớn nội dung các phần rõ ràng và hợp lý	Trình bày đúng bố cục của một khoá luận, nội dung tất cả các phần rõ ràng, hợp lý, chi tiết
	2. Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và phù hợp; đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn	Mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng và phù hợp với tên đề tài; đề tài không có ý nghĩa khoa học và thực tiễn	Mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng, nhưng chưa phù hợp với tên đề tài; đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn	Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và phù hợp với tên đề tài; đề tài có ý nghĩa khoa học	Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và phù hợp với tên đề tài; đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn
	3. Nội dung nghiên cứu gắn liền với mục tiêu, đầy đủ và phù hợp	Nội dung nghiên cứu không gắn liền với mục tiêu	Nội dung nghiên cứu gắn liền với mục tiêu, nhưng chưa đầy đủ và phù hợp	Nội dung nghiên cứu gắn liền với mục tiêu và đầy đủ, nhưng chưa phù hợp	Nội dung nghiên cứu gắn liền với mục tiêu, đầy đủ và phù hợp

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	4. Vật liệu và phương pháp thí nghiệm phù hợp với mục tiêu đề tài	Không thể chọn lựa vật liệu, phương pháp và bố trí thí nghiệm	Chọn lựa vật liệu chưa phù hợp. Phương pháp và bố trí thí nghiệm chưa phù hợp với mục tiêu đề tài	Chọn được vật liệu. Phương pháp và bố trí thí nghiệm chưa hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đề tài	Chọn được vật liệu. Phương pháp và bố trí thí nghiệm phù hợp với mục tiêu đề tài
	5. Thu nhận kết quả và xử lý số liệu thực nghiệm hợp lý	Không biết cách sử dụng dữ liệu, không biết dùng các phần mềm xử lý số liệu	Có thể sắp xếp và kiểm sơ bộ số liệu. Tuy nhiên không có khả năng nhận xét kết quả thu thập được	Có thể sắp xếp dữ liệu, kiểm tra và phân tích dữ liệu ở mức cơ bản. Nhận xét được kết quả.	Có thể sắp xếp và kiểm tra toàn bộ dữ liệu, có thể thực hiện phân tích dữ liệu nâng cao. Nhận xét được kết quả. So sánh với kết quả của các thí nghiệm tương đương
	6. Phân tích và biện luận các kết quả thu được hợp lý	Không phân tích và biện luận được các kết quả thu được	Có phân tích và biện luận các kết quả thu được, tuy nhiên các phân tích và biện luận chưa được rõ ràng và hợp lý	Phân tích và biện luận các kết quả thu được rõ ràng và hợp lý	Phân tích và biện luận các kết quả thu được rõ ràng và hợp lý. Có những ý tưởng phân tích và biện luận mới
	7. Các ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm hợp lý	Không có ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm chưa rõ ràng	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm rõ ràng và hợp lý	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm rõ ràng, hợp lý và khả quan
	8. Tài liệu tham khảo được trích dẫn một cách hợp lý	Không trình bày TLTK theo quy định. Không trích dẫn TLTK	Trình bày TLTK theo quy định, nhưng vẫn còn 20% sai sót. Trích dẫn không đầy đủ TLTK	Trình bày TLTK theo quy định. Trích dẫn TLTK hợp lý	Trình bày TLTK theo quy định. Trích dẫn TLTK hợp lý, tin cậy
	9. Báo cáo được trình bày đúng văn phong, ngữ pháp	Mắc trên 20 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản. Không chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ	Mắc 10-20 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản nhưng không biết cách sử dụng văn phong khoa học. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định	Mắc dưới 10 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản, sử dụng hợp lý văn phong khoa học nhưng còn lỗi trong việc sử dụng thuật ngữ chuyên ngành. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ đầy đủ nhưng chưa đúng quy định	Hầu như không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản sử dụng hợp lý văn phong khoa học và thuật ngữ chuyên ngành. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ đúng quy định

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	10. Trả lời câu hỏi của PB	Không trả lời được các câu hỏi của PB	Trả lời đúng nhưng chưa đầy đủ các câu hỏi của PB	Trả lời đúng và đầy đủ đối với các câu hỏi của PB	Trả lời thuyết phục đối với các câu hỏi của PB

Bảng 13. Thang đánh giá thực tập tốt nghiệp của hội đồng (R13)

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
1	Nhận thức nghề nghiệp và tính trung thực	Đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm cao với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc	Đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc	Chưa thực sự đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc	Không đam mê với chủ đề thực tập. Không có trách nhiệm với công việc được giao. Có thái độ không trung thực trong báo cáo công việc
2	Tuân thủ các quy định về hình thức và nội dung báo cáo	Trình bày đúng định dạng quy định, cân đối giữa các phần. Nội dung đầy đủ và phù hợp với yêu cầu học phần	Trình bày đúng định dạng quy định, tương đối cân đối giữa các phần. Nội dung đầy đủ và phù hợp với yêu cầu học phần	Trình bày đúng định dạng quy định, thiếu sự cân đối giữa các phần. Nội dung tương đối đầy đủ và phù hợp với yêu cầu học phần	Trình bày không đúng theo định dạng quy định, thiếu sự cân đối giữa các phần. Nội dung không đầy đủ và phù hợp với yêu cầu học phần
3	Xây dựng đề cương thực tập	Rất đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của học phần	Đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của học phần	Tương đối đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của học phần	Không đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của học phần
4	Kiến thức chuyên môn liên quan đến nội dung thực tập	Tương đương mức 4 của thang Bloom trở lên	Tương đương mức 3 của thang Bloom	Tương đương mức 2 của thang Bloom	Tương đương mức 1 của thang Bloom
5	Khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc	Có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào các tình huống công việc	Có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào một số tình huống công việc đơn giản	Có khả năng liên hệ kiến thức vào một số tình huống công việc đơn giản	Không có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc
6	Kỹ năng thực hiện công việc chuyên môn được giao	Tương đương mức 4 của thang Bloom trở lên (Rất thành thạo)	Tương đương mức 3 của thang Bloom (Thành thạo)	Tương đương mức 2 của thang Bloom (Tương đối thành thạo)	Tương đương mức 1 của thang Bloom (Không thành thạo)
7	Phát hiện và đề xuất ý tưởng (sáng tạo)	Phát hiện được các vấn đề có giá trị trong quá trình thực tập. Giải quyết	Phát hiện được các vấn đề đơn giản trong quá trình thực tập.	Phát hiện được các vấn đề đơn giản trong quá trình thực tập.	Không phát hiện được các vấn đề có giá trị trong quá trình thực tập.

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
		vấn đề hiệu quả. Đề xuất được ý tưởng có khả năng giải quyết vấn đề	Giải quyết vấn đề tương đối hiệu quả. Đề xuất được ý tưởng có khả năng giải quyết vấn đề	quyết vấn đề tương đối hiệu quả. Đề xuất được ý tưởng	Không giải quyết được vấn đề. Không đề xuất được ý tưởng có khả năng giải quyết vấn đề
8	Kỹ năng viết và trình bày báo cáo	Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng, dễ hiểu. Không có hặc có tương đối ít lỗi chính tả	Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng, dễ hiểu. Có ít lỗi chính tả	Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng. Có tương đối nhiều lỗi chính tả	Cách hành văn không phù hợp với văn bản báo cáo, khó hiểu. Nhiều lỗi chính tả
9	Kỹ năng thuyết trình và trả lời câu hỏi	- Sử dụng phù hợp âm giọng và điệu bộ trong thuyết trình	Sử dụng phù hợp âm giọng và điệu bộ trong thuyết trình. Thuyết trình tương	Sử dụng phù hợp âm giọng trong thuyết trình. Thuyết trình đối rõ	Sử dụng âm giọng và điệu bộ không phù hợp trong thuyết trình. Thuyết trình không
10	Kỹ năng học tập suốt đời	Có hiểu biết nhiều về kiến thức cơ đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định kiến thức và tìm kiếm kiến thức hiệu quả. Có kế hoạch tìm hiểu kiến thức phù hợp	Có hiểu biết cơ bản về kiến thức đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định kiến thức và tìm kiếm kiến thức hiệu quả. Có kế hoạch tìm hiểu kiến thức phù hợp	Có hiểu biết cơ bản về kiến thức đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định và tìm kiếm kiến thức	Kiến thức đại cương và cơ sở còn hạn chế. Không có khả năng tự xác định và tìm kiếm kiến thức

Bảng 14. Thang đánh giá thực tập tốt nghiệp của Giảng viên hướng dẫn (R14)

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
1	Nhận thức nghề nghiệp và tính trung thực	- Đam mê với chủ đề thực tập - Có trách nhiệm cao với công việc được giao - Trung thực trong báo cáo công việc - Tiếp nhận tốt những tư vấn của CBHD/GVHD trong quá trình chuẩn bị đề cương thực tập - Xây dựng đề cương thực tập rõ ràng, hợp lí	- Đam mê với chủ đề thực tập - Có trách nhiệm với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc CBHD/GVHD trong quá trình chuẩn bị đề cương thực tập. - Xây dựng đề cương thực tập rõ ràng, hợp lí	Chưa thực sự đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc Chưa chủ động hoàn toàn đối với việc lên kế hoạch và chuẩn bị đầy đủ các thủ tục theo quy định. Có tiếp nhận những	Không chủ động lên kế hoạch và chuẩn bị chậm các thủ tục theo quy định. Không tiếp nhận những tư vấn của CBHD/GVHD trong quá trình chuẩn bị đề cương thực tập. Xây dựng đề cương thực tập chưa rõ ràng và hợp lí

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
2	Khả năng tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc tại CSTT	- Tiếp cận và làm quen nhanh (< 1 tuần) với môi trường làm việc tại CSTT	Tiếp cận và làm quen tốt (1-2 tuần) với môi trường làm việc tại CSTT	Tiếp cận và làm quen (2-3 tuần) với môi trường làm việc tại CSTT	Chậm tiếp cận và làm quen (>3 tuần) với môi trường làm việc tại CSTT
3	Tuân thủ các quy định của CSTT và quy định thực tập (mỗi vi phạm sẽ bị đánh giá lùi một mức)	Tuân thủ hoàn toàn những quy định của CSTT và quy định thực tập của Khoa (sinh viên tuân thủ tốt mọi quy định nào)	Tuân thủ những quy định của CSTT và quy định thực tập của Khoa (sinh viên có vi phạm một vài lỗi nhưng không gây ảnh hưởng đáng kể)	Chưa tuân thủ hoàn toàn những quy định của CSTT và quy định thực tập của Khoa (sinh viên vi phạm một số lỗi)	Không tuân thủ những quy định của CSTT và quy định thực tập của Khoa (những vi phạm của sinh viên làm ảnh hưởng đến CSTT và uy tín của Khoa)
4	Thái độ thực tập và đạo đức nghề nghiệp	Đam mê với chủ đề thực tập và tinh thần khởi nghiệp. Có trách nhiệm cao với công việc được giao. Thực hiện công việc theo đúng các quy định nghề nghiệp	- Đam mê với chủ đề thực tập và tinh thần khởi nghiệp. Có trách nhiệm với công việc được giao. Thực hiện công việc theo đúng các quy định nghề nghiệp	Chưa thực sự đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm với công việc được giao. Thực hiện công việc theo đúng các quy định nghề nghiệp	Không đam mê với chủ đề thực tập. Không có trách nhiệm với công việc được giao. Có biểu hiện không tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp
5	Kiến thức chuyên môn liên quan đến nội dung thực tập	Tương đương mức 4 của thang Bloom trở lên	Tương đương mức 3 của thang Bloom	Tương đương mức 2 của thang Bloom	Tương đương mức 1 của thang Bloom
6	Khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc	Có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào các tình huống công việc	Có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào một số tình huống công việc đơn giản	Có khả năng liên hệ kiến thức vào một số tình huống công việc đơn giản	Không có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc
7	Kỹ năng thực hiện công việc chuyên môn được giao	Tương đương mức 4 của thang Bloom trở lên	Tương đương mức 3 của thang Bloom	Tương đương mức 2 của thang Bloom	Tương đương mức 1 của thang Bloom
8	Kỹ năng viết và trình bày báo cáo	Bố cục trình bày hợp lý và theo đúng quy định. Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng, dễ hiểu. Không có lỗi chính tả	Bố cục trình bày hợp lý và theo đúng quy định. Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng, dễ hiểu. Có ít lỗi chính tả	Bố cục trình bày hợp lý và theo đúng quy định. Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng. Có ít lỗi chính tả	Bố cục trình bày không hợp lý và không theo đúng quy định. Cách hành văn không phù hợp với văn bản báo cáo, khó hiểu. Nhiều lỗi chính tả

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
9	Kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề	Cách trình bày vấn đề và thảo luận với GVHD rõ ràng, dễ hiểu và thuyết phục. Giải quyết tốt các vấn đề, tình huống do GVHD đặt ra	Cách trình bày vấn đề và thảo luận với GVHD rõ ràng, dễ hiểu. Giải quyết một số vấn đề, tình huống do GVHD đặt ra	Cách trình bày vấn đề và thảo luận với GVHD rõ ràng. Giải quyết một số vấn đề, tình huống đơn giản do GVHD đặt ra	Không có kỹ năng giao tiếp. Không có khả năng giải quyết vấn đề, tình huống do GVHD đặt ra
10	Kỹ năng học tập suốt đời	Có hiểu biết nhiều về kiến thức cơ đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định kiến thức và tìm kiếm kiến thức hiệu quả. Có kế hoạch tìm hiểu kiến thức phù hợp	Có hiểu biết cơ bản về kiến thức đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định kiến thức và tìm kiếm kiến thức hiệu quả. Có kế hoạch tìm hiểu kiến thức phù hợp	Có hiểu biết cơ bản về kiến thức đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định và tìm kiếm kiến thức	Kiến thức đại cương và cơ sở còn hạn chế. Không có khả năng tự xác định và tìm kiếm kiến thức

Bảng 15. Thang đánh giá năng lực kiến thức (R15)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Kiến thức	1. Kiến thức cơ bản	Không đạt được tất cả các yêu cầu theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 1 và 2 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 3 và 4 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 5 và 6 theo thang Bloom cập nhật
	2. Kiến thức cơ sở ngành	Không đạt được tất cả các yêu cầu theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 1 và 2 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 3 và 4 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 5 và 6 theo thang Bloom cập nhật
	3. Kiến thức chuyên ngành	Không đạt được tất cả các yêu cầu theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 1 và 2 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 3 và 4 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 5 và 6 theo thang Bloom cập nhật

Phụ lục 4. SỬ DỤNG THANG BLOOM TRONG VIỆC DẠY – HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP CHUẨN ĐẦU RA

1. Thang cấp độ tư duy Bloom (cải tiến) và việc áp dụng trong dạy – học

Thang cấp độ tư duy là công cụ nền tảng để xây dựng mục tiêu và hệ thống hóa các câu hỏi, bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với người học. Thang cấp độ tư duy đầu tiên được xây dựng bởi Benjamin S.Bloom (1956) thường được gọi là Thang Bloom hay Bảng phân loại Bloom (Bloom Taxonomy) bao gồm 6 cấp độ. Nhận thấy thang trên chưa thật sự hoàn chỉnh, vào giữa thập niên 1990 Lorin Anderson (một học trò của Benjamin S.Bloom), đã cùng một số cộng sự đề xuất sự điều chỉnh như sau (Pohl, 2000):

Thang Bloom				Thang Bloom cải tiến		
Mức	Nội dung	Tiếng Anh		Mức	Nội dung	Tiếng Anh
1	Biết	Knowledge		1	Nhớ	Remembering
2	Hiểu	Comprehension		2	Hiểu	Understanding
3	Vận dụng	Application		3	Vận dụng	Applying
4	Phân tích	Analysis		4	Phân tích	Analyzing
5	Tổng hợp	Synthesis		5	Đánh giá	Evaluating
6	Đánh giá	Evaluation		6	Sáng tạo	Creating

Có 3 sự thay đổi trong thang Bloom cải tiến so với thang Bloom cổ điển: cấp độ **Nhớ** thay **Biết**, cấp **Tổng hợp** được bỏ đi và đưa thêm **Sáng tạo** vào mức độ cao nhất. Tuy nhiên, thang Bloom cải tiến vẫn mô tả vẫn tất đối với mỗi cấp độ. Thang Anderson (hay thang Bloom tu chính) mô tả chi tiết cấp độ tư duy như sau:

Cấp độ	Các động từ thường dùng	Ví dụ
1. Nhớ: bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quy trình, các dạng thức, cấu trúc đã học. Ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến.	Nhắc lại, mô tả, liên kê, trình bày, chọn lựa, gọi tên, nhận diện, bố trí, thu thập, định nghĩa, kiểm tra, nhận biết, xác định, phát thảo, trình bày, tường thuật, trích dẫn, ghi chép, nhắc lại, tái tạo, kể lại, v.v.	- Viết lại công thức. - Đọc lại bài thơ. - Mô tả lại sự kiện. - Nhận biết phương án
2. Hiểu: ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ	Giải thích, tóm tắt, phân biệt, mở rộng, khái quát quá, cho ví dụ, nhận định, so sánh, sắp xếp, phân loại, liên kết, thay đổi, làm rõ, thảo luận, giải thích, minh họa, suy luận, dự báo, báo cáo, lựa chọn, xem xét, v.v.	- Giải thích cấu trúc. - Viết tóm tắt một bài báo.
3. Vận dụng: người học có khả năng áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, một điều kiện mới	Vận dụng, áp dụng, tính toán, chứng minh, giải thích, xây dựng, đánh giá, phát triển, khai thác, kiểm tra, minh họa, điều chỉnh, vận hành, tổ chức, lập kế hoạch, xây dựng lịch trình, trình diễn, phác họa, v.v.	- Vận dụng một định luật để giải thích một hiện tượng. - Thực hiện một thí nghiệm dựa vào quy trình điều chế.

Cấp độ	Các động từ thường dùng	Ví dụ
4. Phân tích: Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chia ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc hoặc mục đích tổng thể.	Phân tích, lý giải, so sánh, lập biểu đồ, phân biệt, hệ thống hóa, thẩm định, bố trí, phân loại, so sánh, xác định, thực nghiệm, điều tra, khảo sát, v.v.	- Lý giải nguyên nhân thành công của một bài viết. - Hệ thống hóa các hiện tượng ngữ pháp.
5. Đánh giá: Người học có khả năng đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với một vấn đề dựa trên các chuẩn mực, các tiêu chí đã có.	Đánh giá, cho ý kiến, bình luận, quyết định, khuyến cáo, chỉnh sửa, xếp hạng, dự báo, v.v.	
6. Sáng tạo: Đạt được cấp độ nhận thức cao nhất này người học có khả năng tạo ra cái mới, xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có.	Thiết kế, xây dựng, thiết lập, đề xuất, phát triển, sáng tạo, soạn thảo, v.v.	- Xây dựng hệ thống các tiêu chí để đánh giá một hoạt động. - Xây dựng hệ thống các tiêu chí để đánh giá một hoạt động

2. Các hoạt động kiểm tra đánh giá theo thang Bloom

Cấp độ (từ khóa)	Gợi ý các hoạt động kiểm tra đánh giá
Nhớ: Nhắc lại, nhận diện, xác định	Các hoạt động: Bài trắc nghiệm khách quan gồm các loại câu hỏi như điền tự vào chỗ trống, ghép đôi, gán nhãn, lựa chọn đúng. Trong đó yêu cầu người học: Nhắc lại hoặc nhận diện được các thuật ngữ, khái niệm hoặc thông tin thực tế.
Hiểu: Giải thích, minh họa, phân loại, suy luận, so sánh	Các hoạt động: bài thi, giải quyết vấn đề, thảo luận trên lớp, vẽ bản đồ khái niệm. Trong đó yêu cầu người học: - Tóm tắt các bài đọc, phim, bài phát biểu. - So sánh và đối chiếu 2 hoặc nhiều lý thuyết, sự kiện hoặc quá trình. - Phân loại các trường hợp, thành tố hoặc sự kiện sử dụng các tiêu chí đã được thiết lập trước. - Viết lại văn bản hoặc bài phát biểu theo một cách khác. - Tìm hoặc xác định được ác ví dụ hay minh hoạt cho một khái niệm hoặc một nguyên lý nào đó.
Vận dụng: Áp dụng, thực hiện	Các hoạt động: giải quyết vấn đề, trình bày, bài viết, làm mẫu, mô phỏng. Trong đó yêu cầu người học: - Sử dụng các quy trình để giải quyết hoặc hoàn thành những nhiệm vụ quen thuộc hoặc không quen thuộc. - Quyết định được những quy trình nào là phù hợp nhất để giải quyết nhiệm vụ đã đặt ra.
Phân tích: phân tích, phân biệt, tổ chức	Các hoạt động: nghiên cứu trường hợp, bài viết, dự án, tranh luận hoặc bản đồ khái niệm. Trong đó yêu cầu người học: - Phân biệt hoặc lựa chọn được những cấu phần liên quan và không liên quan. - Quyết định được cách thức các cấu phần đó liên hệ với nhau như thế nào. - Xác định được những thành kiến, giá trị hoặc những ý kiến ngầm ẩn trong tài liệu được trình bày.
Đánh giá: Đánh giá Cho ý kiến	Các hoạt động: viết nhật ký, giải quyết vấn đề, bình luận, bình duyệt sản phẩm hoặc nghiên cứu. Trong đó yêu cầu người học: Kiểm tra, theo dõi, đánh giá hoặc bình luận các bài đọc, các phần trình bày hặc sản phẩm theo các tiêu chí hoặc tiêu chuẩn đã được thiết kế.

Cấp độ (từ khóa)	Gợi ý các hoạt động kiểm tra đánh giá
Bình luận	
Sáng tạo: Tạo ra Tổng hợp Lập kế hoạch Sản xuất Thiết kế	Các hoạt động: dự án nghiên cứu, sáng tác, biểu diễn, bài luận, kế hoạch giảng dạy/kinh doanh, thiết kế website hay các sản phẩm khác. Trong đó yêu cầu người học: Tạo ra, xây dựng, thiết kế hoặc tổng hợp một sản phẩm mới.